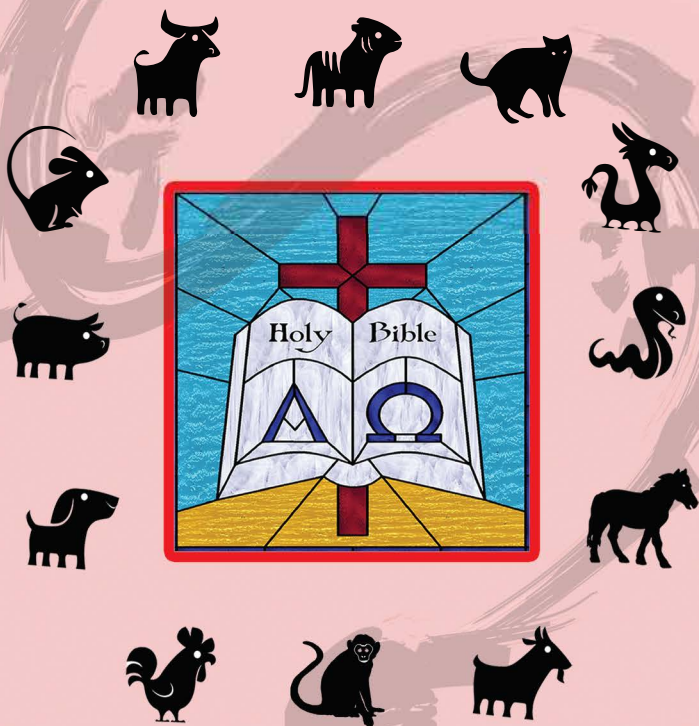


Năm Ta và Kinh Thánh



Tà Sách
Họ Hoàng Bử Ngọc
© 2020



Hoàng Đức Trinh

HOÀNG ĐỨC TRINH

NĂM TA
và
KINH THÁNH



TỦ SÁCH NHÀ HỌ HOÀNG BỒ NGỌC
- 2020 -

“Thời gian là của Chúa”
(Số đầu Năm trên Nền Phục Sinh)



TÌM NỘI DUNG

Sâm từ con giáp	7
Khai đề	9

Phần thứ Nhất

12 con giáp theo Kinh Thánh.15

Năm Tý	17
Năm Sửu	29
Năm Dần	39
Năm Mão	47
Năm Thìn	55
Năm Ty	67
Năm Ngọ	83
Năm Mùi	97
Năm Thân	109
Năm Dậu	117
Năm Tuất	125
Năm Hợi	141



Phần thứ Hai

12 con giáp trong dân gian. 151

Nghĩ chuyện chuột.	153
Tí chuột.	163
Hiếu chuyện trâu.	173
Lần chuyện cọp	187
Kháo chuyện mèo.	201
Mèo năm mào	211
Nhìn chuyện rồng.	221
Nghĩ chuyện rắn	233
Ngó chuyện ngựa	239
Vui chuyện dê.	251
Lần chuyện khí.	261
Gấu chuyện gà.	273
Thuật chuyện chó	281
Gọi chuyện heo	297

Tổng kết

Thời gian trong cuộc sống . .	311
Kính cáo.	315



SÁM TỪ CON GIÁP

*Chuột sa chĩnh gạo béo phì.
Trâu cày ruộng cạn đờn kỳ nước rông.
Hùm giương vuốt sắc quậ tung.
Mèo ngao ỉa bết đờn mong đờn đời,
Rông bay sao rụng chân trời.
Rắn kia xuất hiện hết thời Satan.
Ngựa ô khập khiễng kiệu vàng.
Dê be sườn núi ngõ ngàng đông tây.
Khỉ lùm nhẩy cẳng té cây.
Gà què ăn quần cối xay một đàn.
Chó điên cùng dậu cắn càn,
Lợn ngơ vênh váo tranh ăn phá chuồng.*



*Mừng Xuân lũ trẻ hái đào
Cầu mong cuộc sống dồi dào quanh năm*



*Mặt trời xoay chuyển bốn mùa,
Vàng trắng tròn khuyết điếm qua tháng ngày.
(x. Hc 43,1-8).*

KHAI ĐỀ

Lịch ra đời

Chúa đặt vầng trăng để đo thời tiết,
dạy mặt trời biết lặn đúng thời gian.
Đêm trở lại Chúa buông màn tối,
Chốn rừng sâu muông thú tung hoành.
Tiếng sư tử gầm lên vang dội,
chúng sẵn mỗi gào xin Chúa cho ăn.
Ánh dương lên, chúng rủ nhau về
tìm hang hóc chui vào nằm nghỉ.
Đến lượt con người ra đi làm lụng,
những mái mê tới lúc chiều tà.
(Tv 104, 19-23)

Thánh vịnh trên cho ta thấy mọi sinh vật trên mặt đất, có loài đi kiếm ăn lúc đêm tối trăng sao, có loài hoạt động lúc thời gian dưới ánh sáng mặt trời. Ban ngày là thời gian con người sinh hoạt để thăng tiến cuộc sống. Cuộc sống càng thăng tiến, con người càng có thêm nhu cầu, nhờ đó mới họ dần dà tìm hiểu cho biết quy luật của thiên nhiên tương quan với không gian và thời gian, đem áp dụng mà thích nghi vào cuộc sống của mình. Lịch ra đời theo nhu cầu đó.

Tuỳ theo không gian con người sống mà đã có nhiều phương pháp làm lịch khác nhau, như người Mỹ da đỏ lấy mùa tuyết làm chuẩn tính chu kỳ một năm, thổ dân Úc châu lấy mùa mưa làm mốc tính năm, người Ấn độ trên các hòn đảo tính năm theo gió mùa... hay tiến bộ hơn, người Babylon xưa đã đóng cọc làm mốc để đo bóng mặt trời, nhờ đó họ đã tính ra chu kỳ của một năm là 360 ngày. Nhưng cách tính chính xác hơn là do người Ai cập đã quan sát sao Sirius để dự báo mùa nước lũ của sông Nin, họ đã tính được một năm có 365 ngày. Qua thời gian hàng thế kỷ, khoa học gia S. Newcomb đã tính ra là một năm hiện tại có 365 ngày + 5 giờ + 48 phút + 46 giây.

Ngoài lịch tính theo mặt trời, các nước phương đông có lịch tính theo mặt trăng khi họ thấy trăng tròn theo một chu kỳ gần như nhau, xê xích trong khoảng 29 hay 30 ngày, gọi là tuần trăng. Những hiện tượng thiên nhiên xảy ra khác nhau trong những tuần trăng đó, người ta ghi nhận ra cứ khoảng 12 tuần trăng thì các hiện tượng lặp lại giống nhau. Do đó mới có 12 tháng trong một năm. Người Trung Hoa cổ đã gọi thứ tự các dữ kiện trên trái đất, xảy ra trong các tuần trăng ấy bằng 12 tên khác nhau, gọi chung là "thập nhị địa chi".

Lịch tính theo hệ mặt trời gọi là Dương Lịch, như lịch cổ Ai cập, lịch Julius, lịch Grégoriô... Lịch theo hệ mặt trăng là Âm Lịch, như lịch cổ La mã, lịch cổ Trung Hoa, lịch Babylon, lịch Do Thái... Tại Việt Nam ta, trước kia dựa theo lịch Trung Hoa, nên mới có cái cảnh "người ta tuổi Tý tuổi Mùi, tôi đây lại phải ngậm ngùi tuổi thân" (*tuổi Thân*).

Vì có nhiều loại lịch như thế, nên cần có một loại lịch chung cho toàn thế giới, được các nước chấp nhận. Cuối thế kỷ 16, Đức Giáo Hoàng Grêgoriô XIII (1572-1585) cho công bố lịch của Hội Thánh công giáo dùng, được thế giới công nhận làm lịch chung quốc tế, do đó gọi là lịch Grêgoriô. Lịch này lấy năm Chúa Giêsu giáng sinh làm năm đầu tiên. Các năm trước sinh nhật Chúa Giêsu thì mang số âm, hoặc thêm hai chữ BC (*Before Christ*). Lịch Grêgoriô được thế giới chính thức dùng từ ngày 15-10-1582 trong mọi lãnh vực, cho đến nay.

12 Con Giáp

Năm theo âm lịch Trung Hoa không tính theo số thứ tự, mà tính theo tên 12 tuần trăng của người Trung Hoa cổ, hợp với tên của 10 can. 12 tuần trăng theo thứ tự là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, được gọi là 12 địa chi. Dân gian gán cho mỗi chi một con vật để họ dễ nhớ mà canh tác cho đúng thời vụ. Gọi là con giáp vì tên 12 con vật biểu tượng ấy kết hợp với thập thiên can, tức tên 10 hiện tượng thiên văn từ trên bầu trời, làm thành một chu kỳ 60 năm mới gặp một lần. Tuổi thọ của đời sống người xưa coi như chỉ tới 60 năm là hết, phải tính trở lại từ đầu. Chu kỳ đó là Hội Hoa Giáp.

Người ta đặt tên cho 10 hiện tượng thiên văn xảy ra trên trời là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý và gọi là thập thiên can. Ghép 10 thiên can với 12 địa chi, bắt đầu từ can đầu là Giáp với chi đầu là Tý, ta có Giáp Tý. Cứ thế, can hết trước ở Quý Dậu, thì can bắt lại từ đầu nối tiếp với Chi chưa ghép, thành Giáp Tuất... Cứ tiếp tục ghép như vậy, cho đến khi tên cuối cùng của chi hợp với tên cuối cùng của can là Quý Hợi, tất cả thành 60 tên ghép khác nhau, gọi là một hoa giáp. Kết thúc hoa giáp này, ta lại bắt đầu một hoa giáp mới, tính lại từ Giáp Tý.

Người Việt Nam xưa đã chọn cho mỗi chi trên một con vật biểu tượng như sau:

Tý: con chuột. Sửu: con trâu. Dần: con hùm.

Mão: con mèo. Thìn: con rồng. Ty: con rắn.
Ngọ: con ngựa. Mùi: con dê. Thân: con khỉ.
Dậu: con gà. Tuất: con chó. Hợi: con lợn.

Những con vật biểu tượng trên cho từng năm, còn được gọi là con vật cầm tinh hay con vật tuổi, như người sinh vào năm Ngọ thì gọi là người tuổi ngựa, hoặc người cầm tinh con ngựa. 12 con vật ấy được gọi là 12 con giáp, mà con giáp thứ nhất là con chuột... con giáp cuối cùng là con lợn.

Ngày xưa khi khoa học chưa phát triển, con người chưa khám phá ra những hiện tượng trong trời đất, chưa hiểu biết về bệnh tật. Nên nảy sinh các nhà tướng số, các thầy mo, bà bói... họ dựa vào những đặc tính của con giáp mà suy luận bàn giải cho người cầm tinh con giáp ấy. Như người tuổi Sửu cầm tinh con trâu thì bàn là khoẻ mạnh, hiền lành, chí thú làm lụng, ăn cốt no mà không cần ngon...

Vận mạng con người thời xưa chỉ biết trông vào tướng số, nên con giáp đóng một vai trò không nhỏ trong cuộc sống, cho nên người ta thường hay nói đến con giáp. Người xưa muốn biết tuổi của ai, người ta không hỏi mấy tuổi? mà hỏi tuổi gì? Câu trả lời không bằng con số, mà bằng một con giáp. Tuổi gì? - Tuổi con cọp. Cọp ở chi Dần, gồm có Giáp Dần, Bính Dần, Mậu Dần, Canh Dần và Nhâm Dần. Tùy theo chữ ở hàng can mà biết con giáp lớn hay con giáp nhỏ để xác định ra tuổi.

Thật ra cách tính trên không chỉ là tính năm, mà người xưa dùng để tính thời gian: giờ tý, ngày dần, tháng tuất... Ngày nay, trừ các nhà tướng số, lịch tính theo con giáp chỉ còn nhắc đến trong mỗi dịp Tết Nguyên đán, để nhớ về cội nguồn, chẳng ai còn rỗi hơi mà ngồi bấm đốt tay tính tuổi như xưa nữa. Tuy nhiên để giúp cho các thế hệ sau biết một chút về thời tổ tiên xưa sống, chúng tôi mạnh dạn nhắc lại đôi nét về 12 con giáp mà người xưa đã từng gắn bó trong cuộc sống.

Con giáp trong Kinh Thánh

Sau Công đồng Vaticanô II, tại Việt Nam giáo dân mới được khuyến khích đọc Kinh Thánh, chúng tôi đã chú ý đến con rắn, con rồng trong Thánh Kinh, vì được nghe đọc nhiều lần. Rắn có trong bài đọc I lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên tội, mồng 8 tháng 12, còn con rồng trong bài đọc I lễ Đức Mẹ lên trời, ngày 15 tháng 8. Sau đó chúng tôi mới dần dần tiếp tục tìm kiếm 10 con giáp khác trong Sách Thánh, như con gà trong bài Thương khó được đọc khi cử hành Phụng vụ Tam Nhật Vượt Qua... Thế là, mỗi lần Tết đến chúng tôi đều tìm chuyện con giáp trong Kinh Thánh, đóng góp cho báo Xuân nhà Đạo, như một cách hoà mình vào cuộc sống dân tộc...

Được sự khuyến khích của các bào huynh như ký giả Huỳnh Hay, tu sĩ Phạm Duy Lễ... chúng tôi đã thu thập lại các bài viết, làm thành một tập lấy nhan đề là *Năm ta và Kinh Thánh*. Nói đến năm ta, quý vị lớn tuổi hiểu ngay là năm gọi bằng tên như Giáp Thìn, Quý Ty... chứ không gọi bằng số, nên ai cũng biết là chúng tôi nói về 12 con giáp, có trong Kinh Thánh. Tuy nhấn mạnh về Đạo, nhưng phần hai của tập sách lại là 12 Con Giáp trong Dân Gian, nói về các con giáp theo cái nhìn của đồng bào, trong tinh thần "Sống Phúc Âm giữa lòng Dân tộc".

Hy vọng tập sách nhỏ này đem lại đôi chút thư giãn cho quý độc giả. Mặc dầu chúng tôi đã chuẩn bị kỹ lưỡng, nhưng chắc chắn cũng không khỏi có những khiếm khuyết. Kính mong quý vị vui lòng góp cho những ý kiến để tập sách được hoàn hảo hơn.

Xin chân thành cảm tạ.

Hoàng Đức Trinh.

PHẦN THỨ NHẤT

MƯỜI HAI CON GIÁP TRONG KINH THÁNH





*Hốc đá sâu loài chuột bóng ẩn mình.
(Tv 103, 18).*

NĂM TÝ KÝ CHUYỆN CHUỘT THUỘC KINH THÁNH

Chả là nhiều bạn bè thấy kể hèn này là dòng dõi có tổ tiên biết đọc Evan theo đúng cung giọng ngày xưa, nên đã thách đố chúng tôi tìm được 12 con giáp trong Kinh Thánh. Chúng tôi cũng chỉ biết hứa là sẽ cố gắng. Hứa là phải thi hành, chúng tôi ra sức tìm tòi và Trời đã không phụ lòng thành, nên chúng tôi được dịp hầu chuyện quý mỗi khi Tết đến. Năm nay, năm Tý, có con chuột hành khiển. Để hợp với truyền thống Nhà Đạo, chúng tôi nói về chuyện chuột thuộc Kinh Thánh.

Tý là năm đứng đầu của thập nhị địa chi. Năm Tý có con vật biểu tượng là con Chuột. Chuột là con vật nhỏ, di chuyển bằng bốn chân, có lông tơ mịn thường màu xám, mõm nhọn, mắt nhỏ đen tròn, vành tai mỏng hình trái xoan, đuôi dài bọc bằng vẩy chứ không phủ bằng lông, nhỏ như cái đũa, thon dần thành nhọn ở mút cùng. Chuột ăn ngũ cốc, phá hại mùa màng... Việt Nam ta từ thuở rất xa xưa cho đến nay vẫn còn là một nước nông nghiệp, nên không ai lạ gì con chuột.

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

Chuột sinh sống khắp nơi, nhưng để dễ kiếm mồi nên thường lén lút ở những nơi xó xỉnh gần gũi người, như gầm chạn góc bếp, trong hang lỗ nương đồng... Chi nội cái tội phá hoại cũng đủ làm người ta không ưa gì con chuột. Thế nhưng không hiểu sao người xưa lại coi con chuột là con vật cầm tinh cho năm Tý, năm đứng đầu hoa giáp.

Chuột là loài vật dơ

Trên đồng quê Việt Nam, chuột được các tay sành rượu coi là món nhậu khoái khẩu, nhưng nhiều các bà các cô vẫn sợ chuột vì coi nó là vật gớm tởm, không dám đụng đến. Phải chăng những người này chịu ảnh hưởng từ Kinh Thánh? Một trong những sách đầu tiên trong Cựu Ước là sách Lê vi, đã nói đến con chuột khi chép các luật lệ dân Itraen phải tuân giữ để làm tròn bổn phận dân Chúa. Ngay cả đồ ăn thức uống cũng được chỉ vẽ tường tận loài vật nào sạch, loài vật nào là dơ. Không được ăn thịt những con vật nào, những loài vật nào được dùng làm thực phẩm...

Đối với loài vật bốn chân thuộc bộ nhai lại và bộ móng guốc theo sinh vật học ngày nay, thì Kinh Thánh cho ta biết loài nào thuộc bộ nhai lại đồng thời có móng guốc chẵn như trâu, bò...mới được kể là loài vật sạch. Loài nào có nhai lại mà không có móng guốc chẵn, hoặc chỉ có móng guốc chẵn mà không nhai lại thì liệt vào loài vật dơ. Đã thuộc loại động vật dơ thì không những bị cấm dùng làm thực phẩm, mà còn cấm không được đụng tay chân vào chúng nữa. Sách Lê vi nói rõ về con chuột: *con chuột đồng có nhai lại, nhưng không có móng chẻ hai, nên hãy coi nó là vật không sạch* (Lv 11,5) . Điều này Sách Đệ nhị luật cũng nhắc lại như thế: *Nhưng các ngươi sẽ không ăn các giống này trong các loài nhai lại và có móng xẻ hai: lạc đà, thỏ, chuột đồng, vì tuy chúng thuộc loài nhai lại*

nhưng lại không có móng xé hai (Đnl 14,7). Đúng ra, ngày nay người ta xếp chuột vào bộ gặm nhấm, nhưng có lẽ người xưa chỉ quan sát thấy mõm con chuột (và cả thỏ) lúc nào cũng cử động, nên nghĩ là nó nhai lại (Chuột, thỏ... có răng cửa dài ra cả đời nên chúng phải mài răng vào với nhau, mới giữ được răng bình thường, khiến mõm cử động luôn luôn). Nếu chuột không thuộc loài nhai lại, nó có được kẻ vào hàng vật sạch không? Hãy mở sách Lê vi sẽ thấy liệt kê tiếp một cách rõ ràng: *Trong số các vật nhỏ nhoi trên mặt đất, các người phải coi những vật này là ô uế: chuột chũi, chuột nhắt, chuột chù...* (Lv 11,29).

Chuột là con vật nhỏ bé, lại được xếp vào loại nhơ nhớp, bị nhiều người tìm cách tiêu diệt, nên lúc nào cũng "len lét như chuột ngày". Đến bao giờ chuột mới thoát được cảnh đời đen tối ấy?

Chuột trong Thánh vịnh

Thánh vịnh là 150 bài thơ thuộc Kinh Thánh Cựu Ước. Thời Trung cổ, người ta coi tác giả các Thánh vịnh là vua Đavít. Đúng ra theo các nhà Kinh Thánh học thì có khá nhiều Thánh vịnh được sáng tác trong thời kỳ dân Itraen lưu đầy bên Babylon, và cả sau đó nữa. Nghĩa là không phải tất cả các Thánh vịnh đều do vua Đavít sáng tác.

Các nhà chú giải Kinh Thánh đã chia các Thánh vịnh thành 4 đề mục chính:

- Những Thánh vịnh tán tụng việc tạo dựng của Thiên Chúa.
- Những Thánh vịnh diễn tả mối liên hệ giữa Thiên Chúa và con người.
- Những Thánh vịnh về lịch sử dân Chúa.
- Những Thánh vịnh tiên báo về Đấng Cứu Thế.

Thánh vịnh 103 (104) đã tán tụng những kỳ công Chúa làm trong việc tạo thiên lập địa: núi đá chon von, suối tuôn thác đổ, rừng xanh bát ngát, đại dương mênh mông...rồi chim trời, thú rừng, cá biển...tất cả đều được Chúa quan phòng chăm sóc.

“Công trình Ngài, lạ Chúa, quả thiên hình vạn trạng !
Chúa hoàn thành tất cả thật khôn ngoan,
những loài Chúa dựng nên lan tràn mặt đất”.

Trong những loài vật lan tràn trên mặt đất ấy, dĩ nhiên có cả loài chuột, chúng cũng biết tìm phương tiện để bon chen sống còn:

*Núi chon von giống dê rừng tìm đến,
Hốc đá sâu loài chuột bóng ẩn mình.*(Tv 103, 18).

Chuột bóng là tên Việt Nam ta gọi một loại chuột rừng, lông màu nâu tối, dọc theo sống lưng lông sẫm hơn, bụng có lông xám đen, hoặc nâu nhạt, đuôi dài có màu hồng. Loài chuột này thường kéo cả đàn đi kiếm ăn. Nơi chúng ở là các hốc đá có sẵn, hoặc đào hang dưới các tảng đá lớn.

Trong các bản dịch Kinh Thánh sang Việt ngữ, chữ “*chuột*” không được dịch đồng nhất cho cùng một loại động vật được gọi là chuột.

Chuột trong sách Tiên tri Isaia

Isaia là một tiên tri lớn, ông thuộc hàng quý tộc tại thủ đô Giêrusalem, ông có ảnh hưởng sâu rộng cả về chính trị lẫn ngoại giao của Itraen. Về phương diện tôn giáo Isaia cao rao Thiên Chúa là Đấng thánh thiện, là Đấng toàn năng, là Vua uy quyền. Còn con người bị tội lỗi làm ra như ướ, Thiên Chúa đòi họ sám hối để được thanh tẩy, hầu được dự phần vào sự thánh thiện của Chúa. Tiên tri nhấn mạnh đến đời sống đạo đức bên trong, lên án mọi tế tự hình thức. Những ai không đi theo đường lối Chúa, kẻ đó trêu con thịnh nộ của Người:

*Những ai tự phụ rằng
mình thánh thiện thanh sạch
Sau cửa núp trong vườn
ăn vụng đồ gớm ghiếc:
nào thịt heo
nào thịt thú đơ bẩn
nào thịt chuột
nên chúng chết cùng nhau.
Lời Chúa đúng phong phúc (Is 66,17).*



Các kẻ té tự trong vườn, tiến lễ bằng thịt thuộc loài nhor nhóm như thịt chuột, thịt heo... là những kẻ chọc giận con thịnh nộ Yavê Thiên Chúa. Vì thế chúng sẽ bị Ngài giáng phạt. (xem Is 65,3-6). Khi Giavê Thiên Chúa nổi cơn thịnh nộ với thế gian, những kẻ thờ quấy tin nhãng, té tự bất xứng ấy, sẽ chui rúc vào hang sâu hốc đá tránh mặt oai nghiêm đấng đấng sát khí của Chúa. Và để trốn cơn giận của Chúa, chúng đem huỷ diệt các tượng thần mà chúng tôn thờ:

*Ngày ấy người ta sẽ quăng đi tượng các tà thần, bằng vàng bằng bạc chúng làm ra để thờ, cho lũ dơi đàn chuột.
(Is 2,20).*

Trong bản dịch theo Kinh Thánh phổ thông thì dơi chuột trong câu này cũng là tượng thần người ta sùng bái mà họ đem đi phá huỷ:

Người ta sẽ huỷ diệt các tượng thần vàng bạc gồm cả chuột với dơi mình đã tự chế tạo để sùng bái.

Năm con chuột vàng

Năm con chuột vàng là câu chuyện về chuột có nhiều chi tiết, được kể trong sách Samuen quyển thứ nhất. Chuyện có liên hệ đến Hòm Bia Thánh, một báu vật của dân Itraen, nơi Thiên Chúa Yavê hiện diện ở giữa dân Người.

Cuối thời tiên tri Êli, người Philitinh giao chiến với Itraen. Itraen bị thua nặng nên đã cử người đến Silô thỉnh Hòm Bia Giao Ước, đem ra mặt trận, có ý xin Chúa cho thắng trận. Không ngờ, một lần nữa, lại bị thất bại nặng nề hơn lần trước. Người Philitinh cướp được cả Hòm Bia Thánh, đem về Átđốt, đặt trong miếu thần Đagon, làm thần Đagon bị đổ nát, dân chúng miền Átđốt bị tai họa, theo bản dịch của Trần Đức Huân từ bản Phổ Thông thì: *Trong các trang trại nơi đồng ruộng khắp xứ, các thứ chuột sinh ra lúc nhúc, chết chóc hỗn loạn trong thị xã*” (1Sm 5,6). “*Còn những người không bị chết cũng bị bệnh dịch hạch, tiếng la lối trong các thành thị vọng thấu trời.* (1Sm 5,12).

Để tránh cho dân chúng khỏi mắc bệnh, người Philitinh phải dời Hòm Bia Thánh sang thành khác, nhưng đến đâu thì chuột xuất hiện đến đó, đi hết thành nọ đến thành kia, nên tai họa do chuột gây ra lan rộng khắp nơi. Cuối cùng họ phải mời các tư tế và cả thầy bói đến, để bàn nhau trả Hòm Bia Thánh cho dân Itraen. Sau khi bàn cãi, họ đã đồng ý đem trả Hòm Bia Thánh lại cho người Itraen, có kèm theo của lễ đền tội là *phải theo số các quan tỉnh dân Philitinh mà chế năm cái khối u bằng vàng và năm con chuột bằng vàng, vì hết thầy các người, cả quan trưởng đều bị một tai họa ghê sợ như nhau. Phải chế các khối u như các hạch xoài các người mắc phải, các con chuột phải chế giống như chuột đang phá phách xứ sở, để tôn vinh Thiên Chúa Itraen. May ra Người sẽ nhẹ tay với các người...* (1Sm 6,4).

Người Philitinh đem trả Hòm Bia Thánh, họ đặt Hòm Bia Thánh lên xe cùng với cái tráp đựng các con chuột bằng vàng và hình tượng các khối u của họ. (1Sm 6,11).

Năm khối u bằng vàng do cư dân năm thành Philitinh phải cúng. Ngoài ra còn có các con chuột bằng vàng, tính theo số tất cả năm vương hầu thuộc các thành người Philitinh, từ thành kiên cố cho đến thành bỏ ngõ. (1Sm 6,18). Chúng ta biết rằng, người Philitinh muốn tránh khỏi chuột phá hoại, họ đã di

chuyến Hòm Bia Thánh chạy từ thành nọ đến thành kia, qua tới năm thành, mỗi thành có một vương hầu cai quản, vì thế mỗi vương hầu ấy phải lãnh trách nhiệm dâng cúng một con chuột vàng làm lễ chuộc tội.

Với mục đích trích ra những câu Kinh Thánh có nói đến năm con chuột vàng trong Sách Samuen, chúng tôi chỉ tóm tắt như trên chứ không đi sâu vào các chi tiết. Quý vị nào muốn đọc chi tiết hơn, xin mở sách Samuen quyển thứ nhất, các chương: 4, 5 và 6. (1Sm 4, 1Sm 5 và 1Sm 6).

Con chuột nhất trong tù

Tiếp nối chuyện chuột thuộc Kinh Thánh, chúng tôi xin kể vài mẩu chuyện về chuột với các Thánh như thế nào.

Dưới triều vua Tự Đức bách hại Đạo Công giáo, người tín hữu bị truy lùng rất gắt gao, bắt phải bỏ đạo, nhất là các thừa sai người ngoại quốc. Linh mục thừa sai người Pháp có tên Việt Nam là Phan Thế Ven, tên chính của ngài là Théophane Vénard. Cha Ven bị bắt tháng 11 năm 1860, bị đóng ngay vào cũi, giải lên Hà Nội. Cũi giam cha đặt tại sân công đường dinh quan Án sát. Cha phải chịu nắng thiêu, mưa lạnh, sương buốt, gió lùa... trong cái cũi trống trải ngoài trời, không mái che liếp chắn ấy.

Thời gian bị giam giữ, cha thường hát Thánh ca, lần chuỗi Văn Côi. Đôi khi cha cũng được đón tiếp các bà đạo đức đến thăm và tiếp tế cho một ít lương thực. Thời giờ còn lại cha cũng tìm cách nào đó để đầu óc thư giãn. Gần cũi giam cha, có một con chuột nhất ngày nào cũng đến tìm hạt rơi hạt vãi từ số lương thực ít ỏi của cha, về đêm là dĩ nhiên, nhưng cả ban ngày những khi vắng người, chuột cũng tìm đến. Con chuột mới đầu cũng nhút nhát rụt rè, nhưng thấy cha chẳng làm gì nó. Sau vài lần con



chuột quen và mạnh dạn nhảy nhót làm vui cho cha.

Một lần bà Xinh đến thăm cha, thấy con chuột nhắt ở gần cũi, phải nữ vốn không ưa chuột, bà định lấy cây gậy đập chết con chuột. May mà cha Ven vội ngăn cản:

- Đùng đánh đuổi nó, cứ để nó làm vui cho cha những lúc cha ở một mình.

Còn bà Nghiên kể thêm rằng, cha Ven đã sai con chuột nhắt ấy lượm cỏ trảng hạt cha để rơi xuống gầm cũi. Con chuột đã vâng lời, chui vào gầm cũi tha cỏ trảng hạt lên đem lại cho cha. Cỏ trảng hạt này cha đã trao cho bà Nghiên, cùng với cuốn sách nguyện và một Tượng Chuộc tội của cha, trước khi cha ra pháp trường ngày mùng 2 tháng 2 năm 1861. Cha Phan Thế Ven đã lên hàng Hiền Thánh từ ngày 19-6-1988.

Bang trưởng chuột

Trong hạnh tích Thánh Mactinô đệ Phôrê, vị Thánh lai da đen quê ở thành Lima trong nước Pêru, bên châu Mỹ La tinh có kể: Thánh nhân là một Trợ sĩ trong Dòng Đaminh, có tinh thần bác ái siêu việt, không những thương yêu người nghèo khổ mà tình bác ái còn lan đến cả thú vật hoang dã. Một dạo, không biết chuột ở đâu kéo từng đàn đến Tu viện Rất Thánh Văn Côi (Santo Rosario), nơi thầy phục vụ, chúng khoét rương, cạp tủ, gặm phá đồ đạc, cắn nát sách vở, áo quần... Các thầy được lệnh phải ra công giết chuột. Thầy Trợ sĩ Mactinô nghe được lệnh ấy, thầy thấy thương đàn chuột, chỉ vì phá hại nên bị giết, thầy tìm phương thế làm sao cho lũ chuột ấy được an toàn. Đang suy nghĩ cách cứu đàn chuột, thì may quá, có một chú chuột nhắt chạy lạc vào phòng thầy. Thầy gọi nó lại, sai nó đi tìm con chuột đầu đàn.

Con chuột đầu đàn đến phòng thầy. Thầy nói với nó:

- Sao các con lại phá phách thế? Đã đến ngày nguy khốn cho các con, vì các thầy đang sấm cạm bẫy, bả độc để tiêu diệt các con. Hãy kéo nhau đến khu đồi hoang cạnh tu viện mà sống. Ta sẽ nuôi sống các con, nếu các con không làm hại tu viện nữa.

Lũ chuột vâng lời thầy. Chuột lớn, chuột nhỏ lũ lượt bò men theo chân tường, ra khỏi tu viện, đến nơi thầy Mactinô đã chỉ.

Ngay hôm sau, thầy Mactinô ra đồi hoang ấy, phát bỏ cây đại, cuốc đất trồng hoa màu: nào củ mì, củ khoai, cây ngô, cây lúa... để mùa nào thức ấy, lũ chuột có đầy đủ thức ăn. Từ đó, lũ chuột ấy không những giữ lời hứa không làm hại tu viện mà cũng không đi phá phách hoa màu của dân cư vùng đó nữa.

Thấy thầy Mactinô sai khiến được bầy chuột cách lạ lùng, các thầy gọi đùa thầy là “bang trưởng chuột”.

Thần chuột Ấn độ

Ở trên, chúng tôi đã viết có những người coi chuột là một thần linh, như tiên tri Isaia báo trước. Thời gian mà Đức Chúa các đạo binh ra tay trị tội những gì kiêu căng ngạo nghễ, khiến các kẻ thờ quấy tin nhãng cũng phải tiêu huỷ các thần linh của chúng: *Thời gian đó, người ta sẽ huỷ diệt các tượng thần bằng vàng bạc cả chuột với dơi mình đã tự chế tạo để sùng bái.*

(Is 2, 20).

Như thế, từ xưa đã có người coi chuột là thần, sự sùng bái ấy vẫn tồn tại tới ngày nay. Bên Ấn-độ vẫn có những người còn tin rằng chuột mang hồn của những đệ tử thần Karni Mata, một nữ thần đầy sức mạnh, đánh đầu thắng đó. Thần Karni có



mười cánh tay để cầm binh khí như cung tên, đao kiếm, khiên mộc, tránh nã... tiêu diệt trừ khử quỷ dữ. Thần dùng phương tiện di chuyển bằng cách khi thì cỡi cạp dữ, lúc lại ngồi trên bành voi trận, xông thẳng vào địch quân để dành chiến thắng.

Dưới quyền chỉ huy của thần Kami, những chiến sĩ khi tử trận, linh hồn của họ sẽ vào nung nấu trong loài chuột. Do đó mỗi con chuột đều là thần hầu cận cúng thần chủ Karni. Vì thế 600 năm trước đây, người Ấn-độ đã xây một ngôi Đền dành riêng tôn vinh chuột, mang tên Đền Karni Mata. Ngôi đền sùng bái chuột này nằm tại thị trấn Deshnoke bang Rajasthan, dành tôn kính thần Karni Mata, thủ lĩnh của hơn hai mươi ngàn bộ hạ, nên trong đền nuôi hơn hai vạn con chuột cống nâu sinh sống tự do đi lại, được các tín đồ đến cúng quả cung cấp thực phẩm cho chúng.

Các tín đồ sùng bái kính cẩn mỗi khi vào đền, ai may mắn thấy được một con chuột lông trắng là rất vui mừng: vận hên đã đến. Người nào có phước mà được một con chuột bò qua chân, như được đệ tử thần Karni tiếp đón, niềm vui càng tăng thêm báo hên lên gấp bội.

Ấn độ xưa ta gọi là Thiên Trúc, nơi quê hương của Đức Phật. Nhưng lại có đền thờ chuột, hơn nữa còn có đền thờ bò và cả đền thờ khỉ nữa.

Vật dơ trở thành sạch

Trong Kinh Thánh Cựu Ước, chuột là loài vật chẳng thấy được lợi ích gì. Ngoài luật buộc không được ăn thịt chuột, không được đụng đến chuột nếu muốn mình khỏi ra như uest, chuột còn phá hoại mùa màng, làm hư hao lương thực, thực



phẩm, gieo rắc bệnh tật giết hại con người. Dân Chúa thời ấy phải tuân giữ các luật về vật dơ, vật sạch. Nhưng đến thời Tân Ước thì luật đó không còn buộc. Điều này đã thấy trình thuật ở sách Tông đồ Công vụ, trong một thị kiến của Thánh Phêrô, vị Giáo Hoàng tiên khởi (xem Cv 10,9-16). “Bởi chung mọi điều Thiên Chúa dựng nên đều tốt lành, không có gì phải loại bỏ, nếu biết tạ ơn mà dùng, vì được tác thánh nhờ Lời Thiên Chúa và sự nguyện cầu”. (1Tm 4,4-5).

Năm Tý, con chuột được lên chức hành khiển theo lịch Á Đông, chắc chắn nó cũng có ưu điểm, chẳng hạn họ hàng nhà chuột đã có nhiều hy sinh đóng góp cho ngành y khoa, làm con vật thí nghiệm để giúp ích cho nhân loại.

Kính chúc quý bà con đồng bào Việt Nam ta một năm mới thật nhiều may mắn như “*chuột sa hũ nếp*”, để bắt đầu từ chu kỳ địa chi này, dân tộc ta có được cuộc sống Ấm no Hạnh phúc như nguyện vọng của mọi người.[]



*Miêu duệ thần chuột karni
được nuôi bằng sữa đến khi thành “thần”.*



*Nhờ sức trâu hoa lợi dồi dào.
(Cn 14, 4)*

NĂM SỬU TÌM HIỂU CHUYỆN TRÂU CÓ MẦU KINH THÁNH

Sửu đứng thứ hai trong thập nhị địa chi, mỗi địa chi có một con vật người ta đặt ra để làm biểu tượng, gọi là 12 con giáp. Sửu có vật biểu tượng là con Trâu. Người Việt Nam xưa quen gọi năm Sửu là năm con Trâu, nên người sinh ra trong năm Sửu là người có tuổi Trâu.

Việt Nam ta không ai lạ gì con trâu, vì ngay từ thời quan Phongxiô Philatô đến nước Giudêu làm một vị quan Trấn thủ, theo Kinh Thánh, trên đất nước ta cùng thời bấy giờ có quan thái thú Nhâm Diên đã hướng dẫn cho dân chúng quận Cửu Chân biết dùng trâu để kéo cày làm ruộng. Từ đó, con trâu luôn sát cánh với người nông dân, “chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa”. Và cho đến hôm nay, toàn dân Việt Nam ta sau hơn ba mươi năm không còn bom rơi đạn nổ, sống trong “chế độ ưu việt gấp vạn lần tư bản”(!!!), mà nông nghiệp Việt Nam vẫn còn canh tác theo lối “con trâu đi trước, cái cày theo sau”!!!. Vì thế, nói đến con trâu ở Việt Nam, thì ngay đứa trẻ con cũng biết, nên

chúng tôi không kể lai lịch con trâu, mà bàn về con trâu dưới con mắt nhà Đạo.

Để đón mừng Tết Nguyên Đán năm Sửu, theo thói quen, chúng tôi lại tìm hiểu xem trong Kinh Thánh đã nói đến con Trâu như thế nào.

Trâu trong Sách Dân Số

Sách Dân Số là cuốn sách thứ tư trong Ngũ thư Kinh Thánh. Năm cuốn sách đầu tiên trong bộ sách Kinh Thánh, gồm có Sách Sáng Thế, Sách Xuất Hành, Sách Lê Vi, Sách Dân Số và Sách Đệ Nhị Luật.

Sách Dân Số ghi lại những cuộc kiểm tra dân số theo 12 chi tộc Itraen sau khi rời khỏi Ai cập, tiến về Đất Hứa. Trong hành trình về Đất Hứa có một trình thuật nói đến con trâu. Khi dân Itraen đóng trại trên đất Môáp, vua Môáp là Balác rất sợ Itraen chiếm đất, nên cho mời Bilơam là một thầy phù thủy đến để nguyên rủa, chúc dữ cho Itraen. Trên đường đến Môáp, Bilơam được thiên sứ chặn đường, bảo phải làm ngôn sứ cho Chúa.

Khi phù thủy Bilơam gặp vua Balác, ông xin vua cho lập 7 bàn thờ, mỗi bàn thờ dâng một con bò mộng và một con cừu đực. Sau đó ông nói với vua



Balác là: ông không thể trừ ẻo được dân mà Chúa không nguyên rủa, rồi ông cất tiếng chúc phúc cho Itraen.

Vua Môáp kéo ông đến nơi khác nói: Ta đưa ông đến để nguyên rủa kẻ thù của ta, mà ông lại chúc lành cho nó. Bây giờ ông hãy đứng tại đây, hướng về trại Itraen, nguyên rủa chúng

cho ta. Biloam lại đề nghị làm 7 bàn thờ như trước. Rồi ông tuyên lời sấm như Chúa đã truyền, trong đó có câu diễn tả con trâu như một con vật dũng mãnh uy hùng:

*Thiên Chúa đã đưa chúng ra khỏi Ai cập,
Người là sức mạnh của chúng tựa sừng trâu.*
(Ds 23, 22).

Vua Balác thất vọng nói với Biloam: “Nếu ông không nguyện rửa nó được, thì ít ra ông đừng chúc phúc cho nó chứ”. Rồi Balác lại dẫn Biloam đến phía khác hướng vào trại Itraen, cũng lập 7 bàn thờ đầy ắp của lễ như hai lần trước, đề nghị Biloam không chúc phúc cho Itraen nữa. Nhưng Biloam lại tuyên sấm trong đó có câu:

*Chính Chúa đã đem chúng ra khỏi Ai cập,
Người ra uy lẫm vì thể sừng trâu.*
(Ds 24, 8).

Vua Balác nổi giận với Biloam, vì đã ba lần chúc phúc cho Itraen, nên chia tay Biloam trong hậm hực tức tối.

Trâu trong Sách Đệ Nhị Luật

Đệ Nhị Luật (hay còn gọi là Thứ Luật, hoặc Phục Truyền Lề Luật Ký) là cuốn thứ năm trong bộ Ngũ thư của Kinh Thánh Cựu Ước. Gọi là đệ nhị luật vì sách này chỉ san định lại những luật lệ đã có từ trước, cũng có thể là sưu tầm và ghi lại những luật lệ từ xa xưa cha ông đã giữ, phục truyền lề luật ký, để cho dân Chúa căn cứ vào đó mà thực thi.

Trong Sách Đệ Nhị Luật có bài ca chúc lành của Môisen cho 12 chi tộc Itraen. Với chi tộc Giuse, Môisen đã cầu chúc nhiều điều, trong đó có câu:

Nó là con bò mộng đầu lòng của Chúa, chúc nó được vinh hiển! Sừng nó là sừng trâu, nó dùng để quật ngã các dân một trật trên khắp cùng cõi đất. (Đnl 33,17).

Sách Đệ Nhị Luật cũng nhắc lại luật thanh sạch trong Sách Lê Vi: *mọi con vật có chân chẻ làm hai móng và thuộc loài nhai lại thì các người được dùng thịt nó làm thức ăn, (Lv 11,3)* rồi kê ra một số con vật cụ thể, trong đó có con trâu:

Đây là những thú vật các người được ăn: bò, cừu, dê, nai, hươu, hoẵng, sơn dương, linh dương, trâu rừng, con mang... (Đnl 14,4-5).

Trâu trong Sách Ông Gióp

Sách Ông Gióp là cuốn thứ 22 trong bộ Cựu Ước kể chuyện ông Gióp, trình bày về sự đau khổ ở đời cũng không ra ngoài thánh ý Thiên Chúa. Sách được viết theo lối văn truyện giáo huấn để cảm hoá loài người.

Trong sách ông Gióp có đoạn tả về con trâu nước như sau:

Kìa con trâu nước mà Ta đã dựng nên nó như dựng nên người. Nó ăn cỏ như bò. Hãy xem sức mạnh nó ở nơi lưng, mãnh lực nó ở trong gân hông nó. Nó cong đuôi cứng như gỗ bá hương. Gân đùi nó chằng chịt giống như nan rế. Các xương nó tựa ống đồng. Bốn chân nó như cây sắt.

Trâu nước quả là tác phẩm tuyệt vời trong các công trình Đức Chúa tạo thành. Nhưng Đáng sáng tạo lại trao grom cho nó. Núi non cung cấp đồng cỏ tươi cho nó ăn, nơi mọi dã thú nó đùa ở đó. Nó dẫm mình ở dưới đầm sen, trong lùm lau sậy nơi bùng biên. Nó được lá sen che phủ và cành dương liễu rủ ngành bao bọc. Kìa nước sông tràn lên dữ dội nhưng nó không sợ hãi. Dầu sông Giordan ngập đến mõm nó, nó cũng vững vàng. Ai có thể không chế được nó? Ai có thể giăng bẫy bắt được trâu nước, rồi xô mũi nó được? (G 40,15-24).

Đó là con trâu nước, còn những con trâu rừng thì sao?

Tất cả thú vật chúng ta gọi là gia súc, trước kia chúng đều sống nơi hoang dã. Con người muốn sử dụng được nó đều phải

ra công thuần hoá nó. Trâu rừng cũng vậy, muốn nó phục vụ trong công việc canh tác ruộng rẫy, cũng phải huấn luyện cho nó. Hãy nghe Sách Ông Gióp nói về trâu rừng:

Liệu trâu rừng có muốn phục vụ người, có chịu người nhốt nó qua đêm bên máng cỏ nhà người? (G 39,9).

Liệu người có đặt được ách vào cổ trâu rừng mà bắt nó kéo cày, và liệu nó có chịu theo người đi cày bừa dưới thung lũng? (G 39,10).

Người có thể tin vào sức trâu rừng khoẻ mạnh mà giao cho nó những công việc nặng nề được không? (G 39, 11).

Người có thể nghĩ rằng trâu rừng sẽ trở lại và đem lúa về sân phơi của người chăng? (G 39,12).

Trên đây là những câu nói đến trâu trong Sách Ông Gióp, trong các sách thi ca khác của Thánh Kinh, cũng có một số nói đến con trâu, mời quý vị đọc tiếp.

Trâu trong các sách thi ca khác

Chúng ta đã biết, Kinh Thánh có một số sách được viết theo thể văn vần, như Sách Thánh Vịnh, Sách Diễm Ca, Sách Châm Ngôn, Sách Huấn Ca...

Sách Thánh Vịnh gồm 150 bài thơ, phần lớn là thi thiên của Thánh vương Đavít. Thánh Vịnh 22 là lời than vãn của người lâm nạn cầu xin Chúa thương bênh cứu. Thánh Vịnh này đã mang giọng van nài của ngôn sứ Isaia, nên mặc được tính cách siêu vượt. Khi người tôi tớ tin trung chịu thử thách kêu cầu Chúa giải cứu:



*Chúa là sức mạnh con nường,
Cứu mau lạy Chúa xin đừng đứng xa.
Xin cứu mạng khỏi sa lưới kiếm,
Gỡ thân con thoát miệng chó rừng,
Khỏi nanh sư tử hãi hùng,
Phận hèn khôn khổ thoát sừng trâu điên.*
(Tv 22,20-22).

Thánh Vịnh 77 là bài học lịch sử của dân Itraen, sau nhiều năm gian khổ trên đường tiến về Đất Hứa, có những người than trách Chúa. Để cảnh tỉnh họ, ông Asáp đã làm bài Thánh Vịnh này nhắc lại những hình phạt mà cha ông họ đã chứng kiến trên đất Ai cập. Nào là nước trở thành máu, nào là muối mòng, ruồi nhặng, éch nhái tấn công người, nào cào cào châu chấu phá hoại mùa màng. Các súc vật ngoài đồng cũng bị giết:

Lại khiến mưa đá huỷ hoại trâu bò, sét đánh chiên dê.
(Tv 77,48).

Thánh Vịnh 92 ca tụng vinh quang Chúa. Ngài đã tiêu diệt những kẻ địch thù và bênh đỡ người công chính:

*Ngài cho con ngẩng đầu hãnh diện,
Tựa như trâu ngạo nghễ giương sừng.*
(Tv 92,11).

Còn Sách Châm Ngôn chứa những câu thành ngữ của Dân Chúa, giống như ca dao, tục ngữ của Việt Nam, để truyền lại những kinh nghiệm khôn ngoan trong đời sống. Nói về công việc canh tác lấy lương thực, sách Châm Ngôn cũng ghi nhận công khó của trâu bò, đọc lên ta tưởng như đôi liễn đối ở nước ta:

*Không có bò bần ăn trống rỗng,
Nhờ sức trâu hoa lợi dồi dào.*
(Cn 14,4).

Cũng nói đến công việc nhà nông, Sách Huấn Ca mô tả người nông phu cả đời vất vả, tối tăm mặt mày với con trâu, con bò, không sao ngóc đầu lên được:

*Cầm cày cầm cuốc,
khôn ngoan sao được.
Khi vọt roi trâu,
thấy đầu hãnh diện.
Luôn miệng vật riết,
công việc không ngơi.
Trao lời tán gẫu,
hết trâu đến bò.
(Hc 38, 26-27).*



Nói đến trâu bò trong ngôn ngữ rất phong phú Việt Nam, có những danh từ dùng phân biệt rõ ràng, như con của bò được gọi là bê, “bê bú bò, bê bú mẹ”, con trâu còn nhỏ được gọi là con nghé. Thánh vịnh 29 ca tụng Chúa uy dũng, là chúa của sấm sét: Sấm Giavê vang lên hùng mạnh, sấm Giavê rền trời oai linh:

*Người làm cho dãy Libăng thành ra như bê nhảy nhót,
đỉnh Xiagiôn khác nào nghé tung tăng. (Tv 29, 6).*

Trâu trong các sách Tiên Tri

Trong bộ Kinh Thánh Cựu Ước có các sách của 17 vị Tiên tri. Chúng ta thường hiểu Tiên tri là người biết tương lai, hậu vận, nói trước những việc sẽ xảy ra. Nhưng Tiên tri trong Kinh Thánh là những người được Chúa chọn để truyền đạt ý muốn của Thiên Chúa cho dân Ngài, họ không những được Chúa cho biết về tương lai mà còn rành cả về quá khứ và hiện tại, để thành người phát ngôn lời truyền dạy của Chúa. Ngày nay ta gọi các Ngài là Ngôn Sứ vì ý nghĩa đó.

Trong số 17 vị Ngôn Sứ được Cựu Ước ghi lại, có bốn vị được gọi là Ngôn Sứ “lớn” vì tác phẩm mang tên các vị có độ dày hơn, còn 13 vị khác thì sách của họ mỏng hơn, nên gọi là Ngôn Sứ “nhỏ”.

Isaia là vị Ngôn Sứ “lớn” nhất, sách của ông có tới 66 chương. Chương 34 ông tuyên sấm về việc Chúa xử tội đất Êđôm “một hy lễ lớn được dâng kính Đức Chúa tại Bót-ra, chính là cuộc tàn sát lớn tại Êđôm”:

Cùng với chúng, nào trâu, nào bê, nào bò tốt đều bị hạ.
(Is 34,7).

Amôt là một Ngôn Sứ “nhỏ”, xuất thân là một nông dân nên lời lẽ của ông thường đơn sơ mộc mạc, nhưng có nhiều sức mạnh. Việc Itraen đổi trắng thay đen, biến phúc ra hoạ, đem lễ phải thành ra cay đắng...được Ngôn Sứ dùng hình ảnh công việc thường ngày nơi thôn quê, như cày bừa làm ví dụ để thức tỉnh dân Chúa:

*Ngựa có phi được trên đá lởm chởm không?
Người ta đem trâu bò đi cày ngoài biển sao?
Thế mà các ngươi đã biến lễ phải thành thuốc độc, đổi
công lý nên ngải đắng!*
(Am 6,12).

Còn Ngôn Sứ Giêrêmia tuy không nói đến đích danh con trâu, nhưng có nói liên quan đến trâu. Ngôn Sứ đã tuyên sấm cho Ai-cập, sẽ bị vua Nabucôđônôxô từ phương Bắc xâm lăng, bằng một hình ảnh bình dân, cho dân quê hiểu được mà di tản tránh chiến tranh:

*Ai-cập là con bò tơ xinh đẹp,
bị ruồi trâu từ phương bắc đến đậu trên mình.*
(Gr 46,20).

Trâu trong bài viết

Trong bài viết này chúng tôi viết về “Năm Sửu tìm hiểu chuyện trâu có mâu Kinh Thánh”. Cái nhan đề dài, cố ý để quý vị đọc lên cho có âm điệu. Thật ra trong Kinh Thánh có rất nhiều lần nói đến con bò, mà rất hiếm khi nói đến con trâu, con vật mà nông dân Việt Nam ta dùng để kéo cày trong công việc làm ruộng. Có lẽ vì lịch sử Kinh Thánh xảy ra ở Đất Thánh là vùng nóng và khô không thích hợp với đời sống của con trâu,



như con trâu ở Việt Nam. Và lại, ở vùng đất nóng và khô Trung Đông người ta chỉ nuôi bò để làm sức kéo, bò được Kinh Thánh nhắc đến nhiều vì nó còn được dùng làm của lễ toàn thiêu cùng với chiên và dê.

Trong các bản dịch Kinh Thánh sang tiếng Việt, các dịch giả thường dùng danh từ Trâu đi đôi với Bò, nghĩa là cùng loại con vật kéo cày, kéo xe. Cũng vì thế Kinh Thánh đi sát với thực tế, sát với phong tục Việt Nam, nên con trâu đã “đi vào” bản dịch Kinh Thánh cách tự nhiên, như đi về chuồng qua ngõ tre làng xóm.

Cho nên con Trâu trong các bản dịch Kinh Thánh Việt ngữ không hẳn đều thuộc giống trâu nông dân Việt Nam dùng để góp sức cho công việc đồng áng. Chính vì thế mà chúng tôi phải dùng nhiều bản dịch khác nhau, mới có được những “con trâu” trích dẫn ở trên. Mong quý độc giả thông cảm, khi có mở lại bản văn Kinh Thánh Việt ngữ theo trích dẫn mà không thấy tiếng trâu, thì xin vui lòng mở bản Thánh Kinh của một dịch giả khác.

Chúng tôi đã dùng Thánh Kinh Việt ngữ của các dịch giả Trần Đức Huân, Nguyễn Thế Thuấn, Nhóm Phiên dịch Các giờ Kinh Phụng Vụ và bản dịch Việt ngữ Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước của Hội Thánh Tin Lành.

Kính chúc quý độc giả Năm Mới An Khang Hạnh Phúc. []



Thân trâu trâu lo, thân bò bò liệu !



*Tránh hùm phải hạm đình ninh đầu dè.
(Cn 19, 9).*

NĂM DẦN LẦN CHUYỆN CỌP GÓP TỪ KINH THÁNH

Chúng ta ai cũng biết, Dần đứng thứ ba trong thập nhị địa chi. Người xưa đã đặt con Cọp làm biểu tượng của chi Dần. Cọp là tên, người miền Nam dùng, để gọi một loại thú rừng quý hiếm, có sức mạnh, lông thường màu vàng có những vằn đen xen lẫn, trông oai phong lẫm liệt. Cọp thường săn bắt những thú rừng khác để làm thực phẩm, nên có răng nanh nhọn sắc, chân to có vuốt bén nhọn, bước đi không gây tiếng động.

Vì là loài hung dữ, các con vật khác trong rừng đều hãi sợ, tránh né, nên cọp còn được người ta thi vị hoá bằng cái tên “chúa sơn lâm”, hoặc “ông ba mươi”. Cọp được người Bắc gọi là con Hùm, con Hồ. Ngoài ra Cọp cũng còn mang những tên khác như Hạm, Kễn, Hâm, Khái...

Tuổi Dần cầm tinh con cọp, nên người ta thường coi người sinh năm Dần ảnh hưởng tính tình của con hổ, không hiền từ mà hay nóng giận. Ngày xưa người phái nữ có tuổi Dần

thường phải vất vả mới lập được gia đình, vì các cậu thường sợ “con cọp cái làm hùm làm hổ”.

Nhân năm Dần, chúng ta cũng lần chuyện Cọp, góp từ Kinh Thánh, để xem Sách Thánh đã nhắc đến con vật thứ ba của mười hai con giáp như thế nào?

Ví tựa Hùm tơ

Ngay trong Sách Sáng Thế (còn được dịch là Sách Khởi Nguyên, hay Sáng Thế Ký), cuốn sách đầu tiên của Kinh Thánh, đã nhắc đến con cọp, trong trình thuật những lời trăng trối của ông Giacóp, tổ phụ Itraen, cho các con.

Với chi tộc Giuđa, chi tộc thứ tư. Ông Giacóp đã có lời sấm khen lao:

- Giuđa, con sẽ được anh em con ca tụng... Giuđa ví tựa hùm tơ, phanh xong mỗi sống, người lại đi lên, hỡi con, nó thu mình, nó phục xuống như sư tử, như chúa sơn lâm: nào ai bắt nó dậy được? Phủ việt sẽ không rời khỏi Giuđa...(St 49, 8-10).

Ông Giacóp truyền những lời trăng trối cho các con xong, ông rút hai chân lên giường, nằm lại và trút hơi thở để về với tổ tiên. Các nhà chú giải Kinh Thánh tin rằng Thiên Chúa đã phân định dẫn đưa quá trình của các chi tộc Itraen ngay từ đầu. Các lời trăng trối của Giacóp có tính cách như những lời sấm linh ứng đến vận mạng của các bộ lạc mang tên 12 con ông Giacóp, tức là 12 chi tộc của It-ra-en.

Hùm tơ cầu xé

Hôsê là một trong 12 ngôn sứ nhỏ của Kinh Thánh Cựu Ước. Ông được xếp đứng đầu sổ các ngôn sứ nhỏ. Tuy là một ngôn sứ nhỏ, nhưng Hôsê đã có nhiều ảnh hưởng, vì ông có những ý tưởng mới mẻ. Với giao ước giữa Thiên Chúa và loài

người trên núi Sinai, ngôn sứ Hôse đã ví như một kết ước hôn phối giữa Thiên Chúa và nhân loại. Trong thời còn lặn lội nơi hoang địa trên đường về Đất Hứa, Itraen còn trung thành với Chúa. Nhưng khi đã định cư trên Đất Hứa, đời sống đã ổn định, dân bỏ Chúa thờ ngẫu tượng, như người vợ ngoại tình bởi chính Epraim đã làm đi, Itraen đã ra ô uế.

Chính vì thế mà Hôse đã cảnh cáo dân chúng, sẽ bị Chúa “đánh ghen” bằng những hình phạt, cho chúng thức tỉnh mà quay về với Chúa:

Quả thế đối với Epraim, Ta sẽ như sư tử, Ta sẽ như hùm to cho nhà Giuđa, Ta sẽ cấu xé rồi đi, Ta tha đi mà không người gỡ thoát. (Hs 5,14).

Nhưng Chúa vẫn thương yêu dân Ngài, sẵn sàng tha thứ nếu con người sám hối quay về: Ta sẽ trở đi, về lại nơi Ta, cho đến khi chúng đã đền tội và tìm lại nhan Ta; lâm bĩ, chúng sẽ kiếm tìm Ta.

Dân kinh hãi trước những tai ương khủng khiếp, khuyên nhau trở lại với Giavê, Đáng cứu sống, Đáng cho thoát nạn: Nào ta hãy trở lại với Giavê, Người đã xâu xé, Người sẽ chữa ta. Đánh rồi Người sẽ băng bó cho ta... vì chung quyền phép Người, như sách ông Gióp tin tưởng:

*Tiếng sư tử gầm, tiếng hùm thiêng rống,
Người làm cho im bật. (G 4, 10).*

Hang Hùm ổ Hạm

Ninivê là một thành dân ngoại, thuộc đế quốc Atsua, dân trong thành thờ ngẫu tượng, cúng vái thần sắc dục Itta, có những kẻ phục dịch là bọn đĩ điếm. Nó tự hào là một thành hùng dũng như hang sư tử, một cứ điểm của đế quốc Atsua, một hang hùm ổ hạm với những quân binh dũng mãnh như hùm thiêng mãnh hổ, chuyên đi khống chế triệt hạ các dân không



chịu phục tùng, Ngôn sứ Isaia đã nói đến cái hùng mạnh, cái tàn sát như vũ bão của quân thiện chiến Átsua: *Tiếng chúng như tiếng sư tử rống, chúng gầm thét như cọp non, chúng gầm ghè, chúng quắp lấy mồi, tha đi mà không ai gỡ*

thoát được. (Is 5,29).

Thế nhưng ngôn sứ Nakhum, được coi như là một thi sĩ lớn của Itraen, đã tuyên sấm Ninivê của Atsua sẽ bị triệt hạ: *Đâu rồi ổ sư tử, đâu rồi hang hùm tơ? Nơi mà khi sư tử cha ra đi, thì sư tử mẹ sư tử con không hề bị quấy nhiễu. Nơi mà hùm cha xé mồi cho hổ con ăn thỏa thích, và bóp cổ con mồi dãi cọp cái no nê. Hang nó chất đầy mồi, ổ nó đầy ắp những thịt săn về...Ta sẽ đốt xe trận của người thành mây khói. Các hùm tơ của người grom sẽ làm cỏ. Ta sẽ quăng các con mồi người săn bắt được ra khỏi đất.* (Nk 2,12-14).

Atsua là kẻ thù của Itraen, nên lời tiên báo Ninivê bị sụp đổ đã đem lại hoan hỉ cho Itraen. Nhưng thật ra ý nghĩa chính của Ninivê phải bị triệt hạ, là về một niềm tin vào sự công chính. Kẻ xúc phạm đến Thiên Chúa, áp bức người lương thiện, thế nào cũng bị án công thẳng của Thiên Chúa xét xử.

Mạnh như Hùm tơ

Ngay Thánh vịnh đầu tiên đã mở ra hai con đường: thiện và ác, công chính và bạo tàn. “Chúa hằng che chở nẻo đường người công chính, còn đường lối ác nhân đưa tới chỗ diệt vong. Trong ý hướng đó ngôn sứ Khabacúc đã loan báo Thiên Chúa dùng dân Candê để đánh phạt dân phản nghịch: *Ngựa nó nhanh hơn hổ báo, lanh lợi hơn sói chiêu hôm.* (Kb 2, 8).

Cho dù dân Candê hùng mạnh. Nhưng người lành sẽ được cứu: Này kẻ hôn không ngay sẽ lụn bại, còn người công chính, bởi tín trung sẽ được sống. Những người sống sót sẽ thành một dân đầy sức mạnh, như ngôn sứ Mikha tiên báo:

*Số sót của Giacóp nơi các dân,
ở giữa những dân đông đảo
sẽ như sư tử giữa thú vật đồng hoang,
như hùm tơ giữa những bầy cao dương.
Nó mà ngang qua thời nó chà xát,
Nó mà phanh thây, thời không ai gỡ thoát. (Mk 5, 6).*

Trước khi phanh thây con mồi, thú dữ thường gầm rống lên gọi đàn đến xẻ thịt. Như thế khi một con thú gầm lên là lúc nó đã sẵn bắt được mồi. Có lẽ vì thế mà ngôn sứ Amôt để ta suy nghĩ sau khi nghe ngôn sứ đặt câu hỏi:

Phải chăng sư tử gầm lên trong lùm rậm mà nó lại không bắt được mồi? Phải chăng trong hang ổ, hùm tơ rống lên mà lại không chụp được gì? (Am 3, 4).

Tránh Hùm phải Hạm

Những ai nương tựa Đấng Tối Cao, thì Ngài là nơi họ náu ẩn, được chính Chúa gìn giữ, như Ngài đã hứa; “Kẻ gắn bó cùng ta sẽ được ơn giải thoát, người nhận biết danh Ta sẽ được sức phù trì”, vì thế:

*Bạn có thể giẫm lên hùm thiêng rắn độc,
đạp nát đầu sư tử khủng long. (Tv 91, 13).*

cho dù kẻ thù tìm đủ cách hãm hại:

*Tựa như sư tử hãm hè xâu xé,
Như hùm tơ rình núp bụi bờ. (Tv 17,12),*

Nếu biểu tượng của năm Dần là sư tử, thì còn trích được rất nhiều câu Kinh Thánh để nói đến trong năm Dần này.

Hùm xám Nam Định

Thời vua Tự Đức cấm đạo, tại Nam Định Tổng đốc Nguyễn Đình Hưng khét tiếng ghét đạo, vì thế Địa phận Trung có đông các tín hữu được phúc tử vì đạo nhất. Ông ta đã bất chấp luật nước, mà truyền cho các huyện xã thuộc quyền phải giết tất cả tù đạo bằng cách “*siêu sinh hay là táng sinh, hay là trảm quyết, hay là trói giáo giờ đầu đuôi hai người mà bỏ xuống sông. Chính quan ra mẫu trước cho các phủ huyện bắt chước sau*”. (Sử ký Địa phận Trung, trang 93).

Thượng Hưng đã bày ra thêm hai loại án tử hình là *chôn sống* và *trói chung hai tử tù lại, rồi buông sông*. Hai án lệnh này mục đích là để giết tù đạo thật nhiều, thật nhanh, cho lý hình đỡ vất vả, bớt rợn tay vì không phải dính máu tử tội. Cách xử hình này không có trong luật Hồng Đức và cả trong hình luật Gia Long. Chúng tỏ Nguyễn Đình Hưng ý thế chuyên quyền, vi phạm Luật pháp Quốc gia. Chính vì thế, Sử ký Địa phận Trung trang 84 đã viết: “*Thật quan thượng Hưng dữ hơn hùm, độc hơn quỷ địa ngục, đã đáng gọi là Nêrô nước Annam*”. Cho nên dân gian coi Nguyễn Đình Hưng là “*Hùm xám Nam Định*”.

Chúng tôi còn nhớ thân phụ chúng tôi truyền lại một giai thoại về quan Thượng Hưng say máu tù đạo: Người ta kể rằng, mỗi sáng thức dậy, quan thượng phải rút thanh đao bén gỏi đầu giường, chém bay đầu một tù đạo được quân hầu đem đến, đập cho quỳ trước mặt quan... Đến khi hết tù đạo, lính phải đào cây chuối, dựng ngược lên cho quan chém củ chuối bay long lóc như đầu tù đạo... Có như vậy ngày hôm đó quan mới có thể sinh hoạt bình thường. Nếu thật như truyền ngôn trên, thì lương tâm Thượng Hưng luôn náo động, như câu về truyền tụng:

Hùm giết người hùm ngủ, người giết người thức đủ năm canh!

Kính chúc quý vị một năm mới mọi điều hanh thông, phát đạt như “*hùm chấp cánh*” để chúng ta mỗi người đều làm được một việc gì cho các thế hệ con cháu mai sau còn nhớ ghi công đức, chúng tỏ được như câu “*hổ tử lưu bì, nhân tử lưu danh*” và “*hổ tử hùng tâm tại*”.[]



*Thượng Hưng: Hùm Xám tỉnh Nam,
Tù đạo đem chém hàng ngàn đầu rơi !*



*Mèo hoang sống với chó rừng,
Thú hoang, dê núi trú cùng một hang.*

(Is 34, 14).

NĂM MÃO KHÁO CHUYỆN MÈO THEO KINH THÁNH

Mão là năm thứ tư trong chu kỳ tính âm lịch theo mười hai địa chi. Việt Nam ta các cụ xưa đã đặt con Mèo làm con vật biểu tượng. Ở các nước khác họ lại cho con thỏ là vật cầm tinh năm mao, có lẽ Việt Nam là nước nông nghiệp, đại đa số dân chúng sống trên đồng bằng, mèo là con vật hữu dụng, phổ quát hơn. Con thỏ hiếm thấy, nên cha ông ta xưa đã chọn con mèo làm con vật cho chi Mão. Năm Mão lại đến, chúng tôi lại có dịp mở Kinh Thánh để tìm xem con mèo có được các sách Kinh Thánh nhắc đến không?

Gốc gác con Mèo

Trong chuyện cổ nước ta có nhiều chuyện nói con mèo. Nhưng chúng tôi muốn nhắc đến chuyện con mèo của Bà E-và. Ai cũng biết Kinh Thánh ghi rằng Bà Evà là Mẹ chúng sinh

(xem St 3, 20), nên nếu có con mèo của bà Evà, ắt hẳn nó phải là con mèo đầu tiên được người nuôi trên trái đất.

Chúng tôi nhớ mãi hồi còn nhỏ, chúng tôi đã đọc được chuyện con mèo của bà Evà trong một tờ nguyệt san. Khi bà Evà thấy ông Ađam có con hổ làm hầu cận, bà Evà rất thích con hổ, nhưng nó quá uy dũng lại to lớn, bà không thể ôm ấp cưng chiều nó. Vì thế bà nũng nịu với ông Ađam xin Chúa cho bà một con vật giống như con hổ, nhưng nhỏ nhắn, mềm mại hơn để bà có bạn. Chúa truyền cho Ađam lấy đất và bông gòn làm thành con vật như ý Evà, rồi đem trình trước Chúa. Chúa thổi hơi ban sự sống cho nó. Khi Ađam trao con vật cho Evà, con vật vui vẻ kêu lên những tiếng “meo meo”, dụi đầu vào người Evà, bà liền gọi nó là con Mèo. Từ đó bà Evà luôn đem theo con mèo bên mình. Những buổi trưa nóng bức, bà thường tìm đến ngồi mát dưới bóng râm của cây Cấm. Bà đang thiu thiu ngủ... bỗng bà nghe tiếng kêu chế diễu “eo...eo” và tiếng phun phì phì của con mèo. Bà nhìn lên thì thấy có con rắn to tướng quấn trên cành cây cấm... Con mèo không theo bà đến gốc cây cấm nữa.

Bà Evà dùng sợi dây thắt một cái nơ thật đẹp trên cổ mèo, sợi dây không cho mèo xa bà, nên mèo phải miễn cưỡng theo bà ra gốc cây cấm. Cho đến một hôm con mèo thấy bà hái trái cấm (xem St 3,6), nó liền khẹp chặt con người trong đôi mắt lại, không dám nhìn bà.

Vì thế giống mèo cứ đến trưa thì tròng đen của mắt chúng khẹp chặt lại, và dáng bộ con mèo ủ rũ buồn chán, như nhớ lại giờ tội lỗi nhập vào thế gian. Cũng từ đó hễ con mèo gặp rắn là lại phun phì phì như phỉ nhổ vào biểu tượng của quân cấm dõ.

Kinh Thánh có nói đến Mèo không

Chả mấy người nghĩ rằng trong Kinh Thánh có nhắc đến con mèo, vì khi nghe Sách Thánh, trong suốt 3 năm trong chu kỳ Phụng vụ, không nghe đến con mèo bao giờ. Các ông bà Dòng Ba Đaminh, hằng ngày nguyện các giờ Kinh Phụng vụ,
thuviencongiaovietnam.net 03.2020

cũng chẳng đọc được chữ mèo khi nào. Quý vị đã thấy chúng tôi trích từ Kinh Thánh những câu nói đến con chuột của năm Tý, Con trâu của năm Sửu, Con hùm của năm Dần. Còn trong năm Mão, không biết Thánh Kinh có nói đến con Mèo không?



Câu hỏi làm kẻ viết bài này phải gia công tìm kiếm mãi cho ra câu trả lời. Chắc chắn Kinh Thánh cũng có nhắc đến con mèo. Nếu không, chúng tôi đã không dám nêu chủ đề “12 con giáp trong Kinh Thánh”. Chỉ không rõ là Kinh Thánh nói đến mèo nhiều hay ít. Tổ tiên ta xưa đã đặt con trâu là biểu tượng cho năm Sửu, con mèo là biểu tượng cho năm Mão, chứ không theo Tàu đặt con bò, con thỏ cho hai năm đó (chúng tỏ dân tộc Việt Nam xưa, tổ tiên chúng ta không chịu lệ thuộc Tàu). Con Mèo là con vật cảm tinh cho năm Mão, nên Tết này chúng tôi phải nói chuyện về con mèo trong Kinh Thánh thì mới hợp với ý của tiền nhân xưa, đã coi người sinh năm Mão được gọi là người tuổi con Mèo.

Vì thế năm Mão này, mời quý vị theo dõi chuyện Mèo, chúng tôi trích từ Kinh Thánh. Mặc dầu trong Kinh Thánh hiếm có sách nói đến con mèo.

Mèo trong sách Tiên tri Isaia

Ngôn sứ Isaia được coi là anh hùng của đất nước Do Thái vì sự tham gia tích cực của ông vào những vấn đề của quốc gia. Ông còn là một thi sĩ có biệt tài, chiều hướng tôn giáo vẫn nổi bật nơi ông. Ông luôn tin tưởng Thiên Chúa là Đấng chí năng, Đấng cai trị muôn loài trên trời, dưới đất. Con người là một thực thể bị tội lỗi làm nhơ ứ, và Thiên Chúa đòi hỏi họ phải sám hối đền tội, để được tình yêu của Thiên Chúa che chở.

Khi Itraen bị lưu đày bên Babylon, Isaia đã tuyên sấm rằng Babylon sẽ trở thành đổ nát và ra hoang phế, biến ra nơi cho thú hoang, chim trời trú ngụ:

“Cho đến ngàn thu, nó sẽ không có người ở, không có một lều trú cho đến đời đời. Ở đó mèo hoang làm ổ và cú vọ trú đầy. Ở đó đà điểu sẽ lưu trú, và dê rừng tha hồ quăng đờn.(Is 13, 20-21)

Không những Babylon, mà còn Êđom cũng bị nguyên rủa. Nhắc việc xưa, dân Itraen trên đường về Đất Hứa, gần đến Êđom đã cho sứ giả đến đề nghị Êđom cho mượn đường đi ngang qua, nhưng nhà cầm quyền Êđom không cho quá cảnh mà còn đe dọa sẽ cho binh đội kéo ra đón đánh nếu xâm phạm lãnh thổ họ. Itraen phải rẽ qua hướng khác.

Êđom ở sát biên giới Giuđêa về phía nam, luôn thù nghịch với Itraen, lúc Itraen mất quyền kiểm soát Giuđêa, Êđom lợi dụng cơ hội đã lấn đất của Giuđêa. Vì thế ngôn sứ Isaia đã tuyên sấm cho Êđom sẽ ra hoang phế, trở thành nơi trú ẩn của muông thú, chim chóc hoang dã:

“Lâu đài của nó mọc gai tua tủa, đồn canh phòng thì cây dại tầm na, mắc cỡ mọc um tùm. Nó biến thành hang ổ của thú hoang, sân chim đà điểu. Ở đó mèo hoang sống với chó rừng, dê núi tìm nhau kéo đến ở.” (Is 34, 14).

Như vậy dưới cái nhìn của ngôn sứ Isaia, mèo sống hoang dã, bị liệt vào loại thú vật dơ bẩn, dữ dằn gớm tởm đối với con người.

Ngôn sứ Ba-rúc cũng nói đến mèo

Barúc là thư ký của ngôn sứ Giêrêmia, sách Barúc được viết tại Babylon sau cuộc phát lưu và được gửi về Giêrusalem để người còn ở lại đọc trong các buổi nhóm hội phụng vụ. Sách được viết khoảng giữa thế kỷ thứ nhất trước công nguyên.

Trong phần thư của ngôn sứ Giêrêmia được Barúc trích lại, là một bình luận minh giáo, chống lại việc thờ ngẫu tượng.

Sách của ngôn sứ Barúc thuyết phục dân Chúa không phải sợ các thần dân ngoại tại nơi bị lưu đày: Rồi đây tại Babylon, anh em sẽ thấy những tượng thần bằng vàng bạc hay bằng đá. Vì các thần ấy đều do tay con người làm ra. Tay thần cầm gươm cầm rìu nhưng không tự bảo vệ được mình. Người ta thấp cho thần nhiều đèn nến nhưng dù một đóm lửa thần cũng chẳng nhìn thấy... Còn nhiều những lý do ngôn sứ đưa ra chứng minh rằng những thần ấy không phải là linh thiêng, cho nên dân Chúa không phải sợ hãi mà tôn kính các thần ấy, như dân ngoại tôn kính.

Những thần ấy được đặt trong đền miếu, nhưng đúng là bị người ta nhốt như giam giữ kẻ phạm pháp, mặc cho chim chuột tung hoành, tranh nhau đồ cúng rơi rớt chung quanh, mà thần cũng không làm gì được:

“Mặt thần đã bị khói từ đèn nến hun đen thui, trên thân mình chúng cũng như trên đầu chúng, người ta thấy bay lượn nào dơi, nào nhạn và các thứ chim khác, lại có cả mèo nữa. Cứ thế anh em đủ biết chúng không phải là thần: sợ chúng mà làm chi!”(Br 6, 20-22).

Có lẽ mèo xuất hiện tại đền miếu là để tìm săn chim bắt chuột... những con vật lợi dụng lúc vắng người, bò ra kiếm ăn. Vì thế bàn thờ thần biến thành nơi cho các con vật dơ bẩn tìm đến tranh giành đồ ăn thức uống, từ những đồ cúng rơi rớt.

Con mèo của Thánh Gia

Việt Nam ta là nước nông nghiệp, trước kia nhà nào cũng có nuôi ít là một con mèo để giết chuột, giúp bảo vệ lương thực, mùa màng. Tuy nhiên, người Việt Nam không quý mèo như người Aicập. Tại Aicập các nhà khảo cổ đã khám phá ra nhiều bãi tha ma chôn hàng ngàn con mèo, trong đó có những ngôi

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

mộ đẹp chứa xác ướp của mèo. Người Aicập coi mèo như là thần linh ban phúc, nếu không thì là phù thủy giáng họa, đảng nào cũng phải kính sợ mèo. Cho nên không những khi mèo chết người ta đã ướp xác, lập mộ mà khi mèo còn sống, người Aicập rất cung chiều cung phụng. Chính vì thế mà có chuyện “con mèo của Thánh Gia”.

Ngắm bảy sự đau đớn Đức Mẹ có câu: “Khi Thánh Thiên thần báo tin cho Đức Mẹ rằng: Vua Erore đi tìm Đức Chúa Giêsu mà giết, thì Đức Mẹ đem Con sang nước Ichitô, mà Người thương Con còn non nớt mới sinh, và lo buồn đau đớn như phải dao sắc thấu qua lòng vậy”. (Tây-ban-nha gọi Ai cập là “iexiptô” nên các cố Yphanho chuyển âm qua tiếng Việt là Ichitô). Không những Đức Mẹ phải trốn đi vượt biên ban đêm, mà còn bị người Ai cập xua đuổi không cho trú nhờ. Cho đến khi Thánh Giuse đeo theo gói hành trang đi gõ cửa thêm một căn nhà nhỏ, để năn nỉ lần nữa. Chủ nhà hé cửa thò đầu ra hỏi, anh ta thấy trong gói hành trang của Thánh Giuse có con mèo nhô đầu lên, anh chủ nhà vội vàng mở rộng cánh cửa, niềm nở tiếp đón Thánh Gia vào nhà. Khác với Việt Nam *mèo đến nhà thì khó*. Người Ai cập được *mèo đến nhà như là hên tới*, hạnh phúc vì thần linh hạ cố trợ phù. Từ đó chị chủ nhà cung phụng phục vụ Hải nhi Giêsu trước cả con nhỏ của mình. Truyền thuyết kể rằng, mỗi chiều chị đều sắp nước cho Hải nhi tắm xong, rồi chị dùng lại nước đó tắm cho thằng Dismas, con chị khỏi hết ghẻ lở và các bệnh khác. Người ta còn nói, người trộm lành cùng chịu án đóng đinh với Chúa Giêsu, chính là đứa trẻ được mẹ dùng lại nước tắm của Hải nhi thánh khi trước. Con mèo của Thánh Gia đã đem hên đến cho gia đình người đón tiếp các ngài.

Đeo chuông cho mèo

Đeo chuông cho mèo là một câu chuyện ngụ ngôn của nhà văn người Pháp Jean De La Fontain, nhan đề là Conseil tenu par

les Rats, văn hào Nguyễn văn Vĩnh dịch ra tiếng Việt là Hội đồng chuột. Chuyện kể về một con mèo rất dữ dằn, nó sủa lục mọi xó xỉnh trong nhà, làm cho lũ chuột cứ phải giu giú nhịn đói ở trong hang, không dám thò mặt ra kiếm mồi. Cả họ nhà chuột đều lo lắng tìm biện pháp đối phó với con mèo sát chuột ấy. Một hôm biết được con mèo đi vắng, lũ chuột nhân cơ hội họp nhau bàn tính chuyện làm sao tránh hiểm hoạ mèo. Hội đồng chuột đều đồng ý biện pháp của lão làng chuột, đem một cái chuông đeo vào cổ mèo, để khi mèo đi đến đâu chuông leng keng báo động đến đó, chuột biết mà ba chân bốn cẳng chuồn cho lẹ, tránh tai hoạ. Lý thuyết nghe ra cũng hợp lý, nhưng đem ra thực hành thì vô vàn khó khăn nguy hiểm: ai cũng lo bảo toàn mạng sống, từ chối đem chuông đeo vào cổ mèo. Chúng tôi trích một phần bài ngụ ngôn ấy:

*Một con mèo tên là Trạng Mỡ,
Bắt chuột nhiều long lở hầm hang.
Mèo đâu dữ dội lạ thường !
Để cho đến nỗi sạch quang trong ngoài.
Hoạ còn sót một hai chú lỏi,
Đó dám thò ra khỏi cửa hang.
Chú nào cũng đói họng gang,
Trông thấy Trạng Mỡ coi dường yêu tinh...
Chuột nhà đang lúc thành thoi,
Họp nhau bàn việc kim thời nguy nan.
Chú chuột già ra bàn ngay trước,
Liệu mau mau trong nước hiểm nghèo.
Đem chuông mà buộc cổ mèo,
Để cho khi hấn leo trèo tìm ta,
Leng keng nghe hiệu là ta chạy ...*

Ngụ ngôn kể nghị quyết không được thực thi, vì ai cũng sợ chết, không dám lãnh nhiệm vụ đem chuông buộc vào cổ mèo. Rồi kết luận:

*Té ra cuộc luận bàn thực hảo,
Có lạ gì bàn lão xưa nay
Chẳng là việc chuôt thế này,
Việc dân việc nước cũng hay bàn xằng.*

Hơi hướm Thánh Kinh

Con mèo của bà Evà, con mèo của Thánh Gia dĩ nhiên không có trong Sách Thánh. Trong Kinh Thánh Cựu Ước có hai sách trên, nhắc đến mèo, nên chúng tôi mới có dịp nhắc lại mấy chuyện mèo trên, cho thêm vui câu chuyện Tết năm Mão.

Sách “Tìm Từ Kinh Thánh Tân Ước” của linh mục Phêrô Nguyễn Ngọc Mỹ, nhà xuất bản Tôn Giáo, không có chữ “Mèo”. Như vậy chúng tôi trong Kinh Thánh Tân Ước không nói đến con Mèo. Chúng tôi đã để ý mỗi khi đọc Tân Ước, kể cả trong một vài bản dịch ngoại ngữ, cũng không gặp được chữ “Mèo”.

Kính chúc quý độc giả một Năm Mới an khang, thịnh vượng muôn điều như ý.[]



*Chính Ngài cho biển rẽ hai,
Đầu rồng chầu nát, nước lai láng tràn.
(Tv 74, 13).*

NĂM THÌN NHÌN TRUYỆN RỒNG TRONG KINH THÁNH

Con Rồng Hành khiển

Người xưa đã chọn con Rồng lên chức hành khiển trong năm Thìn. Rồng cũng được gọi theo âm Hán Việt là Long, đó là con vật huyền thoại trong cổ tích của nhiều dân tộc trên thế giới, từ Á sang Âu. Người Á châu coi Rồng là con vật linh thiêng cao trọng, đứng đầu bốn con vật quý trong muôn vật: Long, Ly, Quy, Phụng.

Sách từ điển của Paulus Huỳnh Tịnh Của định nghĩa: “Rồng là loài rắn có sừng có chơn, vây có năm sắc, gọi là linh vật, không có ai hề nó thấy”.

“Không có ai hề nó thấy” nên chẳng ai dám quả quyết hình dáng con rồng ra sao, cũng chẳng biết đời sống con rồng thế nào, mà chỉ nghe nói và nhìn thấy hình tượng con rồng dài ngoằn ngoèo như con rắn, được vẽ trong tranh ảnh, hoặc đắp tạc nơi nóc đình miếu, cung điện vua chúa...

Chính vì con rồng, theo hình tượng tổ tiên ta đặt ra, không có thật, nên có nhiều huyền thoại cho rồng là linh thiêng, là cao trọng. Người Á châu từ xa xưa đã coi rồng là quý hiếm, kẻ quyền thế muốn độc quyền chiếm hữu, các triều vua đã nhận rồng làm biểu tượng cho riêng mình. Bọn quần thần xu nịnh coi vua như rồng, thậm chí cái gì vua dùng là cũng tâng bốc lên, kèm thêm chữ long, chữ rồng vào để biểu lộ sự kính trọng: long bào: áo vua, long sàng: giường vua nằm... hay bệ rồng, sân rồng... “Run như run thần tử thấy long nhan” (*Hàn Mạc Tử*).

Mặc dầu con rồng là con vật không có trên mặt đất, nhưng vì nhiều người coi nó là cao quý, là linh vật có phép làm mưa tưới mát cây cỏ ruộng đồng, nên người ta mới đặt nó lên chức hành khiển, coi sóc sinh hoạt trên địa cầu trong năm Thìn. Ngày nay ai cũng biết rồng chỉ có trong truyền thuyết, nhưng các nhà làm lịch vẫn cứ giữ truyền thống của tổ tiên, nên vẫn cố duy trì cách tính thời gian theo Thìn, Tỵ, Ngọ... nhất là vào dịp đầu năm âm lịch.

Ở nước ta vẫn chưa hoàn toàn dùng dương lịch, mà chúng ta vẫn thấy lịch của chúng ta còn để ngày tháng âm lịch song song với dương lịch, nên chúng tôi cũng nhân ngày đầu năm, nói chuyện về con vật cảm tinh cho năm Thìn này. Là người công giáo, nên chúng tôi cũng theo thông lệ, mở Kinh Thánh xem Sách thánh nói đến con rồng thế nào.

Đôi Rồng trong sách Ette

Chúng ta biết rằng Kinh Thánh được viết bằng những cô ngữ như tiếng Aram, tiếng Hylạp, tiếng Hipri, tiếng Sêmit. Sách Ette cũng được viết bằng tiếng Hilạp và tiếng Hipri. Bản văn Ét-te bằng tiếng Hylạp dài hơn bản văn bằng tiếng Hipri vì có thêm nhiều chi tiết, kể lại giấc chiêm bao của ông Mađôkê.

Ông Mađôkê là một miêu duệ người Do Thái, thuộc chi họ Ben-gia-min, sinh sống tại thủ đô Susan. Ông rất có thế giá vì là một trong những cận thần của triều đình. Có lần ông được mộng báo một giấc chiêm bao như sau:

“Thình lình những tiếng la lối om sòm nổi lên, sấm sét vang rền trên trời, trái đất rung chuyển, rồi loạn lạc xảy ra khắp cõi hoàn cầu. Và này hai con rồng lớn tiến ra, cả hai đều trong tư thế sẵn sàng giao chiến. Đôi rồng cùng rống lên một tiếng lớn. Khi



tiếng chúng vang vọng, dân mọi nước chuẩn bị chiến tranh chống lại dân tộc công chính. Ngày tám tối u ám kéo đến, trên mặt đất chỉ thấy toàn những gian truân, ngặt nghèo, sâu khổ rồi loạn lớn lao. Tất cả dân công chính bán loạn kinh khiếp vì những tai hoạ sẽ xảy ra cho họ, họ liền kêu cầu Thiên Chúa cứu giúp. Do những lời cầu cứu thì, từ một con lạch nhỏ nước tràn lan ra thành một dòng sông lớn. Mặt trời bừng lên tỏa sáng. Kê thấp hèn được cất nhắc lên và nuốt sống người cao sang quyền thế”(Et 1, 1d-1k).

Ông Mađôkê bừng tỉnh, ghi nhớ và suy gẫm tìm hiểu về giấc mơ ấy.

Sách tiếp tục trình thuật về cuộc tranh đấu giữa ông Mađôkê, và cô con nuôi là hoàng hậu Ette, chống lại quan Aman. Cuối cùng ông Mađôkê đã ca tụng bàn tay Thiên Chúa đã cứu thoát dân tộc công chính đúng như trong giấc mơ ông được báo mộng. Ông còn tuyên bố hai con rồng ông chiêm bao thấy chính là bản thân ông và quan Aman (xem Et.10, 3d)

Con Rồng trong Thánh vịnh

Thánh vịnh là những bài thơ tán tụng, tạ ơn Chúa hoặc thuật lại những kỳ công tạo dựng của Thiên Chúa, được xếp trong Bộ Cựu Ước. Một số trong 150 Thánh vịnh, bản dịch Việt ngữ của Nguyễn Thế Thuần, có xuất hiện con rồng biển, nhà văn xính Hán tự gọi là hải long, mà bản Kinh Thánh Anh ngữ của Catholic Book Publishing Co. cũng dịch là sea dragon.

Thánh vịnh 104 ca tụng kỳ công tạo dựng vũ trụ của Thiên Chúa vừa oai phong lẫm liệt, vừa cảm tú thanh cao để làm nơi cư ngụ và nuôi sống cho muôn vật. “Tự kho lâu gác Người đãi nước núi non, nhờ hoa quả sự nghiệp của Người đất được thỏa thuê, Người cho cỏ mơn mẫm mọc lên nuôi thú vật, và rau xanh trái ngọt sinh sôi cho nhân loại dùng, để chúng sản xuất bánh ăn do tự lòng đất.” Trong muôn vật Chúa tạo thành, có các loài chim bay lượn trên không trung, con người và thú vật lấy nền đất làm nơi cư ngụ, các loài thủy sản tìm chỗ có nước làm nơi sinh sống:

*Này đây biển cả bao la,
Trong đó nhưng nhúc không biết cơ man
vật li ti, vật khổng lồ,
Trong đó có thuyền bè đi lại,
hải long Người đã nắn ra làm trò tiêu khiển.*(Tv 104, 25-26).

Thiên Chúa đã tạo dựng con rồng biển cho trừng dõn trên sóng nước. Theo văn hoá Âu châu cũng như quan điểm thần học, hải long được ghép vào loài thủy quái, hung tàn chuyên chống lại chân thiện mỹ. Trong nguyên bản, hải long là leviathan, tên chỉ một con quái vật từ thời hỗn mang nguyên thủy, được coi như nó sống dưới biển. Nó là điển hình cho quyền lực tối tăm chống lại Thiên Chúa, tìm sát hại tội tớ Chúa, phá hủy nơi thờ phượng Chúa, nên tín hữu Chúa đã dùng lời thơ của Asaph để luôn kêu cầu Chúa hủy giệt nó:

Lạy Thiên Chúa, vua của tôi, từ ngàn xưa,

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

*giữa đất đai này, Người là Đấng dày công cứu độ.
Chính Người đã ra oai xá tội đại hải,
đập bể đầu thường luồng trong nước.
Chính Người đã làm bay đầu hải long,
Phanh thây nó làm mồi cho giải biển.(Tv 74, 12-14).*

Thánh vịnh 91 diễn giải lời dạy của bậc thánh nhân: Thiên Chúa là Đấng giàu lòng từ bi và nhân hậu, luôn hộ phù những ai tin kính Chúa. Dù kẻ tin Chúa có gặp gian nan thử thách, như bị ác thú tấn công, nhưng sẽ được Thiên Chúa đưa tay giải thoát:

*Thần sứ đến do lệnh truyền nơi Chúa
gìn giữ người trên mọi nẻo đường,
Rồi thiên sứ đưa tay nâng đỡ
kéo chân người vấp phải đá rong.
Người xéo giày hùm beo, rắn độc,
Đạp hàm sư tử, giẫm đầu rồng.(Tv 91, 12-13).*

Con Rồng sách Ông Gióp

Ông Gióp là một tôi trung của Thiên Chúa, được Chúa cho sống cuộc đời giàu sang và đầy hạnh phúc, con cái đông đúc... đến nỗi quỷ satan cũng phải ghen tuông. Chúa đã cho phép satan thử thách để xem trong cơn hoạn nạn, ông còn trung thành với Chúa nữa không. Giữa cơn thử thách, ông lâm cảnh cùng cực tán tận của cải, con cái tiêu vong, Gióp cúi đầu vâng phục. Bị thử thách ngay trên chính thể xác mình, Gióp vẫn không hề thốt lời xúc phạm đến Chúa, mà ông chỉ than thân trách phận thà rằng ông không được sinh ra để khỏi phải chịu cảnh khốn cực như tằm tối giữa ban ngày này:

*Phải chi chúng nguyên rửa đêm đó,
những kẻ nguyên rửa ngày
và sẵn sàng lay tỉnh con rồng biển! (G 3,8).*

Trong thần thoại Phênêkia, con rồng biển lêviathan là giống thủy quái thời sơ khai hỗn mang, người bình dân của họ tin rằng, khi con quái vật trùng dương ấy thức giấc, nó phá tan trật tự hiện có trong vũ trụ. Ý chừng ông Gióp muốn con rồng biển thức dậy, cho tan tành thế giới, cho ông thoát cảnh khốn nạn trên đời.

Con rồng biển này rất hung hãn, loài người không ai có thể làm gì được nó, cũng không thể dùng mồi mà dụ được nó, lại càng không thể dùng dây mà trói buộc nó được:

*Người sẽ dùng mồi câu con rồng biển,
và với đoạn thừng người sẽ cột lưỡi nó?
Người sẽ lấy cói xỏ mũi nó
và chọc thủng hàm nó bằng một câu liêm?(G 40,25-26).*

Nhưng Thiên Chúa sẽ đưa tay ra tròng trệ con rồng biển này:

*Hỡi hổ Người làm trời trong sáng,
tay Người đâm thủng con rồng biển.(G 26,13).*

Sám rông của Tiên tri Isaia

Isaia là vị ngôn sứ cương trực, nhìn xa thấy rộng và nhất là có một đức tin mãnh liệt, nên tư tưởng về tôn giáo của ông rất sâu xa, nhìn rõ về Đấng Cứu Thế tương lai.

Sách Isaia có tới 66 chương, các nhà phê bình văn học Thánh Kinh đã chia thành 3 phần. Phần I gồm 39 chương đầu kể các biến cố xảy ra trong thời tiên tri sống. Phần cuối từ chương 56 tới chương 66 gom góp nhiều sám ngôn về nhiều việc khác nhau. Phần giữa từ chương 40 tới chương 55, tiên tri nói lên những lời yên ủi dân Itraen, trong đó ông khẳng định dân Itraen sẽ được hồi sinh, Giêrusalem sẽ bừng tỉnh tươi sáng lên, Sion sẽ vui mừng hân hoan sung sướng... Vì sẽ được Chúa giải thoát, khi Người nhận lời toàn dân kêu cầu:

Hỡi cánh tay Thiên Chúa, xin chỗi dậy, hãy vung lên! Hãy dùng hết nghị lực! hãy vùng dậy như đời thương cổ xa xưa! Há chẳng phải Người đã đâm đũa kiêu ngạo và đã thương con rồng sao? (Is 51,9).

Danien giết Rồng

Danien là một tiên tri của Chúa, thiếu thời ông được tuyển chọn vào cung vua Nabucôđônôso để được đào tạo thành đường cột cho đất nước. Nhưng ông và ba người bạn cùng xin ăn rau và uống nước lã, không đụng đến cao lương mỹ vị vua nuôi ăn, để giữ luật Itraen không ăn thịt cúng. Lớn lên ông có tài đoán chiêm bao, được vua phong chức đại thần, thống lãnh miền Babylon.



Mặc dầu làm lớn, nhưng Đanien và các bạn vẫn phụng thờ Thiên Chúa, nhất định không chịu bái lạy một thần tượng nào khác, kể cả tượng của vua, mà ông cho là chỉ làm bằng gỗ đá chứ không có sự sống.

Danien đã phục vụ qua nhiều triều vua, và cũng trải qua nhiều gian nan, có lần ông bị nhốt trong hầm sư tử, nhưng vì kính sợ Chúa nên ông đều thoát nạn.

Đến thời vua Kyrô, dân Babylon có thờ một con rồng lớn, vua bắt Đanien đến tế lễ, chuyện xảy ra như Kinh Thánh trình thuật sau đây:

Bấy giờ có một con rồng lớn, và dân Babylon sùng bái nó. Vua nói với Đanien:

- Người không thể nói được là thần này không phải là thần sống! Vậy hãy thờ lạy ngài đi!

Danien đáp:

- Tôi thờ lạy Chúa là Thiên Chúa của tôi, vì Người mới là Thần hằng sống. Phần ngài, tâu đức vua, ngài ban phép và tôi sẽ giết con rồng đó mà chẳng cần đến gươm đao hay gậy gộc.

Vua nói: “Ta ban phép đó!”.

Đanien đã lấy dầu chai, mỡ và lông thú. Ông đem nấu trộn tất cả với nhau làm thành những chiếc bánh. Đoạn ông đem bánh đó ném vào miệng rồng. Rồng ăn rồi thì nứt bụng ra chết. Và ông nói:

- Coi cái đồ các người thờ đó!

Xây ra là khi dân Babylon nghe tin vua cho Đanien giết rồng thần của họ, họ rất phấn uất. Họ hòa tập cùng nhau chống lại nhà vua và nói: “Vua đã trở thành Do Thái! Ông ta đã cho lật đổ thần Ben, đã giết long thần và đã hạ sát các tư tế.” Họ kéo tới yết kiến vua, phẫn nộ tâu lên:

- Xin trao Đanien cho chúng tôi! Chẳng vậy, chúng tôi sẽ giết ngài và cả gia đình ngài nữa.

Vua thấy mình bị họ bức bách nguy quá, thì bắt đấng dĩ đã nộp Đanien vào tay họ. (Xin xem Đn 14, 23-30)

Số phận tiên tri Đanien ra sao? Mời quý vị mở sách Đanien đọc tiếp.

Rồng trong Sách Khải Huyền

Khải huyền là sách mạc khải những điều huyền nhiệm liên quan đến ngày thế mạt và cuộc khải hoàn của giáo hội lữ hành. Trong cuộc lữ hành trần thế, Hội Thánh Chúa luôn bị bách hại bởi những quyền lực chống lại Thiên Chúa, mà thủ lĩnh của chúng chính là con rồng, tức con rắn già satan trong vườn địa đàng xưa, đã luôn luôn dối trá lừa phỉnh người nhẹ dạ theo về phe chúng.

Nhưng Thiên Chúa đã tỏ mình ra trong Đức Giêsu Kitô, Đấng chịu đóng đinh trên Thánh giá. Ai tin vào Ngài sẽ được cứu rỗi. Vương quyền của Đức Kitô ngày nay còn khuất ản trong bóng Thánh giá, nhưng một ngày kia, Ngài lại đến trong

vinh quang chiến thắng. Con rồng sẽ bị triệt hạ và quăng vào lửa sinh diêm chẳng hề tắt. Sách Khải Huyền viết về con rồng, chúng tôi xin lược trích và trình thuật như sau:

Đền thờ Thiên Chúa ở trên trời đã mở ra, có hòm giao ước Chúa nơi đền thờ Ngài, và xảy ra những tia chớp lòà, sấm sét, động đất và mưa đá âm âm. Kế đó một điềm lạ xuất hiện trên không trung: một Bà sáng chói như có mặt trời bao quanh, chân Bà đạp vàng trắng, và mười hai ngôi sao như triều thiên tỏa sáng trên đầu Bà. Bà có mang, vì sắp sanh nên kêu la, quặn đau chờ sinh nở.

Lại thấy từ trời một dấu lạ khác, đó là một con rồng to lớn màu hồng, có bảy đầu, mười sừng và trên bảy đầu ấy có đội bảy vương miện, đuôi nó kéo một phần ba tinh tú trên trời mà quăng xuống đất. Con rồng đứng trước mặt Bà gần sinh, đợi Bà lâm bồn thì nuốt con Bà. Bà sinh một con trai, trẻ này sẽ dùng gậy sắt cai trị muôn dân: con Bà được đem lên với Thiên Chúa, cạnh ngai của Ngài. Còn Bà phải trốn lên rừng vắng, đến nơi Thiên Chúa dành sẵn...

Lúc ấy trên trời xảy ra cuộc giao chiến dữ dội, Thần Micae và các chư thần của người giao tranh với con rồng. Rồng và các thần thuộc hạ chiến đấu chống lại. Nhưng phe rồng không thắng nổi, mà chỗ của chúng cũng không còn thấy trên trời nữa. Con rồng lớn bị quăng xuống đất cùng với các thần thuộc phe nó...

Khi con rồng thấy mình bị quăng xuống đất thì nó đuổi theo Bà đã sinh con trai. Bà được đôi cánh đại bàng mà bay vào sa mạc... Con rồng liền hả hợng phun nước chảy như dòng sông đuổi theo cho Bà chết đuối, nhưng đất đã hấp cạn dòng sông từ mồm rồng để cứu Bà. Con rồng tức tối vì không hại được Bà, nó liền tuyên chiến với các người thuộc dòng giống Bà. (Xin xem Kh 12,1-17).

Để có được những thế lực hùng mạnh trợ giúp, con rồng trao quyền uy cho hai con mãnh thú hung dữ. Một con từ biển đi lên, có hình thù như con báo, chân như chân gấu, mồm như

mồm sư tử. Con mãnh thú này có tới bảy cái đầu và mười sừng, trên mỗi sừng đều có vương miện. Và con rồng đã trao ngai báu và cả quyền bính lớn lao cũng như năng quyền cho nó. Những kẻ đi theo con mãnh thú đều thờ lạy con rồng vì nhờ rồng mà mãnh thú có quyền năng cái thế.

Con mãnh thú thứ hai từ đất đi lên, con này có hai sừng giống con chiên, nhưng nó nói năng như con rồng. Con mãnh thú này như là một trụ tá đắc lực cho mãnh thú thứ nhất. Nó làm được những dấu lạ cả thể, khiến người ta theo về phía con rồng để lãnh được những mã số của nó. (Xin xem Kh 13,1-18).

Mặc dầu phe con rồng đã lũng đoạn trần gian, nhưng cuối cùng *“một Thiên Thần từ trời xuống, tay cầm chìa khoá Vực thăm và một xiềng lớn, Và Ngài đã thộp cổ con rồng... và xiềng nó lại một ngàn năm. Và Ngài đã xô nhào con rồng xuống Vực thăm, khóa và niêm phong nó lại, để nó đừng còn mê hoặc các dân, cho đến kỳ hạn một ngàn năm đã mãn ...”* (Kh 20,1-3).

Số phận con rồng được sách Khải Huyền ghi chép như thế. Chúng tôi chỉ trích tóm tắt và nối kết những đoạn nói đến con rồng cho quý vị tiện theo dõi một mạch, mà không phải đọc nhiều trang hơn. Chúng tôi cũng xin thưa rõ ràng rằng: trong các bản dịch Kinh Thánh sang Việt Ngữ, có bản không dùng danh từ “con rồng” hay danh từ nào tương đương cho độc giả thấy hình ảnh con rồng, có bản dịch là “giao long”, bản khác gọi là “hải long”... Chúng tôi không may mắn có được những bản dịch Thánh Kinh Việt ngữ trước kia, như của cố chính Linh chẳng hạn, nhưng chắc các dịch giả xưa cũng có vị dùng danh từ con rồng trong bản dịch của các ngài. Trong bài trích Sách Khải Huyền, Lê Đức Mệ Lên Trời, sau Công Đồng Vatican, bản Anh ngữ cũng viết: *“...it was a huge red dragon, with seven heads and ten horns...”*

Kinh Thánh xác định con Rồng chính là con Rắn thái sơ, là Quỷ sứ Satan (Kh 20, 2). Như vậy, cuối cùng con Rồng và tôi tớ nó bị lửa sinh diêm từ trời sa xuống thiêu hủy, và xô chúng

nhào xuống vực thăm, nơi đó chúng bị gia hình ngày đêm đòi đòi kiếp kiếp. (xem Kh 20, 9+10).

Rồng Âu châu

Con rồng theo quan niệm bên Âu châu, không phải giống người châu Á nghĩ. Bên châu Âu, họ mô tả con rồng giống một con kỳ nhông to lớn, một loại khủng long, có thể bay trên trời, mõm rồng còn phà ra lửa khi giao đấu, đuôi rồng to mạnh phủ một lớp vảy cứng. Có lẽ vì ảnh hưởng của Kitô giáo, người châu Âu cho rồng là biểu tượng của sự dữ, mang tai họa đến cho loài người, nên cánh của rồng không như cánh chim, mà giống cánh con dơi, như cánh trong hình vẽ con quỷ dữ.

Nếu có sự so sánh đời sống hai con rồng Âu và Á ta thấy có hai quan niệm khác nhau. Rồng châu Á ở nơi cao sang như cung điện, đình chùa, đền miếu, gần gũi với con người. Tuy rồng Á châu không có cánh, nhưng cũng có lúc thăng thời ẩn hiện trên mây trời, ban mưa móc xuống trần gian cho thảo mộc tươi xanh, mùa màng đơm bông kết trái... Người châu Âu coi con rồng là một loại thú hoang hung ác, tay sai của thần dữ chống lại con người. Chúng trú ẩn tại nơi hoang dã xa xôi hẻo lánh, trong hang động heo hút sơn lâm cùng cốc, được canh giữ bởi những con rồng dũng mãnh và hung ác. Truyền thuyết kể lại dũng sĩ Anh-cát-lợi đã một lần phải lui bước trước những con mãnh long giữ hang này. Mãnh long gieo tai họa cho dân gian, nên cũng lãnh được những đòn trừng trị đích đáng. Thần Apôlô, vị danh thần lừng lẫy trong chuyện cổ huyền thoại Hy-lạp và Rôma, đã tiêu diệt con rồng hung ác Python. Thánh George, vị thánh quan thầy của nước Anh, đã phi ngựa đến cứu một vị hoàng tử Anh quốc bị một con rồng hãm hại. Từ trên lưng ngựa, ngài đã phóng ngọn giáo giết chết con rồng dữ, đem được hoàng tử trở về cung điện.

Kết thúc truyện Ròng

Kinh Thánh viết về con Ròng như trên chúng tôi đã trình thuật. Ròng và ác thần phe nó luôn là thế lực gian dối, xảo trá, thù địch với sự Thiện, đối đầu với công lý, chống lại Thiên Chúa và các tín hữu của Ngài. Tại Việt Nam, ngay từ ngày Đạo Chúa mới được truyền giảng, phe con ròng đã ra tay hãm hại. Cho mãi đến đầu thiên niên kỷ thứ ba này, những con người thuộc hạ của con ròng vẫn đang còn rắp tâm tiêu diệt các tín hữu con cái Chúa. Như sấm ngôn Kinh Thánh đã viết: *Vì không làm gì được người Đản Bà sinh con, nên “con Ròng tức tối với Bà thì đi tuyên chiến với các người khác thuộc dòng giống Bà, những kẻ nắm giữ lệnh truyền Thiên Chúa và giữ lời minh chứng của Đức Kitô”* (Kh 12,17).

Năm Thìn, năm hành khiển của con ròng theo âm lịch, tín hữu Việt Nam bước theo Cờ ánh sáng của Tổng Lãnh Thiên Thần Micae, không sợ con ròng, phải quật ngã phe cánh của nó. Lời Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II kêu gọi còn như gào thét bên tai “Các con đừng sợ!”. Chỉ khi nào dân tộc Việt Nam ta không còn sợ thần dữ phe con ròng nữa, lúc ấy mới thoát khỏi nanh vuốt nó, như dân tộc Ba Lan đã thoát ách cộng sản vô thần, phục hồi được quyền Tự Do để xây dựng đất nước.[]



*Như lưỡi rắn chúng lo mài,
Chứa bao nọc độc dưới môi của mình.
(Tv 139, 4).*

NĂM TỶ KÝ CHUYỆN RẮN GẮN TRONG THÁNH KINH

Theo cách tính của người xưa, Tỵ là năm thứ sáu trong chu kỳ 12 địa chi. Năm Tỵ được biểu thị bằng con rắn, người ta nói năm Tỵ cầm tinh con rắn. Ai sinh nhằm năm Tỵ được gọi là người có tuổi rắn. Nhân ngày đầu năm Tỵ, thử rảo qua một số sách trong Kinh Thánh để tìm đọc về con rắn.

Con rắn đầu tiên

Ngay đầu chương ba của sách Sáng Thế đã viết: *Rắn là loài tinh quái nhất trong các loài vật Chúa đã tạo thành.* (St 3,1).

Vì rắn tinh quái nhất, nên satan đã nhập vào rắn để cám dỗ bà Evà ăn trái cấm. Khi Chúa xuất hiện vẫn tội, bà Mẹ Chúng Sinh đã tố ngay: *Con rắn đã lừa dối, nên tôi ăn trái cây Chúa cấm.* (St 3,14).

Quay sang con rắn, Chúa tuyên án: *Mi đã làm điều đó, nên mi đáng bị nguyên rủa nhất trong mọi loài súc vật và dã thú. Mi phải bò bằng bụng, phải ăn bụi đất mọi ngày trong đời mi.* (St 3,14).

Ngay lúc ấy, Thiên Chúa tỏ một ý định cứu chuộc lại tội phạm của loài người. Chúa hứa ban Đấng Cứu thế, và một người nữ khác sẽ xuất hiện để trừng trị con rắn: *Ta sẽ khiến loài rắn mi và người nữ hiềm khích nhau, giữa dòng giống mi và dòng dõi người nữ. Chính người sẽ đạp bẻ đầu mi, còn mi thì rình cắn gót chân người* (St 3,15).



Con rắn của Aaron

Từ đó, con rắn là biểu tượng của sự thù hằn ghen ghét, đố kỵ. Trong một cuốn sách giáo lý thời xưa có vẽ cảnh hỏa ngục với bảy cửa vào, tượng trưng bảy mối tội đầu. Con rắn coi cửa ngục thứ sáu là mối tội đầu ghen ghét.

Pharaon, vua Ai cập xưa, cũng ghen ghét dân Ítraen, bắt họ làm nô lệ, khổ sai cực nhọc. Chúa muốn giải thoát dân Ngài, nên sai Môisen làm thủ lãnh, có Aaron phụ tá để dẫn đưa dân về đất hứa. Bao lần Môisen thuyết phục mà Pharaon vẫn không cho dân Chúa ra đi. Lúc ấy, Chúa lại dạy Môisen và Aaron: *khi nào Pharaon bảo các ngươi hãy làm phép lạ đi, ngươi sẽ nói với Aaron: Anh hãy cầm lấy cây gậy ném xuống trước mặt Pharaon, tức khắc gậy biến thành con rắn to.* (Xh 7, 9).

Môisen và Aaron vào gặp Pharaon, Aaron quăng cây gậy xuống trước mặt Pharaon và triều thần, cây gậy biến thành con rắn. Pharaon cũng triệu các bác học và thuật sĩ lại, mỗi người

cũng cầm một cây gậy, miệng niệm thần chú tà thuật Ai cập và ném gậy ra, tất cả gậy của họ cũng hóa rắn. Nhưng con rắn của Aaron nuốt hết các con rắn của bọn thầy pháp Ai cập. (xem Xh 7,10-13).

Rắn trong hoang địa

Cuối cùng, Môisen và Aaron cũng đưa được dân Israel thoát khỏi Ai cập. Trên đường về đất hứa, họ phải vòng vo nơi hoang địa suốt 40 năm. Những khổ cực vất vả nơi sa mạc, thiếu lương thực, thiếu nước uống. Họ đã có lần kêu trách Môisen và xúc phạm đến Chúa. Chúa khiến những con rắn lửa bò vào lều của dân chúng, gây tai nạn và chết chóc cho nhiều người. Lúc ấy họ mới năn nỉ Môisen:

- Thưa ông, chúng tôi đã lầm lỗi, nói phạm đến Chúa và đến ông. Van lạy ông, hãy khiến rắn lìa xa chúng tôi.

Môisen liền kêu cầu Chúa cứu dân. Chúa không tiêu trừ rắn lửa độc hại, mà chỉ cho một phương pháp chữa trị:

- *Ngươi hãy đúc một con rắn bằng đồng, rồi treo nó lên cây sào làm dấu chỉ. Kẻ nào bị rắn cắn, hãy nhìn lên con rắn đồng, kẻ ấy sẽ được sống.* (Ds 21,4-9).

Môisen đã thực hiện đúng như lời Chúa dạy. Từ đó người bị rắn cắn đã được cứu sống. Nơi dân Irtaen bị tai nạn do rắn, ở vào khoảng từ núi Hôrép theo đường Biển Sậy, vòng qua xứ Êđôm đến Ôvôt (xem Ds 21).



Thần đồng xà

Biên cô dân chống đối Thiên Chúa nơi hoang địa, bị rắn cắn đã luôn được nhắc nhớ khi dân nghe sách luật: *Ngài đã dẫn người qua sa mạc mênh mông sợ sệt, đầy những rắn lửa, bọ cạp, đất khô cằn không có nước...* (Đnl 8,15). Nhưng lòng Chúa luôn xót thương dân Người, đã cho làm con rắn đồng để cứu nhiều người khỏi chết. Dân Israel qua nhiều đời, rất trân quý con rắn ấy, đi đâu họ cũng mang theo, mong được nó trợ giúp. Họ đã coi nó như một thần linh, đốt hương xông trầm để tôn kính nó, gọi nó bằng một cái tên rất tên cung kính: Nokhúttan "Thần đồng xà".

Đến đời vua Khítkia, cháu nội của vua Đavít, cai trị nước Giuđa, con rắn đồng vẫn còn được tôn kính. Vua Khítkia ăn ở chính trực trước tôn nhan Chúa như Đavít ông mình. Trong một dịp lễ Vượt Qua, vua cho tổ chức rất long trọng trong suốt 14 ngày. Cuộc lễ vừa chấm dứt, toàn thể dân chúng đã kéo nhau đi san bằng các gò đồng, đập nát các tượng tà thần, đánh đổ các trụ thờ, hủy bỏ các bàn thờ dị đoan. Chính vua Khítkia đã nghiền nát con rắn đồng do Môisen đã đúc nơi hoang địa, vì cho đến thời đó, dân chúng vẫn còn tôn thờ nó. (2V 18,1-4). (x: 2Sb 30, 21-27 và 31,1).

Rắn đồng biểu trưng

Con rắn đồng treo trong sa mạc xưa, đã bị tiêu hủy vì dân chúng không coi đó là một di tích lịch sử. Họ lại coi nó như thần linh, tôn thờ nó mà không để ý đến "dấu chỉ" như ý Chúa.

Chính con rắn đồng là biểu tượng lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa. Sách Khôn ngoan đã viết: *Ngay cả khi dân Chúa bị thú dữ hung hăng xông vào, và rắn trườn ra cắn chết, thì con thịnh nộ của Ngài cũng không kéo dài vô tận. Họ phải chịu hành hạ ít lâu như là chịu một lời cảnh cáo rồi nhận được*

một dấu hiệu cứu thoát, không phải do bởi vật họ nhìn, nhưng là do chính Ngài, Đấng cứu độ muôn người hết thảy (Kn 18, 5-7).

Biểu tượng con rắn đồng đã được chính Đức Kitô khai triển rõ ràng hơn trong cuộc đàm đạo với ông Nicôđêmo về Đấng cứu thế: *Xưa Môisen treo con rắn đồng trên rừng thê nào, Con Người cũng sẽ treo lên như vậy, hầu cho mọi kẻ tin kính Ngài khỏi hư đi, lại được sống đời đời. (Ga 3,14-15).*

Chúng ta tin Đức Kitô Giêsu - Con Người - đã bị treo trên thập giá để cứu chuộc nhân loại. Chúng ta đã chết trong tội do nọc độc của con rắn satan trong vườn địa đàng xưa. Nhưng nhờ Chúa Cứu Thế, chúng ta lại được trường sinh.

Rắn trong sách ông Gióp

Mỗi khi nói đến thập giá, chúng ta liên tưởng ngay đến đau khổ, mà nói đến đau khổ thì lại cho là do Chúa phạt. Có đúng như vậy không?

Người mà chịu nhiều đau khổ nhất có lẽ không ai hơn ông Gióp. Nhưng chính ông đã bác bỏ quan niệm đau khổ, tai ác là hình phạt của Chúa. Ông đã coi đau khổ là do ý nhiệm mầu của Thiên Chúa, Ngài đã thương rồi Ngài cứu chữa ngay. Ngài thờ hơi làm trong sáng bầu trời, và dẹp tan những đen tối đau khổ, do satan, con rắn trong vườn địa đàng xưa, vẫn tiếp tục thù hằn miêu duệ của Người Nữ:

*Thần linh Chúa trang điểm bầu trời,
Lùa tay móc rắn độc như chơi. (G 26,13).*

Ngài dùng tay để phanh thây con rắn, mặc dầu nó đã chui nhủi vào tận hang sâu. Khi Chúa ngưng tay, làm ngơ thì dòng dõi con rắn già xưa lại tiếp tục quynh rũ con cái loài người, không những tội ghen ghét thù hằn nhau, mà còn cả về tội mê ăn ham uống. Tham thực cực thân, cổ nhân ta xưa đã nhận xét chí lý về kẻ ăn uống quá độ. Thức ăn để nuôi sống con người,

nhưng ăn không có chừng mực thì thực phẩm lại được ví như nọc độc của loài rắn:

Nó đã nuốt nọc độc thì lưỡi rắn sẽ giết nó. (G 20,16).

Rượu thịt đối với kẻ bê tha, no bụng đói con mắt, nơi bàn yến tiệc sẽ biến thành con rắn hổ trong dạ dày, lúc ấy:

*Đầu rắn hổ mang từ từ cất,
Lưỡi con rắn lục cắn chết y. (G 20,16).*

Rắn trong Thánh vịnh

Không những sách ông Gióp coi rắn tiếp tay với quỷ dữ để ám hại loài người, mà một số Thánh vịnh cũng có cùng quan điểm.

Chúng ta đã biết, Thánh vịnh là những bài thơ cầu nguyện của dân Itraen xưa, diễn tả mọi tâm tình tôn giáo. 150 Thánh vịnh đã được viết từ thế kỷ thứ 11 đến thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên. Thời Trung cổ, người ta coi vua Đavít là tác giả các Thánh vịnh. Nhưng thật ra có khá nhiều Thánh vịnh xuất hiện trong thời dân Israel bị lưu đày ở Babylon, và cả sau thời gian đó nữa. Trong một số Thánh vịnh có nhắc tới con rắn, để mô tả sự mưu mô quỷ quyệt của những người gian ác, bất chính:

*Lọt lòng mẹ đã ác ôn,
Sai lầm dối trá từ trong thai bào.
Nọc như nọc rắn khác nào,
Nọc con rắn hổ nghe phào cả tai. (Tv 57, 4-5).*

Nọc của chúng khác nào nọc rắn, chúng như hổ mang điếc bịt tai chẳng thèm nghe tiếng người dụ rắn, người thợ nghề thôi miên. (Tv 58, 5-6).

Miệng lưỡi kẻ bất lương thường phun ra những lời ngọt xon xớt, dễ xiêu lòng người. Nhưng phải cảnh giác “Bề ngoài thơn thớt nói cười, Mà trong nham hiểm giết người không dao”:

*Chúng mài lưỡi nhọn như lưỡi răn,
Chứa đầy mòm nọc độc hổ mang. (Tv 140, 4).*

Muốn thoát khỏi những nọc rắn độc ấy, muốn thoát khỏi tai ương do những phùng bắt lương âm hại, ta phải kêu cầu Chúa:

*Chúa ơi xin cứu chữa tôi,
Khỏi quân tàn bạo, khỏi người lưu manh.
Khỏi phùng tâm địa nghĩ càn,
Suốt ngày xúc xiểm cạnh tranh đua đòi.
Như lưỡi răn chúng lo mài,
Chứa bao nọc độc dưới môi của mình. (Tv 139, 21-24).*

Khi đã được Chúa giải thoát, lúc ấy, dưới cánh tay Chúa, chúng ta được sứ thần Chúa che chở, ta đâu còn sợ gì nữa, vì:

*Thiên sứ sẽ tay đỡ tay nâng,
Cho bạn khỏi vấp chân vào đá.
Bạn có thể giẫm lên hùm thiêng rắn độc,
Đạp nát đầu sư tử khủng long. (Tv 91,12-13).*

Rắn trong sách Huấn ca

Sách Huấn ca, có dịch giả gọi là Huấn Đạo, viết theo thể văn vần, trình bày những tư tưởng về tôn giáo, những lời khuyên nhủ cho mọi bậc người, như cha mẹ con cái, người giàu kẻ nghèo, bạn bè thân sơ, người phái nam phái nữ v.v..., để làm phương châm cho cuộc sống. Đối với những người “ghét của cay lại đưa tay hái ớt”, sách Huấn ca có lời nhắn nhủ:

*Nào ai thương kẻ dụ rắn mà bị rắn cắn,
ai nào xót mọi kẻ đến gần thú dữ đâu? (Hc 12,13).*

Trong sách Giảng viên cũng chê bai thầy dụ rắn:
Làm thầy dụ rắn nghề chẳng cao,

Để cho rắn cắn thì nào ích chi? (Gv 10,11).

Tục ngữ Việt Nam có câu “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, nếu không muốn bản thân dính bẩn, thì đừng đến bên vũng bùn. Sách Huấn ca đã cảnh báo:

*Con hãy tránh tội như tránh rắn,
Vì nếu con tới gần, nó sẽ cắn con. (Hc 21, 2).*

Cũng cùng ý đó, sách Giảng viên có câu:

*Ai đào hầm hố, dễ sa vào đó,
ai phá bờ rào rắn sẽ cắn cho. (Gv 10, 8).*

Đối với những người hiểm ác bày nhiều mưu chước để hại người khác “chước đâu có chước lạ đời, Người đâu mà lại có người tinh ma”... Những người như thế, nếu biết thì ai cũng tìm cách xa lánh:

*Tôi thà ở chung với sư tử hay rắn rết,
còn hơn chung sống với người đàn bà xấu nét. (Hc 25,15).*

Nhất là khi người phụ nữ hay nóng giận nghe được “Điều đầu lấy yến làm oanh, Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên”, thì không gì có thể dập tắt được lửa căm thù:

*Không nọc độc nào như nọc độc của loài rắn,
Không tức giận nào hơn tức giận của đàn bà. (Hc 25, 14).*

Rắn trong sách Châm ngôn

Sách Châm ngôn của dân Itraen, cũng giống như ca dao tục ngữ của Việt Nam, thường dùng những lời thơ ngắn để nêu lên kinh nghiệm sống, khuyên dạy làm những điều thiện, lên án những điều ác để người ta tránh.

Không phải ngày nay người ta mới lên án những kẻ say sưa rượu chè, mà cái hại của rượu cũng được Kinh thánh nhắc tới, sách Châm ngôn đã coi rượu là nọc độc của rắn:

*Kẻ la cà ly rượu,
Đi ném thứ rượu pha!
Hồng tửu chớ ngó mà,
Lưu ly hãy mặc nó!
Kết cục như độc xà,
Nó cắn nọc phun ra. (Cn 23, 32).*



Rượu có hại như vậy, nhưng không hiểu tại sao lại có người cứ thích say sưa? Điều đó khó hiểu, khó tìm ra giải đáp. Cũng như có bốn điều mà người ta không biết đường nào mà xác định:

*Đường chim phượng trên không,
Lối rắn bò mặt đá,
Lần tàu vượt trùng dương,
Nẻo nam thanh nữ tú. (Cn 30, 19).*

Nào ai đã xác định được lối nào con rắn sẽ bò qua, cũng như khó mà dò được lòng của lớp thanh niên nam nữ.

Rắn trong sách Tiên Tri

***Isaia** là một tiên tri lớn trong các ngôn sứ thời Cựu ước. Ngài nhấn mạnh đến đời sống đạo đức nội tâm, và có cái nhìn rõ nhất về Chúa Cứu thế.

Ngôn sứ Isaia luôn lạc quan, ngài mô tả cảnh thái bình thịnh trị cho dân Chúa, lúc mà không những con người mà cả loài vật cũng tôn vinh Chúa:

*Thú đồng sẽ ngợi khen ta,
Mãnh long, rắn hổ, chim đà suy tôn. (Is 43, 20).*

Thiên Chúa được suy tôn trên núi thánh của Người, và cảnh thái bình an lạc hiện diện khắp núi thánh, đến nỗi những kẻ thường không đội trời chung với nhau, cũng hòa một nhịp sống:

Chó sói với chiên con sẽ ăn chung, sư tử cùng nhai rom như bò, rắn thì ăn bụi đất, chẳng ai làm hại phá tán trong khắp núi thánh ta. (Is 65, 25).

Trẻ con vừa bú vừa giỡn với rắn hổ, trẻ thôi bú thì thò tay vào hang rắn lục. (Is 11, 8).

Nhưng ngày nay, chúng ta thấy cảnh thanh bình ấy không còn trên mặt đất, vì con rắn già satan luôn tìm hại miêu duệ của người nữ. Con rắn ấy vẫn tạo thêm dòng dõi cho nó:

Bởi chúng từ dòng dõi rắn sẽ vọt ra một con rắn hổ mang, và giống này lại nuốt trứng cả rắn bay (Is 14, 29).

Chẳng những thế, chúng còn tạo thêm nhiều sự độc dữ như thêm nhiều loài rắn khác nữa:

Chúng ấp trứng rắn hổ và dẹt màng nhện, ai ăn những trứng đó sẽ phải chết, trứng đó mà nở ra sẽ thành rắn lục. (Is 58,5).

Những con rắn lục này tìm một nơi để nuôi dưỡng lực lượng thù địch: *Ở đó rắn lục sẽ đẻ trứng, ấp con, nuôi chúng dưới bóng rắn mẹ. (Is 34, 55).*

Nhưng Thiên Chúa luôn chống lại kẻ ác. Cho dù chúng được áp ủ nâng niu, đến khi lộ diện vẫn không thoát khỏi bàn tay Chúa, như tiên tri Mikha đã xác quyết:

Chúng sẽ liếm bụi như rắn, sẽ bàng hoàng ra khỏi nơi mình ẩn như loài bò sát, và thất kinh run sợ trước tôn nhan Thiên Chúa là Chúa chúng ta. (Mk 7, 17).

Với Isaia thì quyết liệt hơn: *Trong ngày đó, Chúa sẽ dùng guom vừa cứng, vừa dài, vừa bén để trừng trị con rắn già lêviathan, một con rắn ngoằn ngoèo chui lúi. (Is 27, 1).*

*Tiên tri Giêrêmia là một ngôn sứ hoạt động sau tiên tri Isaia chừng một trăm năm, thời xứ Giuda sắp bị tiêu diệt. Vì thế ông đã chứng kiến cảnh thành Giêrusalem bị thất thủ. Vua quan,

Tư tế cùng dân chúng đều bị đi đày sang Babylon. Lời rao giảng của Giêrêmia mang đầy nỗi sầu đau của thời đại ấy, vì dân đã bỏ Chúa: Những gì chúng làm tại các thành Giuda và các phố phường đều là sùng bái thần ngoại. Giêrêmia đã tuyên sấm ngôn của Đức Chúa:

“Vì vậy Ta sẽ cho loài rắn, loài rắn độc, đến làm hại các người, mà không phù phép nào ngăn nổi; chúng sẽ cắn chết các người”. (Gr 8,17).

***Tiên tri Amôt** là một trong những người chăn chiên trong vùng Têqua, gần Belem. Ông sống vào khoảng năm 750 trước Chúa giáng sinh, dưới triều vua Giorôbôam. Lúc ấy Itraen đang thời cường thịnh, nên lớp người có chức quyền sống xa hoa phung phí, đàn áp bóc lột người cùng khổ bản hàn. Về mặt tôn giáo thì chỉ lo tổ chức lễ lạc rầm rộ bên ngoài, thiếu hẳn tính tôn giáo thuần túy, trang trọng... Vì thế Tiên tri được Chúa cho thấy năm thị kiến, Chúa sẽ trừng phạt Itraen.

Trong thị kiến thứ năm, những kẻ bị án phạt sẽ không còn đường nào chạy thoát, cho dù chúng có chạy xuống âm ti hay bay tới mây xanh cũng không lọt thoát lưới trời, cho dù chúng có trốn lên núi cũng bị lòng bắt mà lôi cổ ra, cho dù *“chúng ẩn mình nơi đáy biển, hầu khuất khỏi mặt Ta, ở đó, Ta sẽ truyền cho rắn cắn chúng”* (Am 9, 3).

Tóm lại, Thiên Chúa sẽ dõi mắt theo chúng để gây hoạ chứ không phải tác phúc cho những kẻ áp bức, bóc lột anh em mình, không tuân hành giới luật Chúa.

***Tiên tri Êdêkiên** sinh trưởng trong một gia đình nền nếp. chính ông là một tư tế được Thiên Chúa gọi làm ngôn sứ cho Chúa qua hai thị kiến mang những ý nghĩa tượng trưng. Sứ vụ tiên tri của ông được thực hiện tại Babylon, nơi dân Do Thái bị lưu đày, giữa các năm 593 đến 571 trước Công nguyên.

Là một tư tế nên ông gắn bó với việc thờ tự. Ông quan niệm các nghi lễ phải có tinh thần tôn kính, tin mến Thiên Chúa

từ tận con tim, chứ không thờ kính ngẫu tượng. Một lần ông được Thần khí nắm tóc chỏm đầu ông, nhắc bổng lên, mang ông đến Giêrusalem để đón nhận một thị kiến về sự thờ quấy tin nhãng của đám kỳ mục Do Thái. Ông đã thuật lại thị kiến đó như sau:

Ngài dẫn tôi đến cửa hành lang, tôi nhìn thấy một lỗ hồng trên tường, Ngài phán cùng tôi: Con người hỡi, hãy đập tường ra. Tôi liền phá tường, một cái cửa lộ ra. Ngài lại dạy tôi: Hãy vào mà xem chúng đang làm những điều gớm tởm ở trong đó. Tôi bước vào thấy chung quanh vách đầy những hình vẽ rắn rết và các súc vật gớm ghiếc. Đứng trước các hình ấy, có đến 70 kỳ mục Itraen đang cúng vái, tay bưng bát hương khói xông lên ngào ngạt... (Ed 8, 7- 11).

Rắn trong Tân Ước

Nói đến rắn rết, chúng tôi không quên một thị kiến của Thánh Phêrô trong sách Tông Đồ Công Vụ. Một hôm vào khoảng giờ thứ sáu, ông Phêrô lên sân thượng cầu nguyện. Ông đói và muốn dùng bữa. Đang khi người ta dọn bữa thì ông xuất thần. Ông thấy trời mở ra và một vật gì sà xuống, trông như một tấm khăn lớn túm bốn góc lại, từ từ rơi xuống trước mắt ông. Trong khăn đó có mọi giống vật bốn chân và rắn rết sống trên đất, cùng mọi thứ chim trời... (Cv 10, 10-12).

Đoạn sách Tông Đồ Công Vụ trên cho ta thấy không phải rắn chỉ có trong Cựu Ước. Lật qua Tân Ước, trong sách Tin Mừng theo thánh Mátthêu, khi Gioan Tẩy giả làm phép rửa tại sông Giođan, nhiều người Pharisiêu và phái Sadốc cũng đến để xin chịu phép rửa, ông nói với họ:

Nòi rắn độc kia, ai đã chỉ cho các anh cách trốn con thịnh nộ của Thiên Chúa? (Mt 3, 7).

Cùng ý đó, Đức Giêsu đã cảnh cáo các kinh sư và các pharisiêu giả hình:

Đồ mãng xà, nòi rắn độc kia! Các ngươi trốn đi đâu cho khỏi hình phạt hoả ngục? (Mt 23, 33)

Nhưng Chúa Kitô cũng dạy phải tin tưởng vào Thiên Chúa toàn hảo, lúc nào Người cũng muốn ban phát ơn lành cho kẻ cầu xin Người:

Trong các ngươi lúc con mình xin bánh, có ai cho nó hòn đá chẳng? Hoặç nó xin cá, lại trao con rắn cho nó ư? (Mt 7, 10).

Đó, là loài người mà còn muốn cho con mình điều tốt, hưởng Chúa Cha “là Đấng giốn tốt giốn lành vô cùng” lại không cho con cái Người điều thiện hảo sao?

Rắn và cá, ai cũng cho rắn là thua cá xa, nhưng Chúa Giêsu cũng "khen" rắn một tí:

Các con phải khôn ngoan như con rắn, và ngay thật như chim bồ câu. (Mt 10, 16).

Lời Chúa đây có lẽ nhiều người trong chúng ta đã thực hành được một nửa. Chúng ta đã biết mánh mừng khôn ngoan kiểu con rắn, mà cố tình quên về thứ hai là phải ngay thật như chim bồ câu. Không giống bồ câu thì lấy cánh đâu mà bay lên với Chúa?

Cái khôn ngoan tinh ranh của con rắn là thứ khôn ngoan quỷ quyệt, Chúa thấy rõ, nên khi sai bảy mươi hai môn đệ đi rao giảng nước trời, Chúa đã ban cho các ông quyền để thắng sự dữ:

Ta ban quyền cho các con giày đạp rắn, bọ cạp và mọi thế lực của kẻ thù, không gì làm hại được các con. (Lc 10, 19).

Không những bảy mươi hai môn đệ được hưởng quyền ấy, mà khi sắp về trời, Chúa còn ban quyền ấy một cách phổ quát hơn:

Lại các kẻ tin sẽ được các dấu lạ này: lấy danh Ta trừ quỷ, nói được nhiều tiếng lạ. Họ sẽ cầm được rắn, lỗ có uống phải chất độc thì cũng không sao. (Mc 16, 18).



Thánh Phaolô với rắn

Chúa ban cho những người tin Chúa cầm rắn mà cũng không sao. Điều này thể hiện rõ nơi Thánh Phaolô. Trên hành trình về Rôma, Thánh Phaolô đã gặp bão lớn trên biển, tàu bị vỡ. Khi lội được vào đến đảo Manta, Thánh Luca kể:

Dân địa phương đối xử với chúng tôi một cách nhân đạo hiếm có. Họ đốt một đồng lửa to và tiếp đón tất cả chúng tôi, vì trời đã bắt đầu mưa và lạnh. Ông Phaolô vợ được một số cành khô và đang bỏ vào lửa, thì một con rắn độc bị nóng bò ra, cuốn vào tay ông. Người địa phương thấy con rắn lung lẳng ở tay ông thì bảo nhau: “Chắc chắn người này là một tên sát nhân: hắn vừa được cứu khỏi chết ở dưới biển, nhưng Thần Công lý đã không để cho sống”. Nhưng ông giữ con rắn vào lửa mà ông không hề hấn gì.(Cv 28, 2-5).

Thánh Phaolô phải lưu lại đảo Manta, ba tháng sau mới có tàu đến Rôma. Giáo đoàn Rôma đã biết ngài qua bức thư từ Côrintô ngài gửi cho họ. Trong thư ấy, ngài đã vạch cho tín hữu biết, loài người không thể tự cứu mình, vì mọi người đều sai lạc và hóa thành vô dụng. Chẳng ai làm lành, *họng chúng như phần mộ mở toang, lưỡi chúng lường gạt, môi chúng như nọc rắn hổ mang.* (Rm 3, 13).

Lược về cái lưỡi lường gạt, Thánh Giacôbê đã có bức thư khuyên ta phải kìm chế cái lưỡi. Bởi vì *mọi loài thú vật và chim chóc, rắn rết và cá biển, thì loài người chế ngự được. Còn cái*

lưỡi thì không ai chế ngự nổi: nó là một sự dữ không bao giờ yên, vì nó chứa nọc rắn giết người. (Gcb 3, 7-8).

Sở dĩ ta không tìm chế được cái lưỡi vì bị ma quỷ phỉnh gạt, như thánh Phaolô đã đề phòng:

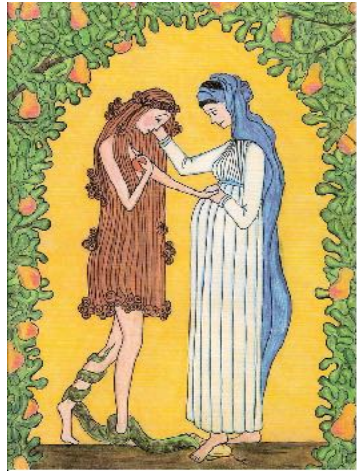
Nhưng tôi sợ rằng, như xưa con rắn đã dùng mưu chước mà lừa dối bà Evà thế nào, thì nay lòng trí anh em cũng dần dần ra hư hỏng, mất sự đơn sơ đối với Đức Kitô như vậy. (2Cr 11, 3).

Rắn già là Satan

Khi chiêm ngắm hình ảnh Kinh Thánh về Đức Maria vô nhiễm, ta như thấy bà Evà đã bị rắn xích đôi chân lại, Đức Maria chính là người nữ đạp nát đầu rắn satan, để giải thoát cho Evà. Tượng Ảnh Mẹ Vô nhiễm đều diễn tả Đức Mẹ đạp đầu rắn. Mexico có đền kính Đức Mẹ Guadalupe rất linh thiêng, “*Guadalupe*” tiếng thổ dân Mẽ-tây-cơ có nghĩa là “*Người Nữ Chiến Thắng con rắn*”.

Chúng tôi đã mở nhiều bản dịch Kinh thánh để tìm đọc về con rắn. Khởi đầu từ Sách Sáng Thế và bây giờ kết thúc câu chuyện "rắn trong Kinh Thánh" ở Sách Khải Huyền.

Ai cũng biết, sách Khải Huyền là cuốn sách cuối cùng của bộ Kinh Thánh, Thánh Gioan viết để tiên tri về giáo hội, ngài diễn tả một cuộc chiến đấu rất dữ dội giữa các thần lành, đứng đầu là Tổng thần Micae, với các thần dữ có con rồng chỉ huy. *Con rồng ấy chính là con rắn già xưa, cũng gọi là ma quỷ và satan. (Kh 12, 9).* Chính nó đã lừa dối cả hoàn cầu.



Như vậy, rắn là hình ảnh của sự dữ vì tổ tiên nó chính là con rắn già tại vườn Địa đàng, satan đã mượn hình nó để dụ dỗ loài người bất tuân lời Thiên Chúa.

Nhân ngày đầu năm mới, là những miêu duệ của người-nữ-đạp-nát-đầu-rắn, chúng ta cùng quyết tâm đập tan những mưu ma chước quỷ do miêu duệ con-rắn-già-satan bày ra, để quỵến rũ hầu ám hại chúng ta. Có như thế mai sau chúng ta mới đáng được vào dự hội Mùa Xuân Vĩnh Cửu trên nước trời.

Kính chúc tân niên vạn phúc.[]



*Địa đàng có con Rắn già,
Ngon lời dụ ngọt E-và mắc mưu.*



*Tựa hoa sớm nở tối tàn,
Đòi như vó ngựa vội vàng qua sông.
(Hc 30,8).*

NĂM NGỌ NGÓ CHUYỆN NGỰA DỰA THEO KINH THÁNH

Chúng ta ai cũng biết, năm Ngọ cầm tinh con ngựa. Ngựa là con vật có lẽ được thuần hóa sớm trở thành gia súc. Theo các sử gia ở Ukraine, ngựa đã được dùng làm phương tiện di chuyển từ 4000 năm trước công nguyên, nếu đúng như vậy thì trước Tổ phụ Abraham đến 20 thế kỷ, ngựa đã được con người nuôi dùng. Nhân năm con Ngựa, chúng ta thử tìm xem trong Kinh Thánh đã nói đến ngựa như thế nào.

Ngựa trong Ngũ Kinh

Ngũ Kinh là năm quyển sách đầu tiên của bộ Kinh Thánh, thời Cựu Ước gọi là Sách Luật. Ngay cuốn đầu tiên là Sách Sáng thế đã ghi có ngựa trong tài sản của ông Giacóp. Khi Giacóp ở rể tại nhà ông Laban, Giacóp đã gây dựng được một sản nghiệp riêng trở nên giàu có quá chừng, có nhiều đoàn súc vật, tôi tớ trai gái, lạc đà, lừa ngựa. (x. St 30, 43)

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

Qua thời gian, khi thiên tai làm bảy năm mất mùa, khắp nơi đói kém, gia tộc Giacóp phải di sang Ai Cập ở, trong thời gian Giuse, con trai thứ 11 của Giacóp làm Tể tướng Aicập. Sau những năm dài sống nơi đất khách, Giacóp đã mãn phần tại đó. Đám táng Giacóp có cả kỵ binh của Pharaô cưỡi ngựa hộ tống. (x. St 50,9).

Đến sau dân Itraen được giải phóng khỏi Ai Cập. Khi ông Môisen dẫn dân ra đi, Pharaon cho thắng ngựa vào sáu trăm chiến xa tốt nhất của ông và tất cả chiến xa của Ai-cập. Rồi từng đoàn rượt theo để bắt dân Itraen lại làm nô lệ cho chúng. Nhưng tất cả chiến mã với kỵ binh do Pharaô chỉ huy đều đã bị chết chìm trong biển Sậy. (x.Xh 14, 9 & 15, 1).

Thế là dân Itraen thoát vòng nô lệ, họ vào được đất hứa sinh cơ lập nghiệp. Rồi họ xin phong vương để có vua cai trị. Các vua đều giàu có. Nhất là vua Salômôn có rất nhiều ngựa. Nhà vua có tới bốn ngàn ngăn chuồng chứa ngựa và xe, với mười hai ngàn ngựa cỡi để ở các thành có xe và để ở cạnh vua tại Giêrusalem. Ngựa của vua Salômôn là giống ngựa nhập từ Ai Cập và từ khắp mọi nước. (x.2Sb 9, 25+28).

Các lái buôn của hoàng gia nhập ngựa về với giá nhất định là mỗi con ngựa phải trả một trăm năm mươi đồng seken. (2Sb 1, 17).

Theo tiên tri Êdêkiên đường mậu dịch hàng hoá thời đó rất phồn thịnh. Có nhiều nước giao thương với nhau bằng đường thủy. *Người dân tộc Thôgô nhập cảng ngựa chiến, ngựa kéo xe, ngựa cỡi...vào thị trường*, (Ed 27, 14), còn người dân Đêđan thì *trao đổi hàng bằng vải để làm yên cỡi ngựa*. (Ed 27, 20).

Ngựa hồng như lửa

Trong Kinh Thánh, cũng nói đến những trận đánh có dùng kỵ binh ngựa chiến. Như trận chiến với vua Aram. Vua Aram cậy có nhiều ngựa xe để chiến đấu. Phía Itraen có ngôn sứ Êlisa cố vấn, biết hết chiến thuật của vua Aram, vì thế vua Aram thua hoài. Vua Aram tưởng có nội gian bấn tin cho địch. Sau mới

biết tin tức hành quân đều do tiên tri Êlisê biết trước, nên vua Aram đang đem cho một đạo quân lớn, gồm cả ngựa xe tới vây thành Đôthan để bắt Êlisê.

Tảng sáng, thức dậy sớm, người giúp việc cho Êlisê thấy xe ngựa địch quân đã bao vây tứ phía. Anh ta hoảng hồn vào báo cho tiên tri. Êlisê trấn an anh ta và xin Chúa mở mắt cho anh ta thấy đầy rẫy những ngựa xe đỏ như lửa đang sẵn sàng bảo vệ cho Êlisê. (*x.2V6, 8-17*).

Thấy vô số ngựa xe như vậy, người giúp việc cho Êlisê chắc đã nhớ lại chuyện thầy mình:

Ngày ấy Êlisê được theo tiễn Êlia về trời, các ông vừa đi vừa nói, thì này một cỗ xe hồng hoả có những con ngựa đỏ như lửa kéo chạy vun vút tách hai người ra và Êlia lên trời trong cơn gió lốc. Lúc ấy, ông Êlisê chỉ còn biết kêu lên: Cha ơi, cha ơi, hỡi chiến xa và chiến mã của Itraen. (*x.2V2, 11+12*).

Tuần mã từ trời

Đền thờ Giêrusalem được xây dựng thời vua Salômôn, rông rãi suốt hai mươi năm. Đền thờ có một công khổ cất giữ những báu vật và cũng nhận ký gửi cả những của cải của các cô nhi quả phụ, và một vài vị thế giá, vì thế nên kho ấy có rất nhiều vàng bạc châu báu. Simon, vị quản đốc đền thờ, vì xích mích với thượng tế nên đã đi tố cáo với tổng đốc rằng kho đền thờ có rất nhiều của cải. Tổng đốc trình lên vua. Vua sai đặc sứ Hêliudô đến thanh tra nhằm cưỡng đoạt số vàng bạc đó. Hêliudô kéo quân bao vây công khổ. Dân chúng lo âu sợ hãi, xô nhau đi gặp các tư tế hợp nhau cầu xin Chúa gìn giữ. Hêliudô xăm xăm toan tông cửa công khổ, thì một vị mang võ khí bằng vàng, cỡi con tuần mã đàng đàng sát khí nghiêm dũng xuất hiện ngay trước mặt, con tuần mã chồm hai vó trước đâm bổ vào Hêliudô. Đồng thời có thêm hai thanh niên sắc diện tuần tú, phục sức lộng lẫy cùng xuất hiện vây quanh Hêliudô, thì nhau

giáng xuống Hêliudô những đòn sấm sét vũ bão. Thế là lời cầu xin của dân chúng được toại nguyện. (xem 2Mcb 3, 1- 40).

Đức Chúa hằng bao bọc cứu dân Người thoát khỏi các vua dân ngoại, như đã sai dũng sĩ từ trời xuống đánh đuổi Hêliudô không cho cướp công khổ của đền thờ. Một bài thơ cổ tán dương Đức Chúa, có câu:

*Bấy giờ vó ngựa vang rền trên mặt đất,
Đoàn thiên lý mã phi nhanh, phi thật nhanh. (Tl 5,22).*

Chiến mã trong Kinh Thánh

Kinh Thánh nói nhiều đến chiến mã.

Trong sách ông Gióp đã mô tả chiến mã như sau: tiếng nó hí vang, gây kinh hoàng táng đờm. Nó dậm chân hoan lạc trong thung lũng, phóng mạnh tới trước vũ khí. Nó coi thường sợ hãi, bất chấp cả khiếp kinh, trước mũi gươm nhất định không lùi bước. Trên đầu nó tên bay vùn vụt, giáo và lao sáng quắc; nó rùng mình, nó sôi sục chạy như nuốt không gian và không cảm mình được khi kèn thúc. Mỗi khi nghe tiếng kèn ra trận, nó hí vang. Từ đằng xa, nó đã đánh hơi được mùi chinh chiến, nghe được tiếng tướng lãnh quát vang và tiếng hò xung trận. (x.G 39, 20-26).

Khi quân Philitinh giao chiến với vua Saolê, họ đã dùng đến ba ngàn chiến xa, sáu ngàn kỵ binh và quân đông như cát ngoài bãi biển (x. 1Sm 13, 5). Đến sau vua Đavit đánh bại người Philitinh. Bắt của vua Hadátede một ngàn bảy trăm kỵ binh, cắt gân chân tất cả những con ngựa, chỉ chừa lại một trăm ngựa để dùng (x. 2Sm 8, 1-4). Hadátede sai người đi cầu viện với người Aram đem quân sang dàn trận trước mặt vua Đavit và giao chiến với vua. Vua Đavit tiêu diệt của người Aram bảy trăm chiến xa và bốn mươi ngàn kỵ binh trên chiến mã. (x. 2Sm 10, 16-18).

Kể về ngựa chiến trong Kinh Thánh thì rất nhiều, các tiên tri cũng cũng nói đến. Tiên tri Geremia kêu gọi phá đổ Babylon bằng cách hãy gia tăng ngựa lanh lệ đông như cào cào (x. Gr 51, 27). Còn Êdêkiên nói về số phận thành Tia bị vua Babylon phá như sau: Ngựa của nó hàng hàng lớp lớp tung bụi che phủ người; nghe tiếng vó câu, tiếng xe trận, các tường lũy của người rung chuyển. Nó cho vó ngựa dẫm nát đường phố người. (x. Ed 26, 10-11).



Ngựa chiến đầu có cả chục ngàn nếu không tin cây Chúa cũng vất đi, vì có kẻ còn cầu cứu Aicập, cậy trông vào ngựa xe kỵ binh vừa nhiều vừa mạnh, mà không kính sợ Đấng Thánh của Itraen. Nhưng quân đội Aicập cũng chỉ là phàm nhân, mà ngựa cũng chỉ là xương thịt chứ đâu có phải là thần. (x. Is 31, 1-3).

Ngựa trong châm ngôn

Ca dao tục ngữ nước ta là những châm ngôn của cuộc sống. Trong Kinh Thánh, các sách khôn ngoan cũng chính là khuôn vàng thước ngọc, những lời minh châu dạy cách sống ở đời. Nhân năm Ngọ, chúng tôi trích một ít câu có dáng dấp con ngựa trong Kinh Thánh để chúng ta suy niệm trong ngày xuân mới. Khuyến chúng ta phải chú ý đến việc giáo dục con cái, sách Đức Huấn ca viết:

*Ngựa không rèn, ngựa bắt kham,
Con nuôi chiều, con ngựa nghịch.* (Hc 30, 8)

Nhưng phải giáo dục như thế nào? Thời nay, vì tôn trọng nhân vị không còn mấy người áp dụng câu “yêu cho roi cho

vọt” nữa. Tuy nhiên theo sách Cách Ngôn thì vẫn cần có một khuôn khổ nào đó để uốn nắn khi dạy dỗ:

*Roi dành cho ngựa, hàm thiếc cho lừa,
Đòn vọt dành cho lưng đứa ngu xuẩn. (Cn 26, 3).*

Bên Aicập xưa, ngựa được coi là sang quý, nên đã có những thi sĩ ví người yêu với con ngựa:

*Hỡi bạn tình của lòng anh,
Anh ví em như con tuấn mã
ngậm dây cương xa giá Pharao. (Dc 1,9).*

Ở Việt Nam ta mà ví người con gái với ngựa thì thật là sống sượng, không thể chấp nhận, cho dù là ví với ngựa của vua đi nữa. Chỉ có nương nhờ vào Chúa mới thật chắc chắn:

*Chúng nhắm xe ngựa nương nhờ,
Nhân danh Thiên Chúa ta thừa oai phong. (Tv
20, 8).*

Oai phong của Chúa xưa đã đến triệu hồi tiên tri Elia về trời:

*Ông đã được cất lên giữa đám
lửa xoáy tựa con lốc trên chiếc xe do
ngựa đỏ như lửa kéo đi. (Hc 49,9).*



Vâng, chỉ có Chúa mới có oai quyền định đoạt cho kẻ sang người hèn, mới có uy dũng cho thắng hay bại:

*Chiến mã được chuẩn bị cho ngày giao tranh,
Nhưng thắng bại thuộc quyền Đức Chúa. (Cn 21, 31).*

Thắng là do đã không cậy nhờ vào chiến mã, (Hs 14,4), mà luôn tin cậy vào Đấng cho họ đi giữa lòng vực thẳm, như ngựa đi trong sa mạc hoang vu. (Is 64,13).

Chính Đấng ấy răn đe kẻ xấu:

Ta dùng gươm giết chết trai tráng của các người và cướp lấy chiến mã. (Am 4,10).

Đấng ấy cũng hứa với dân Người:

Ta sẽ cho người phóng ngựa trên các vùng đất cao trong xứ. (Is 58,14).

Người được phóng ngựa không phải chỉ là vua chúa quan quyền oai phong, bởi vì nếu không liêm chính mà chỉ áp bức dân lành, rồi cũng có ngày như tiên tri Giô-suê lưu ý:

*Đây tớ cỡi ngựa như quan chức,
Quan trường đi bộ giống tôi đòi. (Gs10,7).*

Cuộc đời là như thế, cứ mãi mê với lợi danh hão huyền, cứ hung hãn tranh cướp phần hơn, ngôn sứ Giô-en mô tả:

Vẽ bề ngoài chúng hệt như đàn ngựa chạy xông tới, như đoàn chiến mã đang phi, (Ge 1,6),

Nhưng có biết đâu đời sống con người cũng chóng qua như hoa cỏ: *Tựa hoa mới nở đã tàn, Đời như vó ngựa vội vàng qua sông. (Gs 14, 2).*

Ngựa trong sách Giuditha

Giuditha là một phụ nữ Do Thái có nhan sắc. Bà được thừa hưởng một gia tài kếch xù do chồng bà trôi lại, được khắp nơi ca ngợi vì bà luôn luôn kính sợ Thiên Chúa.

Trong cùng thời bà, vua Nabucôđônôso cai trị dân Atsua, có đại tướng Hêlôphê nắm trọn binh quyền. Khi được lệnh, đại tướng đã kiểm điểm các quân binh chủng để đi chiếm cứ các dân tộc khác, hầu mở rộng bờ cõi cho Atsua. Số bộ binh tinh nhuệ lên tới hai trăm ngàn, kỵ binh là những tay cỡi ngựa, thiện xạ, điều khiển mười hai ngàn con ngựa chiến (x. Gđt 2, 15).

Sau khi xuất quân tấn công và chinh phục hết mọi thành trì các nước phía tây, Hêlôphê xua quân tiến đến Ítraen, vây hãm thành Bêthu. Có một trăm hai chục ngàn bộ binh, và mười hai ngàn kỵ mã (Gđt 7, 2) tham chiến.

*Quân Atsua đến từ núi rừng phương bắc,
Kéo nhau đến hàng vạn quân binh,
Chúng đông đảo làm suối khe nghẽn tắc,
Binh mã che khuất cả núi đồi xanh.* (Gđt 16, 3).

Dân Ítraen trong thành Bêthu lo sợ, nhao nhao áp lực các thủ lĩnh phải xin hàng phục quân Atsua...

Nhưng bà Giuditha tới an ủi dân chúng cứ vững tin vào Chúa, Người sẽ giải thoát cho: “việc tôi dự định thi hành ...hãy cầu nguyện hầu Thiên Chúa ban như mưu kế ấy”.

Bà ra đi với nữ tì, giả làm người sợ quá xin hàng phục, dùng kế mỹ nhân vào được nơi Hêlôphê đóng quân...Bốn ngày sau, nhân bữa tiệc liên hoan Hêlôphê tổ chức, bà đã phục rượu cho y, và đêm ấy bà lấy đầu viên đại tướng đem chiến thắng về cho Ítraen. Khiến kỵ binh Atsua lâm vào cảnh thảm khốc:

*Quân cầm cung nào đứng vững nổi,
Kẻ nhanh chân chẳng thoát khỏi đầu.
Người cỡi ngựa cũng không khỏi chết.* (Am 2,15).

Tiên tri Dacaria nói về ngựa

Dacaria là một tiên tri nhỏ, thuộc gia tộc tu tế Atđô. Sứ vụ tiên tri của ông bắt đầu từ năm 520 trước công nguyên. Trong sách Dacaria, ngôn sứ đã được thấy 8 thị kiến của Chúa các đạo binh cho biết về số phận của Ítraen dân Ngài, có hai thị kiến nói đến ngựa. Chúng ta đang mừng Xuân năm Ngọ, nên xin trích hai thị kiến ấy như sau. Ông kể trong thị kiến thứ nhất:

Đêm ấy tôi đã được thị kiến và này: Một người cỡi con ngựa hung hung đỏ. Người ấy đứng giữa những cây sim trong một khoảng trống. Đằng sau người ấy có những con ngựa hung đỏ, hồng và trắng. Tôi mới nói: “Gì vậy, thưa Ngài?” Và thần sứ, vị nói với tôi, bảo tôi: “Ta sẽ cho ngươi thấy các điều đó là gì”. Vị đứng giữa những cây sim trả lời và nói: “Đó là những vị, Yavê phái đi tuần trên đất”. Bấy giờ họ trả lời với Thần sứ của Yavê đứng giữa những cây sim và nói: “Chúng tôi đi tuần trên đất, và này toàn cõi đất đều ở yên bất động”. Và Thần sứ Yavê cất tiếng nói: “Thân lạy Yavê các cơ binh, cho đến bao giờ nữa, Người vẫn chẳng thương đoái đến Yêrusalem, và các thành Yuda, Người đã thịnh nộ nay đã 70 năm?”. Yavê trả lời cho Thần sứ nói với tôi, những lời nhân từ, những lời an ủi. (Dcr 1, 8-13).

Ngôn sứ lại thấy trong thị kiến thứ 8: Bốn chiếc xe ngựa từ hai quả núi xông ra. Chúng tiến đi hùng mạnh và mong mỗi rảo khắp cõi đất. Những con ngựa tiến về đất bắc sẽ làm cho Thần Khí Chúa được nghỉ ngơi tại đó:

“Tôi lại ngược mắt nhìn. Và này: Bốn cỗ xe xuất hiện giữa hai quả núi. Những quả núi ấy là những quả núi đồng. Xe thứ nhất thắng ngựa hung hung đỏ. Xe thứ hai thắng ngựa đen. Xe thứ ba thắng ngựa trắng. Xe thứ tư thắng ngựa đốm hùng dũng. Tôi cất tiếng hỏi Thần sứ đã nói với tôi: “Thế là gì, thưa Ngài?”. Thần sứ trả lời tôi: “Các con vật ấy ra đi theo bốn luồng gió của trời sau khi đã ra mắt đứng trước Chúa tể của toàn cõi đất. Xe thắng ngựa đen sẽ ra đi về đất phương Bắc. Ngựa trắng ra đi về phía Tây. Ngựa đốm ra đi về đất phương Nam”. Hùng dũng, chúng ra đi. Chúng nong nả xin đi cùng cõi đất. Và Ngài nói: “Đi đi! Hãy rảo cùng cõi đất!”. Và chúng đã rảo cùng cõi đất. Ngài kêu tôi lại và bảo tôi rằng: “Hãy nhìn theo những con ra đi về đất phương Bắc. Chúng triệu thân khí Ta đặt nơi đất phương Bắc”. (Dcr 6, 1-8).

Ngựa trong chiến tranh

Chúng tôi đã nhắc đến chiến mã, nhưng có chiến tranh thì mới có ngựa chiến. Con người có trên mặt đất chẳng bao lâu, thì đã có tranh chấp giữa Cain và Aben gây chết chóc (x. St 4, 1-8...). Chiến tranh là do con người lỗi luật Chúa, không yêu thương nhau, đã luôn hiện diện, rồi dần phát triển cả về ý thức lẫn phương tiện.

Có lẽ phương tiện chiến tranh bắt đầu chỉ là một tảng đá hay một khúc cây... Con người càng thông minh thì vũ khí càng tinh xảo... có thời gian người ta đã dùng đến ngựa để giao chiến:



Hỡi dân cư ở Lakhít, hãy thắng ngựa vào xe, vì nơi người, người ta đã thấy các tội phản nghịch của Ítraen. (Mk 1, 13).

Khi diêm quân trong những trận đánh lớn thời đó, người ta tập trung đến hàng “chiến đoàn” kỵ mã:

Hãy tập trung ngựa lại như tập trung đàn châu chấu hung hăng. (Gr 51,27).

Dĩ nhiên khi có ngựa chiến thì phải có người điều khiển chúng, đó là các chiến sỹ kỵ binh:

Tất cả đều là kỵ binh cỡi ngựa. Chúng sẽ từ phương bắc đem theo chiến mã, chiến xa tiến đến để giao tranh với người. (Ed 23, 23-24).

Đã mang danh kỵ binh, các chiến sỹ lúc nào cũng răm rắp theo mệnh lệnh của một vị chỉ huy:

Trên lưng ngựa muôn người như một, chúng sẵn sàng lâm trận tấn công người. (Gr 6, 23).

Đoàn kỵ binh xuất trận làm náo động cả một vùng:

Kìa tiếng roi vun vút, tiếng bánh xe âm âm, vó ngựa phi dồn dập, xe trận chạy lao rầm rập, (Nk 3, 2), vì:

Ngựa chiến của nó chạy nhanh hơn loài báo, chóng nhanh hơn sói ban chiều (Kb 1,8); kỵ mã của nó từ xa phóng tới, bay nhanh như phượng hoàng lao xuống bắt mồi. (Gr 3, 13). Cho nên:

Người ta nghe tiếng ngựa thở hồng hộc từ Đan vọng xuống, tiếng đàn chiến mã hí vang trời, khiến cả xứ run rẩy kinh hoàng. (Gr 8, 16).

Nhưng cho dù chiến xa, kỵ mã có hùng hổ thế nào, cũng không thoát khỏi quyền năng của Chúa, như Ngài đã mở lối cho chiến mã của Ngài vào biển cả, giữa ba đào cuộn cuộn nước mênh mông. (Kb 3, 14).

Khi Ngài thẳng yên cương cho ngựa và ngự trên xa mã của Ngài, (Kb 3,8) thì không binh lực nào chống lại nổi: Ta sẽ lật đổ xe trận và cả xà ích, kỵ binh cùng chiến mã sẽ ngã quỵ, người này gục trên gươm kẻ khác. (Kg 2, 22). Ta sẽ cho ngựa của người biển khỏi xứ, sẽ phá hủy xe trận của người. (Mk 5, 9).

Chết chóc đã qua đi, chiến trận đã không còn... Như ngựa chẵn ngoài đồng, như chiến nháy tung tăng, lay Đức Chúa, dân Chúa tán dương Ngài là Đấng giải thoát họ. (Kn 19, 9).

Và họ thề hứa không tin vào quyền lực trần thế nữa:

Chúng con sẽ không cầu cứu với Atsua, sẽ không cậy vào chiến mã. (Hs 14, 4).

Từ các tiên tri lớn như Isaia, Geremia đến các ngôn sứ nhỏ Edêkien, Khabacuc, Mikha, Khacgai, Hô-sê đều dùng ngựa để

nói lên kết quả bị diệt vong thảm khốc đến với những kẻ chống lại Thiên Chúa, chống lại con người. Muốn tránh thảm họa đó, chỉ có một con đường là trở về thực thi công lý và yêu thương:

*Hảo huyền thay, mong thắng nhờ chiến mã,
nó mạnh đến đâu cũng không cứu nổi người. (Tv 33,17).*

Chiến mã lúc xông trận phi với tốc độ nhanh hơn cả loài báo săn mồi, hơn cả chó sói lúc ban chiều rượt đuổi thú hoang hầu cho no bụng. Nhanh chân để gây chết chóc thì Chúa chẳng ung:

*Vó ngựa phi Chúa không ưa chuộng,
chẳng thích gì chân kẻ chạy nhanh. (Tv 147,10-11).*

Ngựa trong Khải Huyền

Khải Huyền là sách cuối cùng trong Bộ Kinh Thánh, cũng là sách chốt của Tân Ước, nên trước khi nói ngựa trong sách Khải Huyền, chúng tôi xin rào qua vài sách Tân Ước nói đến ngựa.

Sách Tông Đồ Công Vụ có thuật chuyện ông Saolô trên đường lùng bắt các tín hữu theo Chúa Giêsu, gần đến Đamát ông bị té xuống đất vì luồng sáng từ trời, khiến ông không còn thấy đường. Cú ngã đó người ta quen suy đoán là ngã ngựa, nhưng TĐCV không nhắc đến ngựa ở đoạn này. (x. TĐCV 9, 1-18). Mãi đến sau khi ông Phaolô bị bắt, giải đi Xêdarê, vị chỉ huy mới gọi hai viên đội trưởng đến căn dặn: “*Các anh hãy chuẩn bị hai trăm bộ binh, bảy mươi kỵ binh và hai trăm khinh binh, để ngay giờ thứ ba đêm nay đi Xêdarê. Cũng phải có sẵn ngựa cho ông Phaolô, để đưa ông ấy an toàn đến với tổng trấn Phêlich*” (TĐCV 23, 23-24).

Trong thư Thánh Giacôbê, khi luận về cái lừa con người, thánh nhân đã dùng hàm thiếc con ngựa, (và nhiều thứ khác) để lập luận:



“*Nếu ta tra hàm thiếc vào mõm ngựa để bắt chúng tuân lệnh, thì ta điều khiển được toàn thân chúng*”
(Gc 3, 3).

Nếu làm một thống kê xem 72 cuốn Kinh Thánh nói đến ngựa bao nhiêu lần, chắc hẳn các nhà chuyên môn cũng phải tốn rất nhiều thời gian. Chúng tôi chỉ mở một số sách, bắt đầu là sách Sáng thế, để tìm biết về con vật cầm tinh cho năm Ngọ. Và để cho có thủy có chung, chúng tôi mở tiếp sách Khải Huyền, cuốn cuối cùng của Kinh Thánh để tìm ngựa. Thánh Gioan đã được cất lên tầng trời thứ ba, ở đó, Ngài đã thấy Chiên Con mở các ấn. Khi ấn thứ nhất được mở, *Ngài thấy một con ngựa bạch*, người cỡi mang cung ra đi như người thắng trận. Ấn thứ hai: *con ngựa đỏ như lửa* đi ra, người cỡi được ban cho một thanh gươm lớn để rút hoà bình khỏi mặt đất. Ấn thứ ba: *một con ngựa ô xuất hiện*, người cỡi cầm cân trong tay. Ấn thứ tư: *một con ngựa màu xanh nhạt đến*, người cỡi mang tên Ôn dịch, có Âm phủ theo sau. (x.Kh 6, 1-8).

Sau đó, Ngài thấy 7 vị thiên thần thổi loa. Tiếng loa của thiên thần thứ sáu thổi lên, có bốn thiên thần khác xuất hiện với nhiệm vụ tiêu hủy một phần ba nhân loại. Các vị đó điều khiển tổng số các đạo binh là *hai trăm triệu kỵ mã*. Người cỡi ngựa thì mặc áo giáp lửa màu đỏ, màu cánh trả, màu diêm sinh. Năng lực các con ngựa do tại mõm và đuôi nó, vì đầu ngựa như đầu sư tử, mõm ngựa thét ra lửa và diêm sinh, đuôi ngựa giống như rắn có đầu, dùng đầu ấy gây tổn hại đối phương. (x.Kh 9, 13-19).

Trong Kinh Thánh có biết bao nhiêu là ngựa, nội sách Khải huyền đã có hơn hai trăm triệu con ngựa. Đó là một đạo binh hùng dũng, đông đảo nhất, các vua chúa thế gian hợp nhau lại cũng không thể nào có được.

Nhân ngày đầu năm Ngọ, chúng tôi cũng xin mượn lời kết thúc của bộ Kinh Thánh, kính chúc quý vị một năm mới được dồi dào “**Ân sủng của Chúa Giêsu ở cùng hết thảy mọi người**” (Kh 22,21).[]



*Tựa hoa sớm nở tối tàn,
Đời như vó ngựa vội vàng qua sông.
(Gs 14, 2)*



*Giống như mục tử phân ra,
Chiên bên tay phải, dê qua trái người.
(x. Mt 25, 33).*

NĂM MÙI VUI CHUYỆN DÊ VỀ KINH THÁNH

Tôi còn nhớ mãi hình ảnh con dê trong cuốn sách giáo lý mà thời tôi còn bé, bố tôi thường mở ra chỉ dạy cho tôi. Cuốn sách có khổ lớn, mở ra to bằng trang nhật báo, cứ một trang in chữ, một trang in hình. Tôi không còn nhớ tên cuốn sách, nhưng nhớ mãi những trang hình, đặc biệt là cảnh hoá ngục.

Hoả ngục được vẽ trong tranh ấy có bảy cửa, tượng trưng bảy mối tội đầu. Mỗi cửa có vẽ một con vật làm biểu tượng cho một tội. Con heo cho tội mê ăn uống, con rùa cho tội làm biếng, con dê canh cửa thứ ba “giữ mình sạch sẽ chớ mê dâm dục”.

Năm Mùi, nhớ lại con dê trong cảnh hoả ngục, tôi liền mở Kinh Thánh tìm xem Sách thánh nói đến con dê như thế nào?

Ngay cuốn sách đầu tiên là Sáng thế ký đã nhắc đến con dê, và rải rác các sách khác cũng có nói về dê, kể cả trong Tân Ước. Tuy dê không được Kinh Thánh coi trọng bằng bò tót, cừu đực, nhưng cũng nói đến nhiều. Chúng tôi bắt đầu chuyện dê đầu tiên trong Sáng thế ký.

Thịt dê thế thịt rừng

Ông Ixaac và bà Rêbêca có hai người con trai là Exau và Giacop, ông thích thịt rừng nên ưa cậu cả Exau, bà lại thương con út Giacop hơn. Một hôm bà nghe được ông sai Exau đi săn lấy thú rừng về nấu cho ông món thịt rừng ông vẫn ưa thích, rồi ông chúc lành cho trước khi ông nhắm mắt về với tổ tiên. Bà liền vội vàng sai Giacop ra chuồng gia súc bắt hai con dê non mập mạp đem cho bà. Hai con dê bị bà lột da, xẻ thịt, nấu món ăn theo đúng sở thích của ông Ixaac. Khi đã xong, bà cho Giacop đóng vai Exau bung cổ lên mời bố để nhận lãnh lời chúc phúc, trong khi Exau còn đang mài sẵn thú rừng. Giacop đoán: “Mẹ à, anh Exau người rậm lông, nhờ ba con cầm tay con, biết là con xí gạt thì phúc chẳng thấy, thấy tội”... Bà Rebeca lấy da dê non bọc tay và cổ cho Giacop, bà còn dùng áo của Exau mặc cho Giacop... Ông Ixaac tuy loà không thấy, lại nghe giọng nói khác Exau, ông cũng bán tín bán nghi... Nhưng khi sờ thấy tay bọc da dê đầy lông, ông nghĩ đúng là Exau, nên đã chúc phúc cho Giacop!

Chính vì mâm cỗ lấy thịt dê thế thịt rừng ấy mà anh em hiềm thù nhau. Giacop phải trốn đi ở chăn dê cho cậu, ở mãi tận Khaban. (*xem St 27, 1- 46*).

Dê, của lễ đền tội

Dê được dùng làm tế phẩm dâng tiến Yavê, nhưng chỉ được dùng làm lễ vật đền tội, không được dùng làm lễ vật tôn kính Chúa. Ngoại trừ trường hợp đặc biệt người ta có thể dùng con dê cái non để giết ăn mừng lễ. (*x. Đnl 15,22*).

Theo sách Dân số, ông Môisen đã được Đức Yavê truyền dạy về những con vật được giết làm của lễ toàn thiêu dâng tiến Chúa như sau:

Trong các dịp lễ: lễ bánh không men, lễ các tuần, lễ lễu, ngày sóc, ngày hò la, ngày xá tội... ngoài các tế phẩm như bò tơ, chiên con, cừu đực... còn phải có một con dê đực làm lễ đền tội (*x. Ds 18*). Một lễ đền tội điển hình được mô tả như sau: Vua Êxach tế lễ Chúa có dùng bảy con dê đực làm lễ đền tội cho quốc gia. Bảy con dê đực được dẫn đến trước mặt vua, rồi dân chúng đặt tay trên những con dê đó. Sau đó giết các con sinh tế ấy, lấy huyết rảy trên bàn thờ. (*x. 2Sk 29,20-24*). Thông thường người ta dùng một con là đủ. Nhưng lễ đền tội cho một tập thể lớn, mới cần đến nhiều con dê đực, như trong lễ chuộc sau:

Ngày mồng ba tháng Āđa, năm thứ sáu triều vua Đariô (mồng 1 tháng 4 năm 515 trước công nguyên). Dân Ítraen, các tư tế, các Thầy Lêvi và các dân lưu đày trở về, đã tổ chức lễ khánh thành Nhà Thiên Chúa, được xây trên nền cũ, tại Giêrusalem, sau kỳ lưu đày tại Babylon về. Họ đã dâng 100 con bò, 200 con cừu đực, 400 con chiên. Để làm lễ chuộc tội cho toàn thể dân Ítraen trong dịp này, họ bắt 12 con dê đực làm con sinh tế, đền thay cho số 12 chi tộc Ítraen. (*x. Er 6, 15-17*).

Đàn dê của ông Giacóp

Sau nhiều năm ở rể tại nhà ông Laban, Giacóp xin trở về quê hương cũ. Ông Laban nói với Giacóp: “Tôi biết, Đức Yavê đã vì anh mà chúc phúc cho tôi, tôi biết lấy gì mà trả công cho anh đây?”



Giacóp thưa lại: “Cậu đừng trả gì cho cháu cả, cháu chỉ xin cậu những con dê khoang lốm đốm thôi. Nếu mai này cháu xa cậu mà trong đàn dê của cháu có những con không khoang lốm đốm là không thuộc về cháu.”

Ngay hôm ấy, ông Laban cho lựa hết những con dê khoang lốm đốm dành cho Giacóp, lừa riêng đi cách xa đàn dê của ông tới ba ngày đường, giao cho các con ông chăm sóc, còn Giacóp vẫn phải chăn dê cho bố vợ như cũ. Giacóp muốn lợi dụng cơ hội này làm tăng thêm cho đàn dê khoang của mình. Ông chặt những cành cây bạch dương, cành hạnh đào, cành tiêu huyền còn tươi, bóc đi một phần vỏ cho lộ ra những sọc trắng. Ông cắm những cành cây đó cạnh máng nước, trước mặt những con dê đang uống nước, dê đực và dê cái khỏe mạnh truyền giống bên máng nước ấy, sinh ra những con dê con mạnh khỏe. Bằng cách ấy, Giacóp đã tạo cho mình thêm rất nhiều dê khoang đốm, đến nỗi Sứ thần Chúa cũng phải thốt lên: “Hãy ngược mắt lên mà coi, tất cả những dê đực dê cái phối giống bên máng nước đều sinh ra dê có khoang rằn ri lốm đốm... Bây giờ hãy chỗi dậy, ra khỏi đất này mà về bản quán của mình”. Lúc lên đường về quê, Giacóp đã giàu có lắm, với vô số cừu dê, tứ trai hầu gái đông đúc và từng bày lạc đà, lừa vận tải... (xem. *St 31, 24-43*).

Dê, lễ vật ra mắt

Đọc Kinh Thánh, chúng ta đã biết Esau và Giacóp là anh em sinh đôi, Esau ra trước làm anh, nhưng vì đi săn về đói mệt đã bán chức trưởng nam cho Giacóp để lấy một bát cháo ăn đỡ lòng. Giacóp lại được mẹ hướng dẫn để dành được lời chúc phúc của cha. Chính vì thế, Esau tức giận đòi lấy mạng Giacóp, khiến bà mẹ phải để cho Giacóp trốn đi xa cưới vợ. Trở lại quê hương lần này, Giacóp vẫn sợ anh mình còn giận, nên đã bố trí cho cuộc anh em hội ngộ rất cẩn thận. Ông cho người ăn kẻ làm lừa những đàn vật đi trước để làm lễ vật ra mắt anh. Trong số những đàn vật ấy có một đàn dê đông đúc gồm hai trăm dê cái và hai mươi dê đực. Giacóp nghĩ thầm rằng, ta cho mang tặng phẩm này ra mắt anh trước để anh nguôi giận, sau ta mới đến gặp mặt anh ấy và may ra anh ấy sẽ nể ta.

Ông Esau được tin em về, cũng mang bốn trăm gia nhân đi đón Giacóp. Gặp nhau anh em ôm cổ nhau mà hôn, cả hai cùng đắm ướm lệ mừng. Giacóp phải nài nỉ anh mãi, Esau mới nhận những món quà lòng thành Giacóp hiến tặng, trong đó có đàn dê là lễ vật cầu phúc. (x. St 32 và 33).

Con dê của bà Tôbit

Ông bà Tôbit là người kính sợ Chúa, ông thực hành đức bác ái bằng việc chôn xác những đồng hương bị giết rồi ném ra ngoài thành, dù ông bị ngăn cấm. Ông bà có một con trai tên là Tôbia.

Một hôm ông Tobit nằm ngủ ngoài hiên nhà, ông bị phân chim rơi trúng mắt, khiến hai mắt ông không còn thấy đường. Từ ngày ông bị mù, bà Anna vợ ông phải lo quản xuyên hết mọi việc nhà, lo bươn chải từ việc nặng nhọc đến

những việc nhẹ, để bảo đảm cuộc sống gia đình. Tuy vậy, bà cũng không sao lãng bổn phận của phụ nữ: “Gái thì giữ việc trong nhà, Khi vào canh củi khi ra thêu thùa.”

Canh củi không quá nặng nhọc, nhưng tốn nhiều thời gian, phải thức khuya dậy sớm làm việc thì mới dệt được nhiều vải. Bà cứ dệt, cứ dệt... được kha khá lại cắt vải đem đi giao hàng. Hôm ấy, nếu tính theo lịch Makêđônia là ngày mùng bảy tháng Đystro, tương đương với tháng Adar của lịch Do thái, tức khoảng tháng hai tháng ba theo lịch ngày nay, bà xén vải đem đi giao. Họ đã trả đủ tiền vải cho bà, rồi còn tặng bà một con dê con, để bà có thể làm một bữa ăn thịnh soạn đãi cả nhà.

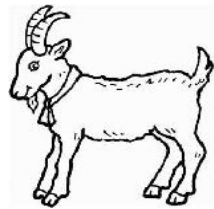
Con dê đã được cột một sợi dây vào cổ để bà có thể dắt nó đi dễ dàng. Khi bà dắt dê về đến nhà, con dê không chịu vào, bà lôi mạnh, con dê kêu lên be be... Ông Tôbit nghe tiếng dê kêu, liền hỏi bà:

- Ở đâu mà bà có được con dê đấy? Hay là bà bắt được của ai, hãy mau đem trả cho chủ nó! Vì ta không được phép dùng những của không phải là của mình.

Bà Anna vui vẻ, hãnh diện khoe với chồng:

- Con dê này là quà người ta tặng cho tôi, sau khi họ đã trả đầy đủ tiền vải.

Ông Tôbit vẫn không tin, có ai lại tốt bụng quá vậy. Ông cứ nằng nặc đòi bà phải đem dê đi trả, vì ông cảm thấy xấu hổ khi có bà vợ đi bắt dê của người ta về...



Thế là ông bất bình vì không đồng ý kiến, nhưng với tài thuyết phục và sự ngay thẳng của bà Anna, thế nào ông Tôbit cũng hiểu. (x. Tb 2,19-23).

Dê cừ song đấu

Đọc sách tiên tri Đanien, ta thấy ngôn sứ này được thấy nhiều thị kiến. Bằng giọng văn khái huyền, ông đã thuật lại những thị kiến ấy để tuyên sấm về những việc sẽ xảy ra, hầu cảnh cáo người đương thời. Một trong những thị kiến ấy là cuộc song đấu giữa một con cừ đực và một con dê đực.

Năm thứ ba triều vua Bantasa, vua nước Babylon, lần thứ hai Đanien được thị kiến. Khung cảnh của thị kiến được xảy ra ở thành Susa, trong địa hạt Êlam, đế đô của triều đại Akêdêmit, trên bờ sông Ulai. Khi ngôn sứ ngược mắt lên nhìn thì thấy một con cừ đực đứng đối diện với bờ sông. Bằng một sức mạnh kinh hồn, con cừ húc tới phía Tây, lao lên phía Bắc, rồi nhào xuống phía Nam mà không ai có thể cản nổi nó.

Ngay lúc ấy, xuất hiện một con dê đực từ hướng mặt trời lặn xông tới, nó rảo khắp thiên hạ mà chân không chạm đất. Dê xồm ấy có một cái sừng lồ lộ ngay giữa hai con mắt. Nó hùng hổ xông tới chỗ con cừ đực, con dê nổi giận đùng đùng, lấy đầu phang cho con cừ một phát, làm gãy luôn cặp sừng của con cừ. Cừ đực lão đảo, không còn sức chống cự. Được đà, con dê tông thêm một phát nữa làm con cừ lăn chiêng xuống đất. Rồi cứ thế, con dê dùng chân đạp túi bụi vào con cừ... Dê tưởng mình còn sung sức, không ngờ cũng choáng váng, vì cái sừng duy nhất đã bị gãy sau khi triệt hạ đối phương. Nhưng ngay sau đó bốn sừng khác mọc lên, theo bốn hướng gió trời, thay thế cho cái sừng dê bị gãy đó.

Thị kiến trên của ngôn sứ Đanien là một lời sấm tiên báo những việc xảy ra sau đó giữa các vua trong các xứ Mêđi, Ba tư và Hy Lạp. Ai muốn biết rõ hơn về thị kiến trên, xin mở sách Đanien đọc tiếp. (x. Đn 8, 1-27).

Dê trong thi ca Kinh Thánh

Các tổ phụ dân Do thái xưa đều thuộc dân du mục, công việc chăn nuôi vì thế đã đi vào Kinh Thánh, nên sách Thánh đã ghi lại những kinh nghiệm trong cuộc sống, giống như ca dao, tục ngữ nước ta, nhờ đó hậu sinh nương đà mà phát triển:

*Khi cỏ khô đã cắt và cỏ non lại mọc,
cỏ xanh trên đồi núi cũng được gom về,
thì con có tiền tậu ruộng nhờ dê,
sữa dê con uống thỏa thuê,
cả nhà no đủ, nữ tì cũng vui.*(Cn 27, 25-27).

Dê giúp phát triển kinh tế, tăng nhanh tài sản như thế, nên không những được các chàng trai chăn dắt mà các thiếu nữ cũng góp phần. Cô thiếu nữ Gialiêm xưa khi đi chăn dê, muốn biết người tình đang nghĩ ở đâu, nàng đã được hướng dẫn:



*Này hỡi trang tuyệt thế giai nhân,
nếu quả nàng không biết,
thì hãy ra đi theo vết chân đàn cừu,
mà dẫn dê con của nàng đi ăn
quanh các lều mục tử... (Dc 1,8)*

Khi đã đến lều người yêu, nàng ngủ một giấc đầy mộng mơ, khiến chàng không dám cho ai làm nàng dở dang giấc điệp:

*Nhân danh dê cái nhân vì linh dương,
Chớ làm kinh động cô nương.*(Dc 2, 7).

Nàng đã say sưa ngủ, một giấc ngủ đầy mộng mơ. Mơ nàng xinh mái tóc, mơ chàng bảnh trai cường tráng:

Tóc nàng gọn sóng như đàn sơn dương từ trên ngàn Galat tủa xuống. (Dc 4, 1) và nàng muốn nói cùng chàng:

Hãy làm linh dương, làm nai nhỏ của lòng em. (Dc 8, 14).

Nhưng có lúc dê núi cũng gặp tai ách:

Sẽ như linh dương hoảng chạy, như cừu dê không người trâu hạp. (Is 13, 14).

Không có người chặn quy tụ, *bầy chiên dê biến mất khỏi ràn,* (Kb 3, 17). *Quả thật, cả chiên dê nhỏ nhất cũng bị lôi đi.* (Gr 49, 20). Đúng như lời nguyện rủa: *Chớ gì lều và chiên dê của chúng bị người ta lấy đi.* (Gr 49, 29).

Để dựng lại cơ nghiệp, phải nhớ lời khuyên: *Hãy trốn khỏi Babylon, ra khỏi đất Candê và nên như những con dê đầu đàn,*(Gr 50, 8) *đợi khi chúng sẽ dẫn chiên dê đến đó.* (Xp 2, 7).

Được kỳ bình an, người ta lo tìm của lễ tạ ơn:

Phải chăng Đức Chúa thích từng ngàn dê đực, hàng vạn suối dầu ? (Mk 6,7).

Chúa không ưa của lễ dê bò, của lễ mà Chúa yêu thích chính là thực thi công bình, quý yêu nhân nghĩa và khiêm cung trước Chúa.

Vua Đavit tuy là người chăn dê, nhưng biết thực hành các đức tính ấy. Ông đã lãnh nhận sức mạnh từ nơi Đức Chúa, dùng tròng ném đá hạ sát Goliat, Đavit được ca tụng như giết được mười ngàn tên giặc, cho nên:

*Ông chơi với sư tử như giỡn với dê tơ,
Đùa với gấu như vờn vờ chiên nhỏ.* (Hc 47, 3).

Dê còn được dùng trong nghi lễ tế tự, xông lên Giavê Thiên Chúa hương thơm, xin ơn xá tội:

*Con tiến dâng Ngài bò chiên dê béo tốt,
Làm lễ toàn thiêu nghi ngút bay lên. (Tv 66, 15).*

Dê trong ngày chung thủy

Trong mắt các ngôn sứ, dê thường đại diện cho những kẻ phản nghịch với Thiên Chúa, mang ý nghĩa trái ngược với con chiên. Vì thế các tiên tri thường mô tả dê trú ngụ tại những nơi nhơ nhớp, gai góc rậm rạp...Isaia đã chúc dữ cho thành Babylon, một thành biểu tượng cho nơi điếm đàng:

*Tại đó dã thú đến nằm nghỉ,
Cú vọ ở đầy nhà, đà điểu tới trú ngụ,
Và bầy dê ma quái nháy nhót tung tăng, (Is 13, 21).*

Quả thật, những nơi Đức Chúa chúc dữ thì chỉ còn các thú hoang hung ác ẩn nấp, ở đó chúng tha hồ quăng dõn, kết bầy phá phách:

*Mèo hoang lại gặp chó rình,
Loài dê ma quái hú mừng gọi nhau. (Is 35, 14).*

Dê bị chúc dữ thì sống chui lủi, có khi còn phải tán loạn lìa đàn, *bấy giờ như sơn dương bị săn đuổi* (Is 13,14). Con người ta thì trái lại, sống trên trần thế không thiếu chi những cảnh người lương thiện thường gặp tai ách đủ điều, còn kẻ gian manh lại thấy lắm sang giàu quyền thế. Tuy nhiên, niềm tin vào Chân lý cho chúng ta biết sẽ có ngày chung thủy, dù chiên, dù dê cũng đều tập trung: *mọi chiên dê của Kêda sẽ được tập trung tại nơi người,* (Is 58, 14) lúc ấy mọi người đều được xét xử công minh: *Này Ta sẽ xét xử giữa chiên với chiên, giữa cừu với dê.* (Ed 34, 17).

Cuộc thẩm xét cuối cùng được Thánh sử Matthêu mô tả:

Khi Con Người đến trong vinh quang của Người, có tất cả các thiên sứ theo hầu, bấy giờ Người sẽ ngự lên ngai vinh hiển của Người. Các dân thiên hạ sẽ được tập hợp trước mặt Người, và Người sẽ tách biệt họ với nhau, như mục tử tách biệt chiên với dê. Người sẽ cho chiên đứng bên phải Người, còn dê ở bên trái...(Mt 25, 31-33).

Ngày chung thẩm sẽ không còn phân biệt kẻ sang người hèn, kẻ có quyền thế hay người vô danh tiểu tốt mà chỉ còn công hay tội, thiện và ác. Đừng tưởng làm lớn là không bị kết án, ngôn sứ Dacaria đã khẳng định:

*Trên các mục tử, con giận của Ta bùng bùng,
Ta sẽ hỏi tội các dê đầu đàn.(Dcr 10, 3).*

Tiên tri Giêrêmia đã cho biết sau khi xét xử, kẻ gian ác sẽ bị đưa đến chỗ trừng phạt đời đời kiếp kiếp:

Ta sẽ đẩy chúng xuống lò sát sinh như chiên con, như cừu và dê đực. (Gr 51, 40).

Cũng theo Giêrêmia, những người lành thánh được đem đến cõi trường sinh no đầy ơn phúc:

*Chúng sẽ đến reo vui trên đỉnh đồi Sion,
Chúng sẽ cuộn chảy về với phúc lành Giavê
với lúa miến, rượu mới, dầu tươi, với dê cừu, bò bê.
Sinh mạng chúng sẽ như thừa vườn nước nhuần
và chúng sẽ không còn phải ủ ê tiêu điều. (Gr 31, 12).*

Quý vị nào muốn đọc thêm những câu Kinh Thánh nói đến dê, xin tiếp tục mở thêm vì còn rải rác rất nhiều. Nhân ngày Đầu năm Mùi, kính chúc quý vị Năm Mới đầy tràn Thánh Đức, hầu ngày cánh chung được chọn sang đứng phía bên phải Con Người, để khỏi trở thành những con dê lạng lẽ lầm lũi cúi đầu bước đi sang phía bên trái Chúa.[]



- Ta sẽ hỏi tội các dê đầu đàn!
(*Dcr 10,3*)



*Tuổi thân con khỉ ở lùm,
Đu qua nhảy lại rút tùm xuống sông.
(Ca dao)*

NĂM THÂN LẦN CHUYỆN KHỈ GHI NƠI KINH THÁNH

Thánh Kinh hầu như không nói đến con khỉ, nhưng chắc chắn con khỉ cũng được Thiên Chúa tạo thành. “Đất hãy sinh sản mọi vật sống tùy theo loại: súc vật, côn trùng, thú rừng tùy từng loại. Liền có như vậy. Thiên Chúa còn dựng nên thú rừng tùy loại, cả súc vật, côn trùng trên mặt đất tùy từng thứ nữa. Thiên Chúa nhìn thấy chúng đều tốt lành.” (St 1,24-25). Cũng như các con vật, khỉ được dựng nên trong ngày thứ Sáu, trước khi Chúa dựng nên loài người. Tuy Thánh Kinh không nói rõ đích danh Chúa dựng nên con khỉ, mà chỉ nói chung Chúa dựng nên thú rừng tùy loại, dĩ nhiên trong đó có khỉ. Nhưng cổ tích Việt Nam lại có câu chuyện về nguồn gốc giống khỉ, thiết tưởng trước khi nói đến khỉ trong Thánh Kinh, cũng nên biết tổ tiên ta có quan niệm về khỉ như thế nào.

Khỉ trong cổ tích Việt Nam

Câu chuyện cổ tích của nước ta về nguồn gốc con khỉ khá dài, ở đây chúng tôi chỉ xin tóm tắt:

Sen là một cô gái nghèo phải đi ở cho một nhà trưởng giả giàu có nhưng keo kiệt. Cô phải làm việc suốt ngày, mà còn bị đánh đập chửi mắng. Cái ăn cái mặc cũng chẳng đủ no đủ ấm. Vì thế người cô ngày càng quắt lại, xấu xí bệ rạc.

Một hôm nhà trưởng giả có giỗ, cỗ bàn linh đình, họ hàng đến ăn uống đông đúc. Trong khi đó cô Sen lại càng phải làm tăng thêm công việc. Cô phải quần quật gánh nước từ cái giếng đầu làng về phục vụ cho đám giỗ. Lần gánh thứ mười, vì mệt quá, cô ngồi bên bờ giếng, túi thân ôm mặt khóc. Lúc đó có một cụ già râu tóc bạc phơ, từ xa tiến lại, đáng điều cụ mệt mỏi, đến xin nước uống. Cô vội múc nước cung kính mời cụ uống. Uống nước xong, cụ lại xin cơm. Sen nghĩ tới phần cơm của mình chưa ăn, xin cụ ngồi nghỉ, đợi chuyển sau sẽ đem cơm ra.

Lần sau ra giếng, cô lấy phần cơm gói trong lá chuối để trong thùng ra mời cụ già:

- Thưa cụ, họ dành cho cháu chỉ có ít cơm cháy này, cụ dùng tạm cho đỡ lòng.

Cụ già ăn xong liền hỏi:

- Hồi này làm sao con khóc?

Cô Sen ngập ngừng, cúi mặt nheñ ngào không dám nói. Thấy vậy, cụ già yên ủi:

- Ta là ông Bụt, thấy con có lòng tốt. Con muốn xin gì?

Cô Sen mừng rỡ kể nỗi lòng với cụ già. Thấy ước muốn của cô gái chỉ là xin cho mình bớt xấu xí, có người thương đến, hầu thoát cảnh ở đợ khổ cực. Ông cụ nói:

- Con hãy lặn xuống giếng này, thấy bông hoa nào đẹp, con hãy mút lấy.

Khi xuống nước, cô gái chỉ mút lấy một bông hoa trắng. Lúc lên bờ cô đã trở thành một cô gái diễm lệ, áo quần cô cũng được Bụt hoá nên sang trọng.

Sen quảy gánh nước về nhà, cả họ nhà trưởng giả vô cùng kinh ngạc. Xúm nhau lại hỏi duyên cớ. Thế là cả họ nhà trưởng giả kéo nhau, đem theo xôi thịt ra giếng gắp cụ già, mời ăn rồi rít. Ông Bụt cũng bảo họ xuống giếng, ung bông hoa nào thì mút lấy. Ai nẩy đều cho hoa màu đỏ là đẹp, họ thi nhau mút lấy mút để. Nhưng lúc lên bờ thì không trẻ ra mà lại già đi, quắt người lại, mặt mũi nhăn nheo, lông lá mọc đầy, sau lưng lại còn thêm một cái đuôi như đuôi cáo. Khi họ về nhà thì bị dân làng cho là quỷ, hò nhau đánh đuổi, họ phải chạy tuốt lên rừng. Vì tiếc của, đêm đến bọn họ lại kéo nhau về. Dân làng lấy mắm tôm trét vào cổng và nung đỏ lưới cày, đặt quanh ngõ. Bọn họ về bám vào cổng bị dính mắm tôm thành ra hôi hám, có đứa còn ngồi lên lưới cày để nghỉ, không ngờ bị cháy đỏ cả bàn tọa. Từ đó không dám bén mảng về làng nữa, mà chỉ ở rừng, nhảy nhót trên cây tìm hoa quả để sống. Giống khi có từ ngày ấy.



Nhà đạo nói đến con khi

Theo cổ tích, thì khi là do con người độc ác, ức hiếp kẻ thế cô, tham lam trục lợi mà hoá thành như câu chuyện dân gian trên. Còn nhà đạo nói về con khi thì thế nào? Nhớ lại ngày còn nhỏ, sống ở đồng bằng miền quê cấy lúa nước, chúng tôi chẳng biết con khi nó thế nào, mà thường lẫn lộn con khi với con quỉ. Con quỉ thì đã thấy hình vẽ, trong bức họa kẻ chết dữ, có mấy con quỉ chực sẵn để lôi kẻ liệt xuống với nó. Hình thù con quỉ trong bức tranh đó cũng giống như người, chỉ khác nó đen, đầu có sừng, răng nanh nhe ra nhọn hoắt, môi và lưỡi đỏ lòm, có hai cánh như cánh con dơi, lại thêm cái đuôi mà khúc chót nhọn giống lưỡi cày. Còn con khi thì mãi đến ngày di cư vào Nam,

chúng tôi mới thấy ở gánh bán thuốc Sơn Đông, có con khi làm trò đi xe đạp... Khi chắc cũng bị liệt vào loài thú chẳng có gì đáng làm gương, hay xứng đáng biểu tượng cho điều gì tốt đẹp.

Nếu con chiền biểu tượng cho sự hiền lành, thì con khi chỉ có thể biểu tượng cho sự láu cá, khôn vặt và nghịch ngợm, phá phách..., nghĩa là một biểu tượng xấu. Câu chuyện trong Thánh tích sau đây chứng tỏ điều đó.

Con khi trong Thánh tích

Các vị lớn tuổi hẳn còn nhớ Thánh tích là gì? Trước công đồng Vaticanô II, các giờ phụng vụ trong các tháng đặc biệt, như tháng Rosa, tháng Các Linh hồn... đều có đọc sách về tháng ấy. Sau các đoạn suy ngẫm, thường có một câu chuyện được nêu lên để làm gương. Những chuyện đó gọi là Thánh tích. Trong Đại Nam Quốc Âm Tự Vị, Huỳnh-Tịnh Paulus Của ghi nghĩa của Thánh tích là *“những chuyện hiển hích các thân linh làm ra”*...

Ngày xưa, trong sách Vườn Hoa có một câu chuyện về con khi mà Thánh Anphongsô viết, chúng tôi xin kể lại: Tại thành Vêni, có một luật sư rất nổi tiếng. Ông ta làm giàu bằng nhiều mảnh khoé gian xảo và bất công. Cuộc sống vật chất của ông rất xa hoa, nhưng đời sống tinh thần thì thê thảm. Ông không làm được việc lành nào, ngoại trừ mỗi ngày ông đọc một kinh Kính Mừng, theo lời mẹ ông dặn trước khi bà mất.

Vì sang giàu và địa vị cao, ông may mắn quen với linh mục Matthêu Bách. Nhân một ngày rảnh rỗi, ông mời cha Bách đến dùng cơm trưa tại nhà. Cha Bách muốn nhân cơ hội xem có khuyên ông luật sư được lời nào chẳng, nên nhận lời mời đến dùng bữa.

Vừa bước vào nhà, chủ khách vồn vã chào hỏi. Ông luật sư liền khoe:

- Cha ạ, hôm nay tôi muốn để cha xem một con vật chưa từng có trên trần đời. Tôi nuôi được một con khỉ rất lạ lùng, nó hầu hạ tôi còn hơn một đầy tớ, nào pha cà phê, nào rửa ly, dọn bàn ăn, lại còn biết mở cửa khi tôi về nữa...

Vị linh mục đáp:

- Xin ông để ý, khéo không phải là con khỉ thường đâu. Ông cho gọi nó lên, tôi xem nào.



Luật sư cho gọi con khỉ, nhưng nó trốn biệt, mãi sau mới thấy nó trốn trong góc gầm giường tầng hầm nhà. Cha Bách đề nghị xuống đó. Rồi cùng ông luật sư đến chỗ con khỉ, ngài ra lệnh:

- Đồ muông thú hoả ngục. Nhân danh Chúa, ta truyền mày phải nói

mày là ai!

Con khỉ xưng mình là quỷ hoả ngục, được Chúa cho phép đến ở làm đầy tớ ông luật sư, đợi hễ ngày nào ông ta quên đọc kinh Kính Mừng là lập tức bóp cổ ông, lòi xuống hoả ngục.

Nghe thấy thế, ông luật sư quì phập xuống xin cha Bách cứu. Cha khích lệ ông, rồi ra lệnh cho con khỉ phải xéo ngay, mà không được làm hại gì đến gia chủ, ngài chỉ mặt con khỉ nói đồng dục:

-Ta chỉ cho phép mày chọc thủng một lỗ trên tường, chứng tỏ mày đã cút xéo.

Cha vừa nói dứt thì “Ầm.m.m.m” một tiếng, trên tường xuất hiện một lỗ thủng. Lỗ ấy người ta đã làm hết cách mà không vít lại được. Mãi sau này, một linh mục khác, cha Tôma mới khuyên người ta tạc một hình thiên thần treo lên che lỗ hỏng ấy mới được.

Khỉ thời vua Salômôn

Hết truyện khỉ trong thánh tích, giờ mới tới chuyện khỉ trong Thánh kinh, đó là “*con khỉ thời Salômôn, Từ bên Tácstít tàu buôn đưa về.*” (x.2Sb 9, 21)

Đọc Thánh kinh ai cũng biết vua Salômôn là vị vua nổi tiếng về khôn ngoan và giàu có. Vua đã xin Chúa ban sự khôn ngoan để ông cai trị dân Chúa. Vì điều ông xin hợp với ý Chúa, nên không những Chúa ban cho ông sự khôn ngoan thông thái, mà còn ban cho ông của cải dư dật giàu có nhất thiên hạ, đến nỗi trước ông và sau ông không có ai bằng ông được.

Tài sản của vua thì hằng hà sa số là vàng bạc châu báu. Hàng năm số vàng nhập nội cho vua Salômôn có tới sáu trăm sáu mươi sáu tạ vàng. (Trữ kim của Việt Nam Cộng Hoà ta xưa chỉ có 160 tạ, còn thời cộng sản thì chắc chắn là không có trữ kim trong công khó). Ấy là chưa tính số vàng do đại sứ các nước, các thương gia nhập cảng, rồi các vua Ả-rập và các quan tổng trấn địa phương chở đến cống cho vua Salômôn.

Về quốc phòng, vua cho đúc hai trăm cái thuẫn lớn bằng vàng ròng, mỗi cái cân nặng sáu ký lô vàng, và ba trăm cái thuẫn nhỏ cũng bằng vàng, mỗi cái nặng ba ký lô vàng. Những vũ khí đó được chứa trong Cung trên rừng Libanô. Trong cung điện vua cho chế một cái ngai lớn bằng ngà voi, nạm vàng thập thành. Một con chiên bằng vàng dính sát vào ngai. Có sáu cấp bước lên ngai. Bệ ngồi bằng vàng liền với ngai, hai bên có thành tựa tay với hai con sư tử đội tay ngai. Ở hai đầu sáu cấp bước lên ngai có mười hai con sư tử đứng chầu. Trong thiên hạ, không một vua nào có cái ngai hùng vĩ như vậy. Tất cả các chén uống của vua đều làm bằng vàng, tất cả các đồ dùng tại cung Rừng Libanô đều làm bằng vàng. Vì đối với vua Salômôn vàng không có giá trị gì cả.

Về thương mại, nhà vua có một đoàn thương thuyền, hợp tác với các tàu buôn của vua Khiram đi tới các nơi, như Ôphia

để chở vàng, gỗ bạch đàn, ngọc quý. Có chuyến chở về cho vua tới 450 khối vàng.



Quả vậy, vua Salômôn có một đoàn tàu đi Tácsít cùng với các tôi tớ của vua Khiram, và cứ ba năm một lần, đoàn tàu Tácsít đến mang theo vàng, bạc, ngà voi, các con khỉ, con vượn. (2Sb 9,21).

Thánh Kinh nói đến khỉ mà không bàn gì thêm đến con khỉ, cũng không nói vua Salômôn nhập cảng khỉ về làm gì. Có lẽ nhà vua đem khỉ về cũng chỉ là cho nuôi trong vườn thượng uyển để giải trí. Chúng tôi mới chỉ tìm thấy Thánh kinh nói đến khỉ trong trường hợp trên, ở sách Sử biên niên, quyển thứ hai, chương thứ chín, câu hai mươi mốt.

Thần khỉ Hanuman

Hết chuyện khỉ Nhà Đạo, xin thêm chuyện khỉ bên Ấn độ.

Trong kinh Ramayana của đạo Hindou nhắc đến Thần khỉ Hanuman một cách rất cung kính, vì thần khỉ đã dẹp tan nhiều quỷ dữ, đem lại an ninh cho cuộc sống.

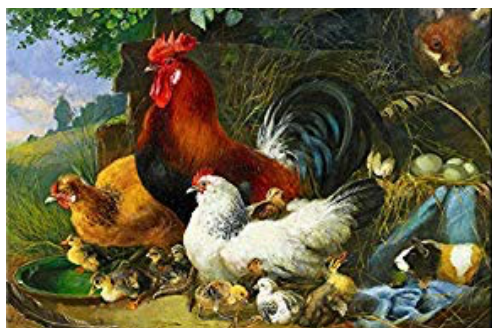
Hậu duệ của thần khỉ Hanuman là giống khỉ langur, có bộ lông trắng tinh rất đẹp, nhưng mặt và tay chân lại đen như mực. Truyền thuyết kể rằng, ông tổ khỉ langur là thần khỉ Hanuman xưa toàn bộ lông trắng từ đầu đến chân. Một lần, ông đi qua cây xoài ngàn năm của đức vua, ông thấy quả xoài lấp lánh như chào mời, ngó trước ngó sau không thấy ai, ông bứt xoài rồi nhai nghiền ngấu. Mất trái xoài ngàn năm, vua lên án ông phải thiêu sinh. Thần khỉ Hanuman bị trói trên giàn hoả, khi lửa đang cháy phừng phừng làm đứt dây trói, ông nhanh chân lẹ tay vượt thoát, nhưng tay chân và mặt ông tổ loài khỉ langur đã bị cháy đen, như dấu ấn truyền kiếp, khiến miêu duệ ông mặt và tứ chi

đen mãi, ngàn đời mang tiếng thuộc giống dòng ăn cắp. Tuy nhiên người Hindou vẫn dành cho khi langur một cảm tình đặc biệt, vì sự khéo léo và nhanh nhẹn của chúng, đến nỗi để chúng tự do sống thoải mái ngay trong thành phố. Có người còn đem trái cây và quà bánh nuôi chúng ngay trong hiên nhà mình.

Chắc có người nêu câu hỏi, Thánh kinh không còn trang nào nói đến khi nữa hay sao?... Muốn biết, xin quý vị hãy năng mở Kinh Thánh ra đọc, mỗi ngày vài trang, sẽ tìm thấy câu trả lời. Kính xin quý vị một lời cầu để những năm tới kẻ hèn này còn đủ sức lật Kinh Thánh để tìm con vật cảm tình trong năm. Bây giờ, theo tập tục ngày Tết, chúng tôi cũng xin có đôi lời kính chúc quý vị, từ Tết này ai cũng được hưởng một chút sự khôn ngoan và giàu có vua Salômôn xưa đã hưởng, để ngày Tết Năm Thân này, chúng ta không phải “nhăn như mặt khi”.[]



Khinh khi mắc độc già!



*Ta muốn bảo bọc các người,
Như cánh gà mẹ ấp nuôi con đàn.
(x. Mt 23, 37)*

NĂM DẬU GẤU CHUYỆN GÀ VÀ KINH THÁNH

Từ mấy năm nay, mỗi lần Tết Nguyên Đán đến, chúng tôi lại mở Kinh Thánh để tìm xem Sách Thánh có nhắc đến con vật cầm tinh năm mới âm lịch không. Theo thông lệ đó, năm nay là năm Dậu, năm con gà, chúng tôi cũng mở Kinh Thánh để tìm chuyện gà, hầu có thể đem ra suy gẫm nhân ngày đầu năm mới.

Trong dân gian, tiếng gà trống gáy buổi sáng sớm biểu hiện sự kêu gọi tỉnh thức. Người công giáo lại càng thấy điều đó mang thêm một ý nghĩa tâm linh, trước kia nhiều nhà thờ có đặt một con gà trống biểu tượng trên nóc cao nhất, như nhà thờ chính toà Đà Lạt, dân chúng gọi là “nhà thờ con gà”. Năm 1931 linh mục thừa sai Céleste Nicolas, cha sở Đà Lạt thời đó, khi xây cất giáo đường đã cho gắn trên chóp đỉnh Thánh giá tháp chuông một con gà trống được đúc bằng đồng, dài 66cm, cao 58cm. Con gà này có thể quay quanh một trục cho người ta biết gió thổi hướng nào.

Nhà đạo có nhiều giai thoại về con gà, từ chuyện dí dỏm đến chuyện thật, chúng tôi muốn mua vui nhân ngày Tết trước khi nói chuyện gà trong Kinh Thánh.

Tiếng gà gáy

Ai cũng biết, tiếng gáy của gà trống ngân vang như tiếng nhạc, còn tiếng cục tác của gà mái lại như tiếng la thất thanh vì đau đớn. Nhưng tiếng gà nghe như thế nào còn tùy theo mỗi người, tùy theo mỗi hoàn cảnh. Ngày chúng tôi còn ở trường, một buổi chiều cha xứ đến thăm gia đình. Thấy bóng cha đến cổng, bố tôi vội vào nhà lấy cái áo chùng mặc vào để đón tiếp. Chúng tôi ra khoanh tay cúi đầu chào:



- Chúng con xin phép lạy cha ạ!
Vừa lúc đó có tiếng gà gáy “ò ó ó o o ...”.
Cha xứ vui đùa hỏi bọn chúng tôi:

- Các con có biết con gà nó vừa gáy làm sao không?

Chúng tôi còn đang ngỡ ra, chưa biết trả lời thế nào... cha nói tiếp theo giọng gà trống:

- “Mày có khổ không cu...?” Đấy, con gà nó vừa mới hỏi các con như thế đấy...

Một đứa trong bọn tôi thuộc loại lém lỉnh, nó hỏi cha:

- Trình cha, thế gà nhà xứ nó gáy làm sao ạ?

Cha xứ trả lời cách rất vui vẻ:

- Gà nhà xứ nó gáy khác, nó gáy thế này này (cha vờn cổ bắt chước gà gáy): “Lạy Đức Chúa Giêsu...”

Bố tôi bước ra chào cha làm chúng tôi phải tự động giải tán, còn âm ức chưa biết tiếng gà mái trong nhà xứ nó có khác với tiếng “vừa đau vừa rát” mà gà mái bỗn đạo vừa từ ổ đẻ nhảy xuống la toáng lên như vậy không.

Đôi gà của Hiền phúc Nhu

Hiền phúc là danh từ chúng tôi dùng thay thế danh từ “Tôi tớ Chúa” (Servus Dei) mà giáo hội phong cho những tín hữu có đời sống thánh thiện đã được phép lập hồ sơ tuyên thánh, hoặc các vị tử đạo đã được Giáo Hội công nhận thực sự chết vì đạo...

Theo hồ sơ xin phong Chân phúc cho các vị Tử đạo Việt Nam, do cha chính An (P.Fr. Marco Gispert O.P.) điều tra, thì Hiền phúc Đaminh Nhu người giáo xứ Kẻ Hệt, nay là xứ Ninh Cù giáo phận Thái Bình, bị bắt vì đạo lúc hơn 40 tuổi. Ông là một chức dịch trong làng, tính ông cương trực, táo bạo, thường cãi lý với quan trên.



Quan huyện dỗ ông khoá quá để ra về, nhưng ông không nghe theo. Lúc ấy quan sai lính lôi ông qua tượng Thánh giá, nhưng ông mạnh mẽ phản kháng hành vi đó. Tuy nhiên quan cũng tha cho ông về với điều kiện ông phải nạp cho quan đôi gà mái.

Hiền phúc Nhu về đến nhà, ông đau đớn não nề vì ông bị kéo qua Thánh giá, hồ nghi không biết có phạm tội chối Chúa không. Hôm sau Hiền phúc Nhu mua một đôi gà đem nạp cho quan. Tuy nhận gà, nhưng quan lại bắt ông bước qua Thánh giá để ra về, ông không chịu, nên quan cho giải ông lên Nam Định. Sau ông được phúc tử vì đạo.

Hồ sơ xin phong chân phúc cho Hiền phúc Nhu cha chính An ghi số 805. Trong “Vườn Vạn Tuế Thái Bình”, Hiền phúc Nhu đứng đầu 18 Hiền phúc thuộc giáo xứ Ninh Cù.

Gà trống nghênh ngang

Ngày còn ở Việt Nam nhà nào chả có một chuồng gà. Mỗi sáng mở cửa chuồng là con gà trống đi ra trước tiên, bay lên đậu trên đồng rom vỗ cánh gáy vang, coi thật oai phong như ông tướng. Người ta nói giọng gà trống thanh trong, có thể gọi được mặt trời thức dậy chiếu sáng cho gian trần. Cái trí tuệ đó của gà trống là do Chúa ban, như ông Gióp đã nói:

*Ai làm cho cò lừa khôn ngoan,
Ai ban trí tuệ cho gà trống?* (G 38, 36).

Cái khôn ngoan của cò lừa là biết gáy vang lúc nước sông Nin lên cao, như con bìm bịp ở Việt Nam khi nước lớn cũng kêu lên báo hiệu. Những nhà nho xưa cho rằng gà trống có đủ ngũ đức văn, võ, nhân, trí, dũng:

Mào gà là mũ quan *văn*,
Cựa gà, *võ* khí của quan vũ tài.
Gà trống có cái *dũng* oai,
Xông vào địch thủ đá hoài không ngại.
Chữ *nhân*, khi kiếm được mồi
nhắc lên đặt xuống gọi mời mái ăn.
Chữ *trí* gà biết đêm tàn,
Gáy vang báo thức cả làng tỉnh mơ.

Vì đủ ngũ đức như vậy, nên gà trống nhìn có vẻ oai vệ. Sách Cách ngôn đã khen 4 vật có dáng điệu đường bệ là vua, sư tử, dê đực và gà trống:

*...có bốn vật dáng đi đẹp:
Sư tử uy hùng mạnh hơn mọi thú,
Gà trống, dê đực hướng dẫn đầu đàn,
Vua có quan theo.* (Cn 30, 30-31).

Dưới cánh gà mẹ

Khác với gà trống nghênh ngang, gà mái lại có đức tính của một bà mẹ hiền, luôn chăm sóc cho đàn con thơ bé. Hình ảnh đẹp ta thường thấy ở thôn quê Việt Nam là một con gà mái

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020



dẫn đàn gà con đi kiếm ăn. Gà mẹ vừa đi vừa “cúc cúc” gọi con. Đàn con thì líu ríu những bước chân lũn chũn mềm mại theo mẹ. Khi mẹ con đã no nê hoặc lúc gió mưa, gà mẹ dẫn con vào chỗ khuất, xoè đôi cánh cho đàn con vào trú ẩn. Mấy cái đầu nho nhỏ của một vài chú gà con liến láu

chui ra khỏi cánh mẹ là một bức tranh đậm ấm. Hình ảnh đàn gà mẹ con ấy Kinh Thánh đem ví với tình thương của Chúa đối với loài người, dù cho con người vẫn thường thờ ơ với tình Chúa, như dân thành Giêrusalem xưa:

Đã bao lần Ta muốn tập hợp các ngươi lại, như gà mẹ tập hợp gà con dưới cánh, mà các ngươi không muốn. (Mt 23, 37).

Sớm mai gà gáy

Có lẽ ai trong chúng ta cũng đã từng nghe câu: “Giọng đời đến sớm mai gà gáy, nhớ đến tội xưa liền khóc lóc”. Đó là một câu trong Ngắm mười lăm sự thương khó Đức Chúa Giêsu, Phúc âm nhất lãm đã trình thuật (xem Mt 26; Mc 14; Lc 22).

Sau bữa ăn giã biệt, Đức Giêsu tâm sự với các Tông đồ rất lâu, rồi các ngài hát Thánh vịnh kết thúc cuộc đàm đạo. Thầy trò cùng nhau lên núi Cây Dầu. Đang trên đường đi, Chúa nói:

- Đêm nay tất cả các con sẽ vấp ngã vì Thầy.

Ông Phêrô đầy tự tin thưa ngay:

- Dầu tất cả có vấp ngã vì Thầy đi nữa, con đây cũng không khi nào bỏ Thầy.

Đức Giêsu bảo ông Phêrô:

Thầy bảo thật: hôm nay, nội trong đêm nay, gà chưa kịp gáy hai lần, thì chính anh đã chối Thầy đến ba lần. (Mc 14,30).

Sau đó, Chúa đi cầu nguyện một mình. Rồi bị bắt giải về nạp cho Thượng tế Caipha, ông Phêrô cũng lên theo vào sân công đường. Khi một cô hầu nhận diện, ông Phêrô chối phắt đi:

- Tôi không biết cô nói gì.

Bị lộ tông tích, ông Phêrô rút lui, vừa ra đến cổng, một tó gái khác chỉ ông, nói với mấy người đứng gần đó:

- Bác này cũng theo ông Giêsu người Nagiarét đấy!

Ông Phêrô quỳnh lên, chối bai bãi:

- Tôi có biết người ấy bao giờ đâu!

Nghe vậy một người khác chen vào:

- Chỉ nghe cái giọng nói của bác, cũng biết rõ bác là người Galilê thuộc bọn người ấy.

Ông Phêrô thề sống thề chết và quả quyết:

- Đã bảo tôi không biết người ấy là ai mà!

Ông vừa dứt lời thì có tiếng gà gáy. Tiếng gà làm ông Phêrô giật mình bừng tỉnh, ông nhớ lại lời Chúa Giêsu cảnh cáo tối hôm qua: *Này anh Phêrô, Thầy bảo cho anh biết, hôm nay gà chưa kịp gáy, thì đã ba lần anh chối là không biết Thầy.* (Lc 22, 34). Ông nhào ra ngoài, vật mình khóc lóc thảm thiết. Kể từ đó, ông Phêrô đã thông hối liên li như ngắm đúng đã mô tả.

Hãy tỉnh thức

“Gà eo óc gáy sương năm trống”, ngày xưa làng xã có tuần phu canh gác, giữ an ninh. Đêm đêm họ đánh trống cầm canh để kẻ trộm nhớ rằng người tuần canh vẫn luôn tỉnh thức, lo giữ yên ổn cho dân làng ngon giấc.

“Đêm năm canh, ngày sáu khắc”, khoảng thời gian trời tối không nhìn rõ mặt là đêm, người ta chia làm năm, mỗi phần gọi là một canh, dài khoảng 2 tiếng đồng hồ. Người phụ nữ Việt Nam xưa rất đảm đang, cần cù chí thú làm việc, kể cả về đêm:

Canh một dọn cửa dọn nhà,

Canh hai dệt cửi, canh ba đi nằm.

Canh tư bước sang canh năm,

Trình anh dậy học chớ nằm làm chi...

Canh năm là lúc gần sáng, tiếng gà gáy rộn cùng với tiếng trống canh vồn vã “trống canh giục giã tiếng gà xôn xao”. Tuy nàng ngủ muộn, nhưng phải tỉnh thức để thúc giục chồng tỉnh ngủ lo đốt đèn đọc sách để ôn thi.

Tiếng gà đã cùng thức với các tuần canh, tiếng gà còn lay tỉnh người vợ đảm khuyến khích chồng trong việc đèn sách. Tỉnh thức lúc nào cũng là nhu cầu không thể thiếu của người siêng năng chăm chỉ. Đức Giêsu cũng cảnh giác mọi người phải tỉnh thức:

Các người hãy tỉnh thức vì các người không biết Chủ nhà đến, chiều hôm hay nửa đêm, lúc gà gáy hay tảng sáng, kéo thành linh Ngài đến lại gặp các người đang ngủ. Điều Ta nói với các người, Ta cũng nói với hết mọi người: Hãy tỉnh thức! (Mc 13,35-37).

Không những chúng ta phải tỉnh thức về phần linh hồn như Chúa đã cảnh cáo, mà còn phải thức tỉnh cả về phần lý trí để phân biệt đâu là đúng, đâu là sai, cái gì có ích lợi, cái gì làm thiệt hại, việc làm nào đem lại hạnh phúc, việc nào mang đến đau khổ... Bài thơ ngụ ngôn về con gà của tác giả La Fontaine người Pháp kể: một hôm anh nông dân thấy con gà mái anh nuôi, đẻ ra một quả trứng bằng vàng, anh nghĩ con gà đó phải có đầy vàng trong bụng, muốn mau giàu chỉ có cách là mổ bụng gà ra mà lấy...

Học giả Nguyễn Văn Vĩnh, thời ông còn rất trẻ đã dịch bài thơ đó sang Việt ngữ, chúng tôi trích sau đây. Theo thiên ý, cũng là một bài học tỉnh thức:

*Con gà đẻ trứng vàng
Tham thì thâm, cổ-nhân dạy thế,
Lấy chuyện gà ra để răn đời,
Đem câu bịa đặt kể chơi:
Một hôm gà nọ đẻ rơi trứng vàng
Chủ ngỡ có bảo-tàng trong bụng,
Mổ phanh ra chắc cũng mau giàu,*
thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

*Ai ngờ có cóc chi đâu,
Gà thường cũng vậy, khác nhau chút nào.
Chủ biết đại, kêu gào tiếc của;
Làm gương soi cho đứa tham tâm,
Mới đây có kẻ nghĩ lầm;
Được mười lại muốn ngay trăm ngay nghìn
Trơ ra hết nhãn, ngồi nhìn.*

Nếu là người tinh trí, chắc chắn anh chủ gà đã không thành “kẻ nghĩ lầm”, mà cứ chăm cho con gà để mỗi ngày lấy một quả trứng vàng, thì cũng sẽ dần dần thành triệu phú, khỏi lâm vào tình trạng “trơ ra hết nhãn, ngồi nhìn”, để rồi mới “biết đại, kêu gào tiếc của”.

Ước mong trong năm Dậu

Ước mong trong năm Dậu này, khi đọc Kinh Thánh, quý vị để ý tìm ra thêm được những câu có nhắc đến con gà, đó cũng là một cách đọc Thánh Kinh vậy. Kính chúc quý độc giả năm mới có đủ ngũ đức: văn võ song toàn, nhân trí dũng tam chuyên, đem sở trường ra phục vụ cho đồng bào, cho tổ quốc.[]



*Xen vô chuyện của người ta,
Như kéo tai chó chạy qua ngoài đường.
(Cn 26, 17).*

NĂM TUẤT THUẬT CHUYỆN CHÓ CÓ TRONG KINH THÁNH

Là người Việt Nam công giáo, từ còn nhỏ chúng tôi đã thấy ảnh Thánh Đaminh có một con chó ngậm bó thuốc đứng bên cạnh. Theo sự giải thích của nghiêm đường, đó là do họa sĩ vẽ theo giấc mơ gần ngày sinh của thân mẫu vị thánh, chiêm bao cho thấy bà sinh ra một con chó ngậm thuốc chạy đi soi sáng khắp hoàn cầu. Nghĩ tới con chó xuất hiện trong ảnh thánh, khiến tôi lại cố công mở sách Thánh để tìm xem Kinh Thánh nói đến con vật cảm tinh trong năm như thế nào.

Theo lịch ta, năm nay là năm Tuất, người Á Đông đã đặt con vật biểu tượng trong năm là con chó. Chúng tôi đã mở các sách Kinh Thánh để tìm xem trong đó có nói đến con chó không. Dĩ nhiên chúng tôi không thể mở hết các sách của Kinh Thánh, nhưng cũng đã tìm được nhiều câu, trong một số sách, có nói đến con chó. Chúng tôi xin sắp xếp lại cho có hệ thống để quý độc giả vừa vui Xuân, vừa có bầu khí Tết đạo đức, ngát hương thánh thiện phảng phất từ Đền Xuân vĩnh phúc. Nào, mời quý vị qua Thánh Kinh, cùng mừng đón ngày đầu năm con chó.

Lặng thinh tiếng chó

Ngay trong sách Xuất Hành, cuốn sách thứ hai trong bộ Kinh Thánh Cựu Ước đã nói đến chó. Chúng ta biết rằng sách Xuất Hành chép lại chuyện dân Itraen bỏ nước Ai cập trở lại quê hương Chúa đã hứa cho làm sản nghiệp. Ông Môisen lãnh đạo dân Chúa thoát ách nô lệ Pharaon, đã phải mất bao nhiêu lần thương thuyết với triều đình Pharaon, nhưng vẫn không thành, vì nếu dân Itraen đi thì không còn người lao dịch cho nhà vua nữa. Lần thương thuyết cuối cùng, ông Môisen truyền lệnh của Chúa cho Pharaon: "...mọi con đầu lòng trong đất Ai cập đều phải chết... Trong khắp đất Ai cập, sẽ vang lên tiếng kêu la chưa từng có và sẽ không bao giờ có nữa."

Còn nơi mọi con cái Itraen, sẽ không có một con chó nào nhe nanh gầm gừ sủa, dù sủa người hay sủa thú vật... (Xh 11,17). Sau biến cố ấy, dân Chúa mới được cho ra khỏi Ai cập.

Một lần khác Kinh Thánh cũng nói đến chó không sủa, đã thuật lại chuyện bà Giuditha dùng mỹ nhân kế để cứu dân tộc Do Thái khỏi tay quân Átsua đang vây hãm thành Bêthu, dân thành lo sợ, áp lực tướng Ôxia đầu hàng. Bà Giuditha xin toàn dân cứ yên tâm, cầu xin Chúa chúc lành cho dự tính cách giải vây thành của bà. Rồi bà trang điểm lộng lẫy ra đi, vào được doanh trại của tướng Hôlôphê, bà đã dùng tâm lý chiến nói với vị tướng đó:

Tôi sẽ hướng dẫn đường để ngài đi khắp xứ Giudê cho đến thành Giêusalem... Sẽ không có một con chó nào dám sủa trước mặt ngài. (Gđt 11,19).

Tướng Hônôphê say mê sắc đẹp của bà, nên tin là bà muốn giúp ông thắng Itraen. Không ngờ lại bị bà đem thủ cấp ông về cho dân tộc mình.

Chuyện bà Giuditha dài, quý vị cũng nên mở Kinh Thánh để đọc cho biết những việc Chúa làm cho dân Người. Bà

Giuditha đã được ca tụng: “Này trang liệt nữ, bà được Thiên Chúa Tối Cao ban phúc...”

Bị coi là chó má

Cũng trong bộ Ngũ thư mở đầu Cựu Ước, sách Đệ nhị luật lại nhắc đến chó. Gọi là Đệ nhị luật vì sách này không nói gì mới mẻ. Luật lệ, từ thời Môisen, được san định lại để nguyên tắc tôn giáo được áp dụng vào những nhu cầu xã hội thực tiễn. Sách Đệ nhị luật nhắc nhở dân lưu đầy hãy quay về với Thiên Chúa và trung thành với giao ước.

Đệ nhị luật gồm nhiều luật lệ về đủ mọi phương diện, riêng về luật tế tự có một câu nhắc đến chó, theo một bản dịch Việt ngữ:

Người sẽ không cho nhập vào nhà Giavê Thiên Chúa của người, quà tặng gái điếm và tiền công chó má để tạ một lời khấn nào bất luận, vì đôi đàng hết thấy đều là sự quái gở đối với Giavê Thiên Chúa của người. (Đnl 23,18).

Tiếng chó má trên đây không có nghĩa đen, mà mang một ý nghĩa khinh bỉ, chỉ người phái nam đi làm điếm. Vì những kẻ dù nam hay nữ đã làm điếm đều bị coi rẻ như loài chó, không xứng đáng bước vào đền thờ Chúa, mà cả tiền công do việc họ làm cũng không được dâng vào đền thờ dưới bất cứ hình thức nào.

Nhưng theo bản dịch của Trần Đức Huân, chữ chó trong câu trên lại có nghĩa đen: *Chó dâng vào nhà thờ Chúa tiền thù lao điếm, hoặc trả giá cho một con chó hoặc bất cứ vật gì do người đã khấn nguyện, vì cái đó Thiên Chúa là Chúa người rất ghét.*

Phục-truyền Luật-lệ Ký cũng dịch là: “Mặc dầu sự hứa nguyện người thế nào, chó đem vào nhà của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, hoặc tiền công của một con điếm, hay là giá trả

cho một con chó, vì cả hai đều lấy làm gớm ghiếc cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi”.

Bị chó ăn thịt

Sách Các Vua, gồm hai cuốn sách thứ 10 và 11 trong Kinh Thánh Cựu Ước, ghi tất là 1V và 2V. Trong sách Các Vua quyển thứ nhất có một chuyện mang nhiều tình tiết hấp dẫn, mà loài chó cũng đóng một vai quan trọng. Đó là chuyện vua Akháp và hoàng hậu Ideven.

Vua Itraen là Akháp có một cung điện tại Samaria, sát vườn nho của ông Navót. Nhà vua muốn mua hoặc đổi cho ông Navót một vườn nho khác, để lấy đất ấy mở rộng hoàng cung. Ngặt một nỗi, đó là đất hương hoả, đất tổ tiên để lại, nên ông Navót không dám trao sang chủ khác. Vua Akháp buồn bã, biếng ăn, mất ngủ vì chuyện đó. Hoàng hậu Ideven liền an ủi:

- Muốn vườn nho của Navót thì có vườn nho của Navót, việc gì phải buồn phiền. Mình là vua cả đất nước này cơ mà!

Thế rồi Ideven mạo chiếu chỉ, đóng ngọc ấn, gửi xuống các quan địa phương nơi Navót cư ngụ, ra lệnh phải làm đúng mưu kế trong tờ chiếu mà khừ trừ Navót. Khi Navót bị ném đá chết rồi, Ideven vào tâu vua:

- Nào, hãy mau dậy xuống mà lấy vườn nho của Navót, vì hần còn sống đâu mà cản trở.

Nhưng Thiên Chúa đã sai ngôn sứ Êlia đón đường, nói với vua Akháp.

- Ngươi đã giết người lại còn cướp của nữa sao? Tại chính nơi chó đã liếm máu Navót, thì chó cũng sẽ liếm máu ngươi. (1V 21, 17).

Cả Ideven và toàn gia đình Akháp cũng bị lên án:

Chó sẽ ăn thịt Idaven trong cánh đồng Gitroen. Ai thuộc về Akháp chết trong thành thì chó ăn thịt, kẻ chết ngoài đồng sẽ bị chim trời rĩa xác (1V 2, 23-24) (xem chi tiết ở 2V 10,1-11).

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

Nghe những lời ấy, vua Akháp sám hối, Chúa ngưng tay không giáng phạt trong đời ông, nhưng đến đời con ông hình phạt mới xảy đến. (xem 1V 21-29).

Akháp thân chinh nơi trận tiền, bị tên lạc trúng vào giữa khớp áo giáp khiến vua bị thương nặng, máu loang cả thùng xe. Đưa xác về Samaria. Khi rửa xe, *chó đã đến liếm máu ông.* (xem 1V 22, 34-38).

Còn Ieven sau bị xô từ trên cửa sổ xuống, máu văng tung toé, một đàn chó đến phanh thây nàng, vương vãi tứ tung trên đồng, chỉ còn thấy cái sọ, hai chân và hai bàn tay. Đúng như lời ngôn sứ Êlia nói:

-Trong thửa ruộng Gitroen, đàn chó ăn thịt Ieven, xác Ieven sẽ tan ra như phân trên mặt ruộng ... (xem 2V9, 30-37)

Ieven đúng là một phụ nữ nham hiểm, như lời sách Ai ca than vãn:

Chó cái rừng còn đưa vú cho chó con nó bú, đàn bà con gái dân tôi hung ác như đà điểu sa mạc. (Ac 4,3).

Như chó uống nước

Sách Thủ Lãnh (Judges) có dịch giả gọi là Sách Quan Án, vị khác lại gọi là Sách Thẩm Phán, anh em bên Tin Lành gọi là Sách Các Quan Xét. Sách Thủ Lãnh ghi lại chuyện những vị được Thiên Chúa kêu gọi để đứng đầu dân Chúa, lãnh đạo dân Chúa trong các cuộc giải phóng dân khỏi tay địch thù. Sách có ghi lại chuyện Chúa chọn ông Ghítôn làm thủ lãnh cứu dân Itraen khỏi tay quân Mađian.

Ông Ghítôn rúc tù-và lên, các chi tộc Itraen quy tụ lại dưới quyền ông. Người Itraen đóng trại tại Kharôt, còn dân Mađian thì đóng trại gần đồi Môisen.

Đức Chúa phán bảo ông Ghítôn rằng: Đám dân ở với ngươi quá đông, Ta không trao quân Mađian vào tay chúng được, kéo chúng lại tự phụ phạm đến Ta, khi chúng cho rằng chính chúng tự cứu được mình. Vậy ngươi hãy công bố cho dân “Ai sợ chiến đấu thì hãy về nhà.” Sau lệnh đó thì có tới hai chục ngàn người ra về. Nhưng vẫn còn tới mười ngàn người không muốn rút lui.

Chúa lại phán với Ghítôn: Quân số còn quá đông. Hãy làm một cuộc tuyển chọn. Ta tuyển chọn ai thì người ấy mới được ra trận. Chúa tuyển chọn bằng cách đưa họ xuống mé sông để họ uống nước “*Tất cả những ai thè lưỡi tớp nước như chó, người tách riêng ra*” (TI 7,5). Những người quỳ xuống cúi mình sát mặt nước dùng miệng mà uống, cũng tách riêng.

Số người dùng hai bàn tay vục nước đưa lên miệng rồi thè lưỡi ra tớp nước như chó là 300 người. Còn lại tất cả đều dùng miệng tiếp xúc với mặt sông mà uống nước. Chúa phán với Ghítôn: Với 300 người đã tớp nước như chó, Ta sẽ cứu các ngươi và sẽ trao quân Mađian vào tay ngươi. Còn những người khác thì ai về nhà nấy, những người ra về, ai có vò đựng lương thực, tù-và thì để lại cho quân chiến đấu dùng.

Đêm ấy, ông Ghítôn, theo lệnh của Đức Chúa, chia 300 người thành 3 cánh quân, mỗi chiến sĩ được trang bị vũ khí như thế này: tay phải cầm tù-và, tay trái cầm vò có giấu ngọn đuốc sáng... Ông Ghítôn dặn họ, hễ thấy cánh quân của ông làm gì thì các cánh quân của họ cũng làm theo y như vậy.

Với 300 người đã uống nước như chó tớp ấy, ông Ghítôn đã làm cho trại quân Mađian hoảng hốt quay giáo giết lẫn nhau, tán loạn và chạy trốn. (xem Sách Thủ Lãnh chương 7, câu 1 đến 22).

Chó nhà Tôbia

Kinh Thánh Cựu Ước có sách Tôbia, thuật chuyện về gia đình ông Tôbít. Đây là một gia đình suốt đời tôn kính Chúa và

sống theo sự thật, lẽ ngay. Tuy bị đày xa Đất Hứa, cư trú tại thành Ninivê, nhưng vẫn luôn trung tín với Thiên Chúa và yêu thương, giúp đỡ người cùng dòng giống, cùng là thân nô lệ. Ông thường chôn cất những người bị giết, xác bị quăng ra ngoài thành. (Tại Sài Gòn trước đây có hăng hòm Tôbia nổi tiếng, lo dịch vụ mai táng, là do câu chuyện Kinh Thánh này).

Khi ông Tôbít sai con trai duy nhất là Tôbia đi đòi 300 ký bạc nơi ông Gabaên, xứ Mêđi, thì bà Tôbít khóc lóc vì sợ con đi đường xa, gặp nguy hiểm. Nhưng ông đã yên ủi bà rằng đừng lo lắng,



đừng sợ gì cho con, vì đã có Thiên thần bản mệnh cùng đi với nó. Và Tôbia cũng nhờ được người bạn quen đường cùng đi, ông Tôbít cũng vui vẻ cậy nhờ người thanh niên ấy giúp đỡ con mình. Tôbia và anh bạn lên đường, thiên sứ cùng đi với cậu.

Có con chó cũng ra đi theo cậu và cùng đi với hai người.

(Tb 6,1).

Khi đi đến xứ Mêđi, Thiên sứ dẫn đường đưa Tôbia vào trọ trong nhà ông Raguên, rồi làm mai cho Tôbia cưới con gái ông ta là Xara. Tôbia đưa giấy tờ nhờ người bạn đến nhà ông Gabaên lấy nợ, đồng thời mời ông ta đến dự đám cưới luôn.

Tiệc cưới kéo dài 14 ngày. Xara được chia nửa gia tài làm của hồi môn. Sau đó họ trở về Ninivê. Khi nhìn thấy thành Ninivê, Tôbia và thiên sứ đi nhanh về trước để dọn dẹp nhà cửa đón dâu. Cả hai người cùng vội vã về:

“có con chó theo sau Thiên sứ và Tôbia” (Tb 11, 4).

Trong chuyến đi xa đòi nợ và cưới vợ, Tôbia đã dẫn theo con chó. Tiếc rằng Sách Thánh không kể những chuyện con chó đã giúp đỡ cho Tôbia được những việc gì ở dọc đường, nhưng

chắc chắn con chó cũng làm vui chân cho hai chàng trai trên con đường xa dặm thăm ấy.

Tao đâu phải chó

Trong trận chiến với Philitinh, khi nghe lời thách đấu của Gôlyat, phía Ítraen đều bủn rủn tay chân... Nhưng cậu bé chăn chiên Đavit tâu với vua Saolê: Đừng ai ngã lòng vì tên khổng lồ ấy, tôi tớ ngài sẽ đi chiến đấu với hắn.

Thế rồi vua sai trang bị cho Đavit nào mũ đồng, nào áo giáp sắt, nào gươm báu... nhưng Đavit từ chối vì thấy nặng nề và vướng víu, khó khăn di chuyển... Cậu chỉ cầm theo cây gậy và đeo cái túi chăn chiên cậu thường dùng, một dây trành ném đá, rồi lượm thêm 5 viên đá cuội khi đi qua khe suối.

Thấy Đavit tiến ra thách đấu, Gôlyat khinh thường “thằng nhãi ranh”, hồng hách lên tiếng:

*Tao là con chó hay sao mà mày cầm gậy đến gần tao?
(1 Sm 17, 43).*

Sau một hồi tranh chấp kịch bắc nhau, tên Philitinh xông đến, Đavit chạy tới nghênh chiến. Cậu cho tay vào túi lấy một viên đá, dùng trành vung tròn mà ném trúng trán tên Gôlyat. Chỉ lãnh một viên đá, hắn đã bị trọng thương, choáng váng, ngã sấp mặt xuống đất. Vì không có gươm, Đavit chạy lại đứng trên mình Gôlyat, rút gươm của hắn ra cắt lấy đầu hắn.

Vì chiến công ấy, Đavit được dân coi trọng hơn vua. khiến vua Saolê căm giận Đavit. Con trai của quan phụ chính cho Saolê là Apnê, bị con vua Saolê là Itbôset chất vấn: Cớ sao ngươi thăm vụng với vợ thứ của thân phụ ta? Nghe lời đó, Apnê giận lắm, trả lời: *Tao là đầu chó rúc cổ vào họ Giuđa sao?* (2 Sm 3, 8). Tao đã đổi sử hậ hĩnh với nhà Saolê, để rồi hôm nay vì một con đàn bà mà bắt bẻ tao à? Sau đó Apnê quay sang phò tá Đavit.

Chó nơi lời tiên tri

Vua Ítraen là Basa lên ngôi, ông đã phản lại Chúa, cư xử gian ác trước mặt Chúa, lôi kéo dân Ítraen xa bỏ luật Chúa. Chúa đã sai tiên tri Giêhu lên án gia đình vua:

Bất luận ai trong nhà Basa chết trong thành sẽ bị chó ăn thịt, bất kỳ ai trong họ chết ngoài đồng sẽ bị chim trời mổ rĩa thây xác. (1V 16,4).

Vì lời cảnh báo đó, Giêhu bị vua Basa tiêu diệt. Nhưng nhà vua bị Xamri đảo chánh giết cả gia đình Basa, như tiên tri Giêhu đã tuyên sấm.

Tiên tri Êlisê đến Đamat, vua Syria sai Hasên ra đón, gặp được tiên tri, Hasên thấy Êlisê khóc, mới hỏi: Cớ sao ngài khóc? Tiên tri trả lời: vì ta thấy các tai hoạ ngời sẽ làm cho dân Ítraen, như thiêu đốt các thành trì, giết các thanh niên, sát hại trẻ thơ vô tội, mổ bụng các bà đang thai nghén... Hasên thưa lại:

Tôi tớ người chỉ là con chó, vật thứ gì mà làm những việc lớn lao như vậy được? (2V 8, 13).

Muốn rõ Hasên có làm những việc lớn lao ấy được không, xin mở Sách Các Vua quyển thứ hai, chương tám.

Đáng khinh như chó

Trong Sách Samuen, đoạn thuật chuyện vua Đavít có kẻ: khi bị vua Saolê săn đuổi, vua Đavít đã tự nhận mình là chó: *“Đức vua Itraen đã ra trận để đánh ai? Cha đuổi theo ai? Một con chó chết! Một con bọ chết!”* (1Sm 24,15). Rồi khi quân của vua Saolê rủa sả vua Đavít, thì cận vệ của vua Đavít cũng gọi người phía vua Saolê là chó chết, mà còn đòi đi lấy thủ cấp của kẻ hỡn xược. (2Sm 16,9).

Loài chó cũng được Thánh vịnh dùng ví với những kẻ địch thù, những phường gian ác, chuyên tìm kế hãm hại người lương thiện:

*Chiều tà trở lại như lũ chó,
Chúng trêu tru gấu ó quanh thành. (Tv 58, 7).*

Ý này được lặp lại trong cùng một Thánh vịnh:

*Chúng như lũ chó chiều về sửa vang,
Quyện trong thành lang thang rảo bước,
Chúng kiếm mồi chưa được no nê,
Lại tru lại sửa nã nê. (Tv 58,15).*

Chúng như chó đói cắn quàng, xúm lại vây hãm người công chính một cách hung hãn, như trong đáp ca Chúa nhật Lễ Lá:

*Đứng quanh tôi là đoàn ưng khuyển,
Một lũ côn đôn bao bọc lấy tôi.
Câu này được trích từ Thánh vịnh 22:
Đàn chó nhiều con bao quanh tôi,
Quân bắt lương cả phường xúm lại bên tôi. (Tv 22,17).*

Như quân khuyển

Chó hoang, chó rừng thường đi phá phách, sửa bậy cắn càn. Nhưng người công chính gặp hoạn nạn, họ vẫn không nao núng và lên tiếng kêu cầu Chúa:

*Xin cứu mạng khỏi sa lưới kiếm,
gỡ thân con thoát miệng chó rừng. (Tv 22, 21).*

Những con chó rừng chỉ gieo tai hại, trái lại những con chó nhà, chó nuôi dùng đi săn được huấn luyện để bảo vệ, đề tấn công. Kẻ tín thác vào Chúa, Đức Giavê sẽ nhận lời và đôi khi Ngài cũng dùng chó để bênh đỡ người công chính:

Ta sẽ sai bốn loài đến trị tội chúng: gươm để sát hại, chó để phanh thây, chim trời và thú đất để ăn thịt và huỷ diệt. (Gr 15,3).

Chúng sẽ bị sự tử trong rừng xông ra để tấn công và chó sói hoang địa cắn chết (Gr 5,6)

Phường gian ác bị chính tay công thẳng Giavê trừng trị:
Ta vô lấy chúng, Ta xé màng tim của chúng, và ở đó, chó sẽ ăn thịt chúng... (Hs 13,8).

Muốn được Chúa dùng tay công thẳng, hãy thành tâm sám hối trở về, rên rỉ khóc than xin tha thứ:

Tôi sẽ rên rỉ như chó sói, khóc than như đà điểu.(Mk 1,8).

Cứ vững tâm tin tưởng, Giavê sẽ ban chiến thắng cho người lương thiện:

*Để chân người dẫm huyết nhơ,
Chó người cũng được liếm no máu thù.* (Tv 67,24)

Lúc ấy, muôn loài, kể cả chó, đều tôn vinh Đức Gia-vê:

Loài dã thú, chó rừng và đà điểu sẽ tôn vinh Ta.
(Is 43,20).

Chó trong Châm ngôn

Chó còn được Kinh Thánh dùng trong những lời ví von, triết ngôn hướng dẫn đời sống con người, những câu như thành ngữ cho ta để nhớ:

*Như con chó trở lại đống nó vừa mửa,
Cũng vậy, kẻ ngu xuẩn trở về với sự điên dại của nó.*
(Cn 26,11).

Câu này Thánh Phêrô trích lại để cảnh cáo những người thoát ly được ô uế thế gian, không giữ mình, để lại bị những thứ

đó chinh phục, giống như “chó mưa ra rồi lại liếm” (2Pr 26,11).

Một câu khác, sách Cách Ngôn nhắc nhở những ai thích làm tài khôn:

*Xen vào cuộc cãi lộn của kẻ khác,
Chẳng khác nắm tai con chó chạy qua. (Cn 26,17).*

Còn ngôn sứ Isaia lại lưu ý phải cẩn thận khi đánh giá một người. Bởi vì:

*Kẻ sát tế bò cũng là kẻ sát nhân,
Người hiến tế chiên cũng là người giết chó. (Is 66,3)*
Về chiều kích xã hội, Thánh Kinh cũng có nhận xét:
*Hoà bình thế nào được giữa chó rừng với chó nhà?
Hoà bình sao được giữa kẻ giàu sang và người lam lũ
(Hc 13, 22).*

Tiên tri nói đến chó

Trong bất kỳ lãnh vực nào, vào thời điểm nào cũng có những người lãnh đạo tốt, và cũng có những thủ lãnh tồi. Tiên tri Isaia đã gay gắt lên án những đầu mục bất xứng:

*Những người canh gác Ítraen đui mù hết,
chẳng hiểu biết gì,
Cả bọn chúng là lũ chó câm, không biết sủa,
Chỉ mơ mộng, nằm dài và thích ngủ thôi.
Chúng còn là lũ chó đói, ăn chẳng biết no,
Thế mà chúng lại là mục tử,
Mục tử chẳng biết lo liệu gì,
chỉ mưu tìm lợi lộc cho riêng mình. (Is 56,10-11).*

Người lãnh trách nhiệm đứng đầu mà không có tâm nhìn xa trông rộng cũng đủ làm cho dân chúng khổ sở rồi, huống hồ

chẳng hiểu biết gì thì dân đen không khác chi thú rừng trong cơn hạn hán:

Lừa hoang trên đồi trọc đứng thờ hồng học như chó sói, mắt lờ đờ vì thiếu cỏ ăn. (Gr 14,6).



Tiên tri Êdêkien cũng dùng những lời nặng nề với quan chức tham nhũng, chuyên dùng mọi mảnh khoé áp bức dân chúng, chiếm hữu đồ quý báu, cướp đoạt gia tài:

Quan quyền của nó, ở bên trong đó, như chó sói tham mồi, những mưu chuyện đổ máu hại người để trục lợi. (Ed 22, 27).

Để có phương tiện di chuyển mau lẹ, chúng đã rèn luyện được đội kỵ binh hung ác, lanh lẹ để dễ dàng nhanh chóng đi đàn áp bóc lột:

Ngựa nó nhanh hơn hổ báo, dữ dằn hơn chó sói đi ăn đêm (Kb 1, 8).

Cho nên người bàng quan đánh giá nơi chúng đang cư ngụ trở thành những hang ổ lang sói:

*Chó điên gọi nhau trong các cung điện,
Chó rừng trong các lâu đài giải trí của thành. (Is 13, 22).*

Chó con ăn thừa

Trên đây là những câu Kinh Thánh về con chó chúng tôi trích theo Cựu Ước. Trong Tân Ước cũng có những câu nói đến con chó. Phúc âm Thánh Mátthêu thuật lại chuyện một phụ nữ Canaan có đứa con gái bị quỷ ám, đến xin Chúa chữa. Bà đã kêu van nài nỉ nhiều, nhưng xem ra Chúa cứ tảng lờ, các Tông đồ cũng sốt ruột muốn mời bà ra. Nhưng bà cứ xắn lăn vào năn nỉ một cách li lợm:

- Lạy Ông xin cứu giúp tôi cùng!
Lúc ấy Chúa mới lên tiếng như thách đố bà.

- *Không nên lấy bánh của con cái mà ném cho chó!*

(Mt 15, 26).

Bà mẹ khốn khổ này không chịu thua, mà vin lấy chữ chó ấy, nhận mình là chó để lý luận:

- *Lạy Ngài, đúng như vậy, nhưng mấy con chó con thường được ăn những vụn bánh từ bàn chủ rơi xuống.*

(Mt 15,27).

Chúa liền khen bà:

-Này bà, bà có lòng tin mạnh.Ta cho như ý nguyện của bà!

Cũng với ý trên, nơi khác Chúa còn dạy:

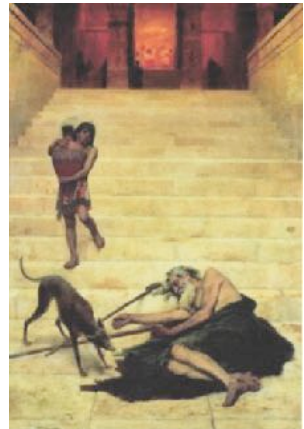
- *Đừng lấy của Thánh mà đem cho chó ăn, nó sẽ quay lại mà cắn anh em.* (Mt 7,6).

Chó liếm chốc ghẻ

Sách Tập Dụng Thần Công, Thánh Inhaxiô đã suy “ngắm về những tiếng than van trong hoả ngục là thể nào?” bằng một đoạn trong sách Tin Mừng thứ ba. Thánh Luca đã tả một lão phú hộ phì nộn, không tên tuổi, mặc toàn lụa là gấm vóc, ngày nào cũng yến tiệc linh đình. Đối lại là người ăn mày có lý lịch mang tên Ladarô, áo quần bươm ra như tổ đĩa, lộ đầy những mụn ghẻ lở lây lụa, nằm ngoài cổng nhà phú hộ. Người ăn mày chỉ ước mơ được những mẩu bánh rơi dưới gầm bàn ăn của phú hộ, để dẫn con đói đang cằn cào, mà chẳng ai cho. “*Chỉ có mấy con chó đến liếm chốc nhọt trên thân mình ông.*” (Lc 16,21).

Sau đó cả hai nhân vật ấy cùng chết. Người phú hộ rơi xuống hoả ngục, lúc ấy mới than van kêu cứu. Còn Ladarô được thiên thần dẫn đến lòng Ápraham hưởng tiệc vui đời đời.

Thế mới hay, người ta khó đánh



giá đúng sự việc trên dương trần. Ai biết ai được thưởng, ai bị thanh trừng? Cho nên người còn sống, còn cơ hội chuẩn bị cho đời sau. Khi chết rồi thì không còn dịp nào nữa. Vì “*con chó sống còn hơn sư tử chết*” (Gv 9,4) như sách Giảng Viên đã dạy.

Chó ngoài thành

Chúng tôi đã lược nhanh suốt bộ Kinh Thánh, trích được một số câu nói đến con vật cầm tinh năm Tuất, để kết, chúng tôi xin trích thêm trong cuốn sách cuối cùng của Kinh Thánh, một câu có liên quan đến chó, chữ chó này cũng hàm ý khinh dể:

“Phúc cho người giặt áo mình trong Máu Chiên Con, ngõ hầu họ có quyền đến cây hằng sống và theo các cửa mà vào thành. Còn ở ngoài chỉ có loài chó phù phép, dâm dăng, giết người, thờ thần với tất cả những kẻ dâm dục và làm điều dối trá.”(Kh 22,14-15).

Để cho Tết năm Tuất này mang thêm ý nghĩa, chúng tôi đề nghị quý vị mở đọc Kinh Thánh, tìm thêm được những câu có liên quan đến con chó. Kính chúc quý vị được ánh sáng Lời Chúa hướng dẫn đến cây hằng sống, rồi bước vào thành thánh, vui hưởng Mùa Xuân bất tận, không một ai chịu cảnh như loài chó phải tru tréo bên ngoài thành đô Thiên Quốc.[]



Chó nhảy bàn đọc!



*Heo tắm sạch lại tìm rạch đăm bùn.
(2Pr 2, 22).*

NĂM HỢI GỢI CHUYỆN HEO THEO KINH THÁNH

Bây giờ là thế kỷ thứ 21, thời đại vi tính liên mạng. Cả thế giới gần gũi nhau như hàng xóm. Năm châu bốn biển như chung một nhà. Bất kỳ nơi đâu xảy ra một biến cố gì quan trọng là ngay tức khắc khắp nơi đều biết. Thế mà còn ngồi bấm đốt tay tính tuổi theo kiểu tí sừu dần mảo, thì quả là còn hoài cổ, còn lưu luyến những năm tháng canh tân nhâm quý lắm vậy.

Nhưng dù sao, để mừng Tết cổ truyền Việt Nam, cho ngày đầu năm Con Lợn theo truyền thống Á Đông có thêm được hương vị Nhà Đạo, chúng tôi cũng xin được gọi lại chuyện về con heo, con vật cầm tinh, biểu tượng cho năm Hợi này, dưới cái nhìn theo Kinh Thánh.

Heo, theo giáo lý

Chúng tôi vẫn nhớ như in, ngày còn nhỏ, cứ mỗi chiều chủ nhật, gia tiên nghiêm thường với tay lên chồng sách trên bàn thờ, lấy quyển sách chữ nôm ra ngồi trên ngưỡng cửa, mở bài Phúc âm chủ nhật tuần ấy ra, đọc theo cung giọng Evan.

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

Giọng ông lên bổng xuống trầm chẳng khác gì giọng thầy già quần đọc Evan trước lễ. Lời kinh Evan sang sáng vang lên, quyện theo gió chiều, lan vọng cả đến hàng xóm.

Sau đó, ông lại mở cuốn sách giáo lý bìa cứng, cẩn thận lật từng trang, dẫn giảng cho chúng tôi xem hình. Đây là cuốn giáo lý khổ rất lớn, in ở mãi tận bên Tây bằng chữ Quốc ngữ. Tôi không còn nhớ nhan đề cuốn sách, nhưng chỉ nhớ cứ mỗi trang chữ, lại có một trang hình. Hình vẽ đẹp, tuy chỉ là đen trắng. Tôi nhớ mãi cảnh vẽ Hoả ngục có bảy cửa đi xuống. Mỗi cửa có một con vật biểu tượng, dựa theo bảy mối tội đầu. Bảy con vật đến nay tôi còn nhớ được năm con: Công, Dê, Rắn, Rùa và Lợn.

Hình ảnh con lợn béo múp míp, phì nộn, bước đi ục ịch dẫn đầu một đoàn người cũng phục phà phục phịch, vừa đi vừa tu rượu kìn kìn, vừa ngoạm đùi gà nhồm nhoàm... lặc lè bước theo con heo xuống cửa thứ năm của Hoả ngục.

Sách giáo lý đó khi dẫn giải Kinh Cải Tội Bảy Mối Có Bảy Đức, đã vẽ con lợn làm biểu tượng cho sự ham mê ăn uống, để minh họa cho câu: *thứ năm kiêng bớt chớ mê ăn uống*.

Con heo đã được đưa vào sách giáo lý, theo cái nhìn của người đời, cũng như con heo đã có từ xa xưa trong Kinh Thánh.

Heo theo Ngũ thư

Đối với người công giáo, Ngũ thư là năm cuốn sách đầu tiên của Kinh Thánh. Thế kỷ thứ ba trước Chúa Giáng sinh, các dịch giả Hy Lạp đã chia các sách đầu tiên của Cựu Ước thành năm cuốn, cuộn lại để trong một hộp đựng có năm ngăn, mỗi ngăn một cuốn. Vì thế mới gọi là Ngũ thư.

Cuốn thứ ba trong bộ Ngũ thư là Sách Lêvi, ghi chép các luật lệ dân Itraen phải tuân giữ. Sách Lê-vi đã nói đến con heo khi viết về luật thanh khiết.

Theo đó, Chúa truyền cho ông Môisen và ông Aaron dạy dân Itraen chỉ được ăn thịt các súc vật tinh sạch, còn các con vật kể là nhơ nhớp thì không được ăn thịt chúng, mà cũng không được đụng đến chúng để giữ cho mình được tinh sạch.

Những súc vật được kể là tinh sạch phải gồm đủ hai điều kiện: có móng chân chẻ đôi và nhai lại, như trâu, như bò... Còn vật nào chỉ có một trong hai điều kiện trên thì kể là nhơ nhớp, như con lạc đà, con thỏ... tuy có nhai lại nhưng không có móng chân chẻ đôi (xem Lv 11,1-6). Ngược lại *“lợn tuy chân có móng và móng chẻ hai, nhưng không nhai lại: nó sẽ là nhơ đối với các người. Thịt chúng các người sẽ không ăn, thầy chúng các người sẽ không đụng đến, chúng sẽ là nhơ đối với các người”*. (Lv 11,7-8).

Thà chết, không ăn thịt heo

Luật ấy, dân Itraen vẫn luôn trung thành tuân giữ, cho dù trong những thời kỳ ngặt nghèo bị các vua dân ngoại chiếm đóng. Vua Antiôkhô đã chiếm đoạt tất cả các đồ thờ tự trong đền thờ Giêrusalem, cướp Đền thờ để làm nơi thờ thần Dớt Ôlimpia. Trong các dịp cúng thần, dân Itraen bị ép buộc phải ăn thịt heo.

Một trong những kinh sư quan trọng của Itraen là cụ Êlada, tuy đã 90 tuổi, nhưng cụ phương phi đẹp lão. Cụ bị bắt phải há hàm để nhét thịt heo vào miệng, nhưng cụ thà chết vinh hơn sống nhục, đã khạc nhổ hết thịt heo ra khỏi miệng, rồi tự nguyện tiến ra nơi hành hình. (*xem 2Mcb 6,18 + 19*).

Những người chủ tiệc kính thần, vì quen cụ đã lâu nên đã kéo cụ ra riêng một chỗ, khuyên cụ ăn một miếng thịt khác không phải là thịt lợn, rồi giả vờ như đang ăn thịt heo tuân lệnh nhà vua. Làm như vậy cụ sẽ thoát chết. Nhưng cụ trả lời họ: “Ở tuổi chúng ta, giả vờ là điều bất xứng, e rằng làm gương mù cho lớp trẻ, họ sẽ bảo là ông già Êlada đã 90 tuổi mà còn theo dân ngoại (ăn thịt heo), và họ bị lầm lạc vì tôi đã giả vờ...”

Cụ đã bị hành hình, lúc sắp lia đời, cụ vừa rên rĩ vừa thì thào nói: “Đức Chúa là Đấng thông biết mọi sự, hỡi Người biết là dù có thể thoát chết, nhưng tôi vẫn cam chịu những cực hình nơi thân xác, mà tâm hồn tôi vui vẻ vì tuân giữ luật Chúa”.

Cụ đã từ giã cuộc đời. Cái chết của cụ thật là tấm gương cao thượng chói sáng, không những cho các thiếu niên, mà còn cho phần lớn dân tộc. (xem 2Mcb 6,20 -31).

Lại một tiệc cúng heo

Dưới ách đô hộ của ngoại bang, dân Itraen bị cưỡng bức tham dự các dịp cúng thần. Ngoài các lễ chính, mỗi tháng vào ngày sinh của vua, họ lại phải ngâm đắng nuốt cay khi bị bắt buộc tham dự bữa cúng để cầu phúc cho vua.

Trong một tiệc cúng, nổi bật trong số người Itraen bị ép tham dự, có một gia đình tám mẹ con. Vua Antiôkhô cho lấy roi gân bò mà đánh mẹ con họ, bắt họ ăn thịt heo là thức ăn luật Môisen cấm. Người con cả đã thay mặt gia đình lên tiếng: “... Chúng tôi thà chết chẵn thây vì phạm luật pháp của cha ông chúng tôi.”

Thế là anh bị chặt tay chân, rồi lý hình đem “áp chảo” anh trong cái vạc lớn đã được nung đỏ...

Đến lượt người thứ hai bị lột da đầu rồi lý hình hỏi: *có chịu ăn thịt heo trước khi toàn thân bị lóc ra từng miếng không?* (x.2Mcb 7,11). Vua tưởng anh ta đã tôn khi thấy anh cả bị chết thảm như vậy, sẽ vâng lệnh vua mà ăn thịt heo. Ngờ đâu, anh ta lại mạnh mẽ trả lời “không”. Vì thế anh ta cũng bị xử như vậy.

Rồi người thứ ba, người thứ tư, người thứ năm, người thứ sáu, lần lượt cũng đều bị hành hạ đến chết vì tội không chịu ăn thịt lợn.

Còn cậu con út, vua dụ dỗ hứa ban nhiều bổng lộc và quan tước để cậu sống vinh hoa phú quý mà nói dối tông đường, nếu

cậu ăn thịt lợn. Cậu không nghe. Vua lại mất nhiều thì giờ thuyết phục bà mẹ khuyên con duy nhất còn lại tuân lệnh vua, để mẹ con sống giàu sang vinh hiển. Mặc dầu bà đã chứng kiến sáu cái chết thảm của sáu người con, bà cũng vâng lệnh khuyên con. Bà đã dùng tiếng của tổ tiên (tiếng mẹ đẻ) để khích lệ con, khuyên con hãy can đảm, theo gương các anh mà tuân giữ luật Chúa.

Vua Antiôkhô nổi giận, ngậm đắng nuốt cay vì bị người con út lăng nhục, nên đã trừng trị cậu tàn bạo hơn những người trước.

Sau cùng, cả bà mẹ, mạnh dạn không sợ hiểm nguy ấy, cũng bị hành hình.

Câu chuyện về bữa tiệc cúng thần, có tám mẹ con vì không chịu ăn thịt heo mà phải chịu các hình khổ quái ác đến chết, được chép trong Kinh Thánh Cựu Ước, sách Macabê, quyển thứ hai, trọn chương thứ bảy. (xem 2Mcb. 7,1-42)

Isaia dùng heo tuyên sấm

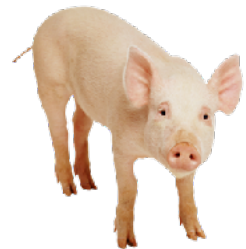
Isaia là tiên tri của lòng tin. Thời những cuộc khủng hoảng xảy ra cho dân tộc Itraen, ông đòi hỏi mọi người chỉ tin tưởng nơi một Thiên Chúa. Đó là cơ may giải thoát duy nhất.

Trong một bài sấm về tình cảnh tôn giáo, ông đã mô tả thảm cảnh dân bỏ Chúa, theo bọn ngõ nghịch đi trên đường bất lương, hùa theo phường bất chính:

Chúng ngồi xó vó nơi mô mã, thức đêm trong những nơi góc ngách, chúng ăn thịt lợn với canh thịt ôi thối trong bát đĩa (Is 65,4).

Và những kẻ đó sẽ bị Thiên Chúa oán trả.

Sau đó, tiên tri tuyên sấm để vạch tội những kẻ không xứng đáng mà dám tiến vào Đền thờ để dâng tiến lễ tế:



*Kẻ tế bò, một kẻ sát nhân, - kẻ dâng chiên, một kẻ hạ chó,
- kẻ thương tiến lễ vật, là kẻ dâng tiết lợn, - kẻ dâng hương
khấn nguyện là kẻ khâm sùng ma quái (Is 66,3).*

Lại còn những phái “nhiệm” của ngoại giáo cũng mang ảnh hưởng đến dân Chúa. Chúng tụ tập nơi vườn hoang để cử hành cúng tế, rồi ăn uống với nhau những thực phẩm như nhóp. Đó là “*những kẻ thanh tẩy, rửa mình tiến vào vườn, tụ tập đằng sau một người đứng ở giữa vườn, chúng ăn thịt lợn, côn trùng và cả chuột. Công việc của chúng, ý nghĩ của chúng sẽ khánh tận một trật.* (Is 66,17).

Cuối cùng, Chúa sẽ thu hợp chư dân khắp mọi nước, và mọi người sẽ thấy vinh quang của Chúa. (xem phần cuối của Is 66).

Heo, theo thi ca giáo dục

Thi ca giáo dục của Thánh Kinh làm theo thể văn vần. Trong đó có bài ca nài xin Chúa khôi phục lại dân Ngài, vì dân Chúa đã không còn tuân giữ giao ước. Thánh vịnh ví dân Itraen như vườn nho Chúa đã vun trồng, đang xum xuê hoa trái mà sao Chúa bỏ cho hoang tàn:

*Làm sao Người nữ triệt hạ tường giậu nó,
Mặc cho khách qua đường bứt quả,
Mặc cho heo rừng phá phách tan hoang. (Tv 79,13-14).*

Chúa đã sai các tiên tri kêu gào dân hoán cải để Chúa khôi phục lại dân Người. Nhưng lời kêu gọi như bay vào không gian hoang vắng, dân Chúa như điên dại, giống như heo, không thềm để ý. Sách Huấn ca đã phải than thở:

*Với người dại chó có nhiều lời, đừng đồng hành với con
lợn. (Hc 22,13).*

Còn sách Cách ngôn, một cuốn sách điển hình nhất của văn chương khôn ngoan Itraen, cũng cho rằng người dại khờ

khó có thể hiểu được những lời khôn ngoan hướng dẫn, họ giống như:

*Đàn bà nhan sắc mà đàn,
Khác nào vòng xuyên đeo nhâm mồm heo.*(Cn 11,22).

Heo, theo Tân Ước

Nói tiếp Cựu Ước, Tân Ước cũng nêu lên cùng tư tưởng, người điên dại có óc như óc lợn, thường khinh rẻ lời khôn ngoan châu ngọc hướng dẫn, Phúc âm Thánh Matthêu chép:

Châu ngọc chớ quăng trước bầy heo, kéo chúng giày đạp dưới chân, rồi quay lại cắn xé anh em. (Mt 7,6).

Như chúng ta đã biết, đối với dân Itraen, heo là vật nhơ nhớp, không được ăn thịt, nên chắc chắn không nhà nào nuôi heo. Nhưng với dân ngoại, người ta vẫn nuôi heo từng đàn, không cần chuồng trại như ở Việt Nam, mà lùa đi thả ăn như đàn cừu. Có đàn lớn lên đến hàng ngàn con. Điều này đã được Phúc Âm thuật lại.

Trong Phúc âm nhất lãm, cả ba tác giả Matthêu, Maccô và Luca đều trình thuật về đàn heo và người bị quỷ ám, tuy có đôi chút khác biệt. Matthêu nói có hai người bị thần ô uế ám tại Gađara, còn Maccô và Luca thì kể một người bị đạo binh quỷ ám tại Ghêsara, từ trong mồ mả ra đón gặp Chúa Giê-su. Chúa trừ quỷ cho anh ta. Quỷ đã xin Người cho chúng nhập vào đàn heo.

Theo Thánh Matthêu: *Có một đàn heo nhiều con được thả chăn cách đó xa xa. Ma quỷ nài xin Ngài rằng: Nếu Ngài đuổi chúng tôi xin hãy sai chúng tôi vào đàn heo. Ngài bảo chúng: Đi đi! Xuất ra chúng nhập vào đàn heo, và này tất cả đàn heo theo sườn núi chênh vênh, xông xộc nhào xuống biển, mà chết dưới nước.* (Mt 8,30-32).

Thánh Luca cũng nói đàn heo khá nhiều: *Ở đó có một đàn heo khá đông trên núi. Lũ quỷ xin Người cho phép chúng nhập vào bầy heo kia, và Người cho phép, ... (Lc 8,32).*

Tin mừng theo Thánh Máccô cho chúng ta biết rõ số lượng đàn heo: *Cả bầy heo chừng hai ngàn con ầm ầm nhảy xuống biển và chết đuối hết. Các kẻ chăn heo bỏ chạy, loan tin trong thành và thôn xóm. (Mc 5,13-14).*

Người chăn lợn

Người chăn heo Paléttin thời Chúa Giêsu có lẽ nghèo đói và bần thiêu hơn người chăn chiên, họ thuộc loại hạ cấp, cùng đinh trong xã hội. Chuyện người con phung phá Thánh Luca thuật lại chứng tỏ điều đó.

Một chàng thanh niên con nhà giàu, đòi bố chia gia tài. Rồi lấy tiền của đó đi kết bè kết đảng, tiêu pha phung phí, ăn chơi đàng điếm. Lúc hết tiền, bạn bè ăn nhậu đều xa lánh. *Miền đó lại gặp nạn đói, anh ta phải đi ở đợ cho một người dân trong vùng, ông chủ bắt anh ta ra đồng trông coi đàn lợn. Anh ta ước gì có thể lấy những muông muông, cám heo ăn, mà thốn cho đầy bụng nhưng cũng chẳng có ai bố thí cho (Lc 15,15-16).* Lúc ấy anh ta mới hối hận mò về...

Anh ta được người cha nhân hậu tiếp đón niềm nở, sai mở tiệc ăn mừng. Không biết sau đó anh ta có chí thú làm ăn lương thiện trong nhà cha, hay lại theo lối xưa, ngu xuẩn quay lại với sự điên dại cũ, như Thánh Phêrô cảnh báo:

Heo tắm sạch lại tìm rạch đẫm bùn. (2Pr 2, 22).

Người gọi heo rừng

Để kết thúc chuyện heo theo Thánh Kinh, chúng tôi xin kể lại một chuyện lạ Chúa làm nơi tín hữu tổ tiên chúng ta, ngày Tin Mừng mới được gieo rắc trên quê hương Việt Nam. Câu chuyện được chính Thừa sai Alexandre De Rhodes (cha Đắc-lô) tường thuật trong “Lịch Sử Vương Quốc Đàng Ngoài” cuốn thứ hai, chương bốn mươi tám.

Ngày xưa, trong mùa Chay tín hữu công giáo phải kiêng thịt trong suốt 40 ngày. Vào một chủ nhật lễ Phục Sinh thập niên 1640, có một giáo dân rất đạo hạnh tên thánh là Simon, ở thôn Tam Giang (Tamdang), một tỉnh miền tây sông Hồng. Ông có việc vào rừng, thấy một con heo rừng đang sục sạo kiếm ăn. Ông đơn sơ ước muốn xin Chúa ban cho ông một ơn, như thường ban cho người lành, là xin cho ông có thể truyền khiến được con heo rừng vâng phục mình. Ông liền làm dấu Thánh giá và đọc một Kinh Lạy Cha. Sau đó ông điềm đằm, đầy tin tưởng và gọi con heo rừng đến gần ông. Con heo rừng vâng theo, trở nên hiền lành như con cừu, không chống cự ngay cả khi người ta thọc tiết.

Thế là sau một mùa Chay đã giữ nghiêm ngặt luật kiêng thịt, cả xóm đạo được ăn mừng lễ Phục Sinh bằng một bữa cỗ thịt heo rừng thịnh soạn. Ông Simon cũng cho mời cả người nghèo trong thôn đến dự, và xin mọi người cảm tạ và chúc tụng Thiên Chúa vì ơn Người mới ban cho.

Ước mong Tết này, cũng có những “ông Simon” nhận được ơn Chúa một cách cụ thể ngay trước mắt, đuổi hết “heo rừng” đi cho bà con có những ngày đầu năm vui vẻ.

Kính chúc Quý vị một năm mới: đất nước đổi mới, chính quyền biết bảo vệ giang sơn gấm vóc tổ tiên dày công bồi đắp, và lo cho đồng bào thoát cảnh nghèo khổ, được an cư lạc nghiệp.[]

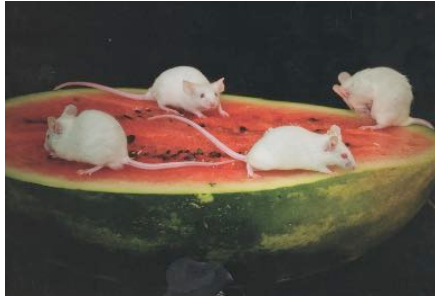


Một phiên chợ bán lợn tại Bắc kỳ.

PHẦN THỨ HAI

MƯỜI HAI CON GIÁP THEO DÂN GIAN





Tuổi Tý là con chuột đồng,
Tha khoai ngâm lúa đem thồn hang đâu?

1. NĂM TÝ NGHĨ CHUYỆN CHUỘT

*Tuổi Tý là con chuột nhà,
Chạy mút đầu xà, leo tận đòn giông.
Tuổi Tý là con chuột đồng,
Tha khoai ngâm lúa đem thồn xuống hang.
Tuổi Tý, con chuột cống lang,
Phá hại mùa màng cây trái nông gia.*

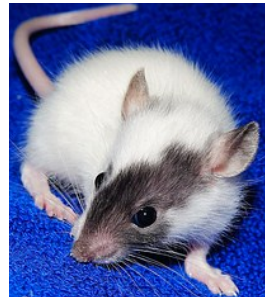
Theo cách tính năm của người xưa, năm nay là năm Tý, năm cầm tinh con chuột. Hay nói cách khác, năm Tý được tổ tiên ta từ xa xưa đã dùng con chuột làm biểu tượng cho cả năm, bất cứ ai sinh ngày, tháng nào trong năm Tý, cũng đều mang tuổi Chuột.

Nhân ngày đầu năm Tý, người ta hay nói dăm ba chuyện về con chuột. Theo thông lệ đó, chúng tôi cũng sưu tầm được mấy chuyện chuột, kể hầu quý vị mua vui trong ngày Tết.

Con chuột đầu tiên

Các nhà nghiên cứu cho biết, chuột đã xuất hiện tại Á Châu, nơi con người sinh sống ngay từ thời cổ đại. Người thời đó đã đặt cho chuột cái tên bằng tiếng Phạn (Sanskrit) có nghĩa là “kẻ trộm”. Theo cổ tích Việt Nam, tiền thân của chuột là vị Thử Thần ở trên trời. Ngọc Hoàng phong cho chức Thiên khố giám, sai giữ kho nhà trời. Thời xuân trẻ Thiên khố giám là một vị quan thanh liêm, mẫn cán, làm việc rất ngăn nắp quy củ, không hề tơ hào một chút của kho nhà trời. Ngọc Hoàng tin cẩn thăng cho làm phò mã.

Từ ngày có gia đình, Thử Thần mới thấy thiếu trước hụt sau, lại được công chúa mách nước “của trời kho vô tận” có lượm hạt rụng hạt rơi nơi cái kho vô tận ấy cũng chẳng ai để ý. Từ đó, mỗi ngày Thử Thần lót túi một chút của kho trời. Cứ thế, cơ ngơi của quan Thiên khố giám ngày càng phình ra, ngày càng nguy nga đồ sộ. Nhưng “trời có mắt” nên việc ấy



Ngọc Hoàng cũng thấy, Ngài bèn đày Thử Thần xuống dương gian, cho làm một con vật mới. Để tránh không cho ăn cắp nữa, Ngọc Hoàng cho Thử Thần hoá thành một con vật nhỏ thó, có cái mõm chu ra cho bớt ăn, có đôi mắt lồi nhỏ cho bớt nhìn, lại thêm cái đuôi dài cho khó trốn, vì “giấu đầu hở đuôi” thì ai cũng biết.

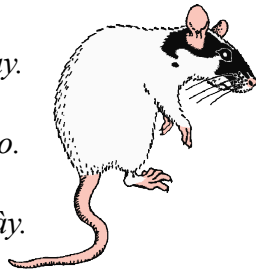
Từ ngày trần gian xuất hiện con vật mới, đêm nào người ta cũng thấy mất lương thực. Họ đã thay nhau thức đêm canh rình tìm thủ phạm, sau mới biết là do một con vật nhỏ, có cái mõm *chu*, có đôi mắt lồi lò dò như *chột*, chuyên mò mẫm đi ăn trộm. Người ta mới đặt tên cho con vật nhỏ đó là *con chu-chột*. Sau họ nói nhanh thì thành ra *con chuột*. Từ đó dương trần có thêm loài chuột.

Khai sinh của chuột cống

Các nhà khoa học đã phân biệt được hàng trăm loại chuột khác nhau. Người Việt Nam ta cũng đã liệt kê được đến hơn ba mươi loại chuột, gọi bằng tên khác nhau, trong đó có chuột cống. Chuột cống là loài chuột lớn hơn chuột nhà, chúng tìm nơi cống rãnh để ẩn nấp, sinh sống. Nhưng trong truyện Tống Trân - Cúc Hoa lại cho rằng chữ cống ấy là một sắc phong hàm cho chuột, coi chuột ngang hàng với những nhà nho có bằng Hương cống, một học vị xưa gọi những người đã đậu kỳ Thi Hương.

Như vậy hẳn là chuột đã có công gì với Trạng nguyên Tống Trân? Cúc Hoa nuôi Tống Trân ăn học. Khi Tống Trân thi đỗ Trạng nguyên, được vua chọn làm phò mã, Tống Trân từ chối vì tình yêu đã gắn bó với Cúc Hoa, công chúa thấy mình bị khinh mới xin vua cha bắt chàng làm con tin ở nước Tần cho bỏ ghét. Thế là vợ chồng phải chia ly. Cúc Hoa ở nhà, chỉ tình suốt 10 năm, nuôi mẹ chồng, nhưng bị bố đẻ bắt về gả cho Đình trưởng. Hôm Đình trưởng đến đón dâu, trước khi định tuần tiết thờ chồng, Cúc Hoa có 8 nén vàng trao cho hai cô hầu gái để lo hậu sự cho mẹ chồng, nhưng hai cô chia nhau. Không ngờ đêm đó, chuột tha 8 nén vàng ấy đem tới chỗ Tống Trân. Nhận ra đó là số vàng của vợ, Tống Trạng liền phong hàm cho chuột:

*Trời sai đàn chuột xuống ngay,
Vàng kia tám lạng chuột nay tha liền.
Tha đến bên mình Trạng nguyên,
Vàng lại rơi xuống nhỡn tiền lạ thay.
Trạng nguyên cầm lấy trên tay:
“Vàng này đích thật của rày vợ tao.
Chuột kia mày ở nơi nao,
Vàng này tám nén đưa tao chó chày.
Ơn vua tao sống về đây,
Phong chức cho mày hương cống chuột kia. (TT-CH)*



Chỉ riêng chuột cống, người ta còn phân biệt tới 120 loại. Dân gian không rõ loại chuột nào được phong hàm, nên cứ thấy con chuột nào to hơn thì gọi nó là chuột cống.

Chuột nghe nhạc

Thi sĩ Robert Browning có một bài thơ nổi tiếng, diễn tả một nhạc sĩ dùng tiếng sáo để điều khiển cả một đàn chuột. Thuở ấy, thành phố Hamelin Town bị chuột tấn công phá phách. Nhà chức trách lo sợ lũ chuột ấy lan truyền thành bệnh dịch hạch, nên lo bán xúc xích. Chính quyền giết chuột, dân chúng giết chuột. Nhà nhà giết chuột, người người giết chuột mà cũng không xuể.

Trong thành phố có một nhạc sĩ nổi tiếng về tài thổi sáo. Như có một tiếng gọi đặc biệt, nhạc sĩ đó liền đem sáo ra công trường ngồi thổi. Tiếng sáo của ông cất lên vi vút véo von, mê mên huyền diệu làm tất cả chuột lớn, chuột nhỏ từ mọi xóm xinh, góc ngách, hang cùng ngõ hẻm thành phố Hamelin Town, kéo đến công trường say mê nghe tiếng địch thiên thai đang réo rất bổng trầm... Khi đàn chuột chen chúc nhau đen kín công trường, nhạc sĩ từ từ đứng dậy, miệng vẫn tiếp tục những âm điệu dìu dặt, trong trẻo, thanh thót vang lên theo từng bước chân ông, tiến ra bên bờ sông vắng ngắt... Đàn chuột không lộ bộ theo trật tự như một đạo binh ào ạt diễn hành... Đến bờ sông, tiếng sáo bỗng đổi sang một nhịp khúc quân hành thôi thúc. Đàn chuột điên cuồng nhảy nhót, ào ào lao xuống sông... Dòng sông vẫn cuộn cuộn chảy xuôi, đem hàng ngàn xác chuột ra khơi làm mồi cho cá biển.

Với thiên tài đem tiếng sáo ra giết chuột có một không hai ấy, người nhạc sĩ đã được ông Thị Trưởng thành phố Hamelin hứa tặng một ngàn đôla (thời bấy giờ). Nhưng số tiền ấy quá lớn với một thành phố nhỏ, nên mãi mãi chỉ là lời hứa. Người nhạc sĩ tài ba ấy đã đem khả năng của mình ra giúp dân trừ chuột, làm tròn công việc trời giao phó.

Chuột trong văn chương

Trong văn chương bình dân, ai cũng thuộc lòng câu ca dao nói đến con chuột làm tổ mãi trên ngọn cau, mà phải đi mua mắm mua muối làm giỗ cho bố mè. Nếu chịu khó tìm tòi chúng ta sẽ gặp rất nhiều thành ngữ người xưa đã đem con chuột ra ví von cho người đời suy gẫm.

Chẳng hạn: thường thì nhà lãnh đạo đề ra chương trình xây dựng đất nước lúc nào cũng thấy quy mô vĩ đại, đến lúc đem ra thực hành thì bị “rút ruột”, kết quả của việc xây dựng là:

Đầu voi đuôi chuột.

Hay là:

Trái núi để ra con chuột.

Dĩ nhiên “kẻ rút ruột” lại hí hửng cho mình là gặp hên, giống như:

Chuột sa chĩnh gạo.

Chúng tin tưởng chẳng ai dám khai chuyện mờ ám của chúng, vì:

Hang hùm ai dám móc tay,

Chuột nào lại dám cắn dây buộc mè.

Còn nhà chức trách thì cũng “ngậm miệng ăn tiền”, khai ra thì không lẽ đánh đồng chí mình, giống như:

Ném chuột sợ bể đồ.

Phải chờ đến khi nào chúng bị lột mặt nạ ra, lúc ấy ai cũng thấy rõ ràng là:

Cháy nhà ra mặt chuột.

Kẻ phạm pháp bị lôi ra tòa mới cảm thấy xấu hổ với cái dáng điệu:

Lấm lét như chuột ngày,

trông chúng quả là:

Lù đù như chuột chù phải khới.

Những kẻ tham nhũng như thế đều bị dân gian nguyên rủa:

Cha đời chuột nhất nhà bay,

Tảng đá rơi xuống thì mây gãy xương.

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

Người bình dân nói gãy xương là còn có nghĩa đồng bào đấy, đúng ra là phải nát ra như cám. Nhưng nếu nó còn sống thì cũng trở thành tay trắng:

*Vịt chê lúa lép không ăn,
Chuột chê nhà trống ra nằm bụi tre.*

Đó là đem thành ngữ, ca dao xưa thích ứng với chuyện xảy ra hôm nay. Thời xưa cũng có những chuyện tiêu cực, nhưng thường chỉ xảy ra trong phạm vi nhỏ. Cổ văn có chuyện Trinh Thử bằng văn vần, mượn chuyện con chuột bạch để vinh danh phụ nữ thủ tiết thờ chồng nuôi con:

*Khá khen chuột bạch trinh kiên,
Trăng hoa chẳng tưởng, giữ gìn tấm thân.*

đồng thời lên án những ông chồng đào hoa bay bướm:

*Như lòng chuột đực khá chê,
Toan đường quyến rũ, dạ mê đạo lành.*

và phê phán những bà vợ hay ghen tương không suy nghĩ:

*Khá chê chuột cái đại rô,
Chồng đi hoa nguyệt chẳng cho được nào.*

Nói đến văn chương chữ nghĩa về chuột thì con nhiều, nhưng xin quý vị quay lại với hiện tại, xem trong ca dao mới nói về con chuột.

Chuột trong ca dao mới

Ca dao là những câu văn vần được dân gian cảm hứng theo từng thời kỳ lịch sử dân tộc. Chẳng hạn, khi công chúa Huyền Trân hy sinh xả thân để mở rộng bờ cõi đất nước, phải kết hôn với vua Chăm, thì nhân gian đã có câu:

“Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán thằng Mường nó leo”.

Lịch sử Việt Nam hôm nay cũng đang hình thành những câu ca dao mới, nhằm đánh dấu giai đoạn hiện tại của đất nước.

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

Diễn hình như các cô thôn nữ nghèo khổ, phải bán mình cứu đói cho gia đình:

*Con mèo xuống bếp tìm mồi,
Thấy con chuột nhất đang ngồi thở than:
- Chị tôi đi lấy Đài Loan,
Bị lừa thành điểm, thân tàn tha phương.*

Hoặc hoàn cảnh của những đồng bào bị cướp đất cướp nhà, mà công lý lại là “công lý” của bọn cướp, nên bà con phải vất vưởng nhiều năm trước cửa quyền, tìm mãi không thấy chiếc trống kê oan mà gióng lên một hồi than oán, gặp được người giúp đỡ thì họ lại bị thộp cổ:

*Con mèo mà trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu xa gần?
- Chú chuột đi giúp người dân
làm đơn khiếu kiện, công an bắt rồi !!!*

Chính vì cái chế độ độc đảng chuyên chính, không chấp nhận người có TÀI có ĐỨC ra giúp nước. Từ xa xưa, triều đình phong kiến còn mở các khoa thi để tuyển dụng nhân tài cho quốc gia. Nay thì “hồng hơn chuyên”, người tài giỏi mà không phải là đảng viên thì càng bị trừ giập. Đảng coi mình là nhất, tự kiêu huênh hoang xưng mình là “đỉnh cao trí tuệ” nhưng lại chui ra từ cái hang Pắc-bó, chỉ là bọn vô lại vừa không có *tâm*, vừa không có *tâm*, làm tay sai cho Tàu cộng, cản ngăn đà tiến của dân tộc, bần cùng hoá dân lành:

*Pắc-bó xưa chuột ở hang,
Bò ra phá hoại Việt Nam hoá nghèo.*

Vì ca dao mới còn đang phát triển, chúng tôi chưa sưu tầm được nhiều, nên mời quý vị ghé qua Trung Hoa xem người xưa nói về chuột. Trong Kinh Thi, một trong Ngũ kinh do Đức

Khổng Tử sưu tập, có bài thơ “Tương Thử” nhận định về diện mạo con chuột, đã nói đến thử bì (da con chuột), bài thơ mang đại ý: đến như con chuột bé nhỏ như vậy mà còn có da, cho nên người ta cũng phải có lễ nghĩa:

Chuột còn có da, người ta phải có đức.

Chuột ăn trộm

*Chuột kia xưa ở nơi nao,
Bây giờ phá hại chúng tao thế này.*

Từ khởi đầu, tên của chuột đã mang nghĩa là kẻ ăn trộm, nên bản chất của chuột là tìm đủ mọi cách để đạt được thực phẩm mà tự nó không sản xuất.

Vì chuột ban đêm xuất hiện để ăn trộm, nên người ta phải cất kỹ thực phẩm. Ấy thế mà chuột vẫn ăn trộm bằng những cách ta không ngờ tới. Dân quê Việt Nam xưa thường nhà nào cũng có lọ đựng mỡ nước. Mỡ này được thảng ra từ thịt mỡ lợn, thành chất lỏng đựng trong cái keo có nắp đậy cẩn thận, rồi đem cất ở chạn đựng thức ăn, để dành tra nấu. Đêm đến, một con chuột nhất đánh được hơi mỡ, nó liền leo lên chạn, gác hai chân trước lên nắp keo mỡ, dùng răng khoét thủng một lỗ trên nắp keo, nó không thò mõm vào keo mỡ được, nên leo lên ngồi trên nắp keo mỡ, thòng đuôi xuống qua lỗ nắp thủng, khoắng vào keo cho mỡ dính đầy, chuột ta từ từ kéo đuôi lên, đưa vào mõm mút mỡ. Cứ thế...cho đến cang bụng!

Nhiều người còn kể chuyện chuột ăn cắp trứng gà. Chuyện ăn trộm này phải có hai con. Một con chuột nằm ngửa ôm trứng, con thứ hai cắn đuôi con ôm trứng lôi về hang: thế là gia đình nhà chuột có một bữa ăn linh đình bổ dưỡng:

*Cắn đuôi tha trứng gần xa,
Chuột còn đoàn kết hướng ta là người.*

Tính ăn trộm của chuột từ xưa đã đi vào văn học Trung Hoa. Đời Tống bên Tàu có Binh Bộ Thượng Thư Tô Đông Pha, thuở còn nhỏ nhà nghèo, khi đi học thường mang mấy lát gừng trong túi xách, để phòng khi trời gió trở trời dùng gừng làm thuốc. Ấc hại thay mấy lát gừng ấy bị chuột ăn cắp mất. Khi hắt hơi sổ mũi, Tô Đông Pha tìm gừng không thấy, mà lại thấy mấy viên cứt chuột. Biết là gừng bị chuột cuỗm mất. Tức khí, Tô Đông Pha làm bài phú kể tất cả những cái tinh quái của loài chuột. Bài văn nổi tiếng ấy là bài “Hiệt thử phú” mà nay nhiều người còn nhắc đến.

Chuột trắng trên cành lan

“Bạch thử lan chi”. Khi Nguyễn Ánh còn bị Tây Sơn rượt đuổi, phải chạy trốn ra Phú Quốc. Một đêm, ông thấy một con chuột trắng leo lên một cành hoa lan, lên đến mút đầu cành, hoa lan nở và rữ về hướng Tây. Sáng hôm sau, khi gặp quan tham mưu, ông kể lại câu chuyện ấy. Quan tham mưu vui mừng như được của, ông vội trình lên:

Khải chúa, “bạch thử lan chi” là điềm rất tốt lành. Trong tình hình hiện nay, ý trời đã định, chúng ta phải cầu viện phương Tây mới thành công. Sau đó Nguyễn Ánh đã liên lạc với Đức cha Bá-đa-lộc nhờ giúp đỡ. Quả nhiên nhà Nguyễn đã chiếm được ngai vàng.

Chuột đã xuất hiện ngay từ thời cổ đại. Con người đã bị chuột phá phách hết đời này đến đời khác, nên người ta đã có rất nhiều chuyện về con chuột. Ngay từ ngày còn nằm nôi, ngủ võng, ai mà chẳng được nghe mẹ ru những câu ca dao về con chuột, lớn lên một tí thì được bà kể chuyện cổ tích, trong đó cũng có những chuyện chuột, khi đi học lại được thầy giáo dạy bài học lấy con chuột làm ngụ ngôn cho ta cách cư xử ở đời...

Chúng tôi tuy không có dịp đọc nhiều sách, nhưng cũng có thể kể được một số nhan đề các chuyện về con chuột. Chẳng

hạn như: Chuột tinh chuột què, Chuột nhắt và sư tử, Chuột và mèo, Mèo mắc lừa chuột, Chuột đeo nhạc cho mèo, Tinh con chuột, Đa đa và chuột, Chuột bạch và vợ chồng chuột chù, v.v... Chuột còn xuất hiện cả trong tranh nhân gian, như tranh Đám cưới chuột, tranh Trạng chuột vinh quy, tranh Chuột mùa rông... Thời Đệ nhất Việt Nam Cộng Hoà, vào dịp Tết Canh Tý 1960, một tờ báo Xuân tại Sài Gòn có bức tranh bìa vẽ một quả bí rợ bị một con chuột nhắt bò đến khoét thủng một lỗ. Tranh ngụ ý chế độ VNCH đang bị Việt Cộng phá hoại. Bộ Thông Tin thời đó đã cấm phát hành số báo Xuân ấy.

Nhân ngày đầu năm Tý, chúng tôi cũng có đôi dòng về con chuột hầu quý vị có vài phút vui xuân, gẫm xem năm mới này có vận may nào cho đất nước, cho dân tộc. Trong sấm ký của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, chúng tôi trích hai câu có con chuột:

- *Chuột sa chĩnh gạo năm mê.*
- *Hễ mà chuột rúc thì dê về chuồng.*

Kính chúc dân tộc Lạc Hồng Năm Mới An Khang, Ấm no Hạnh phúc, gặp toàn điều may mắn như thấy được “chuột trắng trên cành lan” đem tới cuộc sống Tự do Tôn Giáo, Tự do Ngôn luận, Nhân Quyền được tôn trọng... như thời Việt Nam Cộng Hoà tại Miền Nam mấy chục năm trước.

Trên đây là một số chuyện về chuột. Tiếp sau chúng tôi bàn về đời sống một số chuột đã nghe nói đến.[]



ĐỜI SỐNG CHUỘT

Theo âm lịch, năm nay là năm Tý, cầm tinh con chuột. Nhân ngày Xuân năm Tý, chúng ta thử tìm hiểu đôi nét về con chuột.

Chuột là động vật nhỏ, mình phủ lông mịn, đầu nhỏ, mõm nhọn có đôi mắt đen tròn, đôi vành tai mỏng hình trái xoan và một cái đuôi dài thon nhỏ. Các khoa học gia cho rằng chuột xuất hiện tại châu Á ngay từ thời cổ đại. Người thời đó đã dùng cổ ngữ Sanskrit để đặt tên cho chuột, tên “chuột” theo tiếng Phạn cổ ấy có nghĩa là “kẻ trộm”, vì chúng chuyên đi ăn cắp thực phẩm. Dần dần chuột theo người đến châu Âu, rồi khoảng thế kỷ thứ 14 chuột mới theo tàu Anh, tàu Pháp đến châu Mỹ. Nhiều loại trong bộ gặm nhấm tương tự đều được gọi là chuột, như con bọ, chuột đồng, chuột núi, chuột rừng...Điểm đặc biệt của loài gặm nhấm là có răng cửa luôn dài ra trong đời sống, để giữ được độ dài của răng luôn bình thường, chúng phải mài răng vào nhau luôn luôn, khiến mõm chúng lúc nào cũng cử động.

Có hằng trăm loại chuột, chúng sinh sống khắp nơi trên trái đất. Người ta có thể thấy chuột sống ở trên núi, ở cánh đồng, ở rừng rậm, nơi bùng biển, cạnh dòng suối và ngay cả ở sa mạc...Tuy nhiên loại chuột được biết đến nhiều nhất là chuột sống gần gũi nơi con người cư ngụ, chúng ta gọi là chuột nhà.

Trước khi nói đến những loài chuột khác, chúng tôi nói về chuột nhà.

Chuột nhà

*Tuổi Tý là con chuột nhà,
Chạy mút đầu xà, leo tận đòn giông.*

Người Việt Nam mình không ai lạ gì con chuột, nhất là chuột nhà. Chúng sống ngay trong nhà mình, đêm đến đi lục lạo tìm đồ ăn, và cắn phá đồ đạc...

Ngay từ thời cổ đại, người ta đã thấy chuột nhà xuất hiện nơi người sinh sống. Chuột nhà nhỏ con, dài khoảng 6 đến 9 centimet, không tính đuôi. Đuôi chuột thường dài bằng thân chuột. Chuột nhà cân nặng từ 14 đến 28 gam. Phần lớn chuột nhà có lông mềm, thường là màu nâu xám ở lưng và cạnh sườn, dưới bụng lông màu nhạt hơn. Cũng thuộc loại chuột nhà là chuột được nuôi làm cảnh, hoặc được nuôi để làm thí nghiệm. Loại chuột này thường có lông khác màu, như trắng tinh ta gọi là chuột bạch. Có loại thêm những khoang đen, hay chấm nâu, chấm vàng gọi là chuột tam thể, cũng có con có chấm khoang nhiều màu khác. Đuôi chuột nhà không có lông mà phủ một lớp da trông nhám như lớp vảy.

Đầu chuột nhà nhỏ, có mõm nhọn, dài và hẹp, mỗi bên có dăm sợi râu dài cứng. Những sợi râu này có công dụng như một loại ăng-ten để chuột định hướng khi đi trong đêm tối. Như trên đã nói, chuột có vành tai mỏng và tròn, có đôi mắt nhỏ lồi ra như hạt đỗ. Tai chuột rất thính, một tiếng động mạnh có thể làm chuột giật mình nhảy tung tóe. Nhưng tầm nhìn mắt chuột rất kém, nên đôi khi ta thấy chuột chạy cả vào phòng sáng đèn có người đang ở. Giống như tất cả các vật trong bộ gặm nhấm, chuột có bộ răng cửa khoẻ và sắc luôn dài ra. Với những cái răng cửa này, chuột có thể cạp lủng cánh cửa tủ, gặm thủng nắp rương để tìm đồ ăn hay làm tổ, hoặc chỉ để cắn phá hoa mầu, đồ dùng, sách vở, quần áo...

Thức ăn của chuột nhà: Sống chung với người, nên chuột nhà ăn hầu hết những thực phẩm người dùng, nó ăn cả thịt và

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

bất cứ thức ăn nào chúng tìm được. Những lúc không tìm ra đồ ăn, chúng còn ăn cả những thứ người dùng trong nhà như hồ dán, kem đánh răng, xà phòng, đồ dùng bằng da... Những con chuột nhà sống xa nơi người ở thì chúng ăn côn trùng, lá cây, mầm cây non, rễ cây, các loại hạt, các loại củ...

Hoạt động của chuột hầu như chỉ là đi tìm thức ăn. Nhưng thật ra chúng ăn rất ít mà phá hoại thì gấp bội. Những con chuột nhà sống gần nơi người cư ngụ tại các đô thị, làng xóm... thì trèo tường giỏi, khoét vách hay, thường xuất hiện cả ban ngày để tìm ăn. Trái lại chuột sống nơi hoang dã thì ban ngày ẩn nấp, đêm đến mới mò đi kiếm mồi.

Chỗ ở của chuột nhà: Chuột nhà sống ở những nơi chúng dễ tìm thực phẩm và tiện làm tổ. Bất kỳ nơi nào tối khuất, ẩm áp và yên tĩnh trong nhà là nơi ở lý tưởng của chuột. Chuột có thể làm tổ ở góc kho, khe hở ở dưới mái ga-ra, chỗ chứa đồ nơi



tầng hầm... Chúng có thể xé quần áo, đồ dùng thành từng sợi để lót tổ, hay nếu chúng đánh cắp được lông gà hoặc bông gòn từ những chiếc gối mà chúng khoét thủng, đem làm tổ. Loại chuột sống ngoài nhà thường đào hang để làm

tổ, chúng lót tổ bằng cỏ khô hay những chiếc lông chim chúng tìm được. Tổ chuột nhà thường là nơi chúng làm ổ đẻ sinh đẻ chuột con, trước ngày sinh đẻ, chuột nhà có thể sống tạm ẩn nấp ở nơi khuất vắng.

Chuột cái mang bầu từ 18 đến 21 ngày, đẻ ra mỗi lứa từ 4 đến 7 chuột con. Chuột mới sinh có lớp da láng đỏ hồng, chưa mở mắt. Mười ngày sau, chúng mọc đủ lông, thêm bốn ngày nữa chuột con mới mở mắt. Chuột con ở với tổ mẹ chừng ba tuần. Rồi chúng ra đi xây dựng những tổ ấm mới, để rồi chừng 45 ngày tuổi chúng đã đẻ lứa đầu.

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

Kẻ thù của chuột: Vì chuột phá hoại mùa màng, đem lại dịch bệnh, nên con người luôn tìm đủ cách diệt chuột. Cho nên người là kẻ thù số một của chuột, họ đặt bẫy, đánh thuốc bả chuột tại những nơi chuột hay lui tới. Thứ đến, kẻ thù của chuột là những động vật ăn thịt như chó, mèo, rắn, chim cú, chim ưng, lang sói... Vì thế tính mệnh của chuột nhà thường ngắn ngủi, mặc dầu đã làm tổ ở những nơi xó xỉnh, hang lỗ. Tuổi thọ trung bình của chuột cũng chỉ đạt khoảng một năm. Những con chuột sống nơi hoang dã, nếu không bị chết yếu thì cũng chỉ kéo dài cuộc sống được đôi ba tháng. Tuy nhiên những con chuột được nuôi làm chuột kiểng hay làm vật thí nghiệm thì tuổi thọ lên được đến sáu năm.

Chuột nhà tránh kẻ thù bằng cách ẩn nấp, trốn tránh. Vì thế chúng không dám lìa xa tổ, mà chỉ quanh quẩn gần tổ trong vòng đường kính chừng dăm chục mét là cùng. Mặc dù chuột nhà luôn tránh nước, nhưng khi gặp nguy kịch, chúng cũng nhào xuống nước bơi lặn để thoát thân. Tuy không dám mạo hiểm đi xa, chuột cũng có thể đến được những vùng xa xôi khác bằng cách ẩn náu trong đồ đạc người ta chở theo khi di chuyển đến đó.

“Hết trong nhà ra đến ngoài ngõ” Trong số những loại chuột sống hoang ngoài nhà, thì gần gũi chuột nhà là chuột đồng. Chuột đồng là đại diện cho số những loại chuột sống hoang dã, nên chúng tôi kể tiếp về chuột đồng.

Chuột đồng

Tuổi Tý là con chuột đồng,

Tha khoai ngâm lúa đem thồn xuống hang.

Loại chuột có nhiều đặc điểm giống chuột nhà, nhưng sống nơi nương đồng, được gọi là chuột đồng. Chuột đồng nhỏ hơn chuột nhà đôi chút và ở đuôi có lơ thơ mấy sợi lông, phần lớn chuột đồng có tai to hơn. Chuột đồng làm tổ nơi những vùng cỏ cao, chúng kết cỏ lại thành tổ có hình tròn đường kính

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

chùng 15 đến 18 centimet. Để tránh bị ngập nước, tổ chuột đồng thường làm cao hơn mặt đất từ 15 đến 30 centimet, trên cành cây, trong bụi rậm hay đống cỏ cao. Để leo lên tổ, chuột đồng thường lợi dụng cành cây như cái thang để ra vào tổ. Cũng có khi chuột đồng đào hang nơi những gò đống hay bờ ruộng cao để ở.

Loại chuột đồng thường ăn mầm cây, và thích nhất là các loại hạt. Chúng lượm hạt rơi rụng trên mặt đất. Chúng cũng có thể tự hái hạt bằng cách leo lên cho bông lúa oằn xuống, rồi xúm nhau cắn hạt.

Chuột đồng cái mang bầu từ 21 đến 24 ngày. đẻ ra mỗi lứa từ 1 đến 8 chuột con. Khi chuột con lên hai tháng tuổi là rời tổ mẹ tìm nơi làm tổ riêng.



Tại Việt Nam cha ông ta cũng đã phân biệt được nhiều loại chuột sống nơi hoang dã, bằng những tên gọi khác nhau:

Phân biệt theo từng lứa tuổi thì có chuột hà nàm, chuột nhất hay chuột lắt, chuột đàn hay chuột com....

Phân biệt theo giống loại thì có chuột đồng, chuột núi, chuột cống, chuột bóng, chuột choắt, chuột chù hay chuột chũi, chuột dúi, chuột lang, chuột vàng, chuột đất, chuột hang, chuột hươu, chuột khi, chuột sóc, chuột lợn, chuột khuy, chuột châu chấu, v.v...

Chúng ta chẳng đủ thì giờ để mô tả hết các loại chuột, chỉ xin nói thêm một vài loại chuột đặc biệt:

Chuột châu chấu: Người ta gọi loại chuột này là chuột châu chấu vì chúng thích ăn châu chấu và những côn trùng nhỏ khác, mà bọ cạp là món ăn chúng thích nhất. Chúng có cùng cỡ với chuột nhà, nhưng mập mập hơn và có đuôi ngắn. lông phía lưng màu nâu hay xám, dưới bụng có lông trắng. Chuột châu chấu sống nơi khô cằn và vùng sa mạc, trong hang dưới đất.

Chúng không biết đào hang mà tìm dùng lại những hang bỏ trống thừa của loài gặm nhấm khác như hang chuột vàng, hang sóc đất, hang chuột hươu... để làm nơi sinh sống.

Chuột châu chấu cái mang bầu từ 29 đến 38 ngày, đẻ ra mỗi lứa ba hay bốn chuột con. Lũ chuột con này phải mất chừng ba tháng mới trưởng thành, đi tìm hang riêng để tự lập.

Chuột châu chấu hoạt động về ban đêm, khi màn tối trùm xuống không gian là lúc chuột châu chấu bò ra khỏi hang để đi săn mồi. Khác với các loại chuột khác, vì sống nơi khô cằn không dễ kiếm quả hạt, nên chuột châu chấu thích ăn thịt tươi hơn ăn ngũ cốc. Chúng ăn những con vật nhỏ chúng săn bắt được như châu chấu, bọ cạp, côn trùng, giun đất, có khi ăn cả những chuột con khác. Khi săn mồi, chuột châu chấu cũng có những thế săn không khác mèo, cũng rình nhấm con mồi rồi nhẹ nhàng bò tới, khi đủ tầm bắt là nó tấn công chớp nhoáng. Chuột châu chấu cũng là loại chuột duy nhất gây ồn ào chí chèo về ban đêm khi chúng tranh mồi.

Chuột hươu: Chuột hươu, hay chuột chân trắng, dài khoảng 15 đến 20 centimet, đuôi ngắn bằng chừng nửa thân. Lông trên lưng thường có màu xám, hoặc hung hung, bụng lông trắng loang xuống đến bốn chân, dài hơn chân chuột nhà nên mới có tên là chuột hươu. Tai loại chuột này lớn cân đối với vóc dáng thân mình. Có đến hơn 50 loại chuột hươu sống trên những nơi khác nhau như núi non, đồng bằng, sa mạc, rừng rú, bưng biển...

Chuột hươu làm tổ ở trong hang tự đào, hoặc trong các bọng gỗ, hốc cây hay kẽ đá. Chuột hươu cũng thường vô xóm nhà để kiếm tìm, ăn cắp vật liệu mềm như áo quần, bông vải để làm tổ. Thường một năm chúng phải làm tổ năm sáu lần vì hang của chúng bị đất cát lấp lối.

Chuột hươu cái mỗi lứa đẻ từ 1 đến 9 chuột con, sau khi mang bầu từ 21 đến 27 ngày.

Ban ngày chuột hươu ở trong hang nghỉ ngơi. Màn đêm xuống chuột hươu mới ra khỏi hang để đi kiếm ăn. Chúng ăn dâu dại, trái cây, lá cây, hạt dẻ, ngũ cốc và cả côn trùng. Khi ra khỏi hang, hai ngón chân cái của bàn chân trước chuột hươu cào tới tấp trên lối đi, nên càng ngày hang cứ đầy dần, khiến chúng phải tìm hang khác để sống.

Chuột cống

Tuổi Tý, con chuột cống lang,

Phá hoại mùa màng, cây trái nông gia.

Nhiều người Việt Nam quen hiểu đơn giản chuột cống là loại chuột to, sống nơi cống rãnh thành phố, chui lên, đến những nơi chứa rác kiếm mồi. Khác với cách gọi đó, theo các nhà khoa học, phần lớn chuột cống sống tại những nơi xa làng xóm, xa đô thị. Chuột cống cũng thuộc giòng họ nhà chuột nhưng lớn hơn cả những con chuột nhà to nhất. Cũng là loài gặm nhấm, nên răng cửa chuột cống dài sắc để cạy gặm, đục khoét...

Có đến 120 loại chuột cống khác nhau, trong đó nổi tiếng nhất là cống mun và cống hung. Hai loại chuột này có mặt ở khắp nơi trên trái đất. Cống mun và cống hung được xếp vào loại động vật đem nguy hiểm đến cho người ta nhất. Chúng phát tán những loại vi khuẩn đem lại nhiều loại bệnh như dịch hạch, ngộ độc thực phẩm, bệnh sốt phát ban...

Chuột cống cũng phá hoại mùa màng và các sản phẩm khác, chúng có thể sát hại gà vịt, chiên dê con và ngay cả lợn con nữa. Các nhà khoa học dùng chuột cống để nghiên cứu những mục tiêu chữa bệnh cho con người.

Danh từ chuột cống thường dùng để gọi chung tất cả động vật thuộc bộ gặm nhấm có thân hình lớn hơn chuột nhà, mà có khi phần lớn không đích thị là chuột, như con bọ, chuột túi, chuột rừng.

Khác biệt giữa cống mun và cống hung: Đặc điểm của chuột cống là chúng có cái đuôi dài, nhỏ, bọc da giống như vây, chân có móng sắc. Cống mun và cống hung không chỉ khác nhau về màu lông mà còn nhiều điểm khác nhau nữa:

Cống mun nhỏ hơn cống hung, dài từ 18 đến 20 centimet, không tính đuôi, cân nặng đến 280 gam. Đuôi cống mun dài hơn thân mình, mõm nhọn. Toàn thân phủ lông mềm, phía lưng có màu đen hay xám nâu, xám khói, phía bụng có màu xám nhạt hơn hay màu trắng. Cống mun còn được gọi là cống tàu, cống ốc.

Chuột cống hung lớn hơn, thân dài từ 20 đến 25 centimet, trừ đuôi, cân nặng đến 485 gam. Đuôi ngắn hơn thân mình. Chuột cống hung có tai nhỏ, mõm tù và lông không mịn có màu hung đỏ, hay hung xám. Có người gọi cống hung là cống kho, cống xám, cống nhà, cống kim...

Tương đồng hai loại chuột cống: Chuột cống mun và chuột cống hung đều phát xuất từ lục địa Á châu. Chúng theo tàu biển du nhập Âu châu, sau đó cũng nhờ ẩn nấp dưới tàu chúng mới đến được bắc Mỹ và nam Mỹ. Cả hai loại cống mun và cống hung sống thành từng đàn lớn, có khi gần gũi nhau. Nếu sống cùng nhau trong một căn nhà, chuột cống mun bao giờ cũng chiếm phần trên, chuột cống hung thích ở phần dưới sát mặt đất như tầng hầm.

Chuột cống rất sợ những cảnh khác lạ chung quanh, chúng thường tránh những vật bất thường trên đường đi, chúng có khứu giác nhạy bén thấy mùi lạ là chúng tránh xa ngay lập tức.

Cả hai loại cống mun và cống hung đều ăn hầu hết các loại cây trái, động vật nhỏ và ngay cả chuột đồng loại chúng cũng không từ. Chuột cống mun và chuột cống hung thường hợp tác để săn mồi. Khi màn đêm buông xuống, chúng bắt đầu ra quân đi kiếm ăn. Đôi khi chúng kết bầy với nhau đi tấn công vào các nông trại để bắt gà vịt, có khi bắt cả heo con. Ít khi chúng đi kiếm ăn xa mà chỉ lòng vòng trong khoảng 45 mét

đường kính. Dĩ nhiên khi trong vùng đó khan hiếm thực phẩm, chúng cũng phải mạo hiểm đi xa hơn để tìm mồi.

Tuổi thọ của chuột cống: Chuột cống thường giao phối quanh năm, bất kỳ mùa nào. Con cái mang bầu chừng ba tuần lễ là đẻ. Cống mun đẻ chừng sáu, bảy chuột con mỗi lứa. Cống hung thì nhiều hơn, mỗi lứa được tám, chín chuột nhỏ.

Đời sống của chuột cống cũng chỉ thọ chừng một năm, vì chúng có lắm kẻ thù tìm sát hại, như chó, mèo, chim cú mèo, chim ó, chim diều hâu, rắn. Con nào may mắn tránh được săn bắt thì có thể sống được hơn ba năm.

Cái hại của chuột cống: Ở trên chúng ta đã biết chuột cống đem nhiều dịch bệnh cho người. Cũng xin nói thêm về chuột cống phá hoại những vùng quanh chỗ chúng sinh sống như nông trại, ven thành phố... Người ta đã làm một thống kê cho thấy: chuột cống làm người ta thiệt hại mỗi năm đến hằng tỉ Mỹ kim. Cả hai loại cống mun và cống hung đều phá hại trứng gà, hoa quả, kho lẫm, rau mầu và những thực phẩm khác, chúng còn tấn công sát hại cả các gia súc nuôi trong nông trại. Thêm vào đó chuột cống còn phá hoại bằng cách cắn phá những đồ đạc trang hoàng nội thất, đường ống bằng chì, cắn phá những vỏ lót dây điện làm điện chập gây hoả hoạn. Đôi khi chuột cống còn tấn công cả con nít khiến trẻ con mắc bệnh “sốt chuột cắn”.

Nhiều người chống lại chuột bằng cách phá hết nguồn thực phẩm của chuột, cũng như giết phá các tổ chuột. Có người dùng bả để giết chuột, bẫy chuột và cả dùng súng để bắn chuột. Người ta cũng có thể dùng phương pháp hạn chế chuột bằng việc để thức ăn có thuốc chống sinh sôi nảy nở, tại những nơi chuột thường lui tới. Khi chuột ăn phải thức ăn chống đẻ chúng sẽ tuyệt đường sinh sản.

Ích lợi từ chuột cống: Tuy chuột cống phá hoại như thế, nhưng người ta cũng nuôi chuột cống để làm ích cho con người. Chuột cống bạch được nuôi dùng cho những nhà nghiên cứu khoa học như để khảo cứu về bệnh tật, thí nghiệm hiệu quả của một loại thuốc mới chế, thí nghiệm về tính di truyền, về dinh dưỡng, về học hỏi và về nhiều vấn đề khác. Nhiều sở thú cũng nuôi chuột cống để làm thức ăn cho rắn, cho thú vật ăn thịt khác. Cũng có người còn nuôi chuột cống làm kiếng để tìm thư giãn tiêu khiển.

Nhân ngày đầu năm Tý, chúng tôi có đôi nét về lý lịch con chuột. Kính chúc quý độc giả một năm mới may mắn phát tài tựa “*chuột sa chĩnh gạo*”, và có nhiều may mắn như gặp được “*chuột trắng trên cành lan*” tâm hồn bình an thư thái.[]

(*Dựa theo tự điển World Book*).



*Tuổi Sửu trâu nái ruộng màu,
Cày sâu bừa ngấu thóc thâu đầy nhà.*

2. NĂM SỬU TÌM HIỂU CHUYỆN TRÂU

Chưa ai xác định con trâu có từ bao giờ, và nó được con người thuần hoá để giúp nông dân cày ruộng vào thời gian nào. Nhưng người Việt Nam khi nói đến trâu thì ai cũng biết, vì “*con trâu là đầu cơ nghiệp*”. Nó đã theo giúp đồng bào ta từ thời thái thú Nhâm Diên đem phương thức cày bừa, cấy lúa nước hướng dẫn cho dân ta. Từ đó con trâu đã là con vật thân thiết của nhà nông “*chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa*”.

Nhân ngày đầu năm Sửu, năm con trâu lên chức Hành Khiển theo quan niệm của người xưa, chúng tôi cũng có “ba điều bốn chuyện” về con trâu, để như một món quà chúc Tết đến đồng bào, đến quý độc giả.

Con trâu đầu tiên

Các nhà khoa học chưa nói rõ con trâu xuất hiện trên trái đất vào thời điểm nào. Nhưng theo chuyện cổ tích Việt Nam thì trâu có nguồn gốc từ nhà trời. Trâu xưa là một vị tiên trên trời,
thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

mang danh hiệu Nguru Thần, tính tình điềm đạm, không rượu chè say xỉn, không thích đồ ăn cao lương mỹ vị, mà thú tiêu khiển duy nhất của ông chỉ là mê nghe đàn bầu. Nguru Thần được Ngọc Hoàng cho giữ một chức vụ quan trọng trong đời sống nhân gian, phụ trách việc sản xuất ra lương thực nuôi sống con người và thú vật trên dương trần. Được giữ một chức vụ sang cả như vậy, Nguru Thần rất chăm chỉ, làm lũi làm việc, không quản ngại cực nhọc.

Khi Ngọc Hoàng thấy loài người dưới đất sinh sản ngày càng đông càng nhiều. Nếu chỉ sống bằng săn bắt, hái quả thì không đủ lương thực. Ngài gọi Nguru Thần đến, trao cho hai thúng hạt giống: thúng màu vàng là lúa, đem gieo vãi trên đồng bằng lưu vực các sông lớn, làm lương thực cho con người. Còn thúng màu xám là hạt giống cỏ, đem gieo trên các bình nguyên ven đồi núi để các thú rừng có thức ăn. Trước khi Nguru Thần thi hành mệnh Trời, ông tổ chức một đêm chào biệt các bạn đồng liêu. Tất cả các nghệ tiên đàn bầu được mời đến giúp vui. Dĩ nhiên là đôi tai của Nguru Thần đêm đó vênh lên để nghe đàn bầu suốt đêm. Đến khi tiếng gọi mặt trời của con gà trống nhà ai đó “ó ò o” cất lên, Nguru Thần mới giật mình, vội cấp hai thúng hạt giống bay xuống trần.

Tiếng gió vù vù bên tai lẫn với âm thanh của đàn bầu còn văng vẳng làm Nguru Thần quay cuồng đầu óc. Ông đáp xuống một ngọn núi, đặt hai thúng hạt giống xuống trước mặt, nhưng lại quên không nhớ thúng nào là lúa giống. Ông bèn nghĩ ngay đến cách làm cầu may, đưa hai tay ra “oản tù tì” bên nào thắng đem gieo xuống đồng bằng. Thế là ông cấp một thúng bay xuống đồng bằng gieo vãi, thúng còn lại, ông gieo quanh vùng đồi núi.

Kết quả, cỏ mọc đầy đồng, còn lúa vì gieo nơi đất cao, thiếu nước nên èo uột không trở được bông. Cả người và vật đều đói khổ, tiếng kêu thấu trời. Trời ngó xuống, thấy Nguru Thần làm việc tắc trách, bèn giáng xuống trần, cho làm một con vật bắt phải gặm hết cỏ mới được phục chức, nên có cái bụng to

như trông cái đình làng, có cái mõm dài hàm rộng để mà nhai cỏ. Người trần thấy con vật mới cứ lầm lũi kiên nhẫn gặm cỏ, nên muốn giúp nó một tay để trừ cỏ. Săn trâu to lớn có sức khoẻ, nên đề nghị trâu kéo cày vỡ đất cấy lúa. Trâu được người giúp, nhả răng cười ngất đến rớt cả hàm mà không biết, vì tai trâu còn vương vãn tiếng đàn bầu hoá ra nghễng ngãng, bắt cần đòi. Cũng tại thế nên bị người ta chế diễu mãi là: “*đàn bầu đem gảy tai trâu*”. Con trâu có từ ngày đó.

Trâu lên chức Hành Khiển

Cũng theo chuyện cổ tích nước ta thì ngày ấy, con trâu đã theo người ta về nhà để kéo cày, kéo bừa dọn đất cấy lúa. Công việc dương gian ngày càng bẽ bộn, một mình Ngọc Hoàng làm không xuê, Ngài mới ra chiếu tuyển dụng các chức vụ Hành Khiển để giúp việc điều hành công việc dưới đất cho có quy củ. Chuột là loài thính tai nên nghe biết chiếu chỉ sớm nhất. Con trâu thì ngoài công việc cày bừa, rảnh lúc nào là nằm dưới gốc tre lai rai nhai lại mớ cỏ đã vùi vàng vơ vào bụng, chẳng bao giờ để ý đến câu “ăn có nhai nói có nghĩ”, đâu có để ý gì đến chiếu chỉ của Ngọc Hoàng. Cũng may là có chú chuột cùng nhà đi qua, mới rử rê cho có bạn đồng hành.

Đất có thập nhị địa chi, nên số quan chức Hành Khiển được tuyển là 12 vị. Trước khi đến cửa nhà trời để báii kiến Ngọc Hoàng lãnh nhiệm sở, các viên chức Hành Khiển phải qua sông Ngân Hà. Nếu đợi đến tháng bảy có chim quạ đến bắc cầu Ô Thước để qua sông thì quá muộn. Thế là các tân chức tỏa ra tìm lối đi vòng. Riêng trâu nhà ta vì quen dầm nước cả ngày, nên anh ta ùm ngay xuống sông, bơi một mạch. Qua được ngân hà, trâu vừa đói vừa mệt, thùng thỉnh gặm vùi một mớ cỏ vệ đường trời, vì nghĩ chẳng có ai mà báii kiến Ngọc Hoàng trước mình được. Không ngờ khi vào đến bệ rồng thì con chuột đã đứng hầu ở đó. Thì ra con chuột khôn lỏi, đã leo lên lưng trâu

để qua sông mà trâu không để ý. Vốn tính hiền hậu, củ mĩ củ mì, trâu tự yên ủi: cũng nhờ chú Tí tốt bụng đi ngang qua gọi, mình mới biết cuộc tuyển chọn này, nên chú ấy đúng nhất cũng phải.

Thế là trâu được giữ chức Hành Khiển năm thứ hai trong thập nhị địa chi, biểu tượng trong năm Sửu. Khi trâu nghe ông Trời bổ nhiệm làm quan Hành khiển mà tai còn nghễnh ngãng chưa thông, khiến Trời quờ là “lỡ tai trâu”, nên thành ngữ đó con trâu phải chịu suốt đời.

Trâu Châu Á

Trâu là tên thông dụng của một loại súc vật to lớn, ăn cỏ và nhai lại, đầu có hai sừng, bốn chân có móng guốc xẻ hai, bụng có dạ dày bốn túi, da và lông thường màu đen, sống ở nơi



hoang dã. Trâu được người ta gọi đầu tiên là một loại trong những loài trên, sống tại Ấn-độ, thích đầm nước cả ngày, nên được gọi là trâu nước. Loại trâu nước này sống ở những vùng có khí hậu nóng và ẩm.

Khi sống nơi hoang dã, chúng sống từng bầy khoảng 50 con, rất hung dữ, nguy hiểm. Nhưng sau bị con người khuất phục, đem về nuôi, thuần hoá để dùng làm sức kéo cho nông nghiệp. Trâu sống trên các châu lục cũng không giống nhau, mà tùy theo môi trường sống, chúng cũng có những khác biệt.

Ở châu Á, mới đầu trâu nước sống hoang dã, hung dữ có thể đánh nhau với cả sư tử và cọp lớn, nhưng vẫn sợ người, vì người ta săn bắt và phá rừng để canh tác làm mất nơi trâu sinh sống. Trâu Ấn-độ là trâu tiêu biểu của trâu châu Á. Khắp các

nước Á châu đều dùng trâu nước để làm ruộng, trâu có thể kéo cày ngay trên cả những ruộng xinh lợi đến đầu gối. Tại Philuậtân trâu nhỏ hơn, được gọi là *carabao*. Tuy nhỏ nhưng cũng hữu dụng cho nhà nông cày bừa. Trâu rừng ở đảo Manđanao được gọi là *tamarau* lớn hơn một chút. Ở một số đảo còn có giống trâu *anoa* cũng bé hơn, chưa được thuần hoá. Tại Việt Nam trâu là đại gia súc đứng đầu trong công tác sản xuất lương thực. Từ rất xa xưa trâu đã gắn bó với nông dân “ta đây trâu đấy”. Trâu Việt Nam cũng thuộc dòng trâu nước Ấn độ, miền nhiệt đới khí hậu nóng và ẩm, trâu thích đầm nước cả ngày, lông thưa ngắn có thể nhìn rõ da đen, sừng giăng rộng, có bốn mắt ở góc, rời, biến thành hình nón uốn cong vuốt nhọn ở đầu sừng. Trâu đực Ấn độ rất lớn, có con người ta đo theo độ cong từ đầu sừng nọ đến đầu sừng kia được đến hơn 3 mét.

Người ta cho rằng trâu nước dễ dạy, chúng hiểu được mệnh lệnh của người. Ngoài việc người ta nuôi trâu để giúp việc làm ruộng. Tại Ấn độ, trâu còn được nuôi để lấy sữa, đem chế thành bơ lỏng. Sữa trâu rừng béo và có nhiều chất béo hơn sữa trâu nuôi. Có nơi còn dùng trâu để đi hái trái chà là về chế tạo ra dầu.

Trâu châu Phi

Trâu châu Phi thật ra có điểm khác với trâu châu Á, tuy cũng sống trong miền khí hậu nóng và ẩm, nhưng người ta xếp chúng vào loại khác. Sừng trâu châu Phi có gốc lớn khoẻ chắc hơn để chúng dùng làm vũ khí tấn công, nên chúng thường hung hăng, luôn thích chọi nhau, nhất là những chú trâu đực.

Châu Phi là nơi cư trú của hai loại trâu khác nhau. Tùy theo miền chúng sinh sống mà người ta đặt tên cho chúng để dễ phân biệt. Loại trâu rừng sống hoang dã ở miền nam châu Phi to hơn, màu đen, gọi là trâu Cape, vì chúng sinh sống nhiều ở miền Cape. Sừng trâu Cape không cong vòng lên, mà dẹp như

hai bàn tay ôm lên đầu, rũ xuống hai bên trước khi vươn hai mũi nhọn cong lên. Loại sừng này khi húc vào đối thủ rồi xê lên gây thương tích cho đối thủ. Trâu Cape có nhiều điểm giống trâu nước ở



Ấn độ về tính hung dữ, dễ nổi khùng chém càn húc bậy. Vì thế, loại trâu này không thể thuần hoá được, chúng rất hung hăng, dữ dằn và nguy hiểm, có thể tấn công giết hại cả sư tử bằng chân đạp, bằng sừng đâm húc xê lên. Trâu Cape cũng đã giết hại cả nhiều người săn bắt chúng nữa. Ở miền tây và miền trung Phi có loại trâu hoang dã khác, có liên hệ đến giống trâu Cape trên, chúng sống thành từng đàn nơi miền rừng rú. Một trong những loại này được gọi là trâu Congo, vì chúng sống ở miền Congo. Trâu Congo nhỏ con giống trâu tamarau ở Phi-luật-tân, chỉ cao chừng hơn 1 mét.

Trâu châu Mỹ

Trên vùng châu Mỹ có loại động vật to lớn ăn cỏ, được gọi là trâu Mỹ. Nhưng các nhà động vật học cho rằng nó không đích thật là con trâu nên gọi nó là *trâu bison*. Nó không giống các loại trâu châu Á, châu Phi. Về hình thức nó có cái đầu to, cổ lớn, vai u cao, thon dần xuống mông, chứ không có bụng to kênh. Lông trâu bison có màu hung đen, dài và rậm ở đầu và cổ, ở cằm và hầu có lông dài và rậm hơn giống như chòm râu. Trên đầu có cặp sừng ngắn, không có độ cong nhiều, giống như sừng bò... Về giải phẫu học, trâu bison có 14 đôi xương sườn, trong khi các loại trâu thật chỉ có 13 đôi. Trâu bison to lớn, con đực dài từ 3 tới gần 4 mét, chiều cao đến u vai cũng phải từ 1m7 tới 1m8. Sức nặng một con cân từ hơn 7 tạ đến hơn 9 tạ. Có những



con to lớn đặc biệt nặng đến 1,3 đến 1,4 tấn. Trâu bison cái có thân hình nhỏ nhắn hơn.

Trước kia trâu bison sống trên những đồng cỏ bát ngát ở miền Bắc Hoa Kỳ, từ núi Appalachian phía đông cho đến rặng Rockies phía tây. Người thổ dân da đỏ

sống nhờ rất nhiều vào trâu bison. Họ săn bắt trâu bison lấy thịt làm thực phẩm, da trâu thì may quần áo che thân. Trước năm 1850, hai mươi triệu trâu bison làm mưa làm gió trên vùng đồng bằng phía tây. Đường xe lửa qua vùng này thường bị đình trệ hàng giờ, vì phải ngừng khi đoàn trâu bison đi ngang qua đường rầy. Những năm nửa cuối thế kỷ 19, vì muốn tiêu diệt nguồn thực phẩm và đồ che ấm của thổ dân da đỏ, người Mỹ trắng đã săn và diệt hàng triệu con trâu bison, đã có người săn trâu nổi tiếng một ngày giết đến 69 con trâu bison, chỉ trong tám tháng trời anh ta đã hạ sát hơn 8 ngàn con trâu, cứ như thể trâu bison hầu như tuyệt chủng.

Đến năm 1889, cả nước Mỹ chỉ còn không đến 1000 con trâu bison. Nên người ta phải bảo vệ chúng. Đã có luật cấm ngặt không được săn trâu bison, đồng thời phải phát triển đàn trâu bison, nên đến nay đã có được hơn 10 ngàn trâu bison ở Hoa kỳ và 3000 trâu bison trên đất Canada.

Trâu Việt Nam

Tại Việt Nam, trâu đã là sức kéo giúp nhà nông canh tác từ xa xưa. Trâu miền Bắc làm việc cực nhọc hơn trâu miền Nam, vì dù kéo cày, hay kéo bừa cũng chỉ có một con, nên cái ách trên vai trâu có hình chữ V úp, gọi là cái khuỷu trâu. Trâu miền Bắc phải làm việc suốt ngày. Còn ở miền Nam trâu kéo

cày, kéo trục đều dùng hai con, cái ách trên vai thẳng, bắc từ vai trâu này sang vai trâu kia, cây mắc vào cày nằm chính giữa cái ách. Trâu miền Nam thường chỉ làm từ tờ mờ sáng cho đến trưa là được nghỉ. Công việc đồng áng của nhà nông miền Bắc thật là vất vả, như đã được mô tả:

*Lao xao gà gáy rạng ngày,
Vai vác cái cày tay dắt con trâu,
Bước chân xuống cánh đồng sâu,
Mắt nhắm mắt mở đuôi trâu ra cày.*

Tuy là vất vả, nhưng nhà nào có con trâu được kể là nhà khá giả, công việc làm cũng không quản ngại, vì đã có con trâu giúp đỡ “*trên đồng cạn dưới đồng sâu, chông cày vợ cấy con trâu đi bừa*”:

*Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn. (Ca dao).*

Trâu làm việc cực nhọc, mùa nào việc nấy, hết lội ruộng kéo cày lại dong đuôi lôi xe... mà không hưởng hoa lợi. Người chỉ mất công chăn dắt, không tốn thực phẩm, trái lại hoa trái do sức trâu chỉ làm giàu cho con người:

*Có trâu, sẵn tầm tơ lúa má,
Không trâu, không hoa quả đậu mè.*

*Lúa gặt cất lên đã có trâu xe,
Lúa chắt trữ lại để dành trâu đập.*

...

Trâu dựng nên nông nọ nổi kia,

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020



Trâu làm đặng căn trên bờ dưới. (LSTC)

Con trâu thân thiết với con người như vậy, nên người ta đã dùng hình ảnh con trâu làm thành những câu châm ngôn để đời suy gẫm:

-Trâu buộc ghét trâu ăn.

-Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết.

-Trâu chậm uống nước đục, trâu ngơ ăn cỏ héo.

-Trâu kén cỏ trâu gầy, trò kén thầy trò dốt.

Nói về con trâu Việt Nam thì còn nhiều chuyện phải bàn lắm. Con trâu đã đi vào chuyện vui, chuyện về xã hội, chuyện về triết lý, chuyện về văn học, v.v... Một trong những chuyện ai cũng biết, đó là chuyện Ngưu Lang Chức Nữ, có mưa ngâu, có cầu ô thước:

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,

Con Trời lấy chú chăn trâu cũng phiên.

(ca dao)

“Chú chăn trâu” là tỏ vẻ nể nang con rê Trời, chứ người ta thường gọi là “thằng cu trâu” hay khinh khi hơn là “cu trâu”. Nhưng thời xưa có những người chăn trâu mang chí lớn, như Lý Mật thuở bé nhà nghèo phải đi ở chăn trâu cho người ta, vừa chăn trâu vừa cố gắng học hành, đến sau đỗ đạt thành quan chức lớn. Trong Gia Huấn ca, Nguyễn Trãi đã nêu gương ông:

Lý sinh chẳng quản công phu,

Chăn trâu treo sách một pho trên sừng.

Chúng tôi chỉ xin trưng ra mấy câu ca dao tục ngữ điển hình trên, chứng tỏ con trâu gắn bó với nhà nông nước ta từ bao đời, để quý vị nghĩ về con trâu nhân năm tuổi của nó.

Trâu lành trâu dữ

Nguyễn Ánh trước khi chiếm ngự ngai vàng, đã phải long đong vất vả, chạy hết nơi này đến nơi kia, ông đã được Đức cha Báđalộc giúp chiếm ngôi vua. Nhưng thời còn bị Tây Sơn săn đuổi vào tận Sài Gòn, Nguyễn Ánh thua phải chạy trốn, đến Rạch Chanh, ông may mắn gặp được con trâu đang đằm dưới rạch, liền nhảy lên lưng trâu qua rạch, chẳng may trâu hụt căng... Trong “Văn Đức Thầy Vêô phò tá đức vua Gia Long phục quốc”, Trịnh Khánh Tân đã thuật lại chuyện này:

*Tây Sơn nay quyết hằm hằm,
Tàu thuyền chạy riết thẳng nhằm đôn vua.
Súng bắn hung, binh chạy ùa,
Vạn binh, thiên tướng, điều thua bỏ thành.
Vua chạy bộ, tới Rạch Chanh,
Gặp trâu đằm nước, nằm khoanh dưới bùn.
Lên lưng nó lội nửa chừng,
Sông sâu, trâu hụt căng chun nó rày.
Việc này thật rất nên may,
Sấu trùng vua mới bước ngay qua liền.*

Sau đó Nguyễn Ánh phải trốn ra đảo Phú Quốc...

Đó là chuyện trâu thời vua Gia Long, thời Việt cộng cũng lưu truyền nhiều chuyện về con trâu. Chúng tôi xin thuật lại một chuyện.

Giáo phận Vinh tuy ở sát vĩ tuyến 17, nhưng năm 1954, lại di cư vào Nam ít hơn các địa phận khác. Giáo dân còn lại tới 73% với 62% linh mục không di cư vào Nam. Chính vì thế mà năm 1956 chịu cảnh đấu tố cải cách ruộng đất “long trời lở đất”. Cộng sản Việt Nam theo lệnh quan thầy Trung cộng lập ra những toà án nhân dân, để đấu tố những người mà chúng gọi là

cường hào ác bá, địa chủ bóc lột. Dĩ nhiên các nhà xứ cũng bị cướp hết ruộng nương. Toà Giám mục lại càng là mục tiêu phải đầu tó.

Một giáo dân theo cộng sản, trước anh ta là người canh điền cho một nhà giàu. Anh ta được cộng sản cho chặn giữ con trâu của ông chủ đã bị đầu tó chết. Cộng sản muốn lấy đến ruộng của Toà Giám mục, nên chuẩn bị đầu tó Đức cha Gioan Baotixita Trần Hữu Đức, đương thời cai quản giáo phận Vinh. Anh canh điền trên được chọn là vai chính để vu khống tội lỗi cho Đức cha. Bài bản đầu tó anh đã học thuộc, anh còn được tập diễn tấn tuồng rất thành thạo.

Hôm chúng tổ chức đầu tó Đức cha, chúng huy động dân chúng đông đảo đến tham dự, anh giáo gian được cho uống rượu ngà ngà để lý trí không còn suy xét, tăng thêm hung hãn, có can đảm vạch tội vu khống Đức cha, anh ta làm rất bài bản, tỏ ra được thái độ rất căm thù, rất hỗn xược... Cuộc đầu tó được cấp trên của cộng sản đánh giá là thành công. Anh được thưởng hẳn con trâu đang chặn giữ. Anh canh điền hí hửng về đến ngõ, thấy con trâu đang nằm dim dim thong thả nhai lại cỏ. Anh quát mắng thẳng con sao không dắt trâu đi ăn. Rồi anh mở thùng cột trâu, dắt nó đứng dậy, định vuốt ve con trâu đã từng làm lưng với anh trong bao nhiêu năm, bằng những lời hãnh diện vui mừng vì từ nay đã có “con trâu là đầu cơ nghiệp” rồi. Không ngờ, con trâu dùng đầu báng ngang một cái, sừng của nó xâu thấu ngang bụng anh. Con trâu vươn cao cổ bêu anh toèng teng trên đầu nó, hung hãn chạy thẳng ra bờ sông cái, hất anh xuống dòng nước đang chảy xiết. Thế là mất tằm



tích một con chiên ghẻ dám xúc phạm đến Đảng đã được xúc dầu tấn phong.

Hai chuyện trâu trong hai giai đoạn lịch sử, con nào là trâu lành, con nào là trâu dữ còn tùy theo cách phán đoán chủ quan của bên thiện hay bên ác. Nhưng người ta thường cho trâu có những đức tính tốt như trung hậu, cần cù chịu khó, làm lụng không biết mệt. Bao đời nay, trâu đã “cày ruộng sâu ruộng cạn cho no, Lại vườn đậu, vườn mè khiến trở”.



Con trâu không thể là đầu cơ nghiệp, nếu nông dân không được làm chủ ruộng đồng... Thế kỷ XXI rồi, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa do cộng sản độc tài nắm quyền, nông dân nước ta vẫn là tầng lớp nghèo khổ nhất, bị bóc lột, bị cưỡng chế đến không còn hòn đất ném chim... mà còn khôn nạn đến nỗi trẻ con nông dân ta cũng phải theo đuôi trâu làm ruộng cho tư bản đỏ, thay vì cắp sách đến trường.

(hình chứng minh của blogger Tô Hải).

Trâu với ma cà rồng

Tỉnh Hưng Hoá trước kia được chia thành các phủ hoặc châu. Vì ở trên địa bàn miền núi, có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, phong tục tập quán có tính rừng thiêng nhiều bí ẩn.

“Ma châu Mộc, độc châu Mai” là câu ngạn ngữ còn truyền tụng rằng ma ở châu Mộc rất linh rất ác, còn châu Mai thì có nhiều cây cỏ mang tính độc dược, có thể giết người. Trong các thứ ma ở châu Mộc, ma cà rồng là loại đáng sợ nhất. Chuyện xưa kể lại, trong một đêm đông buốt giá, sấm chớp âm âm, rồi mưa đá trút xuống. Sáng ra người dân châu Mộc thấy một tảng

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

băng khổng lồ, cao đến vài trượng, nằm giữa cánh đồng, dân các bản đồn nhau xúm lại xem, thấy trong tảng băng ấy có một con trâu sặc đỏ. Họ hè nhau đập vỡ tảng băng, giết con trâu ấy, lấy thịt chia nhau. Sau đó người nào ăn phải thịt tim con trâu đỏ ấy đều hoá ra ma cà rồng. Loại ma cà rồng này, mỗi khi đêm về thì hai lỗ mũi toả khói xanh, hai mắt trở trắng ra... Chúng lén vào chỗ khuất như tường vách để biến ra ma cà rồng, rồi bay ra ruộng tìm bắt giun dế để ăn, hoặc chui vào mồ mả kiếm mồi, có con bay vào nhà người đau ốm, già cả hút lấy máu của họ. Gần sáng nó lại bay về, thành người cũ. Ma cà rồng còn được gọi bằng cái tên Hán tự là “đầu phi lạo tử”: ma đầu bay, vì có khi ma trút thân mình lại, lấy đầu và ruột gan phèo phổi bay đi tìm đồ ăn, trước khi về nhà, con ma lại hoàn vào xác như cũ, mà chính người hoá ma cũng không biết mình là ma.

Trái tim trâu đỏ trong tảng băng là mầm mống hoá ra ma cà rồng, như người xưa kể lại. (x. *Đại Nam Nhất Thống Chí, tập 4*).

Tuổi trâu vất vả

Người bình dân thấy trâu chăm chỉ làm việc khổ cực, mà không kêu ca một lời, nên cho rằng người tuổi trâu là người vất vả. Nhưng sống trên đất Mỹ, nhiều người không phải tuổi trâu mà cũng cứ “cày” một ngày hai, ba “gióp”, như thế đâu phải chỉ tuổi trâu mới cực.

Trong Lịch Sử Vương Quốc Đàng Ngoài, chương 15, Cha Đắc-lộ viết “Về súc vật thường thấy ở nước Annam”, có nói đến con trâu:

“Trâu thường thì rất cao lớn, vai dô lên, vạm vỡ và rất chăm làm. Chỉ một con cũng đủ để kéo cày, cho dầu cày cắm sâu trong đất. Thịt trâu không đến nỗi xoàng, nhưng thịt bò thì thông dụng hơn và ngon hơn”.

Nhận xét của một linh mục truyền giáo ngoại quốc, từ những năm đầu thế kỷ thứ 17, về con trâu Việt Nam trên, đã chứng tỏ từ xa xưa trâu đã vẫn chăm chỉ cần cù giúp đỡ nhà nông, cho nên nông dân ta luôn mơ ước có được “*ruộng sâu trâu nái*” cho cuộc đời sung túc. Nhưng dưới chế độ cộng sản ước mơ ấy đã hoàn toàn tan biến, đất đai của người nông dân bị cưỡng chế đến cùng kiệt !!!

Kính chúc quý vị một năm mới an khang, thịnh vượng, vạn sự như ý. Quý vị nào làm nghề nông thì được làm chủ đất canh tác của mình, tự do làm ăn phát đạt, thóc lúa đầy bồ. []



*Trâu ta ăn cỏ đồng ta,
Cỏ tuy có cứt nhưng là cỏ thơm.*



*Tuổi Dân Hùm nhớ rừng xưa,
Xương ra cao cốt mà da lưu tồn.*

3. NĂM DÂN LẦN CHUYỆN CỌP

Con hùm đầu tiên

Năm nay là năm thứ ba trong chu kỳ tính năm âm lịch, được gọi là năm Dân, có con cọp là biểu tượng. Cọp, còn được gọi là hùm, là con vật sống hoang dã trong rừng, hung dữ mà oai phong, chuyên môn săn bắt những con vật khác để ăn thịt, có lúc tấn công cả người khi không tìm được thực phẩm. Vì thế không những các thú rừng đều kinh hãi, mà người ta cũng nể sợ. Cũng vì nể sợ, nên người ta thường kiêng không dám gọi đích danh, nên con hùm có nhiều tên, như: hổ, kễnh, hạm, khái, có những tên tỏ vẻ tôn trọng như: ông ba mươi, chúa sơn lâm...

Theo Sách Sáng Thế, sau khi Thiên Chúa tạo thành trời đất, Ngài dựng nên con người, gọi là Adam. *“Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời, và dẫn đến với Adam, xem con người gọi chúng là gì: hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó là như thế”. Adam liền đặt tên cho chim trời, thú vật, mỗi thứ đều đặt cho một tên riêng...”* (St 2, 19-20).
thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

Suốt từ sáng đến chiều, Adam đã mồm miệng đặt tên cho muôn vật, nhưng chúng vẫn còn đợi từng hàng dài. Adam hoa mắt mồm mệt, ông tính nghỉ một chút, thì một con thú rừng có dáng điệu oai vệ, lông dạc đường hoàng, từ trong rừng cây bước ra. Con vật ấy có bộ lông vàng sậm, với những vết vằn đen, làm những con thú khác lóa mắt giạt qua một bên, ngo ngác bàng hoàng... Nó ung dung tiến đến trước mặt Adam. Vì đang mồm mệt, ông đưa tay che miệng ngáp dài một cái:

- HUUUUmmm!

Con vật cúi đầu tỏ vẻ cảm tạ, rồi quay lại đám muông thú đứng ngòai la liệt chờ tên, nó quắc mắt há miệng lặp lại tên mà nó nghĩ là mình vừa nhận được:

- Hùm... ùm... ùm...

Tiếng ấy vang vọng tận núi rừng, âm thanh dội lại từng hồi làm Adam cũng bừng tỉnh quên hết mồm mệt. Con hùm đầu tiên có từ đây.

Thấy muông thú khác có vẻ nể sợ con hùm, Adam giữ nó lại bên mình làm hầu cận. Nhưng sau khi Adam ăn trái cấm, bị đuổi ra khỏi Địa Đàng thì con hùm cũng biến mất vào rừng rậm.

Trên đây là “chuyện tích” về con hùm. Còn về khoa học, các nhà khoa học đã chứng minh được loài cọp đã có mặt trên trái đất này từ 2 triệu 160 ngàn năm cho đến 2 triệu 550 ngàn năm. Đó là kết quả khi các nhà cổ sinh vật học phân tích mẫu hoá thạch của một con cọp được khai quật tại một khu vực gần ngôi làng Longdan ở tỉnh Cam Túc, Trung Quốc. Họ đã đặt tên cho con hổ này là *Panthera zdanskyi*. Như vậy cho đến nay, con hổ *Panthera zdanskyi* thuộc loài hùm đã sống từ lâu đời nhất trên quả đất này, được phát hiện vào năm 2004.

Mãnh hổ vô vị Thánh?

Chúng ta biết Thánh Lê Bảo Tịnh đã có thời gian quyết chí đi ẩn tu ở trên rừng. Khi đang học tại trường Thầy Giảng ở Kê Vĩnh, thầy Tịnh chuẩn bị lương khô, rồi thuê người gánh lên rừng Bạch Bát. Sau một ngày đàng, thầy trò dừng lại nghỉ đêm



trong rừng. Khi người gánh thuê ngủ say, thầy Tịnh quỳ gối cầu nguyện. Một con hùm tìm mồi đi ngang qua, đánh hơi thịt sống, nó lấy thể phóng lao về phía thầy Tịnh như muốn chồm lên ngoạm lấy cổ thầy. Nhưng không, con hùm lăm lét quyen quanh, rồi ngồi thụp xuống sau lưng thầy. Thấy động, thầy Tịnh ra hiệu cho con cọp đi tìm mồi hướng khác.

Việc ẩn tu của thầy Tịnh không được Bề trên ủng hộ. Thầy phải trở về, sau đó được Bề trên sai đi giảng đạo bên nước Lào. Thầy phải dùng đường bộ xuyên qua rừng đèo đến nơi được sai. Giữa đường thầy bị sốt rét, phải nghỉ lại trong rừng. Người bỏ chuyển đồ đạc giúp thầy rất sợ hãi, vì phải cắm lều nơi rừng thẳm chỉ làm mồi cho cọp dữ. Thầy Tịnh khuyên ông cứ yên trí, chặt mấy cây nứa, cột lại thành Thánh giá rồi đem cắm ở bốn góc lều, Hai thầy trò yên trí ngủ qua đêm bằng an. Sáng ra, khi thức dậy thấy những vết chân cọp chằng chịt quanh lều, như có cả một bày hổ gầm gừ muốn phá băng hàng rào vô hình mà vào ăn thịt người.

Hùm xám Nam Định

Chúng ta đều biết Minh Mệnh là ông vua căm đạo ác liệt nhất trong lịch sử Việt Nam. Dưới triều ông, viên tổng đốc Nam Định bị triệu về kinh để khiển trách nặng nề về tội không tích cực trong việc bắt đạo. Trịnh Quang Khanh, viên tổng đốc ấy, hứa nếu được phục chức ông sẽ đoái công chuộc tội. Minh mệnh cho ông trở về Nam Định giữ chức vụ cũ. Từ đó, Trịnh Quang Khanh như con hổ đói xông xáo sát hại đàn chiên Chúa Kitô, ông ra tay tàn sát đạo Công giáo một cách hăng say cuồng nhiệt đến nỗi nhiều sử gia mệnh danh ông là con hùm xám Nam Định.

Minh Mệnh, Néron Việt Nam, đã biến Trịnh Quang Khanh thành con cọp hung dữ. Để bảo vệ cái ghế Tổng Đốc của mình, Trịnh quang Khanh đã bày ra mọi hình khổ để hành hạ, giết hại tín hữu mà ông có thể nghĩ ra được, Người ta ước lượng, dưới triều Minh Mệnh, số các vị bị giết vì đạo ở Nam Định có thể chiếm đến một nửa trong tổng số các vị tử đạo trên toàn quốc...

Đến đời Tự Đức Tổng Đốc Nam Định là Nguyễn Đình Tân, còn gọi là Thượng Hưng, cũng ra tay giết Đạo không thua gì Trịnh Quang Khanh. Sử ký địa phận Trung đã phê về ông: *“Thật quan Thượng Hưng dữ hơn hùm, độc hơn quỷ địa ngục, đáng gọi là Néro nước Annam”*

“Hùm dữ không nở ăn thịt con”, hai viên Tổng đốc Nam Định từng xưng mình là phụ mẫu của dân chúng, nhưng lại lấy máu của không biết bao nhiêu người lương thiện để củng cố cho cái ghế tổng đốc của mình, cho nên được mệnh danh là “hùm xám Nam Định” cũng không oan.

Đuôi hùm đùm trẻ

Larrane Leech là một cô nuôi trẻ, 44 tuổi, tại làng Lillooet, cạnh bờ sông Fraser, cách thành phố Vancouver, Canada 200 cây số. Làng này hẻo lánh thưa người, có rừng núi hoang vu bao bọc, nên thú rừng thường xuất hiện.

Một hôm, cô dẫn 5 em bé cô coi sóc ra bờ sông để hái trái dâu dại, và chơi đùa. Các em này còn rất thơ ngây, chỉ từ 2 đến 5 tuổi. Sau khi hái dâu, cô dẫn các em ra bãi cát bờ sông chơi trò “bỏ khăn”. Đang chơi, bỗng cô thấy các em im lặng, một thứ im lặng hồi hộp dễ sợ... thì ra một con hùm tơ đang liếm mặt bé Mikey, 2 tuổi, bé trai duy nhất trong bọn. Cô sợ lặng đi đến mấy chục giây. Bình tĩnh lại, cô quát lên như ra lệnh ngay cho con hùm:

- Không được liếm mặt bé Mikey nữa!

Trong khi đó bé Mikey sợ điếng người, ngồi không nhúc nhích. Thế là cô lao lại phía con hùm, tính kéo đuôi cho nó xa em Mikey ra, nhưng cô lại vươn hai tay thộp cổ con hùm, lắc qua lắc lại. Con hùm bị tấn công bất ngờ, nó nghiêng ra cào vào mặt hai em khác đang đứng chết trân cạnh đó, rồi nó quay lại vươn hai chân trước vồ túm đầu cô Larrane. Cô đưa hai tay ra đỡ, túm chắc hai chân con hùm, đẩy nhau với nó, trong khi cô la lớn “các con lại núp sau lưng cô!” Đám trẻ chạy xón lại sau lưng cô, đồng thanh la hét “cút đi! cút! cút!...” Cô Larrane tuy đã mệt, nhưng tiếng hét của đám trẻ làm cô lên tinh thần, cô trợn mắt há miệng hét vào mặt con hùm: “Mày cút đi để cho chúng tao yên!” vừa nói cô vừa lấy hết sức bình sinh đẩy con hùm. Con hùm tơ bị đẩy



quá mạnh, nó ngã chúi xuống, rồi lồm cồm bò dậy, cúp đuôi chạy vào rừng.

Vì lòng can đảm, tình yêu thương trẻ và trách nhiệm nghề nghiệp, cô Larrane đã đuổi được con hùm, đùm bọc cho đám trẻ thoát miệng cọp dữ, tuy cũng phải một phen hú vía kinh hồn. Chắc chắn cô không thể quên cuộc đuổi hổ bảo vệ trẻ em, ngày mùng 3 tháng 7 năm 1991 ấy.

Lòng hiếu thắng cọp

Dương Hương sinh vào đời Tần bên Tàu (khoảng từ năm 280 đến năm 420) là một trong hai mươi bốn tấm gương hiếu thảo của Trung Hoa thời xưa. Khi lên mười bốn tuổi, Dương Hương đã tỏ ra là người con rất có hiếu, cha cậu đi đâu cậu cũng theo hầu. Một hôm, hai cha con đi thăm ruộng ở gần bìa rừng. Giữa đường gặp một con hổ nhảy ra vồ người cha. Dương Hương thấy vậy cố liều, bằng hai tay không, cậu xông vào quyết sống chết với cọp dữ để cứu cha. Cậu đánh rất hăng. Cuối cùng con cọp phải bỏ chạy, cha cậu nhờ đó mà thoát nạn.

Nhị thập tứ hiếu đã được học giả Quách Cư Nghiệp, đời nhà Nguyên bên Trung Hoa viết. Công thần nhà Nguyễn, Lễ bộ Hữu thị lang Lý Văn Phức diễn chuyển qua Việt ngữ, bằng thể thơ song thất lục bát như sau:

*“Tần Dương Hương mới mười bốn tuổi,
Cha bước ra hàng ruộng theo cha,
Phải khi thăm lúa đường xa,
Chút thân tuổi tác thoát sa miệng hùm.
Đau con mắt hăm hăm nổi giận,
Nắm tay không vơ vẩn giữa đường,
Hai tay chặn dọc đê ngang,
Ra tay chống với hổ lang một mình.
Hùm mạnh phải nhả nanh lánh gót,*

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

*Hai cha con lại một đoàn về,
Cho hay hiếu mạnh hơn uy,
Biết cha thôi, lại biết chi có mình”.*

Lòng hiếu thảo của Dương Hương đã tăng thêm sức mạnh để cậu thắng được hổ dữ: Đúng là hiếu mạnh hơn oai, Hùm kia cũng phải thua hai tay trần.

Nữ nhi khi hổ

Không phải ở bên Tàu ngày xưa mới có người hiếu thảo. Theo Đại Nam nhất thống chí thì ở Việt Nam ta cũng có nhiều người con đánh hổ cứu cha, mà lại có cả con gái mới tài!

Làng Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình có một gia đình nghèo, sinh sống bằng nghề đốn củi. Hai vợ chồng họ Lê có được một con gái đầu lòng là Lê Thị Nữ, năm ấy lên mười lăm tuổi. Cô nhất định chia sẻ gánh nặng với cha, theo cha vào rừng đốn củi. Hai cha con vác rựa vào rừng lúc vừa rạng đông. Đến mé rừng, người cha ghé vào chỗ khuất... vừa vén quần lên... ông bị một con hổ chồm lên ngọam chặt bả vai.

Thấy thế, Lê Thị Nữ không hề hoảng sợ, cô vác một khúc cây xông vào đánh chặn con hổ, vừa đánh cô vừa la hét kêu cứu. Con hổ dữ bị đòn đau quá phải lùi vào rừng. Lê Thị Nữ bình thần cống cha về lo thuốc thang.

Tiếng đồn về cô gái đánh hổ cứu cha sớm được nhà vua biết, truyền ban thưởng cho cô gái can đảm, và để nêu gương thảo hiếu vua ban bằng có bốn chữ vàng “Hiếu hạnh khả phong”, lại thưởng cho bạc và lụa, sai dựng nhà phùng tại làng Phong Lộc để treo bằng đó. Vì thế chúng tôi có bài về:

Tại làng Phong Lộc, Quảng Bình,
Có cô con gái nổi danh hơn người.
Lê Thị Nữ lên mười lăm tuổi,
Đã theo cha đốn củi rừng sâu,
Gặp một con hổ từ đâu,
Vồ cha ngoạm chặt sừng đầu xuống vai.
Vơ cành củi, hai tay cố đánh,
Hổ phải thua chạy lánh vào rừng.
Cô liền công bố trên lưng,
Đem về chạy chữa... Biển vàng vua ban.

Xả thân tự hổ

Khác với hai gương trên ra tay đánh nhau với cọp, cứu cha khỏi miệng hùm hàm khải, có người lại tình nguyện nạp mình cho cọp dữ ăn thịt, để cứu sống mẹ con hùm đói. Chuyện Nhà Phật kể rằng:

Thuở rất xa xưa, vua Đại Xa có ba hoàng tử đều khôi ngô đĩnh ngộ, nhưng tính tình thì lại mỗi người mỗi vẻ. Hoàng tử út có tên là Mahatatđóa, tính tình rất hiền hậu, đại từ đại bi, không những đầy lòng thương yêu đồng loại, mà đức từ bi của hoàng tử còn lan đến mọi chúng sinh một cách siêu vượt, khác thường. Một hôm, hoàng tử tản bộ vào rừng thông tìm sự thanh thản một mình. Vào sâu trong rừng, Mahatatđóa thấy trong một hang đá có một ổ cọp nằm mệt lá. Ngó kỹ, hoàng tử thấy một con hổ mẹ và bảy con hùm con gầy yếu đói khát. Có lẽ con cọp bố đã bị thợ săn giết mất. Thấy cảnh nheo nhóc của bảy cọp, hình như đã lâu cọp mẹ không kiếm được mồi nuôi con, hoàng tử động lòng trắc ẩn, Mahatatđóa liền trút bỏ áo quần, vào nằm kề trước miệng hùm mẹ, để hiến mạng cho bảy hổ đói no dạ. Con hổ mẹ chỉ đưa mõm ra ngửi mà



không dám xúc phạm đến nhục thân của hoàng tử. Thấy thế, hoàng tử vợ được thanh nửa nhọn, tự đâm vào cổ mình cho máu chảy ra. Mùi máu tươi đánh thức bụng đói của bầy cọp. Thế là mẹ con nhà cọp được cứu sống nhờ nhục thân của hoàng tử, đã liều mình làm thức ăn nuôi cọp.

Đọc xong câu chuyện, người tâm thường chắc ai cũng nghĩ đến câu thơ bất hủ của Tố Như tiên sinh:

*Thân ta ta phải lo âu,
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.*

Hùm đực hùm cái

Miệng hùm nọc rắn ở ngay trong hàng ngũ lãnh đạo hèn nhất, đã xảy ra tại Miền Bắc vào thập niên 1950, trong thời Cải cách ruộng đất, mà cộng sản tự hào là “long trời lở đất”.

Người mà Trung cộng bắt làm con vật tế thần đầu tiên là bà Nguyễn Thị Năm, bà Năm còn có một tên rất hay là Cát Hanh Long. Gia đình bà rất giàu có, lại đầy lòng yêu nước chân thành, đã hết lòng giúp đỡ “cách mạng”. Bà có công che giấu, nuôi ăn, giúp đỡ các ông lớn nhất của đảng cộng sản Việt Nam như Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng... và cả Hồ Chí Minh. Trong Tuần Lễ Vàng Hồ Chí Minh kêu gọi góp quỹ cứu quốc, Bà Năm đã góp hàng trăm lạng vàng vào quỹ.

Đến khi Cải cách ruộng đất, Trung cộng chỉ đạo phải giết bà để tóm gọn cơ nghiệp của bà. Cả bộ chính trị họp lại để bàn cách cứu bà. Hồ chí Minh nói: “Tôi đồng ý có tội là phải xử tội, nhưng tôi cho là không phải đạo nếu phát súng đầu tiên lại nổ vào người đàn bà, mà người ấy cũng giúp đỡ cho cách mạng...” (theo hồi ký của Hoàng Tùng)

Nhưng Lã Quý Ba là Tổng cố vấn Trung cộng, đang chỉ đạo cuộc Cải cách ruộng đất, vẫn không chịu đồng ý, y cho là chuyện đó đã báo cáo Mao chủ tịch, nhưng Đồng chí chủ tịch vĩ đại đã nhấn mạnh: “*Hùm đực hùm cái, hùm nào cũng ăn thịt người. Phải giết*”.

Thế là bọn đầu sỏ cộng sản Việt Nam cúi đầu tuân lệnh, đã nã phát súng khai mào cuộc cải cách ruộng đất vào đầu bà Cát Hạnh Long, vị ân nhân của chúng. Chính Hồ Chí Minh bịt râu lại, giả trang đến chứng kiến vụ xử đó ! (theo Trần Đĩnh).

Cuộc cải cách ruộng đất theo lệnh Trung Cộng, gây căm phẫn cho đồng bào miền Bắc. “Ông Hồ đã giả bộ khóc để xoa dịu những phần uất trong dân chúng” (hồi ký “Cuối Đồi Nhớ Lại” của Nguyễn Thành Thơ).

Cọp trong văn chương

Hùm tuy là chúa tể sơn lâm rất hung dữ, nhưng lại bị con người săn giết. Vì thế mà các chính phủ đã liệt kê cọp vào loại động vật quý hiếm. Cả thế giới hiện chỉ còn chừng năm ngàn con cọp, nhưng mỗi ngày trung bình có một con cọp bị săn giết để bào chế thuốc. Cao hổ cốt được coi là loại thuốc quý. Da cọp cũng được nhiều người sang trọng giàu có dùng làm thảm hay may thành áo, cũng như các đồ dùng cho các mệnh phụ lăm của nhiều tiền... Ngày xưa các tướng soái thường treo da cọp lên màn trướng, nơi họp bàn quân cơ để biểu tượng cho cái uy dũng của quân đội, được gọi là hổ trướng “*Trướng hùm mở giữa trung quân*” (Kiều). Da hùm quý như vậy nên mới có câu:

Hổ tử lưu bì, nhân tử lưu danh.



Người chết rồi thì còn để lại cái tiếng tốt hay xấu, cho người đời khen ngợi hay chê bai nguyên rủa. Tâm địa con người cũng khó đoán biết nếu chỉ đánh giá ngoài diện mạo:

*Họa hổ họa bì nan họa cốt,
Tri nhân tri diện bất tri tâm.*

Vẽ hùm không ai vẽ được cả xương cọp, cũng như nhìn một người thì chỉ thấy diện mạo, chứ không thể biết được lòng dạ người đó thế nào. Nhưng cái tính tình ấy vẫn cứ mãi được lưu truyền:

Hổ phụ sinh hổ tử.

Cha là hùm thì con phải là cọp. Cái tính ngông nghênh hung dữ của cọp làm thiên hạ nể sợ, nếu được cỏ võ tăng bóc, nó lại càng kiêu căng muốn tung hoành hơn nữa:

*Trời sinh hùm chẳng có vây,
Hùm mà có cánh hùm bay lên trời.*

Chính tại cái hung hãn hống hách ấy hùm tha hồ ra tay cướp bóc trắng trợn, kẻ nào dám hó hé đã có kễnh công an hèn với giặc, ác với dân cho về chín suối:

*Mèo tha miếng thịt xôn xao,
Kễnh tha con lợn thì nào thấy ai!*

Đúng, kẻ có quyền hành làm lớn mà tham những bóc lột thì không ai dám chống đối. Cho nên ở Việt Nam, cộng sản hô hào chống tham nhũng, nhưng chỉ là to miệng hô hào chứ thật sự nếu diệt tham nhũng thật sự, thì tiêu tan đảng cộng sản còn gì. Biết như thế, nên dân chúng cũng phải im tiếng cho yên thân:

*Chớ thầy hùm ngủ vuốt râu,
Đến khi hùm dậy, đầu lâu chẳng còn.*

Nhưng dù có cả một bầy cọp dữ đi nữa, nó cũng không thể tác oai tác quái được mãi mà cũng có ngày tận số:

Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn. (Kiều).

Bọn hùm sói cộng sản Việt Nam đã hèn ngay từ thuở cướp chính quyền, nhưng chúng cứ huênh hoang dối trá lừa bịp để tự cho mình là tài giỏi, mặt nạ của chúng đang rơi tả tơi, nên chúng sẽ phải nhận biết được cái thân phận hèn mạt của chúng mà sám hối trước quốc dân, như Trạng Trình tiên đoán:

Sửu, Dàn thiên hạ đảo điên,

Cái đảo điên của năm Sửu (1997) đã vang cùng thế giới khởi đầu từ Thái Bình – Xuân Lộc... Những tiếng gầm thét ấy sẽ ngày càng mạnh hơn từ năm Dần này:

Hùm gầm khắp nẻo gần xa,

Mèo kêu rợn tiếng, quỷ ma toi bời.

Cái vận niên thiên số của Việt Nam đã được sấm trạng tiên đoán như vậy chỉ còn chờ ngày ứng nghiệm.

Mượn oai hùm

Đời sống hoang dã nơi rừng thiêng núi thẳm, con hùm là nỗi ám ảnh sợ sệt của hầu hết thú rừng. Duy có con cáo là lăm mru meo meo né tránh được nanh vuốt của cọp.

Hôm ấy, cáo ta đang lang thang đi tìm con chim con chuột gì đó để đỡ lòng, thỉnh linh nghe tiếng gầm của con hùm ngay sau đuôi. Cáo sợ điếng người, vội quay lại lấy hết can đảm ra giọng trích thượng nói như truyền lệnh cho hùm:

- Bớ con hùm! Mi có biết ta vừa được trời cho đi giám sát tất cả bách thú trong khu rừng này không? Nếu mi động đến ta, là làm trái mệnh trời, trời sẽ tru di cả họ mi ngay.

Nghe vậy, con hùm bán tín bán nghi, hùng hổ đáp lại:

- Con cáo gian xảo kia, đừng hòng phét lác với ta, hãy mau mau nộp mạng...

Cáo ta đã “lỡ lên lưng cọp”, ngọn lao đã phóng đi nên cũng phải đành theo lao:

- Này hùm, đừng già mồm, nếu mi không tin, ta cho mi theo hầu ta đi khắp khu rừng này, xem có con thú nào trông thấy ta mà không sợ hãi, tìm đường chạy trốn?

Con hùm thấy có lý, bèn đồng ý theo sau cáo. Quả nhiên đi đến đâu các con thú cũng trốn biệt... Chỉ nghe có tiếng khọt khẹt trên cành cây, như đang đọc thơ yêu nước của ông Cử Trị :

“*Đừng mượn oai hùm rung nhát khi!*”

Dưỡng hổ di hoạn

Hổ là con vật có tính hung ác, lại có sức mạnh, thích sống nơi rừng xanh núi biếc. Vì bản chất là dữ dằn nên khó mà thuần hoá được con hổ. Có người cho rằng nuôi hổ từ còn bé, nó sẽ trở thành ngoan hiền, hay ít ra cũng bớt đi tính hung ác. Nhưng kinh nghiệm của người xưa lưu truyền *dưỡng hổ di hoạn*, nuôi cọp tức là chuẩn bị tai nạn cho chính mình sau này. Vì con hổ sẽ tấn công ăn thịt cả người, khi hổ đói: *Hổ ngạ phùng nhân thực*, Dĩ nhiên đó là lúc nó không thấy một con mồi nào khác. Nếu nó gặp cả một đàn dê đông đảo, nó cũng không ngại săn đuổi: *Hổ trục quân dương*.

Nhưng khi con hùm ra khỏi địa bàn sống của nó, đi tới môi trường khác, cọp cũng đành lép vế: *Hổ lạc bình dương bị khuyển khi*. Khi cọp xuống đồng bằng, con chó cũng không coi hổ ra gì, hổ đành cúp đuôi nhường chỗ, vùng nào có anh hùng vùng đó: *rừng nào cọp nấy*.

Hổ lui lang tới: hết nạn nọ, tiếp tai kia ập đến.

Hổ phụ sinh hổ tử, tính hung dữ của cọp cũng truyền lại cho con cháu. Cho dù có chết đi cái dữ của hổ vẫn tồn tại: *Hổ tử hùng tâm tại*. Bởi vì *Hổ tử lưu bì, nhân tử lưu danh*: Hùm chết để da, người ta chết để tiếng.

Người để lại được tiếng tốt có lẽ phải là người đầy can đảm, không ngại gian khó, dám vượt hiểm nguy, dám làm theo thành ngữ:

Không vào hang hùm sao bắt được cọp con!

Văn học dân gian Việt Nam có đến hàng trăm chuyện về con hùm, từ chuyện oai phong lẫm liệt của con hổ, đến những chuyện khờ khạo của con cọp, thua trí cả con ruồi, con cóc... Nhân ngày đầu năm Dần, năm con hùm lên chức hành khiển, chúng tôi cũng kính chúc quý vị vươn lên mừng Năm Mới, chúng ta sẽ thấy chế độ đàn áp “*bạo ôn như sói, mạnh ôn như hùm*” luôn “*Ý sức hùm ngó bộ hung hăng*”, nhưng chúng ta tranh đấu trong tinh thần Công Lý và Hoà Bình, chúng ta sẽ thấy bọn chúng chỉ là lũ “*Nhát gan thỏ chịu bẻ khớp nép*”.[]



*Tuổi Mão là con mèo khôn,
Tinh tế hẳn cán còn vương chút buồn.*

4. NĂM MÃO KHÁO CHUYỆN MÈO

Theo Hán tự, chữ Mão cũng được ta phát âm là Mèo, tên của chi thứ tư trong 12 địa chi. Âm lịch nước ta năm Mão có con mèo làm biểu tượng, khác với các nước khác dùng con thỏ làm vật chủ của năm Mão. Nhân ngày đầu năm Mão, chúng tôi có cũng cố công tìm hiểu về con vật cảm tinh trong năm này, như “lấy câu chuyện làm quà” chúc Tết, để quý vị biết thêm về con mèo, theo khoa học, trong ngày đầu Xuân mới.

Nguồn gốc loài mèo

Các nhà khoa học đã tin rằng, giống mèo có nguồn gốc từ một loài động vật nhỏ mà các nhà động vật học gọi là Miacis, đã có từ năm mươi triệu năm trước. Con vật thuộc giống mèo đầu tiên đã xuất hiện trên trái đất cách nay cũng đến bốn mươi triệu năm. Không ai biết chính xác mèo đã được thuần hoá trước tiên tại nơi nào và vào thời điểm nào. Nhưng nhiều tác giả tin rằng mèo nhà là dòng dõi từ một giống mèo hoang Phi châu, do người Ai-cập thuần hoá vào khoảng năm 3500 trước Dương

lich. Những con mèo hoang được thuần hoá này đã giúp người giết các loại chuột và rắn, nên đã ngăn chặn được nạn dịch hạch tại các nông trại Ai-cập và bảo vệ được các kho ngũ cốc. Mèo đã trở thành con vật được trọng dụng và người Ai-cập đã vinh danh mèo trong các tranh vẽ và các tác phẩm điêu khắc của họ.

Người Hy Lạp và các thương buôn đã đem mèo đến châu Âu và miền Trung Đông vào khoảng năm 1000 trước Tây lịch. Những người cổ Hy Lạp và Lamã đã nuôi mèo để giết loài gặm nhấm. Tại Rôma, mèo đã là biểu tượng của tự do và được coi là thần bảo hộ cho các bà nội trợ.

Từ Trung Đông, mèo được lan đến châu Á, lúc đó mèo được nuôi nhiều để giết chuột tấn công phá hoại các kén tằm dùng lấy tơ dệt lụa. Người Đông phương hâm mộ vẻ đẹp và sự huyền bí của mèo. Con vật này trở thành chủ đề hấp dẫn các nghệ sĩ và văn sĩ tại Trung Hoa và Nhật Bản.

Thế kỷ thứ 17, châu Âu đi chiếm thuộc địa, các thương buôn đem mèo đến Tân thế giới khoảng những năm 1600 đến 1700. Những năm 1800 dân Mỹ làm một cuộc tây tiến khi mở rộng bờ cõi đến miền Viễn tây, họ cũng mang mèo theo. Như vậy hầu hết mèo tại Mỹ và Canada ngày nay đều thuộc dòng dõi của những con mèo từ châu Âu mang đến.

Tại Anh quốc, con mèo đầu tiên đến Luân đôn vào năm 1871, chỉ 16 năm sau, 1887, Câu lạc bộ Vương quốc Anh về mèo đã được thành lập. Thú vui nuôi mèo được phát triển mạnh. Ngày nay việc nuôi mèo thành phổ thông, nên kỹ nghệ cung cấp dịch vụ và phẩm vật cho mèo cũng như cho chủ nhân của chúng đã lên đến hàng tỷ mỹ kim.

Mèo thần mèo quý

Khoảng năm 1500 trước Công nguyên, người Ai Cập đã bắt đầu coi mèo là con vật huyền bí. Họ đã thờ thần tình ái Bastet bằng một pho tượng đồng người phụ nữ có đầu là đầu mèo. Nếu ai giết một con mèo, người ấy sẽ bị tử hình. Khi con mèo họ nuôi bị chết, người Ai Cập xưa cạo đôi lông mày của

mình như một dấu hiệu để tang cho mèo. Họ đem ướp xác con mèo đó và chôn cất tử tế. Các nhà khoa học đã tìm được tại Ai cập một nghĩa địa cổ chôn đến hơn ba trăm ngàn con mèo, đã được ướp xác cẩn thận

Trái lại với người Ai cập cổ, người Âu châu thời Trung cổ lại coi con mèo là hình ảnh của ma quỷ. Những người mê tín cho rằng mèo, nhất là mèo đen, là một loại phù thủy có pháp thuật và chính là quỷ dữ. Vì những lý do đó mà người ta đã giết đến hàng trăm ngàn con mèo.

Vì sự mê tín mù quáng đó số mèo tại Âu châu đã hầu như tuyệt chủng, mất cân bằng hệ sinh thái. Lũ chuột không còn bị săn bắt nên sinh sôi nảy nở tràn lan, không gì ngăn cản nổi. Ngoài mùa màng bị phá hại, chuột còn mang dịch bệnh đến sát hại con người, đã có đến một phần tư dân số Âu châu bị tử vong vì dịch hạch, giữa những năm 1300.

Hai, ba trăm năm sau, vào thế kỷ thứ 17, người Âu châu mới bắt đầu nhận thức lại tầm quan trọng của mèo. Có mèo nạn chuột bọ, chồn sóc mới bị chế ngự, lương thực, dịch tễ mới đỡ là mối lo của cư dân. Mèo lại được người ta đón tiếp hoan hô, việc nuôi mèo được cổ võ khuyến khích.

Hình thể cấu tạo con mèo

Nhiều người hằng ngày tiếp xúc với con mèo, nhưng có mấy ai đã biết rõ về con mèo thế nào. Theo các nhà khoa học thì một con mèo trưởng thành cao khoảng từ 20 đến 25 centimet (từ bàn chân trước đến vai). Đa số mèo cân nặng từ 2,7 kg đến 7 kg. Tuy nhiên có con nặng tới 9 kg, cũng có con chỉ đạt được hơn 2 kg.

Xương mèo: Mèo có bộ xương và lục phủ ngũ tạng giống như ở các động vật ăn thịt khác. Bộ xương mèo có 250 cái xương lớn nhỏ, số xương chính xác mỗi con còn tùy theo đuôi nó dài hay ngắn. Xương là khung sườn và là vật che chở cho các cơ quan nội tạng của mèo. Các bắp thịt của mèo phần lớn là

dài, mỏng và dễ đàn hồi, khiến mèo có thể hoạt động dễ dàng và nhanh chóng. Người ta tính tốc độ mèo ở khoảng cách ngắn có thể tới 30 dặm một giờ.

Sự sắp đặt của bộ xương và các khớp xương ở mèo khiến nó có thể xoay tứ phía: Khác với những con thú khác, mèo bước đi cùng lúc cả chân trước và chân sau ở mỗi bên, đó là lý do tại sao mèo có thể chạy nhanh như lướt. Khớp nối xương hông mèo khiến mèo dễ dàng nhảy vọt. Các khớp nối đặc biệt khác làm cho mèo có thể quay đầu đến phần lớn các nơi trên thân mình nó.

Chân mèo: Mèo có 4 chân, mới trông chúng ta tưởng chân mèo có 4 ngón, nhưng thật ra hai chân trước mỗi bàn chân có 5 ngón, như ngón tay để giữ môi. Ngón như ngón cái ẩn vào trong da, chỉ được giương ra khi bắt con mồi. Mỗi chân sau có 4 ngón, có con có thêm ngón đặc biệt ở cao hơn phía sau, ta gọi là móng huyền đề. Mỗi ngón chân mèo có một cái móng cong như lưỡi câu, gọi là cái vuốt. Móng vuốt này khi không dùng đến thì mèo giấu vào trong lớp da. Khi mèo muốn giương vuốt ra, một bắp thịt đặc biệt nhanh chóng co lại để đẩy cái vuốt ra. Mèo dùng móng vuốt này để leo cây, để bắt con mồi và để tự vệ.

Dưới bàn chân mèo có những cái đệm bằng da dày, nhờ những cái đệm này, mèo đi nhanh và không gây tiếng động.

Đuôi mèo: Đuôi mèo là do xương sống nối dài, mèo có đuôi dài để giữ thăng bằng. Khả năng thăng bằng của mèo rất giỏi, nó có thể đi trên đỉnh hàng rào hay mép tường hẹp. Khi mèo té, đuôi mèo sẽ uốn lái thể nào cho 4 chân mèo bao giờ cũng đáp xuống đất trước, vì thế mèo luôn được an toàn, mặc dầu bị té từ nơi cao.

Đầu mèo: Đầu mèo nhỏ, có bộ hàm ngắn, nhưng rất khỏe, lúc dưới 6 tháng tuổi mèo có 26 cái răng sữa nhọn. Khi được sáu tháng, răng tạm đó được thay thế bằng răng khôn. Mèo

trường thành có 30 cái răng để cắn, giữ mồi, để cắt để xé mồi thành miếng nhỏ. Mèo không có răng hàm để nghiền đồ ăn, nhưng dạ dày và ruột mèo có thể tiêu hoá đồ ăn chưa được nghiền nát. Lưỡi mèo rất nhấp, vì có những gai móc, khiến mèo có thể gặm sạch thịt dính sát xương và giúp mèo dùng lưỡi chải lông cho mượt.

Mũi mèo: Mèo có cái mũi nhỏ hình chữ V. Đầu mũi được phủ bằng một lớp da đặc biệt. Da mũi mèo có những màu khác nhau, da đó luôn ẩm ướt và lạnh. Khi mèo bệnh da mũi nóng và khô.

Mèo có khứu giác rất nhạy bén. Những con mèo con chưa mở mắt vẫn nhận ra được ổ khi lỗ nhoai đi xa, bằng cách đánh hơi biết hướng ổ mà bò về. Để hỗ trợ cho khứu giác, mèo còn có cơ quan đánh hơi ở miệng, giúp mèo phân biệt được mùi gì một cách chính xác.

Mắt mèo: Phân có màu ở mắt mèo là trong mắt, thường là màu xanh hoặc vàng, cam, đồng, xanh lá. Mèo có hai trong mắt màu khác nhau gọi là mèo có mắt lê, có thể là một mắt màu xanh, một mắt màu lơ.

Phía sau mỗi con ngươi mèo có một cơ phận đặc biệt như kính soi gọi là bộ phận chỉnh quang, dùng để điều khiển con ngươi cho ánh sáng vào mắt, như ta điều khiển cho ánh sáng vào máy chụp hình. Bộ phận này điều chỉnh để mắt mèo có thể trông rõ vật trong ánh sáng mờ, hoặc nếu sáng chói, con ngươi cũng khép chỉnh cho sáng vừa đủ. Bộ phận chỉnh quang cũng làm tăng thêm tầm nhìn của mắt mèo. Trong mắt mèo còn có mí mắt thứ ba ở khoé mắt, khi chớp mí mắt thứ ba chạy trùm hết cả mắt, rồi kéo nhanh về lại khoé mắt, mí mắt thứ ba dùng để bảo vệ mắt cũng như làm trơn cho trong mắt. Tầm nhìn của mèo không được tinh tường như ở mắt người. Nhìn vào màu sắc, nhưng mèo chỉ thấy màu râm và màu xám. Tuy nhiên mèo có thể chỉnh mắt sáng để giúp nó săn bắt mồi. Nó nhìn được cả

trong ánh sáng mờ mờ, nhưng không thấy gì khi hoàn toàn là bóng tối.

Tai mèo: Hai tai mèo ở sát hai bên đỉnh đầu. Mỗi tai đều có thể cử động độc lập. Mèo có thể chỉnh tai cho hướng về phía tiếng động để tiếp nhận nhiều âm thanh hơn. Mỗi tai có thể cùng lúc quay theo hướng khác nhau để mèo phân biệt được âm thanh phía nào gần hơn mà thích ứng.

Tai mèo rất thính, có thể nghe được hầu hết những âm thanh ta nghe được. Ít có con mèo nào lại điếc. Nếu có điếc chẳng là thường ở loại mèo trắng, đặc biệt là mèo có mắt lè.

Râu mèo: Râu mèo là những sợi lông cứng và dài, mọc ở hai bên mép mèo và ở trên mắt mèo, nơi ta gọi là lông mày. Đây là một loại lông có nhiệm vụ đặc biệt như xúc giác ở tay ta. Khi những sợi râu mèo đụng phải vật gì, nó liền báo về óc cho mèo biết. Lông dài trên mắt mèo là để bảo vệ mắt mèo, trong đêm tối khi lông chạm vào đầu mèo biết để tránh ngay sang hướng khác.

Đời sống con mèo

Một con mèo mạnh khỏe bình thường có đời sống từ 12 đến 15 năm. Có những con mèo sống được 18 hay 19 năm. Đặc biệt có con sống lâu nhất đến 30 năm.

Truyền đời: Khi con mèo cái được từ 5 đến 9 tháng tuổi, mèo đực ở tuổi từ 7 đến 9 tháng, chúng có thể giao phối để truyền giống. Mèo đực có thể gieo mầm sống vào bất cứ thời gian nào trong năm, nhưng mèo cái thường chỉ hứng thú tìm bạn tình trong mùa xuân hay mùa thu. Đây là mùa mèo gặp gỡ tình tứ. Những ngày xồn xang của cô mèo kéo dài từ 6 đến 10 ngày. Nếu không có cơ hội mang thai, cô mèo phải đợi sau ba tuần lễ mới có thể “tìm vui trở lại.” Cô mèo nào trong mùa tình tứ gặp được “tình quân”, cô trở nên trầm tĩnh vì sắp thành mèo mẹ.

Mèo cái mang thai chín tuần lễ. Khi cảm thấy sắp đến ngày đập bầu, mèo cái tìm nơi nào vắng vẻ, an toàn để xây tổ ấm cho bầy con nhỏ. Thông thường mỗi lứa mèo đẻ từ 3 đến 5 mèo con. Tuy nhiên có trường hợp một con mèo đẻ một lứa tới 14 mèo con. Trong khi mèo đẻ, mèo mẹ tự mình lo cho mèo con chu tất mọi việc mà không cần bất cứ sự giúp đỡ nào.

Mèo con: Phần lớn mèo con mới đẻ chỉ nặng khoảng 99 gam (chừng 3 ounces rưỡi), mèo mẹ liếm lông từng con cho khô ráo, rồi kích thích cho mèo con thở, cũng như cho mèo con cử động. Như loài động vật có vú khác, mèo mẹ cũng nuôi con bằng sữa của mình. Mèo con mới sinh không nghe, không thấy được gì, vì mắt và cả tai chưa mở, nên hoàn toàn lệ thuộc vào mèo mẹ: cho mèo con bú, liếm dọn cho mèo con sạch sẽ, và trùm bọc cho mèo con. Trong khi mèo đẻ không hề biết gì đến đàn con nhỏ.

Mèo con cứ thế lớn dần, mỗi ngày đều tăng cân. Sau khi sinh khoảng từ 7 đến 10 ngày mèo con mở mắt. Theo kinh nghiệm của người Việt Nam xưa thì ngày mở mắt của mèo (hoặc chó) còn tùy theo số con cùng lứa, đem cộng thêm 10 ngày, như lứa mèo có ba con thì 13 ngày sau khi đẻ, mèo con mở mắt. Sau đó ít ngày tai chúng được mở ra để nghe, và răng chúng bắt đầu mọc cái đầu tiên. Sau ba tuần lễ, mèo con bắt đầu biết đi, chúng nhaoi đi làm quen với quang cảnh chung quanh ổ. Mèo mẹ luôn trông chừng chúng và tha chúng về khi chúng đi xa ổ.

Khi được 5 tuần tuổi, mèo con đã mọc gần đủ răng sữa. Chúng bắt đầu tập ăn thức ăn cứng và tấp nước. Đó cũng là lúc mèo mẹ cai sữa cho chúng, và chấm dứt không cho bú sau khi chúng được 7 tuần.

Dạy mèo con: Đối với chủ nuôi, muốn tập cho mèo quen với người thì khi mèo được chừng 4 tuần tuổi, ta nên dùng tay để tiếp xúc với mèo con, vuốt ve nâng niu trên tay v.v... Những con mèo được cưng chiều sớm sẽ dễ dạy để trở thành con vật

ngoan, không sợ hãi người lạ. Nếu muốn mèo con sau này không sợ chó, cũng cho nó tiếp cận với chó trong tuần tuổi này.

Khi mèo được 6 tuần tuổi, óc và thần kinh của nó đã phát triển đầy đủ, lúc ấy có thể tách khỏi mèo mẹ. Tuy nhiên nếu được, nên để mèo sống chung với mẹ và mèo cùng lú cho đến khi được 9-10 tuần tuổi thì tốt hơn.

Mèo phát triển về sự khôn khéo được nhiều khi sống chung, chúng học được những kỹ năng ở những con mèo khác. Hơn nữa chúng tiến triển nhanh vài năng khiếu, nhất là về cách săn bắt mồi bằng cách quan sát và bắt chước mẹ nó. Khi được một năm tuổi, mèo thật sự trưởng thành.

Cách mèo giao tiếp

Mèo giao tiếp với đồng loại, với các con vật khác hay là với người bằng nhiều cách khác nhau. Mèo dùng tiếng kêu, bằng biểu hiện của thân thể và bằng mùi đặc biệt của nó làm phương tiện để giao tiếp.

Bằng tiếng kêu: Người ta đã thử nghiệm và thấy rằng mèo có thể phát ra hơn 60 âm thanh khác nhau, từ tiếng gừ gừ nhẹ nhàng tới tiếng ngao ngao to lớn... hay có lúc ta nghe mèo gào như khan tiếng... Những tiếng này phát xuất từ thanh quản ở cổ họng mèo, phát lên khoang mồm. Tiếng mèo được phối hợp giữa âm thanh và độ rung khi âm thanh thoát qua cửa thanh quản, tùy theo nhu cầu mà mèo điều chỉnh.

Tiếng kêu của mèo biểu hiện nhiều nghĩa khác nhau tùy theo trường hợp: tiếng “meo” có khi là lời chào hỏi, có khi là lời kêu cứu, hoặc kêu khi đói hay lúc cô đơn... Tiếng mèo “gừ gừ” thường tỏ vẻ bằng lòng hay khi bị bệnh mà phải rên lên... Khi mèo gào hay rít lên là tỏ vẻ sợ hãi hoặc giận dữ...

Bằng cử chỉ: Mèo cũng biểu lộ cách giao tiếp như dùng đuôi, dùng đầu, dùng nét mặt... Một con mèo đang thoải mái thường nằm áp ngực xuống và lim dim đôi mắt. Muốn rủ bạn chơi hay tỏ vẻ âu yếm, có con mèo lăn tròn một vòng rồi đưa

chân quào quào vào không khí... Để tỏ vẻ sợ hãi hay khi phải tự vệ mèo thường giương vuốt, nhìn chăm chăm, vánh tai vánh lại đằng sau.

Một con mèo thân thiện với người thường làm quen bằng cách vươn cao đuôi, cúi đầu cọ vào chân người, có khi còn liếm tay họ. Một con mèo ngoan ngoãn thường cúi đầu xuống, tai cúp lại và tránh không nhìn thẳng vào người chủ. Trái lại khi con mèo giận dữ, nó quất đuôi qua lại, cong lưng lên, lông xù ra, có thể còn nhả răng, trợn mắt...

Bằng mùi hương: Mèo cũng tỏ dấu giao cảm bằng mùi hương của nó. Mèo có tuyến mùi hương đặc biệt của nó nằm ở trên trán, ở quanh miệng và ở khẩu đuôi.

Mèo tiết ra mùi hương này để đánh dấu người mà nó thích, cũng như các con vật khác mà nó ưa, có thể chơi đùa, Khi nó chọn đối tượng nào, nó xịt mùi hương của nó vào đối tượng ấy. Mỗi khi nó ngửi được mùi của nó, nó biết đó là đối tượng thân. Chỉ có mèo và một số rất ít con vật khác có thể cảm nhận được mùi hương ấy.

Mèo đực còn dùng nước đái của nó để làm ranh giới lãnh địa của nó, Khi các mèo đực khác thấy mùi bất khả xâm phạm ấy thì nên tránh để khỏi xảy ra tranh chấp. Nói đến nước đái mèo, cũng cần nhắc đến dân gian xưa dùng để chữa bệnh nhức đầu. Nếu nhức nửa đầu bên trái, dùng nước đái mèo nhỏ vào lỗ tai bên phải, và ngược lại. Nếu nhức cả đầu thì nhỏ cả hai bên tai. Nhiều người đã nhận là thật là hiệu nghiệm.

(Dựa theo Tự điển World Book).

Người tuổi mèo

Theo các nhà khoa học thì mèo đã sống chung với con người từ 35 thế kỷ trước Công nguyên. Nói cách khác, người ta đã nuôi mèo từ rất xa xưa, cách nay đến 5.500 năm. Vì dáng điệu con mèo dịu dàng, nhanh nhẹn khôn khéo, coi như nhân hạ và hiền hậu, nên tổ tiên ta đã chọn con mèo làm biểu tượng cho chi Mão trong 12 địa chi, để tính thời gian theo âm lịch. Giờ

Mão từ 5 giờ đến 7 giờ sáng, giờ con mèo no nê ngoi nghỉ sau khi săn mồi, giờ rạng đông và bình minh của một ngày mới. Ngày Mão thường là những ngày có nhiều điều nên làm mà ít điều cấm kỵ. Tháng Mão là tháng giữa mùa Xuân, thời tiết mát mẻ cây cối đâm chồi nảy lộc xanh mầu xanh non lá mới, cũng là tháng mà mèo cái xôn xang muốn được truyền giống. Năm Mão là năm thứ bốn theo cách tính âm lịch, qua chu kỳ 12 năm lại tới năm Mão, năm có vũ điệu phong thuận, khiến nhà nông được mùa, không phải cái cảnh “năm Thìn năm Ty, chị chẳng nhìn em”.

Chi Mão có con mèo cầm tinh, nên để đoán thời vận cho người tuổi mão, người ta tìm ra những tính nết của con mèo, rồi bàn rộng ra áp dụng cho cái gọi là vận mệnh của người sinh năm mão. Trong 12 con giáp, mèo là con vật dịu dàng nhất. Ảnh hưởng của thiên nhiên vũ trụ dường như cũng theo chu kỳ mà lặp lại, khiến cho người sinh ra trong năm Mão tuy không thuộc loại nghiêng nước nghiêng thành, nhưng lại toát ra một khí chất đặc biệt, rất dịu dàng, không thích gây gổ, luôn mong muốn mọi người đều là bạn, nên cũng được nhiều người thương mến. Tuy nhiên, người tuổi mão cũng rất hiếu động, quyết không ngồi yên khi họ bị chèn ép, mà ngay lập tức họ có phản ứng thích hợp. Đó là một số những nhận xét của những nhà tướng số khi đoán vận mệnh cho người tuổi mão, tin hay không tin là tùy theo nhận thức của từng người. []



Mèo lành ai nữ cắt tai !

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

CHUYỆN MÈO THEO NĂM MÃO



Lại một năm mới đến. Lại một tuổi mới tăng lên cho mỗi người. Trẻ con mong thêm tuổi để thêm khôn lớn, người già cũng mong được trường thọ để thấy đàn con cháu đông đúc đến ba bốn đời (xem Tv 127,6). Để nhớ đến

hương vị ngày Tết cổ truyền, chúng tôi có vài mẩu chuyện vui vui, cho ngày Xuân viễn xứ mang lại chút hương vị đậm đà thân thương nơi quê cha đất tổ nghìn trùng xa cách. Năm nay năm Mão, năm con mèo được là con vật biểu tượng, chúng tôi xin hầu quý vị dăm ba chuyện về con mèo.

Mèo trong dân gian

Việt Nam ta xưa, hầu hết người dân sống bằng nghề nông, muốn bảo vệ cốt thóc cong gạo, người ta phải nuôi mèo để giết chuột. Nhà giàu nuôi nhiều mèo, nhà ít lúa cũng phải có con mèo cho lũ chuột khỏi rí rích nơi bồ lúa. Dân ta phân loại mèo theo sắc lông của chúng, như mèo mướp, mèo mun, mèo khoang, mèo tam thể... Mèo cũng có thể được “huấn luyện” làm theo ý chủ, như con mèo biết nói tiếng người của Ba Giai – Tú Xuất, hay con mèo dẫu ái của chúa Trịnh. Chúa Trịnh xưa có nuôi một con mèo quý giá, thuộc vào loài ngự miêu. Vì quá mê con mèo nên nhà chúa bỏ bê việc triều chính. Một hôm trạng Quỳnh vào phủ chúa, thấy con mèo, Trạng bèn bắt bỏ vào tay áo, kẹp chặt cổ, đem mèo về nhà huấn luyện. Bữa nào trạng cũng đặt một đĩa cơm rau và một đĩa cơm thịt, bắt mèo chỉ được ăn cơm rau. Khi có kẻ khải bẩm với nhà chúa rằng hẳn thấy con

mèo của chúa đang ở bên dinh quan trạng. Trạng Quỳnh tỉnh bơ mang con mèo vào phủ chúa để đẹp tiếng xì xầm:

- Khải chúa, thần nghe có tiếng đồ cho thần bắt mèo của chúa. Mèo phủ chúa ăn toàn đồ cao lương, mèo nhà thần chỉ được ăn cơm rau. Chúa muốn biết con mèo này thuộc về ai, xin đem hai loại đồ ăn đó lên... Chúa Trịnh bằng lòng, sai tả hữu đem hai đĩa đồ ăn lên. Con mèo nhìn đĩa cơm thịt, liếm mép một cái rồi sang ăn đĩa cơm rau.

Mèo Việt Nam như vậy, còn mèo các nước khác thì sao? Theo sự ước lượng của Cơ quan thực phẩm gia súc, ở Mỹ có khoảng 32% gia đình, mỗi nhà nuôi ít là một con mèo. Số mèo được nuôi ở Mỹ có khoảng hơn sáu chục triệu con.

Mỗi con mèo nặng khoảng từ 3 đến 4 ký, nhưng ở Sydney bên Úc, con mèo mang tên Edward Bear do bà Jackie Fleming nuôi nặng tới hơn 23 ký. Thông thường mèo sống lâu hơn chó, chúng có thể sống được 13 – 15 năm. Mèo cái sống lâu hơn mèo đực đến 2 năm. Đặc biệt con mèo Puss của bà T.Holway, bên Anh, sống đến 36 năm.

Mèo nổi tiếng về leo trèo. Nhưng con mèo leo giỏi nhất là con mèo mới 4 tháng tuổi của Josephine, Thụy-sĩ, năm 1950 đã theo đoàn leo núi, trèo lên tới đỉnh Matterhorn, cao tới 14,691 ft.

Mèo sinh sản khá nhiều, Suốt cả đời một con mèo cái có thể cho 3 đến 4 chục mèo con. Nhưng con mèo Dusty đã cho ra đời đến 420 con mèo. Còn con mèo của George Johnston, bên Anh quốc mãi đến 30 tuổi còn đẻ lứa cuối cùng được hai mèo con, nâng tổng số con của nó lên đến 218 con.

Mèo ngao cắn cổ ông thầy

Thời Trung cổ, người Âu châu rất ghét mèo, họ tin rằng mèo là con vật độc ác nham hiểm, mèo là thứ phù thủy đội lốt lên quấy phá xóm làng. Dân chúng tỉnh Lincolnshire còn nhớ

câu chuyện hai bố con nhà kia giết một con mèo đen, con mèo biến thành một mù phù thủy chuyên về phá phách gia đình đó để trả thù.

Á châu ta cũng có chuyện mèo đáng liệt vào chuyện kinh dị. Khoảng thập niên 60 của thế kỷ trước, dân đảo Ishima, một đảo nhỏ, ở ngoài khơi Shikoku, Nhật-bản. Dân đảo phải lao đao vì bầy mèo hoang đông tới 700 con, dưới sự chỉ huy của một con mèo đực nặng tới 10 ký lô. Đàn mèo này làm chủ hòn đảo. Chúng tấn công các bà nội trợ đi chợ về để cướp thực phẩm, chúng công khai đánh cắp cá của ngư dân, vào được nhà nào chúng lục phá tan hoang để tìm thức ăn.

Dân đảo phải cầu cứu đến các nhà sư để trừ tai ách. Một lần các nhà sư cử hành nghi thức trấn nước 40 con mèo theo nghi thức nhà Phật. Nghi lễ đang tiến hành thì bị 40 con mèo đó tấn công các vị hành lễ, buổi lễ không hoàn mãn.

Mèo ngao cắn cổ ông thầy,

Ông thầy cũng sợ cả bầy mèo ngao.

Ngư dân đảo Ishima định tặng bầy mèo trên đảo cho sở thú Osaka, nhưng bị từ chối. Họ phải tính chuyện di cư, nhường hòn đảo cho lũ mèo tinh quái đó.

Mèo bên Tàu

Trung Quốc đã có những con mèo đi vào lịch sử. Ai đã từng đọc truyện Tàu thì khó quên chuyện “Linh miêu tráo chúa”. Đó là chuyện thâm cung nội điện thời xưa. Vì tranh giành ngôi hoàng hậu mà tráo vào nôi thái tử một con mèo chết, làm cho tình mẫu tử phải chia lìa. Mấy chục năm sau Bao Công mới làm sáng tỏ được vụ án, thái hậu và hoàng đế mới đoàn tụ.

Nhưng đây là chuyện bí sử trong thâm cung đời xưa, chúng tôi muốn nói đến chuyện mèo thời nay. Dưới chế độ cộng sản Tàu cũng có chuyện mèo được liệt vào bí mật nhà nước. Ngày còn Việt Nam Cộng Hòa, tôi nhớ có đọc một tin trên báo



được một ký giả lấy tin từ thông tấn xã ngoại quốc kể về con mèo của Vương Tề Ngũ.

Vương Tề Ngũ là một công nhân, may mắn là hàng xóm với tư dinh của chủ tịch thành phố họ Trương. Nhà Vương Tề Ngũ nuôi được con mèo khôn ngoan tinh quái. Tề Ngũ phải vất vả đầu tắt mặt tối mà chỉ sống lây lất qua ngày, không sao có được com no áo ấm... Con mèo thường phải qua lại bên nhà chủ tịch họ Trương kiếm ăn. Nó cũng thỉnh thoảng đánh cắp đồ ăn đem về để trên bếp cho Tề Ngũ. Phu nhân họ Trương cũng biết mất đồ ăn, nhưng cũng không nói năng gì, vì nhà bà quá thừa mứa.

Một hôm con mèo tha về một con cá chép kéch xù, còn tươi nguyên. Thấy mất con cá, phu nhân họ Trương la toáng lên, bắt các đồng chí phục vụ phải tìm cho được con cá. “Chỉ con mèo quý vẫn la liếm bên này!” phu nhân họ Trương hậm hực lo lắng vừa tiếc của, vừa sợ có người biết chuyện tối mật, nên cứ bán xúc xích cả lên. Nhưng không biết phải làm cách nào tìm ra manh mối con cá biến mất.

Chiều hôm ấy, Vương Tề Ngũ tan sở về đến nhà. Anh vội xuống bếp lục nôi... thấy con cá lặn lóc ở góc bếp, chàng mừng thầm: “mấy năm rồi, nay mới được bồi dưỡng chút chất tươi”. Chàng vội vã thay đồ, đem con cá ra xả thịt. Vừa đặt con dao rạch bụng con cá, chàng thấy lưỡi dao đụng phải vật gì cứng cứng. Nhấn mạnh con dao mở toang bụng cá, anh hoa mắt vì bụng cá là nhẫn kim cương, là bông tai hột xoàn lấp lánh hiện ra... của hồi lộ ai đó đã thồn vào bụng cá cho chủ tịch.

Chàng Vương đắc chí cười lớn:

- Mẹ cha lũ lãnh đạo thói nát, thế mà mở miệng ra là “vì nhân dân quên mình, vì nhân dân hy sinh”.

Con mèo của Vương Tề Ngũ cũng đáng được đứng chung với “linh miêu tráo chúa” trong lịch sử của Trung Hoa.

Mèo Bến Cát

Cuối thập niên 1990, tại Việt Nam có những năm đồng bào làm nghề canh nông đã phải thiệt hại hàng trăm ngàn mẫu lúa vì bị chuột phá hoại. Lý do là chủ trương thâm độc của bọn Tàu, chúng cho thương buôn “chệt” sang Việt Nam mua mèo với giá thật cao, để dụ những con buôn đi khắp nơi thu mua thật nhiều mèo cho chúng. Thế là chuột được dịp tung hoành khắp nơi mà không còn mèo ngăn cản.

Từ ngàn xưa người dân nước ta vốn coi mèo là loài gia súc có ích, được chăm nuôi cẩn thận để bảo vệ bồ lúa, lu gạo. Trong cổ tích có nhiều chuyện lấy con mèo làm đề tài, ca dao tục ngữ cũng có nhiều câu lấy con mèo làm châm ngôn cho cuộc sống quanh ta hằng ngày. Thế mà nhà nước xã hội chủ nghĩa, tự hợm mình là đỉnh cao trí tuệ lại không dám ho he đến trò đùa của đàn anh vĩ đại, muốn phá nông nghiệp nước ta, bằng cách làm hệ sinh thái của ta mất cân đối. Có lẽ linh cảm trước như thế, nên con mèo của Bà già Bến Cát đã quán quýt theo bà đi tìm tự do.

Sau Mùa Hè Đỏ Lửa, Việt cộng ra sức lấn đất giành dân, đem chiến tranh đến thôn làng... Báo chí tại Sài Gòn thời đó đều đưa tin về con mèo của bà già Bến Cát. Giặc về gây chiến tranh tại Bến Cát, một bà già vợ vã chạy loạn. Bà cốt chạy thoát thân nên chẳng kịp vợ vào được gì, chỉ có con mèo chạy theo quần lấy chân bà, bà vội ôm lấy nó, bỏ nhà trốn cộng sản. Trên đường chạy trốn, bị Việt cộng bắn chặn, nhiều người ngã gục, bà cứ ôm con mèo chạy thục mạng. Có lúc bà như thấy mình bị trúng đạn, nhưng bà càng cố sức chạy nhanh hơn...

Dùng chân tại một trạm an toàn, bà được nhân viên Hồng thập tự đến chăm sóc sức khoẻ. Thấy bà ôm một con mèo bị đạn chết. Họ đề nghị bà vứt con mèo lại, bà điềm nhiên trả lời:

- Con trai tôi ở lại chiến đấu, con gái tôi chạy lạc đâu đó. Tôi chỉ còn con mèo này, nó đã đòi theo tôi trốn việt gian cộng sản, chịu viên đạn ác nghiệt thay tôi. Nó phải được chôn tại đất

Tự Do, cũng như tôi nếu có chết cũng mong được yên nghỉ trên phần đất Việt Nam Cộng Hoà.

Mèo trong ca dao tục ngữ

Ai trong chúng ta chẳng từng thuộc lòng bài ru được nghe mẹ hát dỗ ngủ ngay từ ngày còn ẵm ngửa. Lớn lên đến trường lại được thầy dạy trong bài học thuộc lòng:



*Con mèo mà trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo.*
(Ca dao)

Cả tông nhà chuột còn phải sợ oai mèo, phải xúm nhau mà làm giỗ cho bố mèo, chứ chẳng riêng gì một con chuột trên cây cau. Có chú chuột nào dù hung hăng đến đâu cũng chẳng dám ho he gì với con mèo. Vì chung:

Sắc nanh chuột dễ cắn được cổ mèo. (Tục ngữ)

Tuy vậy, không phải là mèo có uy với chuột rồi muốn hành hạ nhà chuột thế nào cũng được. Mèo cũng phải vất vả kiếm ăn, “tay có làm hàm mới có nhai” chứ! như câu:

*Con mèo con mèo con meo,
Muốn ăn thịt chuột thì leo xà nhà.*

Chính vì con mèo hay leo trèo tìm mồi, bất kể là xà nhà, nóc chạn, gác bếp... nên mới xảy ra chuyện oan trái:

*Con mèo xán vỡ nồi rang,
Con chó chạy lại phải mang lấy đòn.*

Vì thế sự hằn thù giữa chó và mèo xảy ra, chó với mèo khó có thể chung sống hoà bình. Hễ gần nhau là “cắn nhau như

chó với mèo”. Nhưng đó là chuyện thường tình hằng ngày, chứ những hạng chó hoang, mèo mả thì lại khác:

*Mèo đàng lại gặp chó hoang,
Anh đi ăn trộm gặp nàng bới khoai.*

Tuy đồng hội đồng thuyền như vậy, nhưng hãy coi chừng, nếu sa cơ thất thế sẽ phải đem ra trừng trị, không những đương sự mà cả đến những kẻ liên hệ:

*Mèo già ăn trộm
Mèo ốm phải đòn,
Mèo con phải vạ...*

Một người làm tội mà bắt đến cả kẻ đau bệnh, kẻ còn măng sữa cũng phải chịu lây thì thật quá đáng. Nhưng đây là họ xử với kẻ thấp môi bé miệng, với dân oan, với người lương thiện, chứ với bọn đảng viên đây quyền oai thì lại khác, bởi vì:

*Mèo tha miếng thịt xôn xao,
Kẻnh tha con lợn thì nào thấy ai.*

Con hùm vác con lợn ketchup đó, có ai dám xì xào bàn tán? Hay là chỉ dám liếc mắt ngó tiếc xót:

*Mèo tha miếng thịt thì đòi,
Kẻnh tha con lợn mắt coi trừng trừng.*

Kẻ có quyền lực trong tay, dầu có ăn cướp trắng trợn, dân cũng phải cắn răng mà chịu. Lãnh đạo có chiếm công vi tư để vinh thân phì gia, dân oan vẫn đành câm nín nếu không muốn bị công an và bọn đầu gấu được thuê mướn, gọi là quân chúng tự phát, thẳng tay đàn áp... Đồng bào ta đã bị lừa dối tin lầm vào bọn cướp vợ vét tiền của mà đã không còn biết thế nào là liêm sỉ:

*Nữ nào mèo lại ăn than,
Bởi chưng có mỡ đổ tràn lên trên.*

Than có mỡ, mèo còn ăn, huống hồ tài nguyên đất nước, các đồng chí lãnh đạo có đem về làm của riêng thì cũng là chuyện thường. Vì lúc nào các đồng chí cũng to mồm mị dân bằng khẩu hiệu: nhân dân không cần “no” đã có đảng “no”, đảng còn có rất nhiều mưu mô xảo quyệt để ăn cướp vì đã tự cho mình là đỉnh cao trí tuệ, đúng là:

Mèo khen mèo dài đuôi.

Dán phù đầu mèo

Ngày chúng tôi còn nhỏ, chừng 7-8 tuổi. Những ngày tháng Ba không phải vất vả trên đồng ruộng, thầy tôi thường vào chợ huyện mua giấy, mua phẩm về làm hoa giấy... chuẩn bị trang hoàng nhà thờ trong Tháng Hoa như trong bài về về các tháng theo lịch Đạo: “Tháng tư tập trồng rước Hoa”

“Phát đèn làm Trạm châu giờ Tháng Năm”...

Tuy còn nhỏ nhưng thầy tôi cũng bắt phụ “làm cho quen để sau này biết trang hoàng lễ lạt trong nhà thờ”.

Nói là làm phụ, chứ thật ra là học cách dán những cánh hoa chị tôi đã cắt sẵn, vào nhữ cọng tre làm cành hoa, anh tôi đã vót nhẵn... Tuy chỉ có việc dán những cánh hoa ấy vào cành, thành một đoá hoa... Khi thầy tôi cầm bông hoa tôi dán xong đem khoe. Thầy tôi khen cũng khéo tay, nhưng cánh hoa mà “*dán phù đầu mèo*” thế này thì gặp gió sẽ rơi rụng...

Tôi nghe mà không hiểu thế nào là dán phù, mà sao lại có đầu mèo vào đây. Câu ấy tôi đành phải đem hỏi chú, là thầy giáo dạy học trong xứ. Được chú giải thích:

Phù là lá bùa của các thầy pháp vẽ cho các người đến xin để dán yểm trừ tà ma ám ảnh. Đầu con mèo có thể quay đi quay lại, bốn phương tám hướng quanh cổ nó, mà không cần quay thân mình, nên rất hiệu động, thì làm sao mà dán được lá bùa trên đầu con mèo. Để nói lên việc làm tốn công vô ích, không có kết quả gì, người ta mới có câu:

“Dán phù đầu mèo”

Mèo với sấm trạng

Chuyện mèo trong văn chương chữ nghĩa nước ta thì còn nhiều. Nhưng để kết thúc cho bài viết này, chúng tôi trích một số câu sấm Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã tiên đoán. Trước kia dân chúng nước ta rất thích bàn giải sấm trạng để nuôi hy vọng được Trời cho gặp vận may, cho đời bớt khổ. Ai cũng muốn không những đất nước mà cả gia đình, cả bản thân luôn được may mắn. Ý Trời đã sắp đặt: “ngẫm hay muôn sự tại trời”, nên chúng tôi chỉ xin được ghi lại một số câu sấm có liên can đến con mèo trong năm Mão này, mời chư vị cùng bàn giải:

*Mão Thìn Tỵ Ngọ bất yên,
Đợi tam tứ ngũ lai niên cũng gần.*

Hoặc những câu sấm sáng tỏ hơn một chút:

*Thần kinh Thái Ất suy ra...
Mèo kêu rợn tiếng quỷ ma toi bời.
Rồng bay năm vẻ sáng ngời,
Rắn qua sứa soạn hết thời sa tảng,
Ngựa về hồng quỷ nhả răng!*

Kính chúc quý vị năm mới chứa chan hy vọng, những niềm hy vọng tốt đẹp trở thành hiện thực cho bản thân, cho gia đình và cho quê hương Việt Nam thân yêu của mọi người chúng ta. []



Mèo đến nhà như là hên tới!



*Tuổi Thìn là mạng con Rồng,
Cao sang hào nhoáng mà không lâu bền.*

5. NĂM THÌN NHÌN CHUYỆN RỒNG

Rồng là con giáp thứ năm, trong 12 con giáp, lên ngôi hành khiển trong năm Thìn. Rồng đứng đầu tứ linh: Long, Li, Qui, Phụng. Nó thuộc loài rắn, đầu có sừng như gạc nai, mắt to, mũi lớn, râu dài. Lưng có vẩy giương lên như vẩy cá, vẩy đuôi xoè ra như cánh hoa thị. Bốn chân rồng có móng, giống như chân gà. Mình rồng dài như mình rắn uốn lượn từng khúc, có vẩy như vẩy cá chép, sắc óng ánh năm màu.

*Sừng nai, mình rắn, chân gà,
Ở nơi đình miếu, đó là con chi ?*

Thật ra, theo tự điển của Paulus Huỳnh Tịnh Của thì rồng là "loài rắn có sừng, có chân, vẩy có năm sắc, gọi là linh vật, không có ai hề ngó thấy".

Đối với người Á Đông, rồng được liệt vào loài vật đặc biệt, cao quý. Chỉ nhà vua mới được mang biểu tượng con rồng. Bộ rồng, ngai rồng... rồng chữ nho ta phát âm là long, nên còn có những tiếng đề đề cao những vật dụng thuộc nhà vua như áo trận của vua là long bào, áo vua mặc thị triều là long côn, mũ

thuviencongiaovietnam.net/03.2020

vua đội là long miện, giường vua nằm là long sàng. Cái "body" của vua là long thể... "*Run như run thần tử thấy long nhan*" Hàn Mặc Tử đã mô tả thần dân thấy mặt vua thì khiếp sợ run lên cầm cập như vậy đó. Nhưng khi ta nói long não hay long nhãn thì không còn là óc hoặc mắt của vua nữa!

Rồng linh thiêng cao quý như vậy, nhưng phải đứng hàng thứ năm trong 12 con giáp. Đó là vì rồng vốn kiêu căng tự phụ. Tưởng rằng mình được Ngọc Hoàng yêu chiều như vậy, thì khi Ngọc Hoàng chọn chức Hành Khiển trong năm, thế nào mình cũng đứng nhất. Đến khi thấy con chuột ma lạnh đến trước được thăng chức đầu tiên, bấy giờ rồng mới hốt hải ra mắt Ngọc Hoàng, ai dè phải chịu đứng sau cả con trâu, con hổ, và còn dưới cả con mèo! Bài học nhớ đời cho rồng vì tội ý nại ô dù, không chịu phân đấu bằng chính bản thân mình.

Con Rồng Cháu Tiên

Đọc lịch sử dân tộc Việt Nam, ai cũng biết, dân tộc mình được gọi là Con Rồng Cháu Tiên. Theo Việt Nam sử lược thì Lạc Long Quân, vị vua có mẹ là Long Nữ. Lạc Long Quân cưới con gái vua Đế Lai là Âu Cơ, vốn là thần tiên. Để một lần được 100 người con trai.

Vì gia đình quá đông, nên Lạc Long Quân nói với Âu Cơ:

Ta là dòng dõi Vua Rồng, nàng là dòng dõi thần tiên, thủy hỏa tương khắc, sống chung với nhau lâu không được. Nay chúng ta có 100 đứa con, nàng hãy dẫn 50 đứa lên núi, còn ta đem 50 đứa về Đông Hải. Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca viết:

*Chia con sự cũng lạ đời,
Quy sơn quy hải, khác người biệt ly.
Lạc Long về chốn nam thủy,
Âu Cơ lên núi Ba Vì Tản Viên.*

Tại Đông Hải, Lạc Long Quân thành lập nước Văn Lang và phong cho con cả làm vua cai trị. Người con này xưng là Hùng Vương, lập ra họ Hồng Bàng, kế tiếp nhau trị vì nước ta suốt 18 đời:

*Hùng Vương đô ở Châu Phong,
Ấy nơi Bạch Hạc hiệp dòng Châu Giang.
Đặt tên là nước Văn Lang,
Chia mười lăm quận bản chương cũng liền.*

Vì câu chuyện cổ tích này mà người Việt Nam được gọi là Con Rồng Cháu Tiên.

Miêu duệ của Con Rồng Cháu Tiên?

Tại làng Phú Hải, tỉnh Bình Thuận còn lưu truyền một câu chuyện con vua Rồng lấy vợ. Dân chài ngoài khơi mũi Né thường ăn cơm trưa tại biển. Khi mâm cơm dọn ra trên thuyền, họ thường mời chur vị Hà Bá, Long Vương đến dùng bữa. Một hôm có một chiếc thuyền cũng mời chào như vậy, thì một người từ đáy biển vọt lên, xưng là Thái Tử Long Vương đáp lời mời đến dùng bữa. Ăn xong con vua Rồng này rút chiếc nhẫn ngọc thạch đeo ở tay ra, trao cho anh ngư phủ làm vật kỷ niệm, đồng thời cho biết khi anh mang chiếc nhẫn này thì làm ăn phát đạt và tránh được mọi tai ương trên biển cả. Thái Tử Long Vương còn hứa sẽ đến xóm chài thăm anh.

Trong xóm chài, có một đôi vợ chồng mới cưới, cô vợ tuy là dân chài, nhưng rất xinh đẹp. Tiếc thay, ngay đêm tân hôn, cô vợ mắc chứng bệnh lạ, cứ nói lảm nhảm như tư tình với một người vô hình nào đó. Chồng rất thương vợ nên đã tìm thầy chạy thuốc, tốn hao tiền của mà bệnh vẫn không thuyên giảm, nhà cửa vì thế trở nên sa sút. Một buổi tối, anh chồng lấy đồ nghề ra biển đánh cá. Thình lình anh thấy một con rồng đang rẽ

nước từ ngoài khơi lội vào. Anh sợ quá leo lên một cây dương to, ngồi ẩn núp. Con rồng xăm xăm lội tới gốc cây, nó đứng lên bằng đôi chân sau và lấy hai chân trước quơ vào ngực, mở lớp vỏ rồng, biến ra một thanh niên tuấn tú mặc áo lam xanh, quần trúc bâu trắng, đầu vấn khăn nhiễu tía, chân mang giày ký long, rất nho nhã lịch thiệp. Nó cào cát ngay gốc cây, giấu lớp vỏ rồng, rồi đi vào xóm, đến thẳng nhà cô vợ mắc bệnh lạ.

Anh chồng từ cây dương trượt xuống, về xóm theo dõi. Quả nhiên, vợ anh đang tư tình với con rồng. Anh liền trở lại gốc cây lấy cái vỏ rồng, đào cát giấu kỹ. Trời gần sáng, con rồng ra tìm lớp vỏ, không ngờ bị anh chồng đã huy động bạn bè phục kích sẵn, tóm cổ con vua Rồng giải về đình làng, nhờ quan viên hội tề làng xét xử.

Trước hội đồng làng, con vua Rồng nhận mình là Thái Tử Long Vương, có duyên nợ tiền kiếp với người con gái xóm chài, vốn là một tiên nữ bị đày, nên đã phải lên ăn nằm với nàng. Nay nàng đã có thai thì cái duyên cũng đã dứt. Rồi anh xin được trả lại cái vỏ rồng để trở về long cung, hứa *chỉ trở lại đón con* khi nó đã chào đời. Phần cô gái, qua thời kỳ thai nghén, gần đến giờ khai hoa, cô ra biển tắm và đã lâm bồn, vì biển Đông vốn là nơi vùng vẫy của dòng giống rồng. Sau đó cô băng rừng lên núi hái lá thuốc và biệt vô tăm tích. Có người cho đó là miêu duệ của Con Rồng Cháu Tiên từ ngàn xưa lại xuất hiện.



Con rồng trên Tây Nguyên.

Dân tộc Rhadé trên Tây Nguyên tin rằng sông Tlah bắt nguồn từ một cái thác giáp mí với trời xanh. Trên đó có một con rồng cai quản. Miệng nó há to bằng cái trống, vẫy nó giương lên óng ánh như áo giáp của kỵ binh. Khi nó uống nước thì dòng thác ngừng chảy, khi nó vẫy đuôi tức giận, dòng thác sôi lên tràn lan lũ lụt!

Hạ nguồn sông Tlah có một buôn làng, trong buôn có hai anh em mồ côi cha mẹ. Đưa em gái khi trưởng thành đã muốn người anh chết đi để nó tự do theo tiếng lòng, mặc dầu người anh rất thương chiều em gái. Em gái đã bắt anh nó làm những việc thật nguy hiểm, như đòi uống sữa cọp, ăn chân gấu, lấy gan voi làm bánh. Người anh thật dũng cảm đã không ngại hiểm nguy, vào rừng lấy được những thức ấy cho em. Nhưng quái ác thay, đưa em gái còn đòi anh phải lấy được mấy cái vẩy rồng để nó làm đồ trang sức...



Sau bao ngày tháng trèo đèo, vượt suối, người anh đã đến tận mí trời, bên ngọn thác Tlah, quyết giết cho được con rồng, lấy vẩy rồng cho em. Khi gặp con rồng đang ngủ, anh quơ cây xà gạc chém bay mấy cái vẩy rồng. Con rồng lòng lộn thức giấc, hả họng quay lại. Người anh định nhặt mấy cái vẩy rồng rồi chạy trốn, nhưng không kịp. Con rồng đã nuốt trọn người anh vào trong bụng. Xác anh xình thối trong bụng rồng, mùi hôi xông đến thấu trời xanh, làm thần Dnu khó chịu. Thần biết là đứa cháu trai của mình bị con rồng ăn thịt. Thần Dnu liền phái chư thần đi tìm chỗ con rồng. Ngài hóa phép bắt con rồng nhả đứa cháu trai ra, rồi đổ thuốc tiên cứu sống. Thần Dnu phán quở:

- Con gái là mầm mống mọi tội lỗi. Từ nay trong buôn tộc, hễ ai sanh con gái, phải quăng nó xuống giòng sông Tlah để tẩy

trừ tội lỗi, nếu sống được thì đem về nuôi, nếu chết nó về nơi thần thiêng. Còn con rồng không được ở thác Tlah nữa, mà phải đày ra tận đáy biển cả...

Có lẽ vì thế mà mới có long cung ở đáy biển!

Con Rồng mai mối

Duyên số là một mâu nhiệm. Quan niệm Á Đông xưa thường cho là có ông Tơ bà Nguyệt se định. Thời trước các tiểu thư con nhà quan thường kén chồng bằng cách giả làm cô hàng nước, bán quán trước cổng trường thi, để chọn mặt gửi vàng.

Năm ấy, tiểu thư con quan giám khảo cũng đến tuổi cài trâm giắt lược. Phụ thân cho cô mở một quán nước chiêu quân.

Suốt mấy ngày rông rã mà chưa sĩ tử nào lọt mắt giai nhân. Đến ngày cuối cùng, khi các sĩ tử đã kê chõng, cắm lều, ngồi hồi hộp chờ trông gọi nộp phiếu. Lúc ấy có một chàng trai vai vác lều chõng, vai mang ống quyển hốt hải vào quán. Vừa nhìn tác phong của nho sinh ấy, tiểu thư đã nao nao trong dạ, nàng vồn vã, đon đả đón mời, múc một bát nước chè xanh thơm phưng phức bung ra.

-Xin mời nho sinh đỡ khát rồi mau vào trường kéo trẽ.

Đỡ lấy bát nước, chàng trai giọng sang sảng đáp lại:

- Kê hàn nho vô vắn cảm tạ.

Uống xong bát nước, chàng xin cáo từ.

- Khoan, trước khi chàng vào trường, thiếp xin ra một vé đối. Nếu chàng đối được, thiếp không dám nhận tiền nước, mà còn mong được hầu trà phụ mẫu...

Chàng thư sinh vô cùng cảm kích, nhất là khi thấy tiểu thư đưa tay lên vắn về cổ yếm, có thêu đôi chim nhạn, mà ra câu đối. Nhắm vé đối vừa ra, chàng thư sinh vội vã:

- Đa tạ cô nương, vì không đủ giờ, xin khát lại câu đối, để hàn sinh nhập trường.

Bước chân vào trường thi, trống đã lên hồi chấm dứt giờ nạp phiếu. Quan giám khảo bước ra dạo quanh, nhìn quang cảnh trường thi. Chàng vội vàng quì gối đưa cao phiếu xin ứng thí.



-Đã hết giờ nạp phiếu.
Nhưng là nho sinh xin ứng thí,
phải đối được câu đối ta ra, mới được vào trường.

- Dạ, xin vâng mệnh.

Quan giám khảo đưa mắt nhìn ra cổng trường thi, trên bức tường gần đó có vẽ con rồng vàng ẩn hiện trong mây trắng, ngài từ tốn vượt bộ râu gặt gù đặc ý rồi thông thả ra câu đối:

- *Long ám tại tường, long bất tẩu.*

Không suy nghĩ, chàng thư sinh liền lấy ngay vế đối của cô hàng nước, đáp lại:

- *Nhạn thêu cổ yếm, nhạn vô phi.*

Quan giám khảo mỉm cười, cầm phiếu của chàng, rồi sai quân lính dẫn chàng đến một chỗ cấm lều.

Trống ra đề thi đã điểm ...

Con rồng trong văn chương chữ nghĩa

Trong ca dao tục ngữ nước ta, rồng cũng được một vị thế trang trọng. Nó thường được ví với người con gái, trong khi người con trai được gọi là mây. "Rồng mây khi gặp hội đưa duyên" thì quấn quít bên nhau, xa nhau thì nhớ nhung da diết, để rồi khi gặp lại chàng, nàng liền thốt lên lời than thở:

*Nhớ chàng như vợ nhớ chồng,
Như chim nhớ tổ, như rồng nhớ mây.
Mấy khi rồng gặp mây đây,
Để rồng than thở với mây vài lời.*

*Nữa mai rồng ngược mây xuôi,
Biết bao giờ lại nói lời rồng mây.*

Phân chàng, xưa nay con tim cũng thầm mong trộm nhớ.
Nhưng hiềm một nỗi, chàng còn là bạch diện thư sinh cho nên
cứ còn phải đắn đo lời nói:

*Trong lưng chẳng có một đồng
Lời nói như rồng cũng chẳng ai nghe.*

Nhưng được nàng ngỏ lời, thì cái tự ti như kiếp giun dế
cũng phải cho nó qua đi:

*Đắc thời đắc thế thì khôn,
Sa cơ rồng cũng như giun khác nào.*

Và chàng cũng vui mừng vì đã đắc thời, cho nên phải nắm
lấy cơ hội:

*Tình cờ anh gặp em đây,
Như cá gặp nước như mây gặp rồng.
Mây gặp rồng bán văn bán vũ,
Cá gặp nước đàn lũ ngược xuôi.*

Được lời như mở tâm lòng, nàng liền mạnh bạo hơn để
giải bày tâm sự:

*Chàng đi kể đã mấy đông,
Cho loan đợi gió, cho rồng chờ mưa.*

Rồng đã gặp mưa, thì còn chờ gì mà không cùng nhau
chung xây hạnh phúc:

Có vợ có chồng, như rồng có mây.

Bởi vì:

*Phận gái lấy được chồng khôn,
Xem bằng cá vượt vũ môn hóa rồng.*

để rồi cùng sát cánh kê vai không khi nào xa lìa:

*Lấy chồng thì phải theo chồng,
Chồng đi hang rắn hang rồng cũng theo.*

Cả hai đã nên một xương một thịt, cho nên ở đâu cũng có nhau là lẽ đương nhiên. Dù cho có lời bàn ra tán vào, nói ngả nói nghiêng vợ chồng vẫn chỉ là một:

*Trăm năm tạc một chữ đồng,
Dù ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai.*

Nàng đã yên phận sống trong hạnh phúc. Nhưng có những lúc nhìn ra đời, nàng thấy có những gia đình không được may mắn như nàng:

*Thế gian được vợ hồng chồng,
Có phải như rồng mà được cả đôi.*

Đôi rồng châu mặt nguyệt trên nóc đình làng quả là "được cả đôi", cùng uốn khúc như nhau, giống nhau từ cái sừng, sợi râu, cái vẩy. "Lưỡng long triều nguyệt" thật là toàn hảo, chứ không như cặp vợ chồng so le về kiến thức:

*Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu bực mình...*

Thế mà cũng cứ phải sống chung một cách miễn cưỡng:

*Con công ăn lẫn với gà,
Rồng kia rắn nọ cao đà sao nên.*

Cảm tạ thượng đế đã cho nàng một mái ấm hạnh phúc, nếu không dù có sống trên nhung lụa mà chưa yên bề gia thất thì cũng khó giữ mình:

*Ngồi trong cửa sổ chạm rồng
Chăn loan gối phượng không chồng cũng hư.*

Nàng cũng không phải rơi vào cảnh lưỡng long hí cầu, hai con rồng đùa giỡn với một quả châu, lúc nào cũng dè chừng, luôn luôn cảnh giác để chiếm thế thượng phong, nếu không cũng phải thương lượng sao cho cả hai cùng có lợi:

*Mũi oi thương lấy lái cùng,
Có mũi có lái như rồng có vây.*

Rồng có vây kiêu đó, chắc ít người ham, bởi vì:
*Chớ tham ngồi mũi thuyền rồng,
Tuy rằng tốt đẹp nhưng chông người ta.*

Trở lại hoàn cảnh của nàng, tuy rằng chẳng phải là sắc nước hương trời, nhưng được chàng yêu rất mực, đến nỗi:

*Lỡ mũi em mùi tám gánh lông
Chông yêu chông bảo râu rồng trời cho!*

Đời sống lứa đôi có yêu thương nên chứa chan hạnh phúc. Hạnh phúc cho đôi trẻ, nhưng cũng hạnh phúc cho bậc sinh thành. Chàng đã thành đạt, cá chép đã hóa rồng, nên chàng có thể tự hào giữ lời hứa:

*Bao giờ cá lý hóa long,
Đền ơn cha mẹ ẵm bồng ngày xưa.*

Chàng đã hóa rồng thứ thiệt, không phải sợ những lời gièm xiêm chê bai của người cùng trang lứa:

*Liu diu đã ngỡ là rồng
Giỏi giang sao chẳng ra sông vào chằm.*

Đã luôn xông xáo, chàng đâu có sá chi sông với chằm, vì chàng không phải là hạng người:

*Ăn như rồng cuốn,
Làm như cà cuốn lợi sông!*

Nếu ai là hạng người "ăn như xáng múc, làm như lục bình trôi" suốt đời chỉ báo hại vợ con, thì sao gia đình có hạnh phúc!

Rồng trong cổ văn

Những tác phẩm văn học các thế kỷ trước không rõ xếp rồng vào loại động vật nào? Là cầm hay là thú? Thuộc loại cầm thì đẻ ra trứng, có cánh và lông vũ; thuộc loài thú thì có lông mao, phải đẻ ra con, cho con bú. Nhưng con rồng thì không ở trong hai loại ấy:

*Trứng rồng lại nở ra rồng,
Liu điu lại nở ra dòng liu điu.*(Phong sử).

Dĩ nhiên dòng nào thì phải sinh ra giống ấy, không thể ra khác được. Định luật ấy không chỉ cho động vật, mà cả cây cỏ cũng bị chi phối:

*Trứng rồng lại nở ra rồng,
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà.*(Thanh Hoá).

Sự lưu truyền ấy từ đời nọ sang đời kia không sai chạy:

*Một khi ý hiệp tâm đồng,
Cho dù các phụng thêm rồng cũng không.*

Cho dù có lúc phải xa cách nhau:

nhạn yên đất bắc, rồng liệng trời nam, nhưng cũng không thể mất đi nguồn gốc:

*Bây giờ tin bắc tin nam,
Như rồng thêm cánh, như hùm thêm vây.*(Thiên Nam).

Tiếng rồng từ xưa đã được kèm vào những gì thuộc về nhà vua, như cái thuyền khi vua đi trên sông nước, được tâng bốc lên là thuyền rồng, cang xe thì phải chạm vẽ đầu rồng:

*Nào khi gần chực thuyền rồng,
Phấn vua giời bén đậm nồng duyên tôi.*(Hoài Nam).

*Xe loan tiện hoá đầu rồng,
Vẽ hình mắt phụng tây đông bầu trời.*(Thạch Sanh).

Nói chuyện văn chương chữ nghĩa về rồng thì còn dài dài, như "rồng châu hổ phục", "hội rồng mây", "rồng đen lấy nước thì nắng, rồng trắng lấy nước thì mưa", "vòi rồng"... Nhưng kể mãi làm mất thì giờ quý báu của quý độc giả. Nên để kết thúc, chúng tôi xin lưu ý một điểm quan trọng: đối với văn hóa Á Đông thì rồng thật là quý. Nhưng cái nhìn của Tây phương thì con rồng lại biểu tượng cho sự hung dữ, khiến người phương Tây sợ hãi, do đó khinh thị con rồng. Chính vì thế mà người Trung quốc muốn vận động Tây phương không dịch con rồng của họ là dragon nữa, mà nên gọi bằng chữ đề nghị là “loong”.[]



*Tuổi Ty đầu rắn ngóc lên,
Coi chừng nọc độc, đừng quên đề phòng.*

6. NĂM TỶ NGHĨ CHUYỆN RẮN

Khi nói đến chuyện Rắn, tôi nghĩ ngay đến bài thơ “Rắn đầu biếng học” của học giả Lê Quý Đôn mà ông chú ruột của tôi đã dạy cho tôi như một bài học thuộc lòng:

*"Chẳng phải liu diu vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học lẽ không tha.
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,
Nay thét mai gầm rát cổ cha.
Ráo mép chỉ quen lời lếu láo.
Lần lưng cam chịu vết năm ba.
Từ nay Châu Lỗ xin siêng học
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia."*

Cái hay của bài thơ là câu nào cũng nói đến rắn. Tinh hoa phát ra ngay từ hồi còn để chỏm, không trách gì Lê Quý Đôn là một nhân tài lỗi lạc.

Trong ca dao tục ngữ của ta cũng nói đến rắn. Để đề phòng những người dùng miệng lưỡi nói ngon ngọt, nhưng bụng dạ thì chẳng tốt lành gì, phương ngôn ta có câu:

Khẩu phật tâm xà.

Hay nói "nho" một tí:

Diện thượng tiến ha ha

Tâm lý độc xà khoa.

(Mặt ngoài cười ha hả

Bụng trong răn độc khà).

Cũng có những người khéo ăn khéo nói để bòn rút của người khác, vì kiểu nói của họ rất quyến rũ, đến nỗi:

Nói răn trong lỗ bò ra.

Khéo nói, vì họ biết tô điểm cho câu chuyện thêm hoa mỹ "vẽ rồng vẽ rắn". Có khi câu chuyện không đúng sự thật: "Họa xà thêm túc": *Vẽ rắn thêm chân*, điều đó thật nghịch lý, nhưng có những cái bất ngờ vẫn cứ tiềm ẩn ở nơi rất tầm thường:

Rắn có chân rắn biết, ngọc ẩn đá ngọc hay.

Người nói ba hoa bị phê bình, người ít nói cũng bị chê:

Thin thít như rắn mòng năm.

Tết Đoan Ngọ mòng 5 tháng 5 không có con rắn nào dám ra khỏi hang, vì sợ người ta bắt làm thuốc. Hôm ấy có những người đi lung bắt rắn, tìm bụi này, kiếm bờ nọ nên có câu: *Đá thảo kinh xà, (Đập bụi đuổi rắn).*

Thấy được rắn rồi, muốn đập được nó thì phải nhớ:

Đánh rắn phải đánh đập đầu,

Đừng đánh rắn giữa khúc mà rầu vào thân.

Dĩ nhiên cái họa ấy không nguy hiểm bằng hành động xông pha vào *Hang hùm đằm rắn!*

Tuy nhiên khi có tình yêu rồi thì hang hùm đằm rắn cũng chỉ là thứ yếu:

Lấy chồng thì phải theo chồng,

Chồng đi hang rắn hang rồng cũng theo.

Đây quả là cuộc hôn nhân hạnh phúc, vì họ biết chia ngọt sẻ bùi, biết nương nhau vượt qua sóng gió:

Đôi ta như rắn liu điu

Nước chảy mặc nước, ta dùm lấy nhau.

Cảnh thuận vợ thuận chồng, gia đình hạnh phúc thật là quý. Nhưng cũng có những người kém may mắn, nên cảnh vợ chồng khó tâm đầu ý hợp:

Con công ăn lẫn với gà,

Rồng kia rắn nọ cao đà sao nên.

Dân gian kể chuyện rắn

Tam xà tứ tượng: Ngày còn nhỏ, chúng tôi thường nghe nói voi là con vật lớn nhất. Nhưng có người lại quả quyết các con vật lớn nhỏ được xếp theo thứ tự “nhất điều, nhì ngư, tam xà, tứ tượng”, con rắn còn có hạng trên voi. Chim đại bàng to lớn có thể cắp được cả người mang đi, “đại bàng bay ở trên cao, vôi vàng xuống cắp má đào liền bay”, (má đào ở đây là công chúa Quỳnh Nga trong chuyện Thạch Sanh). Con cá ông có thể cứu người ngoài khơi đem vô bờ (xem Gn 2,1). Con xà tinh Thạch Sanh chém được rất to lớn: “Rõ ràng con rắn vừa tày một gian”.

Truyện truyền khẩu kể, một cha xứ trên miền núi đi kẻ liệt xuyên qua một khu rừng già, cậu giúp lễ chột bụng, vôi vàng tụt quần ngồi lên thân một cây to, không ngờ đó là thân một con rắn, nó liền quay đầu lại ngoạm được đôi chân cậu. Cậu la lên cầu cứu, cha xứ chạy lại chỉ kịp nói cậu dang hai tay ra chặn hàm con rắn để cha ban các phép Bí tích cuối cùng cho cậu.

Đôi mãng xà làng Tân Bằng: Thuở mới khai khẩn, Làng Tân Bằng, sông Cán Gáo, vùng U minh thượng, Rạch Giá, có một đôi rắn to lớn luôn đến phá phách, khi chúng di chuyển người ta nghe tiếng ào ào chuyển rung cây cỏ. Dân làng sợ oai

chúng như thần, mỗi năm phải cúng “thần rắn” hai em bé, măng xà no ăn, làng xóm mới yên ổn.

Ông Nguyễn Hữu Long, một ngự y, nhân cơ hội đến đó vào đúng dịp dân làng tế thần rắn. Ông đã đề nghị bỏ tục mê tín đó... Sau khi nghe Hội đồng



làng trình bày sự tình, ông nói làng giết hai con chó to béo, cạo lông cho trắng, mổ ruột rồi nhồi thuốc mê vào, khâu lại, vẽ mặt giả như người, đặt ngồi giống hai đứa trẻ khi cúng.

Vào giờ tý canh ba, đêm hôm ấy đôi măng xà từ vịnh Xiêm La xông tới như vũ bão, chúng nuốt trứng hai con chó, xong rồi chúng ra sân cỏ cạnh đền, hí hửng trứng môi. Một lúc sau, hai con rắn say thuốc nằm bất động. Viên ngự y không cho giết mà sai sơn hai con rắn bằng hai màu khác nhau, một con màu đỏ, một con màu xanh. Lúc tỉnh lại, hai con rắn không nhận ra nhau, chúng đánh nhau một trận chí tử rồi đuổi nhau ra vịnh Xiêm la. Từ đó người ta không thấy đôi rắn xuất hiện nữa. *(theo Sơn Nam).*

Đời sống loài rắn

Chúng tôi đã nêu những chuyện của con người về rắn mà chưa đủ động đến đời sống của loài rắn, như thế có thể coi thường loài rắn chẳng! Vì thế, chúng tôi nói qua đến lai lịch của loài rắn. Các nhà khoa học cho rằng: hàng trăm triệu năm trước, rắn được hoá thân từ một loài thằn lằn, vì trong các loài có máu lạnh, rắn có đời sống tương cận nhiều nhất với một loại thằn lằn.

Rắn là sinh vật mình dài, không có chân, thân bao phủ bằng một lớp vảy. Di chuyển trên đất bằng cách dùng bụng trườn đi. Có loại rắn khi bị tấn công cuộn tròn lại như trái banh, giấu đầu ở giữa để được an toàn.

Rắn có mí mắt trong như thủy tinh, nên người ta cứ tưởng rắn luôn mở mắt. Lưỡi rắn dài và nhỏ bản, đầu lưỡi chẻ thành hai nhánh, khi di chuyển, rắn luôn phóng lưỡi ra để cảm nhận mùi bằng cơ quan khứu giác ở trong mồm. Các cụ xưa nói *rắn lo le lưỡi để đánh hơi*, là vì thế.

Trên thế giới có đến 2.700 loại rắn khác nhau, loại lớn nhất là rắn trăn anaconda sống ở Nam Mỹ, loại rắn này dài tới 9 mét, bắt được con mồi nó lấy thân mình cuộn lại, xiết chết con mồi... Loại rắn nhỏ nhất chỉ dài có 15 centimet, có mí mắt như một cái vẩy nên ta cứ tưởng nó không có mắt.

Tại Việt Nam cũng có nhiều rắn. Chúng tôi không biết hết tên ta gọi rắn. Nên chỉ phân loại một số rắn độc và rắn không độc:

-Loại rắn độc như: rắn Hổ, rắn Hổ ba khoang, rắn Hổ mang, rắn Hổ ngựa, rắn Mỏ vọ, rắn Râu, rắn Vẩy tên...

-Loại rắn không có nọc độc: rắn Bông súng, rắn Choàm hoạp, rắn Hổ chuối, rắn Hổ đất, rắn Hổ hành, rắn Hổ mây, rắn Lải, rắn Lục, rắn Mai gầm, rắn Cạp nong, rắn Nước, rắn Roi, rắn Rồng...

-Còn có loại rắn vừa có nọc độc vừa không độc, đó là rắn Trung: không có đuôi, thân có hai đầu bằng nhau, một đầu có nọc độc, một đầu không. Nếu nó cắn đầu không có nọc thì bên bị cắn vô sự.

Rắn qua sửa soạn hết thời sa tăng

Nói chuyện lan man về con rắn thì còn nhiều. Nhưng để khỏi làm mất thì giờ của quý vị, chúng tôi xin kết thúc câu chuyện tản mạn này bằng một câu mà chúng tôi đọc được trong bức họa chống cộng nửa đầu thế kỷ trước. Bức họa đó vẽ một bàn tay dắt rắn vào chuồng gà, với câu “Việt Minh cũng rắn cắn gà nhà”. Ngày đó tôi không hiểu nghĩa bóng của câu “*cũng rắn cắn gà nhà*”. Nhưng đến năm Tỵ này thì “chuồng gà” Việt Nam

đã xác xơ vì bị Việt cộng rước Tàu cộng đem nọc độc của loài rắn đỏ cộng sản cắn nát hết cả tài nguyên thiên nhiên, cả tài nguyên tinh thần, cả tài nguyên văn hóa, tài nguyên nhân lực... của Việt Nam mà Tiền nhân đã dày công xây dựng và bảo tồn.

Nếu "*rắn đi thấy trời, ốc đi thấy trôn*" thì khi cộng sản còn mượn tiếng độc lập dân tộc để cướp chính quyền, lúc ấy đã có nhiều người thấy cái nguy hại của chủ thuyết cộng sản này. Nên mới có hiệp định Genève 54 chia đôi đất nước: "Ngựa về rông bị chia đôi, đầu tay tan nát, mình đuôi mập tròn". Rồi cảnh nổi da xáo thịt hai mươi năm... Cho đến hôm nay, con rắn già sa tăng vẫn còn dùng dòng dõi nó hoành hành trên quê hương Việt Nam, đem dâng đất, dâng biển đảo cho thằng Tàu đều cáng, biến dân tộc ta có rừng vàng biển bạc mà thành nghèo đói lạc hậu, phải đi làm cu li trên khắp thế giới... Hy vọng một ngày không xa câu sấm của Trạng Trình thể hiện trên quê hương Việt Nam:

Rắn qua sửa soạn hết thời sa tăng.

Mong cho Con rắn năm Ty mau xuất hiện, thời "sa tăng" cũng sớm đi đời nhà ma, cho dân tộc Việt Nam chúng ta thoát ách lầm than, được tự do, dân chủ thật sự, hầu xây dựng đời sống giàu mạnh, nở mày nở mặt với bầu bạn năm châu bốn bể.

Kính chúc quý vị một năm mới vạn sự như ý.[]



*Tuổi Ngọ con ngựa thông dong,
Không cương, loà mắt biết đường nào đi.*

7. NĂM NGỌ NGÓ CHUYỆN NGỰA

Năm Ngọ, người Việt Nam mình thường gọi là năm con ngựa, chúng tôi lại được dịp chấp nối dăm ba câu chuyện về con vật thứ bảy trong 12 con giáp này. Nhớ lại trong sách quốc văn thời xa xưa có bài học thuộc lòng về lục súc:

*Trâu, dê với ngựa là ba,
Con chó là bốn con gà là năm,
Sáu là con lợn hay năm.
Ấy là sáu giống người chăm nuôi dùng.*

Cứ như bài học này thì ngựa đứng thứ ba trong hàng lục súc. Ông Huỳnh Tịnh Paulus Của định nghĩa ngựa là “loài lục súc, người ta hay dùng mà cỡi”.

Đời sống của ngựa

Ngựa con nằm trong bụng ngựa mẹ mất 11 tháng, con nào đẻ non cũng phải 10 tháng mới sống được, cũng có con phải ở trong bụng mẹ đến 14 tháng. Ngựa con khi mới sinh có thể

thuviencongiadvietnam.net 03.2020

đứng liền được. Chỉ sau 4-5 tiếng đồng hồ, ngựa con đã chạy chung quanh mẹ. Chân ngựa mới sinh dài hơn so với thân nó, nhưng lớn lên vì chân phát triển chậm hơn nên khi ngựa trưởng thành, ngựa có thân hình cân đối. Để trở thành ngựa phát triển đầy đủ phải mất 5 năm, mau cũng phải 4 năm. Trung bình mỗi con ngựa cái suốt đời đẻ được 5 hoặc 6 ngựa con, có con đặc biệt chiếm kỷ lục cả đời đẻ được 19 ngựa con.

Có nhiều loại ngựa, người Việt Nam ta phân loại ngựa theo sắc lông: ngựa bạch có lông trắng, ngựa kim lông trắng mốc, ngựa bích lông trắng mốc xanh, ngựa hời lông trắng vàng mà bốn chân đen. Ngựa có lông trắng ngà xám tro là ngựa hạc, lông xám tím là ngựa khúu, lông đen láng là ngựa ô, lông vàng đỏ là ngựa hồng v.v... Lông ngựa là áo che thân, thích nghi với thời tiết: mùa thu bắt đầu mọc dày hơn để tránh lạnh mùa đông, sang xuân lại rụng bớt cho thích hợp với mùa hè.

Về hình vóc, ở bên Anh quốc có con ngựa nặng đến 3,360 lbs đo được hơn 7ft. nhưng ở Mỹ có con ngựa nhỏ nhất chỉ cân được hơn 20 lbs. Tuổi thọ trung bình của ngựa vào khoảng 2-3 chục năm, có con ngựa sống lâu nhất được 62 năm.

Chuyện ngựa thì rất nhiều, nhưng hãy bắt đầu bằng chuyện ngựa trong lịch.

Ngựa đá rịn mồ hôi

Đọc lịch sử nước nhà, chúng ta thấy quân Mông cổ sau khi chiếm trọn nước Tàu, đã hai lần sang xâm lăng nước ta. Hưng Đạo Vương phải chỉ huy trận đánh thư hùng tại sông Bạch Đằng, làm cho quân Mông cổ không còn một manh giáp. Khi tin



báo từ chiến trường tấu về kinh, quân ta đã toàn thắng, vua Trần Nhân Tôn vào lăng miếu để kính cáo với các tiên đế. Vua thấy

các ngựa đá đứng trước lẫm tẫm mình rịn mồ hôi, chân lấm đầy bùn đất. Nhà vua đoán là anh linh các vị tiên đế đã dùng ngựa đá ra chiến trường yểm trợ cho binh tướng nước ta. Vua ngựa mặt lên trời cảm tạ và xuất khẩu thành đôi câu đối:

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.
(Đất nước hai lần nhọc ngựa đá
Non sông ngàn thuở vững ngai vàng).*

Nói đến ngựa đá, chúng tôi nhớ đến câu sấm của Trạng Trình tiên đoán cho làng Vĩnh Lại quê ông:

*Bao giờ ngựa đá qua sông,
Thì dân Vĩnh Lại quận công cả làng.*

Làng Vĩnh Lại được Lê Chiêu Thống, trên đường chạy trốn nhà Tây Sơn, phong tước hầu cho nhiều người vì có công phò tá mình. Nhưng khi Tây Sơn thắng thì những quận công ấy lại bị hại.

Ngựa sắt Phù Đổng

Ai cũng đã nghe chuyện con ngựa sắt của Thánh Gióng. Tại làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng, có một em bé khi sinh ra đã khác thường. Suốt ba năm chỉ nằm, không nói năng gì. Mãi khi vua cho sứ giả đi cầu người hiền tài ra giúp nước, đánh đuổi giặc Ân, cậu bé mới xin mẹ mời sứ giả vào, cậu xin vua đúc cho một con ngựa sắt và một cái roi sắt.

Khi vua đúc xong ngựa đem đến, cậu bé vùng dậy vươn vai trở nên to lớn phi thường. Ông nhảy lên lưng ngựa sắt, vỗ mõng ngựa ba cái, con ngựa liền phi nước đại xông ra chiến



trường, ông dùng roi sắt đánh phá giặc nhà Ân, từ Tàu sang xâm lấn. Con ngựa sắt phun ra lửa đốt giặc. Khi cây roi gãy, ông nhổ từng bụi tre làm vũ khí tấn công. Giặc Ân tan rã, ông phi ngựa lên núi Sóc Sơn biến mất. Vua sai lập đền thờ và phong ông là Phù Đổng Thiên Vương. Người ta gọi ngài là Thánh Gióng.

Ngựa và sự quan phòng

Ngày nay, chúng ta tin tưởng mọi sự đều do Chúa quan phòng. Khi đạo Công Giáo chưa đến Việt Nam thì người mình cũng đã tin vào ông Trời, ngẫm hay muôn sự tại trời. Câu chuyện ngựa của Tái Thượng Ông cũng nói lên điều đó.

Nhà Tái Thượng Ông mới tậu được một con ngựa, ông làm chuồng cột ngựa cẩn thận. Một hôm đang đêm con ngựa xổng chuồng đi biệt, kiếm tìm khắp nơi không thấy. Hàng xóm đến hỏi thăm, ông nói: Mất ngựa có khi là phúc đó. Thế rồi,



mấy hôm sau con ngựa trở về, dẫn theo mấy con ngựa khác. Người lối xóm đến chia vui. Tái Ông gạt đi: biết đâu lại là mang họa tới. Đúng như vậy, các con ông thấy ngựa đẹp bèn tranh nhau cỡi, chẳng may một cậu trai bị té ngựa, gãy chân.

Láng giềng lại tới chia buồn. Tái Ông vẫn tỉnh bơ nói: Biết đâu đó lại là hên đấy. Đúng là hên, vì giặc già nổi lên, vua truyền hịch các trai tráng phải đầu quân cứu nước. Con trai ông gãy chân được miễn quân dịch.

Xem như thế, việc Chúa quan phòng ta không thể biết được. Phúc cho ai nhận ra thánh ý Chúa trong các biến cố xảy đến chung quanh mình.

Ngựa với cảnh tha hương

Chúng ta đang sống cảnh xa quê cha đất tổ, nên xin được kể chuyện ngựa tha hương. Đời nhà Hán bên Tàu, Hán Võ Đế được Rợ Hồ phương bắc triều cống một con ngựa hiếm quý, nổi tiếng là thiên lý mã. Nhà vua rất tung tiu, truyền nuôi ở vườn Thượng Lâm, chăm nom rất chu đáo. Nhưng con ngựa từ ngày xa quê hương thì thường bỏ ăn và luôn ủ rũ. Mỗi khi có gió bắc từ nước Hồ thổi tới, con ngựa rất mừng rỡ như được thở hít không khí quê nhà, hí lên những tiếng nhớ thương. Sau con ngựa đó bỏ ăn rồi chết.

Nói đến ngựa Hồ thì cũng xin thêm một chút về Chim Việt. Đời Hùng Vương nước ta có cống cho Tàu một chim Bạch trĩ rất quý. Vua Tàu cũng cho nuôi ở vườn thượng uyển. Nhưng con chim chỉ chọn đậu ở những cành cây mọc phía về hướng Nam. Muốn bắt con chim khuất phục, vua cho cột con chim ở cành phía bắc, con chim không chịu đậu cành bắc mà nhảy xuống, chịu treo tòng teng cho đến khi chết.

Đường thi có câu "Việt điều sào nam chi, Hồ mã tê bắc phong". Chim Việt chỉ đậu trên cành hướng nam, ngựa Hồ u buồn mong gió bắc thổi, là lấy điển tích từ con chim, con ngựa trên, diễn tả nỗi buồn nhớ quê hương của người xa xứ.

Ngựa trong ca dao

Trong ca dao có những câu ví diễn tả tình cảm con người. Tình yêu đôi lứa thật muôn hình vạn trạng, nên qua hình ảnh con ngựa, văn chương bình dân cũng có những cảm hứng cho

tình yêu. Nếu yêu nhau mấy núi cũng trèo thì đường có xa,
chàng trai đâu có ngại:

*Xa thì mượn ngựa anh đi,
Quý hồ tốt quấy, quản chi xa gần.*

Tuy nhiên, mới đâu chàng cũng còn e ngại, lúng ta lúng túng chưa dám trực diện với nàng, mà còn vòng vo tam quốc, loanh quanh ấp úng:

*Ngựa ô không cỡi, cỡi bò,
Đường ngay không chạy, chạy dò đường quanh.*

Chàng lúng túng là phải, vì nàng là thân gái mười hai bến nước, biết bến nào đục, bến nào trong, nàng đang để ý kén chọn:

*Ngựa hay chẳng quản đường dài,
Nước kiêu mới biết tài trai anh hùng.*

Để trở thành tài trai anh hùng chắc chắn là không dễ, cho nên chàng cũng ném mui thất bại, khiến nàng cũng xót xa:

*Tiếc thay con ngựa cao bành,
Để cho chủ ấy tập tành không nên.*

Vì không nên, chàng phải tạm lánh thao dượt thêm để mong một dịp khác. Thấy chàng vắng lâu, nàng đã than vắn thở dài:

*Đường dài ngựa chạy cát bay,
Ngãi nhân thăm thăm một ngày một xa.*

Tâm trạng nàng luôn xao động, có lúc lại nuôi hy vọng:

*Đường dài ngựa chạy biệt tăm,
Người thương có nghĩa trăm năm cũng về.*

Lúc thì nàng hờn ghen oán giận:

Đùng đùng ngựa chạy qua truông,

Màng mê ca kỹ lưỡng tưởng bỏ em.

Và thế là nàng có cơ để quên đi người trong mộng, rồi tự an ủi mình:

Sóng sâu ngựa lội ngập kiêu,

Dẫu anh có phụ còn nhiều người thương.

Nàng đã có nhiều người thương, một trong những người thương ấy đã chuẩn bị cho ngày cưới bằng cách:

Sắm xe tứ mã đem sang,

Để quan viên họ nhà nàng đưa dâu.

Bà con hàng xóm cũng đã được mời, họ đang lo chuẩn bị dự tiệc cưới:

Lấy gì cho ngựa cho voi,

Lấy gì đóng góp cho đôi láng giềng.

Đêm trước ngày nàng vu qui, chàng đã thành công trở về, những tưởng bây giờ chắc chắn sẽ khớp con ngựa ô để đưa nàng về dinh, nào ngờ thấy cảnh nhộn nhịp bên nhà nàng:

Năm con ngựa bạch sang sông,

Năm gian nhà ngói đèn trong đèn ngoài.

Chàng ngỡ nàng đang bước vào cuộc đời hạnh phúc, có biết đâu nàng đang cam phận:

Có chồng như ngựa có cương,

Đắng cay cũng chịu sâu thương cũng đành.

Còn chàng thì trách mình chậm chân một bước, đến bây giờ mới thấy lòng chao đảo:

Em đã có chồng như ngựa đủ yên,

Anh chưa có vợ như chiếc thuyền nghiêng giữa vời.

Ván đã đóng thuyền, thế là từ nay đành phải chia tay, ai đi đường nấy:

*Em đã có chồng như ngựa có cương,
Ngõ em em đứng, đường trường anh đi.*

Anh đã vội vã bước đi trên con đường vô định, mà em vẫn còn đứng ngõ trông theo. Phải chăng vì em vẫn còn hy vọng vào câu: *Ngựa quen đường cũ ?*

Ngựa trong tục ngữ

Ai cũng biết tục ngữ là những câu nói gọn ghẽ có tính cách hướng dẫn kinh nghiệm sống. Trong tục ngữ, ngựa cũng chiếm được một chỗ đứng. Để khuyên ta về sự nguy hiểm khi đi thuyền hay cỡi ngựa, tục ngữ có câu:

Hành thuyền kỵ mã tam phân mạng.

Mạng sống chỉ bảo đảm được có ba phần khi cỡi ngựa. Phải chăng câu nói đó áp dụng cho những kỵ binh khi ra chiến trường, lúc mà các chiến sĩ coi cái chết nhẹ tựa lông hồng:

*Ví dù gan óc nát bầy,
Dẫu rằng da ngựa bọc thân cũng đành.*

Không những kẻ trượng phu hãnh diện vì “mã cách khóa thi” như vậy, mà còn là người luôn lấy chữ tín làm đầu, đã hứa điều gì là không thể rút lại:

*Nhất ngôn ký xuất,
Tứ mã nan truy.
(Một lời đã hứa, Ngựa tứ khó theo).*

Tục ngữ dùng ngựa để diễn tả thói đời thì còn nhiều, chẳng hạn như để chế diễu người còn non trẻ, háo thắng nói năng lác cắc thích tranh đua mà không tự lượng sức mình, tục ngữ có câu:

Ngựa non háu đá, tính tuổi trẻ thích huênh hoang, kiêu ngạo, hung hăng làm ra vẻ ta đây.

Người có tài thường hay khó tính thích làm eo, là *Ngựa hay hay chứng* giống như “người có tài có tật”.

Ngựa quen đường cũ, người ta kể lại, xưa có một ông vua đi chinh phạt bọn phiến loạn, vì lo truy nã vào tận rừng sâu, vua lạc hướng. May có cận thần tâu vua thả ngựa ra để nó tự do đi trở lại, vua và đoàn tùy tùng theo nó. Quả nhiên con ngựa về đến hoàng thành. Câu này còn mang một nghĩa bóng: Thói quen khó bỏ, đã làm nhiều điều xấu, dù có người khuyên răn, cũng nhớ chứng tật xấu, rồi lại làm điều quấy.

Để ví thời gian đi qua nhanh, người xưa thường nói “*bạch câu quá khích*”, ngựa trắng vụt qua khe vách, hay:

Ngựa qua cửa sổ, cũng như *bóng câu qua cửa sổ*, ý nói thời giờ đi lệ làng nhanh chóng, thoáng một cái như con ngựa chạy vụt qua cửa sổ.

Thời xưa phương tiện thông tin nhanh nhất là dùng ngựa, vua cho thiết lập các trạm thông tin tại mỗi huyện. Ở đó có ngựa trạm túc trực để chuyển đạt công văn. Nhận được công văn, ngựa trạm phải phi nước đại mau chóng đem công văn chuyển sang trạm huyện khác, tiếp tục chuyển, nên có câu:

Nhanh như ngựa chạy trạm:

Thật nhanh, không khác gì ngựa ở các trạm dùng chạy công văn,

Ngựa chạy có bầy chim bay có bạn: chỉ tinh thần đoàn kết để có đồng người cùng nhau làm, ắt sớm thành công.

Nói như ngựa chạy đàng dài: đề ra một kế hoạch rồi bỏ đó, quên không thực hành, không giữ lời, như con ngựa chỉ chạy xuôi một đàng.

Đường dài mới hay sức ngựa: Ngựa phải chạy đường xa mới đánh giá được là ngựa tốt hay dở, người ta phải quen nhau lâu mới hiểu được nhau.

Trâu cày ngựa cỡi: mỗi người một việc, ai làm việc này tùy theo khả năng trời cho. Vật nào hợp đúng việc ấy.

Ngựa nào gác được hai yên: Cái gì cũng có mức độ và giới hạn của nó, không thể vượt quá được.

Thẳng như ruột ngựa: Nói về người ngay thẳng, không hề biết tráo trở...



Ngựa trên đất Mỹ

Sống trên đất Texas mà không nói một vài chuyện ngựa ở Mỹ thì quả là thiếu sót, nên mặc dầu đã dài dòng, cũng xin được thêm chút ít về ngựa tại Hoa kỳ.

Trước khi người Âu châu khám phá ra đất Mỹ, thổ dân da đỏ ở đây không biết đến ngựa. Trong chuyến đến Mỹ đầu tiên, ông Kha-luân-bô không thấy có ngựa. Chuyến đi thứ hai, ông đã đem vào Nữ Ước một số ngựa để làm phương tiện di chuyển. Năm 1519, người Tây-ban-nha đem nhiều ngựa vào Mễ-tây-cơ, những con ngựa xổng chuồng của đoàn ngựa này đã thành thủy tổ của ngựa hoang trên đất Mỹ.

Thổ dân Mỹ, đặc biệt ở các bộ lạc đồng bằng miền Tây, dùng ngựa từ khoảng năm 1600, họ cỡi ngựa đi săn trâu rừng và dùng ngựa trong chiến trận.

Ngựa góp phần rất quan trọng trong việc mở mang bờ cõi nước Mỹ, chúng được dùng để kéo xe tải đồ trong cuộc tây tiến. Dùng làm ngựa chiến trong chiến tranh giành độc lập và cả trong cuộc nội chiến.

Khi đất nước phát triển, người Mỹ dùng ngựa kéo những toa xe trên những đoạn đường rầy ngắn, cho đến năm 1830 khi có đầu máy chạy bằng hơi nước thay thế. Ngựa cũng kéo những

xe thô mọ trên đường phố cho đến khi người ta dùng xe hơi. Ngựa được coi là phương tiện nhanh nhất trong việc chuyển tin tức, mãi cho đến những năm trong thập niên 1800, khi có điện thoại. Khi ngựa không còn làm những công việc trên, thì người ta dùng ngựa trong thể thao và thú tiêu khiển.

Ngựa quan thiết như vậy, nên ở Mỹ có nơi vẫn còn giữ những luật về ngựa, chẳng hạn như tại tiểu bang Florida có luật ai ăn cắp ngựa sẽ bị treo cổ. Bang Idaho thì nếu ai đi xe ngựa kéo dạp dinh, như xe của ông già Noen, trên đường phố ngày chủ nhật thì bị tội đại hình. Tiểu bang Indiana, ai đang đi trên đường mà qua mặt một con ngựa là phạm luật. Trái lại bang Mississippi thì chuồng ngựa phải làm cách xa đường đi 50 thước.

Khi còn ở Việt Nam, chắc nhiều người còn nhớ, đã xem những phim cao-bồi, cảnh cuối cùng thường là chàng cao-bồi sau khi làm xong việc bắn giết, đến cởi dây cột ngựa, nhảy phóc lên yên, rồi ung dung cỡi ngựa, nòng súng còn vương khói... huyết sáo đi về hướng tây, lúc mặt trời đang lặn.

Ở đây, ngày lễ Đức Mẹ Guadalupe vừa qua chúng ta còn thấy có những người cỡi ngựa trong đoàn rước mừng lễ.

Mong ước trong năm con ngựa

Chúng tôi còn nhớ năm Giáp Ngọ 1954, đất nước bị chia đôi: miền Bắc thì đói khổ, miền Nam tự do phát triển, đã ứng nghiệm câu sấm:

Ngựa về rông bị chia đôi,

Đầu tay tan nát, mình đuôi mập tròn.

Chúng tôi cầu mong năm con ngựa Nhâm Ngọ này cũng là năm ứng vào với câu đoán trước của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm:

Ngựa về hồng quí nhãn răng

Loài quỉ đồ cộng sản có chết nhăn răng thì dân tộc Việt Nam mới hoàn toàn hưởng tự do thật, mới thoát cảnh nghèo đói, lạc hậu, mới tiến lên theo kịp đà phát triển của toàn thế giới được.

Đó chính là ước mong của tất cả mọi người chúng ta, trong ngày Tết hướng về quê hương đất nước. Kính chúc quý vị một năm mới đầy Hồng Ân Chúa và mọi sự đều hanh thông như ước muốn: *Mã đáo công thành.*



Xe thố mộ tại Mỹ (xưa).



*Tuổi Mùi giống tinh con Dê,
Trần đầy sức sống, đê huê ôn nhu.*

8. NĂM MÙI VUI CHUYỆN DÊ

Năm thứ tám trong chu kỳ 12 con giáp là năm Mùi. Người ta đặt con Dê là biểu tượng cho năm này và nói năm Mùi cầm tinh con Dê, ai sinh trong năm Mùi người đó mang tuổi Dê. Theo tập quán của làng báo, số báo Xuân mỗi năm đều có bài viết về con vật cầm tinh năm đó. Nhân Tết Nguyên Đán năm Mùi, chúng tôi xin góp chuyện về con Dê, con vật lên chức hành khiển trong năm này.

Lai lịch con dê

Theo nhà làm tự điển Huỳnh Tịnh Của thì dê là “giống thuộc về loài lục súc, đuôi lưng vắn vôi mà bụng to, ăn trăm thứ cỏ”. Người ta còn gọi dê là loài thú có gạc, có râu cằm, lông nhiều và hôi, bốn chân móng thon nhọn, thích chồm phá để kiếm lá cây, dây leo mà ăn. Cũng có người gọi dê là động vật ăn cây cỏ, nhai lại, có sừng và có râu. Dê có liên hệ gần với cừu, ít nhất sợ hơn cừu và hoạt động lanh lẹ hơn cừu.

Loài dê rất khác nhau về tầm vóc. Dê đẹt Pakistan cân nặng độ 9 ký lô, cao khoảng 46 phân. Nhưng có loại dê bụi nặng đến 135 ký lô, cao đến 1m20. Những con dê nuôi lấy sữa nặng

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

từ 60 đến 90 ký lô. Lông dê che phủ thân mình được gọi là len. Màu lông có thể là tuyền hay khoang. Thông thường dê có lông đen, nâu, xám, đỏ và trắng. Dê có móng đê, mỗi chân chia làm hai móng. Đuôi dê ngắn và thẳng tuột. Tai dê có loại dài và cụp xuống như dê ở Ấn độ và Phi châu. Ở châu Âu, tai dê lại ngắn và thẳng đứng. Phần lớn dê đều có sừng, chúng dùng sừng làm vũ khí tự vệ. Có loại sừng cong về phía sau, có loại sừng thẳng, và có loại sừng vặn xoắn ốc. Cả dê đực và dê cái đều có râu cằm.

Dê là động vật nhai lại, có hàm răng và bộ máy tiêu hoá đặc biệt. Các răng cửa của hàm trên dính liền thành một mảng được dùng như cái thớt, kê cho tám cái răng cửa hàm dưới rất sắc cắt chặt đồ ăn. Dê nhai thức ăn bằng răng hàm gồm 12 đôi, kể cả hàm trên và hàm dưới.

Dạ dày dê gồm 4 ngăn chứa đồ ăn, ba ngăn đầu có chứa các phân hoá tố gọi là bacteria, ngăn thứ bốn có vi sinh vật dùng tiêu hoá đồ ăn. Sau khi nuốt, đồ ăn được đưa xuống tạm giữ ở ngăn bao tử thứ nhất, rồi chuyển qua ngăn bao tử thứ hai, tại đó đồ ăn được làm nhuyễn hơn rồi viên lại thành một hòn gọi là thực hoàn. Thực hoàn được đẩy trở lại mồm, dê nhai lại rồi đưa xuống ngăn bao tử thứ ba, rồi sang ngăn thứ tư để tiếp tục tiêu hoá.

Không giống như bò hay cừu, dê có thể ăn mọi loại cây cỏ, bộ máy tiêu hoá của nó lọc lấy phần tốt nhất làm chất dinh dưỡng. Dê có cái miệng nhỏ và đôi môi linh động thích hợp để gặm cỏ, hái lá, bứt hoa quả và ngoạm cả cành cây. Dê rất hoạt bát để tìm đồ ăn, chúng có thể hoạt động trong một vùng rộng lớn để sục sạo kiếm cây cỏ để dồn vào bụng.

Dê đã được thuần hoá từ hơn chín ngàn năm nay, những nhà chăn nuôi ở Á châu và vùng Trung Đông đã biết nuôi dê từ thuở đó. Ngày nay nuôi dê sữa là rất quan trọng đối với các nông trại chăn nuôi, đặc biệt tại những vùng đất khô cằn và miền khí hậu bán nhiệt đới. Khác với những đàn mục súc được

nuôi trên những thảo nguyên xanh tươi bát ngát, dê lớn lên trên những miền cao nguyên cỏn cỏn như vậy.

Các loại dê

Cũng như phần lớn các giống vật khác, người ta phân biệt dê một cách khái quát, theo tuổi và theo giống: dê đực, dê cái và dê con. Dê đực già còn gọi là dê xồm hay dê cụ. Các nhà sinh vật thì chia dê theo đời sống của mỗi loại, gồm có dê hoang và dê nuôi. Dê hoang sống ở miền đồi gò cao gọi là dê rừng, sống tại miền núi non hiểm trở gọi là dê núi. Dê nuôi thì có dê gia súc, được nuôi vườn nhà, và dê đàn được nuôi từng bầy đông đúc nơi nông trại, xa thành thị, xóm làng.

Có nhiều loại dê rừng khác nhau. Đặc điểm chung dê rừng là chúng sống ở những miền cao, khô cằn sỏi đá. Dê cái và dê con sống với nhau từng đàn đến 50 con. Dê đực sống lẻ loi hay một nhóm nhỏ riêng biệt. Dê rừng ăn hầu hết các loại cây cỏ, gồm cả bụi cây, lá cây và có khi ngón cả cành cây. Nội miền châu Á đã có đến dăm bảy loại dê rừng. Dê rừng hoang dã nhất người ta thấy chúng sống ở miền Cận Đông và trên những hoang đảo thuộc Hy Lạp.

Dê núi: Dê núi là loại dê có lông trắng, sống ở lục địa Bắc Mỹ. Loại dê này lui tới vùng núi Alaska, miền tây Canada, các tiểu bang Montana, Idaho và Washington của Hoa Kỳ. Dê núi thuộc loài linh dương, trông giống dê hơn linh dương, nhưng cũng khác dê thường rất nhiều. Dê núi cao hơn dê thường, có thể cao từ 90 phân đến 1m20. Con đực vạm vỡ hơn con cái. Để có thể chống lại gió mùa đông buốt giá, dê núi có bộ lông tơ dày, lông ngoài dài và rậm, màu trắng. Chân dê núi thấp, rất khỏe, có móng lớn cứng để leo núi. Dê núi có cặp sừng dài chừng 30 phân, sừng dê cái thon và nhọn để chúng bảo vệ vùng chúng sinh sống, chống lại những con dê khác đến xâm lấn.

Chúng có thể chế ngự được cả bầy dê đực xâm phạm vào lãnh địa của chúng.

Dê nuôi: Dê nuôi thuộc giống dê hoang ở Cận Đông, được người đem về thuần hoá, nuôi làm kinh tế. Có đến 600 loại dê nuôi, phần lớn chúng là nguồn kinh tế quan trọng. Dê nuôi sản xuất nhiều sữa và thịt hằng năm. Chúng cũng cung cấp cho ta một số lượng lớn da và len. Giống dê nuôi chính ngày nay được nêu tên ba loại: dê Sanen, dê Tôgen và dê Aopai có gốc từ Thụy sỹ. Ở Hoa Kỳ và Canada người ta thường nuôi dê giống Nubiên, loại dê này cho nhiều sữa, đó là loại dê pha giống từ dê Anh quốc và dê nhập cảng từ Phi châu và Ấn độ.

Dê đực nuôi lấy thịt gồm có loại dê mang tên là Bôê của Nam Phi và dê Sôco-đô từ Nigiênia. Dê Sôco-đô cũng là loại dê cung cấp da. Loại dê có tên là Picmy thường cung cấp thịt cho miền tây Phi châu, nhưng ở Hoa Kỳ người ta lại nuôi nó như gia súc.

Giống dê nuôi để lấy len gồm dê Angôra Thổ-nhĩ-kỳ, dê này có lông mềm, rậm và trắng dùng sản xuất ra vải nỉ. Dê Catme có nguồn gốc từ miền núi Hy-mã-lạp-son, cung cấp cho ta len Catme rất mượt dùng may áo cho phụ nữ hay lót bên trong áo lạnh.

Dê gia súc: Mục đích chính của việc nuôi dê là để lấy sữa, lấy len, lấy thịt, lấy da... Người ta còn nuôi dê như một gia súc vì dê cũng biết mền chủ, cũng có cái khôn ngoan giống như chó. Về phương diện khoa học, người ta cũng nuôi dê để cung cấp cho phòng thí nghiệm, vì dê gần với cơ thể con người và rẻ hơn làm thí nghiệm với bò. Trên những cánh đồng cỏ chăn nuôi chiên bò..., người ta vẫn nuôi dê để nó phá quang những khóm cây dại, những bụi rậm rạp vì dê thích được vuron cỏ ăn những cành cây cao, hơn là cúi xuống gặm những vạt cỏ thấp.

Sản phẩm từ con dê

Chúng ta đã biết, dê cung cấp cho con người thịt, sữa và len. Ở Việt Nam ta chế biến ra rất nhiều món ăn: dê sa tế, dê xào lăn, cà ri dê, tiết canh dê, tái dê, lẩu dê... Các vua chúa xưa đã truyền các lương y nghiên cứu tìm hiểu về thịt dê, để cung phụng cho nhà vua sức khoẻ hầu vua có thể hưởng lạc. Theo đông y thì thịt dê được phân tích như sau:

- .Sữa dê, gọi là dương nhũ, vị ngọt, khí ấm, bổ, không độc.
- .Sừng dê, gọi là dương giác, có vị mặn, khí ôn, không độc.
- .Tiết dê gọi là dương huyết, vị đậm, khí mát, không độc.
- .Thịt dê, gọi là dương nhục, vị ngọt, khí nhiệt, không độc.
- .Gan dê, gọi là dương can, vị đắng, khí lạnh, không độc.
- .Cật dê, gọi là dương thận, vị ngọt, khí ôn, không độc.

Ở ngoại quốc, các nước như Hy Lạp, Ý, các nước vùng Caribê, châu Mỹ latin và châu Phi đều khoái món thịt dê gọi là chevon, khi ăn chấm với nước sốt cay thì thật tuyệt.

Tại các nước Bắc Mỹ và Tây Âu, người ta nuôi dê để lấy sữa hơn là lấy thịt. Ngoài những mục trường chăn nuôi bát ngát, người ta còn nuôi dê trên một diện tích nhỏ chừng dăm ba mẫu, có hàng rào và chuồng trại thoáng mát. Dê linh hoạt nên luôn tìm cách vượt rào. Phương pháp tốt nhất để giữ dê là làm hàng rào thật chắc chắn bằng gỗ, hay làm hàng rào điện. Nuôi dê như vậy cần cho dê ăn thêm cỏ khô và ngũ cốc, nước sạch và muối.

Dê cái cho sữa hai lần một ngày theo đúng thời biểu. Dê sữa tốt có thể cho 3 đến 7 lít sữa một ngày, trung bình là 2 lít, và cho suốt 10 tháng một năm. Một con dê tại Úc đã cho mức sữa kỷ lục là gần 8 ngàn pao (lbs) trong một năm. Dê sữa có tuổi thọ từ 8 đến 10 năm. Đặc biệt có 1 con dê ở Nữ Ước đã cho sữa trong suốt 15 năm.

Sữa dê có nhiều sinh tố A và dễ tiêu hơn sữa bò, là nguồn dinh dưỡng tốt cho trẻ em, người già và người đau bao tử. Sản phẩm từ sữa dê là pho mát, Mỹ gọi là cheese, loại cheese từ sữa dê có độ kem đậm đặc và có nhiều mùi thơm, được các bà nội trợ khắp nơi dùng chế biến những bữa ăn ngon miệng. Sữa dê cũng được dùng làm kẹo, một loại kẹo nổi tiếng ở Mỹ tây cơ làm từ sữa dê là cajeta. Cũng từ sữa dê người ta còn chế biến thành xà bông nữa.

Như trên đã nói, dê còn cung cấp lông để làm thành len cho người ta dùng để chống lạnh. Len dày làm áo lạnh, làm chăn mền, bọc ghế, bọc gối... Len mịn dùng may áo mềm cho phụ nữ, hay lót trong áo dày... Dê cũng cung cấp da cho người ta làm lều để ở, làm thuyền đi trên sông nước và làm các đồ dùng khác như giày, túi xách, bóp, dây lưng...

Dê với phong tục Việt Nam

Tuy nước ta không có những thảo nguyên bát ngát như các nước vùng Trung Á, chăn nuôi dê công nghiệp trên những mục trường lớn, mà chỉ nuôi dê theo lối thủ công. Từ xưa dê đã được liệt vào hàng lục súc, dê được người nuôi trước cả mèo và chó.

Dê còn được kể vào hàng tam sinh, tức là ba con vật được làm thịt cúng tế. Truyện Lục súc tranh công, dê cũng cậy có mình làm của lễ thì những ngày lễ tế mới được thần linh chứng giám. Trong lễ tế Nam Giao trước đây, mỗi dịp đầu năm vua tế trời đất, lễ vật bao giờ cũng phải gồm đủ 3 loại: trâu, lợn và dê. Dê trong tế Nam Giao được chọn nuôi từ một năm trước, gần đến ngày lễ viên quan coi về các phẩm vật làm của lễ phải đích thân chọn lấy hai con dê trắng và một trăm con dê vàng tuyền, nghĩa là không được lẫn một sợi lông khác màu, để dùng trong ngày lễ.

Vào những dịp hội hè đình đám, dân làng thường tổ chức các cuộc vui chơi giải trí, trong đó có trò chơi bịt mắt bắt dê.

Trò chơi diễn ra ở một khoảng đất trống bên cạnh đình làng, được rào vây lại chắc chắn, bên trong đào dăm bầy cái lỗ nông, cách khoảng lại bỏ một khúc thân cây chuối đã bóc bớt bẹ hư nỏ. Rồi thả vào đó dăm sáu con dê. Người muốn dự cuộc chơi được bịt kín hai mắt bằng một miếng vải đỏ. Mỗi đợt chơi giới hạn 4 người. Khi được dẫn vào sân dê, người chơi được ôm lên quay mấy vòng cho mất hướng, rồi thả xuống, nghe tiếng dê kêu thì tìm bắt. Có khi sẵn dê đạp nhằm khúc cây chuối ngã bò càng, hay lọt chân xuống hố ngã bỏ chẳng ... Lúc ấy người xem đứng chung quanh cổ võ cười vui thoả thích. Ai bắt được con dê nào, làng tặng cho con dê đó.

Trò chơi bịt mắt bắt dê được trẻ con bắt chước: Hai đứa chơi bị bịt mắt, một đứa làm dê kêu lên be be cho đứa kia tìm bắt... làm trò vui cho chúng bạn.

Ngày xưa, khi Việt Nam chưa dùng hệ thống mét để đo lường, dê được dùng để tính khoảng cách một dặm đường. Nếu ta đứng trên con đường thẳng, nhìn một con trâu từ xa mà chỉ còn to bằng con dê, khoảng cách từ mắt nhìn đến con trâu là một dặm.

Dê thời chữ nho

Ngày xưa, các cụ ta còn ảnh hưởng nhiều với chữ nho. Để giúp cho những người ít học cũng có thể hiểu được những câu nói có lẫn chữ nho, có tác giả đã sáng tác sách học chữ nho theo vần vắn. Cứ một chữ nho lại kèm ngay nghĩa một chữ Việt. Sách có ba ngàn chữ, gọi là tam thiên tự. Con dê đứng thứ 20 trên 3000 chữ đó:

*Thiên:trời. Địa:đất. Cử:cát. Tồn:còn. Tử:con. Tôn:cháu.
Lục:sáu. Tam:ba. Gia:nhà. Quốc:nước. Tiên:trước. Hậu:sau.
Ngưu:trâu. Mã:ngựa. Cự:cựa. Nha:răng. Vô:chăng. Hữu:có.
Khuyển:chó. Dương:dê...*

Như thế, ai cũng biết theo chữ nho dương là con dê. Chúng tôi trích một ít câu thành ngữ có chữ dương đó:

Dương chất hổ bì: Thân dê mà da cạp, mô tả một người mã bên ngoài coi bộ oai vệ, nhưng thật ra không có uy tín gì. Câu đó cũng ám chỉ người dùng thể lực không thật, chỉ loè bịp thiên hạ lấy oai thôi: Cốt dùng dương chất hổ bì dọa ai?

Hổ trục quần dương: Con hùm đuôi cả bầy dê. Nói về người có sức khoẻ thắng cả chục người. Nhưng nói theo phong thủy thì thể đất “hổ trục quần dương” là thể đất rất quý, ai có được thể nào cũng vượt thắng tất cả mà phát đạt.

Văn tẩu ngưư dương: Nguyên câu có hai vế: “đỗ phúc trụ lương, văn tẩu ngưư dương”. Con một đực riết cũng đỗ cột gãy xà, con muỗi nhỏ bé đốt trâu dê cũng phải chạy. Cho nên ta đừng coi thường những vật bé mọn, lỗ nhỏ cũng làm đắm thuyền vậy.

Dương xa: là loại xe do dê kéo. Đây nói đến xe của vua Tần Võ Đế, vì có nhiều cung phi, mỹ nữ quá chẳng biết chọn ai, nên mỗi tối vua ngồi trên xe do dê kéo đi ngủ. Dê kéo đến cung nào, cung ấy được.

Dương thạch: Dê hoá đá, vua Quang Võ nhà Hán xưa nhờ trận cuồng phong, tại đất Côn Dương, làm bầy dê mấy ngàn con của quân phản nghịch dùng khao quân chống vua, hoá thành đá hết. Vua cho là điềm trời giúp nên đã chiếm lại được ngai vàng.

Dương trường: Người xưa cho rằng ruột con dê có cấu tạo phức tạp hơn ruột các con vật khác, nên đã ví đường đi khúc khuỷu gập ghềnh quanh co với ruột con dê và gọi là dương trường. Khác với câu “*thẳng ruột dê*”, câu nói mỉa mai những người lòng dạ quanh co mà cứ tự xưng là ngay thẳng. Cũng như người lươn lẹo gian tham bày cách kiếm lợi về cho mình nên có câu “*treo đầu dê bán thịt chó*”.

Dê với văn hoá Việt Nam

Dân tộc ta đại đa số sống ở đồng bằng, làm ruộng lúa nước nên trước đây con dê không thấy xuất hiện trong ca dao

như “cái cò, cái vạc, cái nông”. Mãi đến gần đây mới thấy vài câu ca dao rất hóm hình, phê phán rất tài tình, như câu:

*Con dê luẩn quẩn lòng vòng,
Tối ngày tìm húc cái lồng không dê.*

Câu này tuy xuất phát gần đây, chưa đi vào quần chúng, vì nó thuộc vào loại bí mật quốc gia, ai phổ biến chắc sẽ học tập cải tạo mút mùa.

Một câu nữa cũng thuộc hàng quốc cấm, vì nó phạm đại huý kỵ, xưa bị khép vào tội khi quân:

*Dê nào dê đê nhất dê,
Con dê dê vụng là dê bờ hồ.*

Cái hóm của hai câu trên là phải rành cách đánh vần tiếng Việt và cũng biết lối nói lái một chút. Hình như con dê luẩn quẩn và con dê bờ hồ cùng đàn cùng lứa với nhau thì phải.

Trong kho tàng cổ tích, dân tộc ta cũng có những chuyện về con dê cho thiếu nhi như chuyện “dê đen dê trắng”, chuyện “ba anh em nhà dê”... Một chuyện có tình tiết hấp dẫn, có tính luân lý cao là chuyện “lấy chồng dê” kể về ba chị em gái, hai cô chị hè nhau hại em gái để đoạt chồng của em, mặc dầu chồng của em vốn là một con dê. Nhưng người em rể đó là một sơn thần, nên hai cô chị ganh tỵ đã bị thiên lôi trừng phạt.

Dê trong sấm trạng

Nước ta có Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là một nhà tiên tri đoán trước được thời vận đất nước. Ông đã dùng hình ảnh con dê để đoán trước những chuyện xảy ra trong năm Mùi. Quá khứ gần đây, chúng ta thấy hình như ứng với những câu sấm như:

*Trục đao dương đầu mã vĩ
Hồ binh bát vạn nhập trường an.*

Hay như câu sau đây, có người đã bàn giải theo trường hợp VNCH, chúng ta mắc lừa vì tin tưởng đồng minh:

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

*Phụ nguyên chính thống hẳn hoi,
Tin dê lại phải mắc mỗi đàn dê.*

Còn 4 câu sau có lẽ dành cho đồng bào miền cao nguyên Trung phần, đời sống họ gian nan vất vả chống chọi với thiên nhiên, hơn nữa lại phải chịu cảnh người bóc lột người, rồi cảnh những “con voi” được rước về dày đập trên phần đất mỡ mã tổ tiên, nơi họ đã bỏ công sức vun bồi cho nương rẫy:

*Phá điền tan đến đàn dê,
Hễ mà chuột rúc thì dê về chuồng.
Dê đi dê lại tuôn luôn,
Đàn đi nó cũng một muôn phù trì.*

Đối với nhà cầm quyền Việt Nam hiện thời, có khôn ra thì mau mau hội nhập vào các nước tư bản, còn bám vào cái yên cộng sản, thế giới đã gác vào xó bếp rồi, thì không thể đưa dân tộc đến ấm no được:

*Ngựa đã gác yên không người cỡi,
Dê khôn ăn lộc ngành về Tây.*

Nếu không thì hãy coi chừng những lời sấm mà Bạch Vân Cư Sĩ đã cảnh cáo:

*Mã dê dương cước anh hùng tận,
Thân dậu niên lai kiến thái bình.*

Nhân ngày đầu xuân năm Mùi, chúng tôi mạo muội đem kể ba điều bốn chuyện về con dê, hy vọng giúp bà con có đôi ba phút giải trí trong ngày Tết. Kính chúc quý vị một năm mới nhiều hạnh phúc trong tình yêu Thiên Chúa.[]



*Tuổi Thân con khỉ vôi vàng,
Lầu ta lầu tầu, việc làm qua loa.*

9. NĂM THÂN LẦN CHUYỆN KHỈ

Không hiểu tại sao con khỉ cũng được chọn làm biểu tượng của một năm trong chu kỳ 12 con giáp. Mấy nhà tướng số cho rằng Thân là tam âm, âm thắng thì giảo hoạt nên lấy con khỉ mà cho vào làm vật cầm tinh, vì khỉ có tính ranh mãnh, liếng thoắng. Thế là con khỉ được cầm mệnh vận hành trong suốt một năm. Nhưng người có mạng con khỉ lại khinh thường con vật cầm tinh năm tuổi (túi) của mình:

Người ta tuổi Hợi, tuổi Mùi,

Tôi đây lại phải ngậm ngùi tuổi Thân (túi thân).

Cái tuổi làm người ta phải ngậm ngùi, thì con vật cầm tinh cho nó phải có vấn đề. Nhưng dù sao, năm Thân đến, chúng ta cũng bỏ ra dăm ba phút để nói về con khỉ.

Khỉ với người

Khỉ là loài thú giống con người, thường sống trên cây. Một nhà làm tự điển đã định nghĩa khỉ như thế. Người khác gọi khỉ là loài thú có vú, bốn chân có bàn trũng và ngón dài nắm được, trèo cây giỏi, sống bằng trái cây và ngũ cốc, tính hay bắt

thuviencongiaovietnam.net 03.2020

chước và phá quấy. Thật ra, khí là một trong nhiều loại động vật nhỏ con, nổi tiếng là con vật thông minh. Các nhà khoa học xếp khí vào loại động vật có đời sống gần với đời sống của con người, cùng tương cận với các loài thú khác như con dã nhân, con đười ươi v.v... Vì có những điểm tương đồng giữa cơ thể con người và cơ thể con khí, nên các nhà khoa học dùng khí để thí nghiệm các loại thuốc, cũng như tìm ra các loại bệnh nơi con người. Trước khi con người lên mặt trăng, con khí đã được Mỹ đưa lên không gian làm thí nghiệm.

Khí được nuôi trong sở thú cho người ta xem. Nhưng đến khi khí già không còn liếng thoảng nữa thì bị đào thải. Sở thú Bá Linh, một sở thú lâu đời ở bên Đức đã phải tranh cãi có nên để 5 con khí già “về hưu” ở mãi tận Trung Cộng không. Lý do vì họ muốn tống khứ các chú khí già để mở rộng chuồng, nuôi tới 342 chú khí trẻ, gồm 6 giống khác nhau, để phục vụ khách đến xem khí.

Con người chúng ta làm tiêu hao khí bằng nhiều cách. Có người săn khí làm thịt, có người bẫy khí về nuôi, nhất là con người phá rừng để trồng cây, hay làm đường, xây cất nhà máy... thu hẹp môi trường sống của khí.

Các loại khí

Có đến 200 loại khí khác nhau. Phần lớn chúng sống trong miền nhiệt đới. Khí sống ở miền Trung và Nam Mỹ châu được gọi là khí Tân thế giới. Khí sống ở Phi châu và Á châu được gọi là khí Cựu lục địa. Phần lớn khí sống trong rừng và sinh hoạt trên cây. Tuy nhiên ở Á và Phi châu có loại khí sống trong đồng cỏ, loại khí này thích sống trên mặt đất, nhưng đêm đến chúng cũng leo lên cây để tránh thú dữ. Tất cả các loại khí đều sống thành từng đàn.

Để phân biệt khí Tân thế giới và khí Cựu lục địa, người ta căn cứ vào lỗ mũi và răng của khí. Khí Cựu lục địa có hai lỗ mũi khít gần nhau, loại khí này có 32 răng như ở người. Trái



lại, khi Tân thế giới khoảng cách hai lỗ mũi xa nhau. Và chúng có tới 36 cái răng. Một điểm khác biệt nữa là khi Tân thế giới có loại có thể dùng đuôi để cầm nắm được, còn khi Cựu lục địa thì không con nào có khả năng đó.

Đây chỉ là cách phân loại tổng quát, ở mỗi nơi, người ta còn chia ra nhiều giống khi khác nhau, có những tên gọi khác nhau, có giống thích ở trên cây, có giống thích ở dưới đất, loại khi sống dưới đất thì con đực to lớn gấp đôi con cái, có giống chỉ ăn lá cây, có giống lại ăn cả côn trùng sâu bọ. Nhiều người cho dã nhân cũng là khi, nhưng thật ra dã nhân khác xa khi. Dã nhân khôn hơn khi, dã nhân không có đuôi, to lớn hơn khi. Dã nhân không biết trèo, còn khi thì luôn nhảy nhót, đánh đu trên cành cây.

Về kích thước, khi cũng có những giống to nhỏ khác nhau, giống nhỏ nhất thân thể chỉ đo được 15 cm (6 inches), giống khi lớn nhất cũng chỉ dài khoảng 81 cm, tức khoảng 32 inches, không tính đuôi. Con khi to lớn kỷ lục ở miền Tây châu Phi nặng tới 119 lbs, như vậy nó cũng gần bằng người mình.

Người Việt Nam ta ít có người chuyên môn khảo sát về khi, nhưng chúng ta cũng đã phân biệt được những giống khi khác nhau: khi độc, khi đột, khi lộ nôi, khi bạc má, khi bầy, khi làm xiếc, khi đuôi chồn, khi chó, khi sóc, v.v...

Khi trên cây

Tạo hoá đã dựng nên khi để cho sống trên cây, nên cơ thể loài khi được nắn đúc cho thích nghi với đời sống leo trèo. Vì thế khi có tay dài để dễ dàng đu bám, bàn chân khi cũng có thể cầm nắm, nên cả tứ chi của khi đều có thể bám vít vào cành cây. Đuôi khi dài để giữ sự cân bằng cho thân thể. Ở một vài loại khi Tân thế giới còn có thể dùng đuôi thay tay để bám vào

cành cây, hay hái lượm thực phẩm. Các loại khí sống dưới đất cũng đều là hậu duệ của khí sống trên cây.

Cũng như những động vật có vú, thường dùng mắt và mũi để nhận biết được sự việc chung quanh, khí có đôi mắt to, nhìn về phía trước. Mắt khí có thể nhìn sâu và phân biệt dễ dàng các màu sắc, nên dù ở khoảng cách xa, khí cũng biết chính xác về hình dáng một trái cây to hay nhỏ, đã chín hay còn xanh.

Bộ xương hàm khí cũng thích nghi với đời sống của từng loại. Loại khí dùng lá cây làm thực phẩm thì có bộ hàm to và khoẻ. Loại khí nhỏ như khí sóc thì bộ hàm thanh nhỏ hơn, nên chỉ ăn trái chín và sâu bọ. Ngoài bộ hàm ra, ở khí Cự lục địa, có loại còn có hai má phình ra như hai cái túi để chúng tạm thời trữ đồ ăn ngay trong mồm, khi chúng cần phải ngốn đồ ăn thật gấp.

Tay chân khí

Dù là khí sống trên cây hay khí sống dưới đất, chúng luôn đi đứng bằng cả tứ chi. Nhiều giống khí có đôi chân dài hơn tay. Một vài loại khí có thể đi bằng hai chân, nhưng chỉ trong khoảng khắc thôi, không thể dùng đôi chân để đi đứng thường xuyên được. Những lúc chúng dùng đôi chân để đi vì hai tay mắc bận, ôm trái cây chẳng hạn, hoặc khi chúng phải di chuyển trong vùng cỏ cao, cần phải nhìn để định hướng.

Bàn tay khí Cự lục địa có ngón tay cái giống bàn tay người, nên có thể cầm được những vật nhỏ. Loại khí Tân thế giới thì ngón tay cái không chạm vào với các ngón khác được, nên chúng không dễ dàng cầm nắm. Một loại khí gọi là khí nhện, lại không có ngón tay cái. Bàn chân của các loài khí đều to và khoẻ hơn bàn tay, có năm ngón đều dài giống ngón tay. Ngón chân cái giống ngón tay cái, cũng có thể sử dụng như ở bàn tay để cầm nắm. Các ngón tay ngón chân phần lớn loại khí đều có móng như ở tay chân người, trừ một vài loại khí, như khí

sóc, chỉ ngón cái có móng, còn các ngón khác thì móng biến thành vuốt như ở ngón chân chó.

Như trên đã nói, có loại khỉ dùng đuôi để cầm, khúc cuối của đuôi loại khỉ này không có lông. Khỉ sống trên cây có đuôi dài, không những dùng để đu trên cành cây mà còn có tác dụng như cái thắng xe, làm giảm tốc lực khi khỉ chuyền từ cành cây này sang cành cây khác. Khỉ sống trên mặt đất có đuôi cộc để dễ dàng di chuyển.

Đời sống của khỉ

Khỉ có đời sống lâu hơn các động vật có vú cùng cỡ với nó. Có loại khỉ sống được tới 40 năm, loại khác tuổi thọ ít hơn cũng được đến 30 năm. Tuy nhiên vì sống trong cảnh hoang dã, bị thời tiết, bị mắc bệnh hoạn, bị các con thú ăn thịt săn bắt. Khỉ sống trên cành cây, lúc vô ý không có tàn lá che chắn thường bị chim ưng, chim diều rình rập chao bắt, nên tuổi của loài khỉ cũng bị giảm đi nhiều. Trong sách Guinness có ghi một con khỉ thọ nhất thế giới có tên là Bobo, chết ngày 10 tháng 7 năm 1988, lúc nó được 53 tuổi.



Sở dĩ đời sống của khỉ so với người ngắn như vậy, vì chúng sống bằng thức ăn tự kiếm được, như chim, trứng chim, cóc nhái, côn trùng..., trái cây, hoa cỏ, lá cây, các loại hạt và củ... Có loại chỉ sống bằng lá cây. Ở loại khỉ này có bộ hàm to và khoẻ, răng sắc, tuyến nước bọt lớn và dạ dày bự để dễ dàng tiêu hoá, chiết lấy chất bổ dưỡng từ lá cây. Loại khỉ ăn lá cây không có túi ở má.

Về việc di truyền nòi giống, cũng như người, khỉ đẻ mỗi lứa một con, tuy nhiên cũng có trường hợp sinh đôi hoặc sinh ba. Các nhà động vật học không biết chính xác khỉ cái mang

bầu mấy tháng thì cho ra khí con. Nhưng cũng tùy theo giống khí, có loại mang thai bốn tháng rưỡi, có loại khí mang bầu tới tám tháng.

Những chú khí mới đẻ sống hoàn toàn phụ thuộc vào bố mẹ. Khí mẹ cho con bú trong thời ít ra cũng phải dăm ba tháng, có khi đến hai năm, tùy theo loại khí. Khí con dùng tứ chi bám chặt vào lông mẹ. Thời gian đầu, khí con bám trước ngực khí mẹ, khi đã cứng cáp, chúng được khí mẹ cõng trên lưng. Ở một vài loại khí, việc đùm bọc khí con lại do khí bố đảm nhiệm, khi đến cỡ bú khí bố mới trao qua khí mẹ cho bú.

Xã hội tập thể khí

Khí sống thành từng đàn. Loại khí Tân thế giới có bầy khoảng chừng hai chục con. Khí ở Cựu lục địa sống thành bầy đông hơn, từ 30 đến 100 con. Có ba hình thức hợp đàn của khí: Gia đàn, Hợp đàn và Chủ đàn.

Loại khí mà ông bà, bố mẹ con cái sống chung với nhau gọi là gia đàn. Hình thức này cũng không chắc chắn, vì khi những con khí lớn khôn, muốn sống tự do hơn, nên đã tách ra, tìm những bạn bè sống chung với nhau thành một hợp đàn. Hình thức sống hợp đàn này thường có số khí đực gấp đôi số khí cái. Còn hình thức chủ đàn thì là một tập hợp có thể nói là cả hai hình thức đàn trên. Ở bầy khí này chỉ có một con khí đực có uy thế, có sức mạnh làm đầu đàn. Các con khí khác phải chịu sự chỉ huy của con chủ đàn.

Tuy khí sống trong ba hình thức đàn như vậy, nhưng tùy theo môi trường, sự hợp đàn chặt chẽ hay lỏng lẻo. Khí sống trên mặt đất thì sự hợp đàn chặt chẽ hơn khí sống trên cây. Khí sống trong chủ đàn cũng lỏng lẻo, con khí đầu đàn cũng không kiểm soát chặt chẽ lắm, khí trong đàn có thể rời đàn, trái lại đàn cũng chấp nhận khí khác đến nhập bọn.

Với khí sống dưới đất, sự hợp đàn chặt chẽ hơn. Vì chúng cần một sự liên đới khấn khít với nhau để chống lại những đe

dọa chung quanh chúng. Ít có con rời đàn, cũng không mấy khi đàn nhận khí khác nhập bọn. Khi hợp đàn có sự lãnh đạo tập thể. Những con khí đực khoẻ, năng nổ, hợp tác với nhau điều khiển đàn: can thiệp những khi trong đàn có đánh lộn, trừng phạt những con khí phạm lỗi, và nhất là đứng ra để bảo vệ đàn khi gặp kẻ thù đến quấy phá. Đôi khi cũng chống lại những con khí đực khác đến quyến rũ khí cái trong đàn.

Sự kết hợp đàn của khí trên cây thì lỏng lẻo hơn, vì chúng sống trên cây ít nguy hiểm hơn, không cần sự đùm bọc lẫn nhau. Kẻ thù đáng sợ nhất của khí sống trên cây là chim ó. Chim ó có thể dùng vuốt nhọn của nó mà xé xác khí để ăn thịt. Tuy nhiên rất hiếm khi khí bị chim ó bắt được, vì chúng có thể chui lẩn vào nơi rậm rạp. Trái lại, khí sống dưới đất có nhiều kẻ thù, như hùm beo, hổ báo, sư tử... Khi một kẻ thù đến tấn công, những con khí đực khoẻ mạnh kéo ra trước đàn để đối diện với kẻ thù. Chúng nhả răng, đưa cặp răng nanh ra dọa dẫm, rồi khoạc khếch âm ỹ lên. Những chiêu này không làm kẻ thù rút lui, chúng sẽ đồng loạt tấn công địch thủ.

Khí biểu lộ tình cảm

Ở con người có tiếng nói, nên sự thông tin để hiểu nhau dễ dàng. Khí chỉ biết khoạc khếch, mà không hiểu nhau qua âm thanh đó. Tuy nhiên khí cũng có nhiều cách để biểu lộ tình cảm. Khi giận dữ thì làm như phải đối diện với kẻ thù. Khi một anh khí đực muốn ve vãn một chị khí cái, anh cũng nhả răng ra như cười, rồi gục gặc cái đầu, hai tay đập đập xuống đất... Nếu chị khí cái ưng chịu chị cũng nhả răng, gật đầu và đến bên... Trong một bầy khí, khi một con muốn tỏ tình thân với con nào, chúng thường chải lông cho nhau, hay bôi lông tìm chấy tìm rận cho nhau. Cả đôi bên cùng cảm thấy thoải mái trong cử chỉ, hành động này. Vì thế có khi khí bỏ ra một ngày hằng dặm bảy tiếng đồng hồ để bắt chấy, chải lông cho nhau.

Xét cho cùng thì sự thông tin của khí còn rất hạn hẹp, không có tiếng nói nên không thể phát triển về thông tin liên lạc. So với thông tin hiện đại của con người, đã tới mức siêu tốc, nó chứng tỏ tà thuyết con người bởi khí mà ra là hoàn toàn lỗi bịch. Thế mà cho đến bây giờ còn có người vẫn cứ tin như thế. Đất nước ta hiện nay bị những người theo tà thuyết nhận mình là dòng dõi khí cầm quyền, vẫn còn những đầu óc khí, không trách gì họ sợ hãi truyền thông siêu tốc, mà ngăn cản, mà đánh phá vô nhân đạo những nhà dân chủ dùng truyền thông hiện đại để giao tiếp.

Khí với văn hoá Việt Nam

Văn hoá Việt Nam phần lớn phát xuất từ đồng bằng cây lúa nước, một nơi không phải là môi trường sống của khí. Có lẽ vì thế mà con khí hiếm thấy xuất hiện trong ca dao. Chúng tôi chỉ thấy một số thành ngữ nói đến con khí. Khí không sống ở đồng bằng, mà ở một nơi xa xôi rừng rú, không có người lui tới, chỗ đó được gọi là nơi: *Khí ho cò gáy*.

Một người tính nóng nảy thì không làm nên được kỳ tích, cũng giống như con khí mà đem mặc áo đội mũ cho nó, chỉ một lúc là nó bứt xé áo mũ, vì thế mà người xưa đã nói *Khí lướt thướt đội mũ*. (*khí uớt đội mũ*)

Y phục xứng kỳ đức. Có những người mặc quần áo không đúng với tầm vóc, không hợp với nhan sắc cũng được đem ví vào với con khí. Hay người không lường sức mình, mà ham danh đảm đương một trách vụ không đúng với tài sức của mình, chỉ làm hỏng việc, nên người đời có câu ám chỉ vào họ: *Cóc đi guốc, khí đeo hoa*.

Để chỉ trích những người có tính bản gắt, luôn cau có, không có lòng bao dung, cái gì cũng chê trách, thành ngữ có hai câu chỉ trích: *Gắt như cút khí*, và *Nhẫn như mặt khí*.

Khí thường sống trên rừng, nhưng cũng có nhà nuôi khí. Vì tính khí hay bắt chước nên có thể gây nguy hiểm cho nhà của

chủ, nên tục ngữ đã khuyên ta nên đề phòng những kẻ trở mồi phản phúc: *Nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà.*

Muốn biết tính nết con khỉ mình nuôi cũng dễ, chỉ cần để ý là có thể hiểu mà đề phòng: *Cầm khỉ một ngày, biết khỉ mùa.*

Khỉ sống trên cây, đã quen với sự lay chuyển của cành lá. Vì thế để nói về người có tính hay dọa dẫm những kẻ khác, nhưng thật sự lời hăm dọa chẳng có hiệu lực gì, tục ngữ có câu:

Khéo rung cây nhát khỉ.

Những người hay chê bai người khác mà không suy nghĩ, tuy chân mình những lấm mê mê, lại hay cầm bó đuốc mà rê chân người, không ngờ bị trả đòn:

Chuột chù chê khỉ răng hôi,

Khỉ mới trả lời: cả họ mày thom.

Tiếng Việt Nam ta, con khỉ còn có một cái tên khác, có người còn gọi là con tườu, như trong câu:

Ông Trời mà bảo ông Trăng,

Những người hạ giới mặt nhăn như tườu.

Ông mặt trời mà nhìn mặt người ở dưới đất thì lúc nào chả thấy mặt người nhăn nhó!

Khỉ với nhà Chùa

Ở cuối chương Thiên Dật trong bộ sách Kiến Văn Tiêu Lục, Lê Quý Đôn kể một câu chuyện cảm động về loài khỉ sống trên núi quanh một ngôi chùa như sau: Tại chùa Lâm Động, thuộc huyện Đông Triều, vào niên hiệu Vĩnh Hòa, cuối thế kỷ 17, có một thiền sư pháp danh Như Đức. Thiền sư là một vị cao tăng “giới luật tinh nghiêm, xa gần đều kính mến”. Mỗi khi ngài đến kinh đô, đi qua cửa nhà ai thì già trẻ lớn bé cung kính đón chào, hân hoan reo vui: “Thầy của chúng ta đã tới.”

Hằng năm sư ông Như Đức đều làm giỗ Vua Trần Nhân Tông, tức Tổ Điều Ngự, sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Năm nào cũng thấy có một đàn khỉ từ trên núi xuống trước cửa

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

chùa vào đúng ngày kỵ, như đến dự ngày cúng tổ. Sau lễ giỗ, thầy Như Đức mang một mâm oản và chuối ra đặt xuống đất trước cửa chùa, và nói: “Đa tạ chúng sinh đã nhớ ngày giỗ sư tổ mà đến đây...” Lê Quý Đôn còn kể rằng: Năm nào cũng vậy, những con khi, con vượn ấy lần lượt “kéo đến mỗi con cầm lấy một miếng oản hoặc quả chuối, rồi thình lặng bước đi mà không hề chí choé tranh giành nhau gì cả.” Chính nhờ đức độ và lòng từ bi nơi cửa Thiên đã cảm hóa được cả những thú vật hoang dã.

Đúng ra cuối thế kỷ 17, tại nước ta không có vua nào xưng niên hiệu là Vĩnh Hoà. Năm 1676 đến năm 1705 là triều vua Lê Hy Tông. Vua Lê Hy Tông có hai niên hiệu. Từ năm Bính Thìn 1676 lấy niên hiệu là Vĩnh Trị, rồi từ năm Canh Thân 1680 đổi niên hiệu là Chính Hoà. Có thể Quế Đường tiên sinh muốn chỉ cả thời gian trị vì của vua Lê Hy Tông bằng một niên hiệu, nên đã lấy chữ đầu của niên hiệu thứ nhất và chữ cuối của niên hiệu thứ hai, để ghép thành niên hiệu Vĩnh Hoà, cuối thế kỷ thứ 17, chẳng?

Khi với vua Lê Thái Tổ

Khi nói khi với vua Lê Lợi, xin đừng nghĩ rằng vua khởi nghĩa chống quân Minh tại núi rừng Lam Sơn, ngài đã nuôi khi, hoặc khi thiếu lương thảo đã phải săn khi làm lương thực. Câu chuyện Lê Thái Tổ với khi này, được quan Thị giảng học sĩ Phạm Đình Hồ (1768 – 1839) chép trong Vũ Trung Tuỳ Bút, chúng tôi mạn phép thuật lại như sau:

Khi còn bôn ba chống giặc Minh, trong một trận chiến với quân Minh đông đảo, quân tướng nhà vua bỏ chạy tán loạn cả, không còn ai phò giá. Lúc vua một mình chạy ngang qua một cánh đồng, quân Minh đang đuổi gấp, vua thấy có hai ông bà già đang lom khom tát nước bắt cá ở bên bờ ruộng, vua liền chạy lại, cởi ngay áo, giần xuống bùn; rồi xắn quần, lội xuống ruộng bắt cá với hai ông bà già...

Quân Minh đuổi đến nơi, hỏi ông lão:

- Này, lão kia! Có thấy Lê Lợi chạy qua đây không?

Ông lão nhanh trí, đáp tỉnh bơ “Không thấy”.

Nhà vua như tò mò, ngảnh tai lên nghe, ông lão liền mắng:

- Thăng này lười, lo bắt cá không lo, việc gì đến mày!

Thấy vậy bọn giặc Minh không nghi ngờ gì, bỏ đi...

Chiều hôm ấy, ông lão mời vua về nhà nghỉ. Nhà ông có nuôi một con khỉ (thời đó gọi là “con hầu”), ông lão liền giết khỉ để bà lão làm cơm dâng vua. Lúc bung mâm cơm lên, chỉ có đĩa cá diếc nướng và bát canh thịt hầu. Nhưng ông lão bày tỏ ý tứ rất cung kính... Để ghi nhớ công ơn ấy, về sau những ngày lễ tế ở nhà Thái miếu, đều có để hai ông bà già ấy cùng vào phối hưởng, tục gọi là ông hầu, bà hầu. Cỗ hưởng (mâm cơm cúng) hai ông bà, ngoài cỗ tam sinh ra còn phải có đĩa cá diếc nướng và bát canh thịt khỉ như bữa ăn ông bà dâng vua xưa. Về sau, thịt khỉ khó tìm, quan coi việc tế tự không cung cấp đủ phẩm vật, nên canh thịt khỉ được thế bằng canh thịt bò.

Khỉ với sấm Trạng

Cũng như mọi năm, phần kết thúc của bài bàn về con vật cầm tinh trong năm, chúng tôi lại trích một vài câu tiên đoán của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm về năm Thân này. Theo xu hướng của toàn câu và những biến chuyển của thời cuộc trong nước, chúng ta tin tưởng một ngày gần đây, dân tộc Việt Nam chúng ta sẽ thoát được cảnh kìm kẹp của cộng sản, có được đời sống tự do thật sự. Chúng tôi nói tự do thực sự, vì khẩu hiệu của cộng sản cũng có ba chữ độc lập, tự do, hạnh phúc. Nhưng những chữ ấy chỉ dành cho đảng viên của chúng thôi, còn đồng bào mình thì không có, không được hưởng những quyền căn bản đó.

Theo sấm ký của cụ Trạng, thì năm Thân bọn cầm quyền cộng sản phải khóc máu vì bị tàn lụi, và năm kế chúng phải tháo chạy trong cảnh hỗn loạn:

*Khỉ nọ ôm con ngồi khóc máu,
Gà kia vỗ cánh trập trùng bay.*

Những năm kế tiếp là một chế độ tự do dân chủ đích thực sẽ tràn lan trên quê hương đất Việt mến yêu của chúng ta, đồng bào ta vui đón những năm tháng dài no ấm. như được mô tả dựa theo câu sấm trên: (Hoài Nam)

*Khỉ bỗng con mà khóc, Gà phá ổ liền bay,
Chó ngoáy đuôi mừng chủ, Lợn ăn no ngủ ngày.*

Ước mong cảnh “*Thân dậu niên lai kiến thái bình*” sớm trở về với quê hương đất nước ta. Đó cũng chính là lời cầu chúc của chúng tôi nhân ngày đầu Xuân năm Thân này.[]



*Tuổi Dậu mang tinh con gà,
Làm đâu được đó nhưng mà hơi kiêu.*

10. NĂM DẬU GẤU CHUYỆN GÀ

Con giáp thứ mười là con gà, con gà được lên chức hành khiển trong năm Dậu. Chúng tôi nói dăm ba chuyện về con gà với văn hoá Việt Nam nhân ngày đầu năm mới.

Gà với nông dân ta

Có thể nói, từ ngày lập quốc, con gà đã gắn bó với nông dân Việt Nam. Chính vì thế, ngày đó Sơn Tinh đã nghe tiếng gà gáy, sớm đem sính lễ đến đền vua, cưới được Mỵ Nương. Dân quê nước ta, không nhà nào mà không có một chuồng gà, vì “*Giàu lợn nái, lợn bại gà con*” cho dù nhà nghèo xác xơ cũng đủ khả năng nuôi được gà con. Có nhà nuôi đủ loại, đủ lứa gà. Từ gà ri, gà tàu, gà quạ, gà tre... Rồi gà con, gà giò, gà mái ghe, gà trống choai, gà cồ, gà thiếu... được thả ăn trong vườn, vừa để cung cấp thực phẩm cho ngày lễ Tết, vừa tăng thêm thu nhập cho đồng sưu đồng thuế... Vì thế con gà đã đi vào văn hoá dân gian một cách tự nhiên như “*cơm tẻ nước chè, mẹ ruột*” trong bữa ăn của nông dân Việt Nam.

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

Ngày tuổi thơ, ai chả từng nghe truyện cổ tích về con gà. Chuyện châm biếm như chuyện “tam đại con gà”, chuyện có tính cách luân lý như chuyện “gà ấp trứng vịt” *Mẹ gà con vịt chắt chiu*, *Máy đời di ghê nâng niu con chồng*. Rồi chuyện lươn lẹo, lường gạt như chuyện “Giết gà thuốc chồng”... Rồi chuyện ngụ ngôn như “Con gà đẻ trứng vàng”, “Con cáo và con gà” v.v... Những chuyện ấy nếu kể hết, quý vị sẽ không còn thì giờ mà thưởng xuân, mừng Tết. Vì thế, trong kho tàng văn hoá Việt Nam về con gà, chúng tôi chỉ nêu lên những câu ngắn gọn của ca dao, tục ngữ nói đến con gà, hầu độc giả có thêm ý vị trong ngày đầu năm mới.

Gà trong thành ngữ

Những câu nói ngắn gọn, có vần điệu mô tả một sự việc một ý hay được nhiều người dùng, trở thành những câu nói đầu môi cửa miệng, giúp cho câu chuyện thêm âm điệu... được gọi là thành ngữ. Người xưa cũng dùng con gà để ví von, để nhắc nhở. Muốn biểu dương công việc tề gia nội trợ, việc chăm sóc nhà cửa của người phụ nữ, thành ngữ có câu:

Không đàn bà thì gà bới bếp.

Khác với các chị em đảm đang công việc trên, cũng có người cầu thả, chậm chạp như gà vào lúc chập choạng tối:

Lịch xệch như gà ban hôm,

Lờ đờ như gà mờ tối.

Đời sống dân dã miền nông thôn lúc nào cũng chân chất thật thà, tính tình luôn sòng phẳng, ngay thẳng:

Tiền trao ra, gà bắt lấy.

Hoài thóc cho gà người bới.

Khách đến nhà chẳng gà thì vịt.

Gà với kinh nghiệm sống

Trong xã giao đã có những câu thành ngữ thật thà, thì trong cuộc sống, những kinh nghiệm tích lũy lại hướng dẫn cho hậu sinh bằng những lời thành ngữ. Những hiện tượng thời tiết xảy ra chung quanh ta, nhân gian đã ghi lại dành cho cháu con, trong đó con gà cũng góp phần:

Ráng mỡ gà thì gió, ráng mỡ chó thì mưa.

Ai cũng biết “ráng” đây là hiện tượng mây trên không trung phản chiếu ánh sáng mặt trời thành vùng rộng lớn. Đám mây ấy nếu có màu vàng vàng như mỡ gà, ắt sẽ có gió lớn. Một câu khác cũng nói đến ráng mỡ gà:

Ráng mỡ gà, ai có nhà phải chống.

Ráng mỡ gà, mưa ba thước nước.

Kinh nghiệm cho thấy mây trời kéo lên thành ráng mỡ gà, phải đề phòng mưa to gió lớn.

Ngoài kinh nghiệm về thời tiết như trên, cũng còn có những câu có con gà, ứng dụng cho những việc hằng ngày chung quanh ta:

Hóc xương gà, sa cành khế, bé đem chôn.

Khi ăn thịt gà phải cẩn thận vì xương gà nhỏ mà cứng, xương mắc dính cổ rất khó lấy ra, cũng như cành khế rất giòn dễ gãy nên không cho trẻ con leo hái khế.

Một kinh nghiệm khác, người quen thuộc nơi cư ngụ dễ áp dụng địa hình sao cho mình có lợi:

Chó cậy gần nhà, gà cậy gần chuồng.

Tuy thế, những người nông dân xưa, bao nhiêu đời quanh quẩn sau lũy tre làng, ít chữ nghĩa nên có lúc cũng phải lệ thuộc người khác, khi có việc phải làm giấy tờ gì thì phải sang thầy đồ, thầy khoá nhờ làm văn tự gì, không bao giờ quên câu:

Bút sa gà chết.

Gà phải lên mâm để thầy khoá viết sao có lợi cho gia chủ. Rồi khi trái gió trở trời, sinh bệnh hoạn lại phải mời thầy pháp cúng yểm trừ tà, thế là gà phải ấp mâm xôi, thầy cúng hưởng, còn bệnh khỏi hay không thì mặc gia chủ, chứ:

Làm phù thuỷ không lẽ thường gà?

Những cái nhiều khê ấy, đúng là cái khổ, cái tội nghiệp cho người dân, quả là:

Tội vịt chưa qua, tội gà đã đến.

Tội gà phải chẵn là cái tội to mồm lắm lời để khoe khoang thành tích, hoặc để che lấp, đánh lạc hướng dư luận về hành vi sai trái của mình, kiểu như:

Gà để gà cục tác, ác để ác quang quác.

Không mấy ai để canh chừng xem quạ cái có la toáng lên sau khi cho ra một quả trứng không, nhưng chuyện khi thành công một việc gì, nhiều người lại thích bi bô cho cả làng biết để tán thưởng.

Tiếng cục tác của gà mái không phải từ ổ để nhảy xuống là điều chẳng lành, người ta gọi là:

Gà mái gáy gở.

Điều không lành ấy có thể là gà mái đã trở thành hung hãn, làm mất hoà khí trong đàn, xảy ra cảnh:

Gà mái đá gà cồ.

Trong đàn, gà thường đánh nhau chí choé có khi vì miếng mồi, hay vì tranh giành ảnh hưởng đầu đàn... đúng là cảnh:

Gà nhà bôn mạt đá nhau.

Đã đá nhau thì có thắng, thua. Bên thắng thì vỗ cánh, vượn cổ gáy vang, làm bên thua cũng cần lên tiếng để tranh mẽ:

Gà tức nhau vì tiếng gáy.

Gà hơn nhau tiếng gáy.

Trong cùng một xóm, khi một con gà gáy, thì những con gà bên hàng xóm cũng phải lên tiếng:

Gà người ta gáy, gà mình cũng đập cánh.

Gà người gáy, gà ta trống.

Tuy gà đua nhau gáy vang xóm, nhưng cũng phải cảnh giác, nếu không, có khi vì tiếng gáy mà bị thiệt mạng:

Gà chết vì tiếng gáy.

Gà, đậu hay kê

Nhiều người thấy năm Dậu là năm con gà nên nghĩ rằng đậu là con gà, nhưng tổ tiên ta đã để lại những kinh nghiệm sống qua các câu tục ngữ dùng tiếng “kê” để gọi con gà, trong đó có những câu:

Kê báo tai, thước báo hỷ.

Người xưa tin rằng: Gà gáy không vào đúng canh là điềm gở, trong khi chim ô-thước bay ngang nhà mà cất tiếng kêu là báo có may mắn sẽ đến.

Những cụ già da mồi tóc bạc được dân làng trọng nể ca tụng bằng câu chữ nho là:

Kê bì bạch phát.

Nếu nói nôm na ra là da nhẵn nhúm như da gà, tóc trắng tựa lông hạc. Cụ đứng giữa dân làng như con hạc đứng giữa bầy gà, đúng là :

Hạc lập, kê quần. (con hạc giữa bầy gà).

Người hùng thân đơn chiếc cũng phải thua đám đông người bình thường. Cho nên trời cho mình ở địa vị nào, thì phát huy tài năng ở địa vị ấy, chẳng nên với quá tầm tay. Bởi vì:

Ninh vi kê khẩu, bất vi ngưu hậu.

Thà làm mỏ con gà còn hơn làm đuôi con trâu. “Đầu gà hơn đuôi trâu” là thế.

Gà với ca dao

Trong ca dao Việt Nam, con gà cũng chiếm một vị trí quan trọng. Nông dân ta ngày xưa muốn có vịt con nuôi, phải đem trứng vịt cho gà ấp thành ra “mẹ gà con vịt chắt chiu”, nhưng vịt xiêm (con ngan) lại biết ấp trứng:

*Gà đòi ấp vịt lấy công,
Xiêm la từ chối vì lòng thương con.
Cũng có câu ca dao dùng con gà mang đầy tính giáo dục:
Khôn ngoan đá đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau*

Đối với lứa tuổi cập kê, tính giáo dục trong ca dao cũng dùng hình ảnh con gà để răn đời:
*Gà khôn gà chẳng đá lang,
Gái khôn gái chẳng bỏ làng gái đi.*

Và cả những nàng không tài không sắc nhưng thích se sua đom đóm, dùng phấn son tô lục chuốt hồng, khiến đời mai mỉa:
*Gà lói đội lốt con công,
Tưởng mình là ngộ đi đông đi dài.*

Chả bù cho những cô gái nhà nghèo, phải đi ở đợ kiếm cơm, bị chủ nhà bắt làm việc quần quật suốt ngày, đêm khuya còn phải cặm cùi lội ao vớt bèo, rồi giã bèo, nấu cám cho lợn. Khuya khoắt không còn bóng người, cô đành phải coi những vật vô tri: cái cối đâm bèo, cái cọc cầu ao... như bạn bè, rồi chia sẻ tình cảm với chúng:

*Giã ơn cái cọc cầu ao,
Nửa đêm gà gáy có tao có mày.
Giã ơn cái cối cái chà,
Nửa đêm gà gáy có mày có tao.*

Vì nghèo khổ, họ phải bươn chải vất vả quanh năm, đem mồ hôi đổi lấy bát cơm, mà vẫn không no đủ:

*Con gà bươi rác bươi rom,
Con em chèo chèo đòi cơm tối ngày.*

Muốn có cơm no áo ấm, gây dựng được chỗ che mưa che nắng mà trú ngụ, thì ai cũng phải nai lưng ra làm việc, mỗi người góp một tay:

Con quạ xé lá lợp nhà,

Con cu chẻ lạt, con gà dựng phen.

Ai cũng góp phần, người khoẻ góp sức, người tàn tật, ốm đau có thể góp lời khích lệ:

Gà què ăn quẩn cối xay,

Hát đi hát lại tới ngày một câu.

Thế nhưng, một người sức dài vai rộng, mà chỉ vẫn vợ ăn bám, thì xã hội không dung thứ:

Gà cồ ăn quẩn cối xay,

Rau răm muối ớt xé phay gà cồ.

Đúng là con giáp cầm tinh năm Dậu đã đi vào văn học bình dân, một cách rất tự nhiên như *con gà bới bép*.

Gà với sấm trạng

Nói đến văn hoá Việt Nam mà không có một vài câu sấm của Trạng Trình thì còn thiếu sót. Ở đây chúng tôi không nói đến văn tài của Bạch Vân cư sĩ, mà chỉ xin trích mấy câu sấm của Nguyễn Bình Khiêm về con gà trong năm Dậu, câu mà nhiều người nhắc đến là:

Thân Dậu niên lai kiến thái bình.

Chữ thái bình của các cụ nhà nho không chỉ có nghĩa là hết chiến tranh, mà còn mang nghĩa mọi người đều hưởng cảnh an lạc, có cuộc sống ấm no hạnh phúc, không phải lo lắng về bất cứ điều gì, tinh thần và vật chất đều được thoải mái.

Gần bốn chục năm qua, tuy không còn bom rơi đạn nổ, nhưng quê hương Việt Nam vẫn chưa có thái bình, đồng bào ta còn khổ cực hơn cả thời bị Tàu, bị Tây đô hộ. Chúng ta hãy xem cụ Trạng đoán vận mệnh nước ta:

Khỉ hú trời Nam cá hoá rồng,

Gà kêu Nam Bắc hội hoa long.

Chăm chỉ chờ ngày sang Mậu ngũ,

Cù rống kêu vang giống Lạc Hồng.

Cù đây là con vật tưởng tượng của người xưa, giống như con rồng, nhưng đầu nhỏ hơn và chỉ có một gác. Chúng ta nghe tiếng kêu vang của con Cù, chỗi dậy nghênh đón ngày Mậu Tuất đang đến.

Một vài câu sấm khác, gà được truyền tụng trong dân gian: *Gà kêu cho khỉ dậy nhanh,*

Phụ nguyên số đã rành rành cáo chung.

Số đã phải chấm hết vì đã coi đồng bào như cỏ rác, trái lại đối với quân Tàu xâm lược thì quy lụy khúm núm, rồi cũng có ngày phải tàn lụi:

Rừng xanh núi đỏ bao la,

Đông tàn tây lại sang gà mới yên.

Khi Công lý nở hoa, Nhân quyền dậy đất, truyền thống Dân tộc được phục hưng, lúc ấy thời đại thái bình như xưa lại sáng tỏ:

Đầu thu gà gáy xôn xao,

Mặt trăng xưa sáng tỏ vào Thăng Long.

Truyền thống vui Xuân, mừng Tết của dân tộc là bà con thân thuộc, bạn bè gặp nhau ngày nguyên đán, tay bắt mặt mừng, chúc nhau hạnh phúc... Rồi hàn huyên đàm ba chuyện về vận mệnh nước non. Hy vọng mấy câu sấm Trạng trên của năm Dậu cũng góp thêm ý vị để chúng ta bàn góp, suy đoán bên tách trà mừng Năm Mới, cho rôm rả tiếng cười, cho lòng người phơi phơi như nắng Xuân tươi, lấp lánh trên vườn hoa khoe sắc.

Kính chúc quý vị Năm Mới Vui Khỏe, Bằng An, Hạnh Phúc, Vạn sự Như Ý.[]



*Tuổi Tuất thật con chó ngao,
Trung thành thẳng thắn nơi nào cũng ưa.*

11. NĂM TUẤT THUẬT CHUYỆN CHÓ

Thời gian trái đất thân yêu của chúng ta quay quanh quỹ đạo mặt trời, đủ một vòng, gọi là một năm. Vũ trụ vẫn chuyển vần, đông tàn rồi xuân tới. Ngày đầu năm lại được mở hội ăn mừng, ta gọi là ăn Tết. Tổ tiên ta từ xa xưa đã đánh dấu mỗi năm bằng tên một con vật là biểu tượng, gọi là những con giáp, năm nay là năm con giáp thứ mười một được gọi lên. Đó là con chó.

Theo các nhà khoa học, người ta đã nuôi chó từ hàng chục ngàn năm nay, nên có rất nhiều chuyện về con chó. Từ chuyện chó trong sách học đến chó trong lịch sử, từ chuyện tính nết chó đến những việc chó làm... Ngày đầu năm Con Chó, chúng tôi sưu tập mấy chuyện về con chó để quý vị có một vài phút vui vui đón Tết.

Chó trong giáo khoa thư

Ngày mới di cư vào Nam, năm 1954, gia đình chúng tôi theo đoàn người đi đồng ruộng lập nghiệp. Lúc ấy chúng tôi

khoảng 9-10 tuổi. Chúng tôi nhớ, đoàn người được trọ tại lò gạch, mang tên Long Bình, có những ống khói cao to xả khói bay thành từng luồng xám xịt trên bầu trời. Một số người được trọ trong những dãy nhà cho công nhân lò gạch, gần đây có một trường học, đúng ra là một lớp học. Trong khi người lớn đi thăm đất, chúng tôi lân la ra lớp học, nhòm qua cửa sổ xem học.

Một hôm tôi được nghe bài tập đọc về con chó có nghĩa. Thầy giáo tay cầm cây thước kẻ chỉ lên bảng, đọc trước từng câu. Hết câu, thầy gõ thước xuống bàn. Học trò ê a lặp lại theo cung giọng trầm bổng chậm đều. Tôi lắng nghe, lặp lại theo học trò. Nhờ buổi xem học ấy, tôi nhớ mãi bài tập đọc:

Chủ nhà với con chó.

Một hôm, anh kia định trấn nước con chó già của anh. Anh mang nó xuống một chiếc ghe, chèo ra giữa sông. Buộc hòn đá nặng vào cổ nó, rồi quăng xuống nước. Vì trốn liệng mạnh, anh cũng nhào luôn. Rủi không biết lội, nên anh chơi với. Ngay lúc đó, hòn đá ở cổ con chó sút ra, con chó nổi lên. Thấy chủ lâm nguy, nó liền quay lại cắn vạt áo chủ lội vào bờ.

Bài tập đọc ngắn gọn, nhưng diễn tả rất xuất sắc về lòng trung thành của con chó. Cho dù chủ cố ý giết nó vì đã già, vô dụng. Nhưng nó vẫn cứu chủ khỏi chết đuối. Cũng nên nhớ, trước năm 1954, ở Nam Bộ không ai biết ăn thịt chó.

Các loại chó

Chó là động vật bốn chân, có vú, đôi tai rất thính, được người nuôi để giữ nhà, hoặc dẫn đi săn thú nhỏ hơn. Tại Việt Nam có thể nói nhà nào cũng nuôi chó. Nhà giàu nuôi nhiều chó để giữ nhà, nhà nghèo cũng có con chó dùng dọn dẹp cho trẻ con sau khi chúng đại tiện.

Có nhiều loại chó, dân tộc ta phân ra theo màu lông, hay theo vóc dáng hay tính tình của chó. Theo đó, người xưa đã phân ra:

Chó cò lông màu trắng, chó mực lông đen, rồi chó đốm, chó luốc, chó vàng, chó vện, chó mốc, chó phèn lông vàng dợt, chó vá, chó khoang, chó xù... Ngoài cách gọi tên theo màu lông, người ta còn phân loại chó theo vóc dáng, theo tính nết tùy theo giống chó:

Chó xi, loại chó nhỏ con nhập từ phương Tây.

Chó tây, chó do quân đội Pháp đem sang, to con, hung dữ...

Chó ta, giống chó nuôi ở trong nước từ xa xưa.

Chó sói, chó sống ở rừng, nhanh và rất hung dữ, có khi tấn công và ăn thịt cả người.

Chó ngao, chó to con, dữ dằn. Người ta còn cho chó ngao là chó sống nơi âm phủ.

Chó mấm trê, giống chó mình không có lông, da đen mốc láng như da cá trê, đầu có lông hung vàng thưa.

Chó hoang, chó không có chủ, chạy rong ngoài đường sục sạo kiếm ăn.

Chó điên, chó dại chạy hoang, cắn bậy, mắt lơ đờ, sùi bọt mép, đuôi cúp chặt sọ sệt, cắn phải chó khác hay người truyền lây nhiễm bệnh chó dại.



Chó trong tục ngữ

Từ xa xưa trên khắp ba miền đất nước, nhà nào chả nuôi chó, vì thế dân tộc ta có nhiều câu thành ngữ chọn con chó làm ẩn dụ, làm phương châm cho cuộc sống, để truyền lưu kinh nghiệm cho hậu thế. Chúng tôi xin trích một số câu như sau:

Chó gầy hổ mặt người nuôi: Người ta thường dùng câu này đánh giá người chủ qua cách cư xử với thuộc hạ. Nếu một nhà có kẻ ăn người làm được đối xử đầy đủ thơm tất thì được tiếng tốt, *chó béo đẹp mặt chủ nhà*. Nếu trái lại thì dùng câu trên thay thế.

Tại những nơi đời sống dân cư khắc khổ, nghèo túng, xa nơi phố thị, thời tiết đất đai khô cằn, thì nơi đó được coi là nơi *chó ăn đá, gà ăn muối*.

Chó với gà là hai loại gia súc thường nhà nào cũng nuôi, nên trong thành ngữ có những câu hai con đó đi chung với nhau, như: *chó cậy gần nhà, gà cậy gần chuồng* để chỉ những kẻ dựa vào quyền thế, phe cánh, ô dù mà đàn áp bức bách người lương thiện.

Chó già, gà non câu chê bai người yếu đuối không làm được việc gì. Chó già rưng rưng lấy gì mà cắn? Gà tơ chưa có cựa dùng cái gì để đá nhau? Đối với tay sành ăn thì chó già thịt giai như giẻ rách, còn gà non thịt tanh và rùn.

Chó liền da, gà liền xương, kinh nghiệm cho thấy chó khi có vết thương thì mau lành, còn gà nếu bị gãy xương cũng khỏi. Vì tin như thế nên ngày xưa người bị chóc lở hay trầy da mưng mủ thì cho chó liếm để mau lành. Nếu bị gãy xương thì quét nhừ một con gà con buộc vào đó, ba bảy hăm một ngày cũng khỏi.

Chó cùng nhà, gà cùng chuồng, ý nói đoàn kết chung sống bên bờ nhau. Khác với câu *chó quen nhà, gà quen chuồng* ở nơi nào thì gắn bó với nơi đó, như chó gà có đi xa cũng nhớ lối về.

Chó giữ nhà, gà gáy sáng. Phần việc của ai người này làm, không giống như *chó giữ nhà, gà bới bép*. Người làm, kẻ phá lấy gì ra sung túc. Ấy là chưa kể lúc gặp xui xẻo khi thấy *chó cái lê tròn, gà mái gáy gở* là điều chẳng lành sẽ đến.

Chó hoang cứu người

Tháng 5 năm 2005, tại Kenya có một con chó cái hoang đang nuôi hai con chó con. Khi đi kiếm ăn, nó gặp một cái bọc nilông trong có đứa bé mới sinh bị bỏ ngoài cánh rừng. Con chó đã tha lồi cái bọc đó về căn nhà hoang nơi có ổ chó con của nó. Đứa bé sơ sinh là một bé gái xinh xắn. Lại một điều là con chó không làm hại đứa bé, mà còn cho nằm chung ổ với hai chó con. Em bé sống được là nhờ bú sữa chó.

Người ta biết được chuyện này vì có hai đứa trẻ chơi quanh đó, nghe tiếng con nít khóc. Chúng chạy báo cho người lớn. Sau đó nhân viên bệnh viện quốc gia Kenyatta đến đưa em bé về chữa chạy, vì em bị nhiễm trùng dây rốn. Các bác sĩ đã đặt tên cho bé gái đó là Angel (Thiên thần). Đã có nhiều người gọi điện thoại đến bệnh viện xin nhận bé Angel làm con nuôi.

Còn con chó mẹ, được gọi là Mkombozi nghĩa là Kề Cứu hộ, cũng được các thú y chăm sóc vì đang trong tình trạng suy nhược, nó đã được tắm rửa, tẩy giun và cho ăn uống tẩm bổ.

Chó cứu tàu biển

Tại vùng biển Newfoundland, Canada, ngày 10 tháng 12 năm 1919, con tàu SS Ethia, trọng tải 414 tấn, gặp một cơn bão lớn. Tàu lại bị hư không chạy được, trôi dạt vật lộn với sóng to, gió lớn ngoài bến. Thuyền trưởng không thể nào quăng được dây cáp cứu, lại không dám ra lệnh cho một thủy thủ nào đem dây cáp cứu vào bờ, vì bão tố quá dữ dội.

May mắn thay, trên tàu có một con chó, thuyền trưởng nhớ đến nó liền gọi nó ra, sai con chó đó đem dây cáp cứu vào bờ. Mặc cho sóng gió bão táp, con chó ngậm đầu dây, nhảy xuống biển lặn hụp trong sóng nước âm âm, đem được sợi dây vào được đất liền.

Người ta liền vội vã kéo dần dần sợi dây do con chó mang vào, để gặp được sợi chèo lớn cột từ con tàu. Sau đó, 92 hành khách và thủy thủ đoàn trên con tàu SS Ethia vô được bờ an toàn.

Chó đi hai chân

Trong chuyện cổ nước ta có kể chuyện xưa con chó có ba chân, sau ông Bụt mới cho thêm một chân nữa, thế nên con chó phải đi bằng bốn cẳng. Nhưng mới đây lại có con chó đi được bằng hai chân.

Một con chó được bà Jude Springfellow ở tiểu bang Oklahoma nuôi, đặt tên là Faith, con chó này bị tật bẩm sinh hai chân trước, phải cắt bỏ. Bà Jude quyết định dạy nó đi bằng hai chân sau và đã đạt được mục đích. gương thành công của chó Faith đã được đưa lên đài Truyền hình, không những ở Mỹ mà con ở nhiều nước khác như Nhật Bản, Nam Hàn... chứng tỏ không phải cứ có tật là chịu cảnh tàn phế. Bà Jude Springfellow nói: “Tôi mong muốn mọi người hiểu rằng, bất cứ ai bị phế tật về thể lý vẫn có thể hữu hiệu về mặt tinh thần”.

Con chó điển hình trên chứng tỏ “kiên nhẫn dẫn đến thành công”. Con vật chuyên dùng bốn cẳng để di chuyển, tập mãi rồi cũng đi bằng hai chân được.

Hoá kiếp làm chó

Trong truyện nhà Phật có kể, một hôm Đức Phật đi hành qua một nhà giàu kia, có một con chó cứ nằm canh giữ cửa nhà. Đức Phật nói với con chó mấy câu, con chó tỏ ra buồn rầu ủ rũ từ đó.

Chủ nhà thấy con chó cung không khoẻ mới hỏi người làm: con chó đau bệnh gì? Người giúp việc thưa lại: từ khi Đức Phật qua đây, ngài nhìn nhủ con chó mấy điều, nó tỏ ra buồn bã như vậy chứ nó có ốm đau gì.

Chủ nhà liền tìm đến Đức Phật để thỉnh ý về con chó.
Ngài đáp:

-Mẹ ngươi đã chôn giấu vàng bạc châu báu ngay tại ngạch cửa. Vì bà luôn ham muốn của cải, nên khi chết, bà phải đầu thai làm kiếp chó và suốt ngày đêm phải canh giữ của cải đó. Chỉ khi nào bà dứt bỏ được lòng tham muốn của cải, bà mới được đầu thai kiếp khác. Vì thế ta đã có mấy lời khuyên bà... Không tin, ngươi cứ về cho đào cửa nhà lên sẽ rõ.

Chủ nhà lay tạ Đức Phật rồi trở về. Ông cho đào ngạch cửa lên, thì quả nhiên có nhiều vàng bạc châu báu chôn giấu ở đó.

Ông đã dùng của cải đó cúng dường và bố thí để cầu siêu cho mẹ, mong cho mẹ mau thoát khỏi kiếp làm chó.

Chuyện này làm tôi nghĩ đến một câu Chúa Giêsu dạy, Thánh Luca đã ghi lại như sau: “Của cải ngươi để ở đâu thì lòng ngươi cũng ở đó” (Lc 12,34).

Chó không để săn chồn

Trong Vũ Trung Tuỳ Bút, Đông Dã Tiều Phạm Đình Hồ (làm quan lớn dưới triều vua Minh Mệnh) kể về vua Lê Lợi buổi đầu chống quân nhà Minh bên Tàu, gặp nhiều bất trắc, một trong những chuyện ấy là chuyện chó săn của giặc Tàu:

Khi xưa vua Lê Thái Tổ đánh nhau với quân Minh, bị thua, quân tướng mạnh ai nấy chạy. Giặc Minh đuổi theo gấp rút. Trên đường đang chạy, vua thấy xác một thiếu nữ nằm cản đường. Vua bèn rút kiếm đào lỗ chôn cho nàng, vừa chôn vua vừa khẩn rằng “Nàng mà phù hộ cho ta chạy thoát, mai này ta sẽ báo đền”. Chôn xong, vua đi được mấy bước thì thấy quân Minh đuổi theo gần đến nơi, vua bèn nhảy vọt vào bụi rậm trốn ẩn. Quân Minh xuyt chó săn để tìm, con chó cứ châu mõm vào bụi mà sủa. Bọn giặc dùng giáo đâm vào trong bụi chúng nghi ngờ có người ẩn. Một ngọn giáo trúng vào đuôi vua, vua liền kéo vạt áo giữ nhẹ lấy lưỡi giáo, khi rút giáo ra áo đã lau sạch máu,

giặc không thấy máu cho là không ai núp trong đó. Nhưng con chó cứ sủa mãi vào bụi rậm. Quân giặc còn hoang mang không biết trong bụi có người hay không, thì từ trong bụi nhảy ra một con vật đầu người, thân lại là thân con chồn, chạy vọt ra ngoài vòng vây quân giặc. Con chó sủa vội chồm lên đuổi theo. Giặc Minh tức giận liền chém chết ngay con chó, vừa chém vừa trút giận lên con chó: “Tao nuôi bay có phải để săn chồn săn cáo đầu, mà làm tao mất dấu Lê Lợi”. Rồi chúng hậm hực kéo nhau đi. Vua thoát nạn.

Sau khi Lê Lợi lên ngôi, vua cho lập tại nơi đó một ngôi đền và sắc phong cho người con gái ấy là Hộ quốc Phu nhân.

Con chó của Đức Mẹ

Theo truyền thuyết, khi Thánh Phaolô chịu tử đạo ngoài thành Rôma, đầu ngài bị chém rơi xuống nảy tung lên như trái banh ba lần, vọt lên ba nguồn nước. Người ta gọi nơi đó là Ba Suối.

Tại Ba Suối năm 1947, một công nhân làm sở xe điện, tên là Bruno Cornacchico dẫn ba con đi tắm biển, nhưng vì lỡ tàu, nên ông dẫn ba con vào hang Ba Suối để chờ chuyến tàu sau. Cả bốn bố con ông đã được Đức Mẹ hiện ra khuyên bảo nhiều điều, dẫn ông về với Giáo Hội, vì ông đã bỏ đạo, đi theo Tin Lành, viết sách chống lại Đức Maria Vô Nhiễm.

Từ ngày 12 đến ngày 30 tháng 5 năm 1947, Đức Mẹ hiện ra với bố con ông 4 lần. Sau lần đầu tiên, có một con chó không biết từ đâu đến canh giữ hang. Người ta gọi con chó đó là Lilla. Ngày ngày con chó Lilla chỉ quanh quẩn tại cửa hang. Một lần, có cặp tình nhân định vào hang để tình tứ, liền bị con chó xông ra xua đuổi. Đến khi người ta đặt một tượng Đức Mẹ vào chính nơi Đức Mẹ hiện ra, con chó từ đó cứ nằm dưới chân tượng. Mãi sau này khi người ta làm một giậu sắt chắn cửa hang, con chó Lilla hết nhiệm vụ canh giữ nên đã đi đâu biệt tích. Lilla đáng gọi là con chó của Đức Mẹ.

Hang Ba Suối vẫn còn là trung tâm hành hương kính Đức Mẹ, rất sầm uất, của người La mã.

Con chó của Thánh Giuse

Giữa lòng thành phố Montréal, tỉnh bang Québec, Gia-nã-đại có một ngọn núi nhỏ mà xinh xắn, lại mang tên rất sang “Mont-Royal” (Núi Ngự). Núi ấy đã trở thành “*Thủ đô của Thánh Giuse nơi trần thế*”, với một ngôi đền thờ nguy nga chứa đựng một kho tàng nghệ thuật, điêu khắc phong phú, kèm theo những cơ sở quy mô... hằng năm có tới ba triệu khách hành hương từ khắp thế giới đến kính viếng, còn có chừng sáu trăm ngàn lá thư gửi đến xin ơn hoặc dâng lời cảm tạ Thánh cả Giuse. Từ đầu thế kỷ thứ 20, Thánh Giuse đã hiện diện tại đó để ban nhiều ơn lành cho người thế, qua bàn tay nhỏ bé, khiêm hạ của thầy Anrê, một tu sĩ Dòng Thánh Giá (Congrégation de Saint Croix).

Thầy Anrê sinh năm 1845, có tên đời là Alfred Bessette, nhà rất nghèo, 12 tuổi đã mồ côi cha mẹ, phải bỏ học đi làm thuê kiếm sống, nên bị thất học... Cậu có chí hướng muốn đi tu, nhưng không dòng nào nhận. Được cha sở hướng dẫn lòng kính mến Thánh cả Giuse, nên cậu hết lòng tôn kính mến yêu Thánh cả. Năm cậu 25 tuổi, nhờ sự giới thiệu nhiệt tình của cha sở, cậu Alfred được Dòng Thánh Giá nhận cho tu trong bậc trợ sĩ. Khi khấn Dòng, thầy mang tên trong Dòng là Anrê.

Thầy Anrê được nhận công tác canh cổng cho trường học của Dòng. Thầy đã biến phòng gác cổng thành nơi cầu khẩn Thánh Giuse cho những học sinh và cả các phụ huynh khi gặp khó khăn bệnh hoạn. Thánh cả Giuse đã biến thầy Anrê thành dụng cụ để ban phát ơn phúc như mưa xuống mọi người kêu cầu Thánh cả.

Năm 1904, thầy Anrê di chuyển nhà nguyện kính Thánh Giuse lên núi Mont-Royal, mới đầu chỉ là một nhà nhỏ sơ sài,

đến năm 1941 đã trở thành một đền thờ nguy nga, thuộc số những nhà thờ lớn nhất thế giới.

Ngày mùng 06 tháng Giêng năm 1937. Trong một căn phòng của Tu hội Thánh Giá tại Montréal, Canada, thầy Anrê nằm thoi thóp, hơi thở gần tàn. Thấy vậy thầy săn sóc kẻ liệt đã ghé xuống an ủi: Thưa thầy, trên Thiên Đàng, cạnh Thánh Giuse đã dành sẵn cho thầy một ngai toà rực rỡ...

Thầy Anrê vội vã ngắt lời:

“Áy, đừng nói thế ! Tôi chỉ là con chó con của Thánh cả Giuse thôi mà !”

Sau đó, thầy Anrê êm ái trút hơi thở cuối cùng. “Con chó con của Thánh Giuse” có lẽ đã nằm ngay chân Thánh cả trên Thiên Đàng khi vừa giã từ trần thế.

Chó ngậm đuốc sáng

Trong các ảnh họa Thánh Đaminh, có một kiểu ảnh Thánh nhân đang cầu nguyện bên cạnh có con chó ngậm một bó đuốc cháy sáng. Ngày còn nhỏ, chúng tôi thắc mắc thì được thân phụ giải thích:

Khi còn hoài thai trong lòng mẹ, Thánh Đaminh đã được thân mẫu ngài vui mừng vì một giấc mơ mà bà chiêm bao thấy. Giữa một thế giới chìm đắm trong đêm đen tội lỗi thì bà sinh ra một con chó, con chó đó ngậm một bó đuốc cháy sáng, chạy rong khắp cõi đất để soi sáng cho những ai sai đường lạc lối, thấy được nẻo ngay mà quay về chính lộ. Giấc mơ ấy đã thể hiện trong cuộc đời Thánh Đaminh khi ngài được Đức Mẹ truyền rao giảng Kinh Mân Côi. “Ngài vâng cứ giảng không bao nả, thấy lòng người khác cả khi xưa, kẻ mê đàng tội lỗi liền chừa, phường đạo rồi xác xơ tan tác...”



Để diễn tả giấc mơ con chó ấy, người ta đã họa ảnh Thánh Đaminh có con chó ngậm bó đuốc bùng cháy ngọn lửa kinh Mân côi tỏa sáng khắp hoàn cầu.

Bác ái với loài chó

Dòng Thánh Đaminh có một thầy trợ sĩ rất có lòng bác ái, không những bác ái với tha nhân, mà còn có lòng thương xót đến cả các thú vật. Thầy trợ sĩ ấy là Thánh Martin de Porrès, Việt Nam ta gọi Ngài là Thánh Máctinô da đen.

Lòng yêu thương của thầy Máctinô đến với các thú vật ngoài đồng, cũng như gia súc. Vì đang nói chuyện chó, nên chúng tôi chỉ nói chuyện Thánh Máctinô với loài chó.

Một hôm thầy Máctinô gặp một con chó bị đánh mang thương tích nặng. Thầy chạy đến vuốt ve con chó: “Khổ cho mày, mày muốn cắn người ta, nên bị người ta chém cho chứ gì? hãy theo ta về tu viện, ta chữa cho”.

Con chó nhìn thầy với đôi mắt biết ơn, ngoan ngoãn theo thầy về tu viện. Thầy đặt con chó lên một manh chiếu, rồi rửa vết thương, băng bó cho nó. Hai hôm sau con chó khỏi và thầy thả nó ra về.

Một con chó khác được cha quản lý tu viện Rất Thánh Văn Côi nuôi đã 18 năm. Nó đã già yếu, cha quản lý định đem cho đập chết. Nhưng thầy Máctinô can ngăn:

- Cha ạ, thật là tàn nhẫn khi cha cho đem giết con vật đã trung thành với cha suốt 18 năm. Dẫu nó đau ốm ghê lở đi nữa, cũng có thuốc chữa được... Nó là con chó thật đấy, nhưng đã giúp cha nhiều năm. Con nghĩ cha cũng cho nó có được cái chết tự nhiên êm ái!

Nói xong, thầy Máctinô làm dấu Thánh giá trên con chó ốm, tức khắc nó khỏi bệnh, chạy xuống bếp tìm ăn. Thầy Máctinô làm cho nó một cái chuồng gần phòng thầy. Con chó rất ngoan ngoãn vâng lời thầy như có trí khôn vậy.

Luôn giậu chó chui

Thời Chiến quốc, Yên Anh, cũng gọi là Ân Anh hay Ân tử, ông nói năng hoạt bát và có tài đối ứng nhanh nhẹn. Tuy đáng người ông thấp bé nhỏ nheo, nhưng lại là Tướng quốc tận trung của nước Tề.

Một hôm Tướng quốc nước Tề đi sứ sang nước Sở. Vua Sở muốn hạ nhục Yên Anh nên sai quân giữ thành đóng cửa lại. Yên Anh đến bên thành kêu mở cửa. Quân giữ thành làm theo y lệnh, bảo ông qua lỗ chó chui dưới bờ thành mà vào.

Yên Anh bình tĩnh, thản nhiên đáp:

- Khi nào ta tới nước chó, ta sẽ vào thành bằng lỗ chó chui. Bây giờ ta đi sứ nước người, ta phải vào thành bằng cửa người đi.

Vua Sở hay được, lật đặt hỏi quân mở cổng thành và đích thân ra đón tiếp Yên Anh rất trọng hậu.

Yên Anh đã để lại một bài học về xử thế. Muốn được người khác trọng mình, thì mình không được khinh người khác. Người quân tử làm việc gì cũng đường đường chính chính, minh minh bạch bạch. Chỉ có kẻ tiểu nhân xảo trá mới lòn lỏi làm việc mờ ám. Tục ngữ có câu:

Luôn cửa tiên cửa hậu,

Chẳng thềm luôn bờ giậu chó chui.

Tố Gian Điều Ác

Nhớ lại sau hiệp định Genève 1954, đất nước Việt Nam bị thực dân và cộng sản chia đôi, miền Bắc do Việt cộng cầm đầu, miền Nam thuộc chính phủ Quốc gia. Ai không theo cộng sản thì di cư vào miền



Nam, ai thích cộng sản thì tập kết ra Bắc sống với Việt cộng.

Gần một triệu đồng bào miền Bắc bỏ nhà cửa ruộng vườn đi di cư. Khi con tàu chở người di cư cuối cùng rời bến Hải Phòng ngày 30 tháng 4 năm 1955 thì màn khăn tang phủ trùm lên miền Bắc, nhất là vùng có đông người công giáo. Địa phận Thái Bình chỉ còn non nửa số giáo dân và 13 vị linh mục lớn tuổi. Đức cha cũng bị cưỡng bức vào Nam, cha Đinh Đức Trụ được cử làm giám quản coi sóc giáo phận.

Cha giám quản đã nuôi trong nhà xứ một bầy chó bốn con, đặt tên là Tố, Gian, Điều, Ác. Chủ đích của cha là để nhắc nhở đến những cái gian manh lừa lọc, điều ngoa phỉnh gạt, hung ác hiểm độc của cộng sản. Có lẽ công an cũng đánh hơi được ý nghĩa tên bầy chó, nên chúng rất ghét bốn con chó này.

Một dịp lễ lớn của cộng sản, công an đem bức hình mà chúng gọi là “bác Hồ vĩ đại” treo trên cổng Toà Giám Mục, cha giám quản cho hạ bức hình xuống. Bọn công an hùng hổ vào hạch sách, hỏi làm sao cha cũng chỉ trả lời là “tôi đau lòng lắm”. Công an nổi nóng, đập bàn xác xược hét:

- Ông đau đốn nỗi gì? Chúng tôi hỏi sao không trả lời?

Lúc ấy cha giám quản mới từ tốn nói:

- Bác Hồ là vua cả đất nước, lẽ ra phải xây đài cao 50 thước để mọi người chiêm ngưỡng vái chào. Đảng này các ông lại đặt ở cổng nhà tôi, cứ giơ tay chào người ra vào như gác cổng, nên tôi đau đốn trong lòng lắm...

Từ ông vua một nước bị ném xuống làm chó canh cổng. Công an tím gan căm họng, riu riu khiêng ảnh về, chờ dịp trả hận.

Mấy hôm sau, con chó tên Điều bị bắn sê chết. Cha giám quản lại cho nuôi một con khác thế chỗ. Toà Giám mục vẫn đủ bốn con chó: Tố, Gian, Điều, Ác.

Chó mắt chiếu yêu

Trong sách Hương Đài kể chuyện cổ bên Tàu, có thuật lại: Xưa có người họ Nhâm, rất giàu có phú quý, hiềm nỗi không con, cầu tự nhiều nơi, sinh một con gái. Con gái họ Nhâm kiêu diễm phi thường, nét không cần nguyệt, tính bén lẳng lơ, tuổi xuân đương độ, chưa kịp mở hội gieo cầu, thì kiêu hoa đã ghé đón về nhà họ Trịnh. Sau những ngày trăng mật, vợ chồng Trịnh Sinh cưới ngựa đi ra ngoại thành du ngoạn, gặp một người thợ săn giết con chó. Đây là loại chó săn rất quý, hiếm hoi không dễ tìm, mắt tinh như kính, tiếng sủa như chung, răng bén tựa dao chủy thủ... mắt chó nhắm vào đâu là đấy hiện nguyên hình, không thể giấu diếm nguy trang được. Con chó nhìn thấy nàng Nhâm, nàng liền ngã ngựa, hoá thành con cáo, bị chó săn đó cắn chết.

Trịnh Sinh bỡ ngỡ, hỏi bác thợ săn. Bác ta ân cần trả lời: May phúc cho tám đời nhà anh gặp được chúng tôi, số anh chưa bị con nữ yêu làm khổ. Nếu không tài sản nhà anh tiêu ma, mà anh cũng hoá ra thân tàn ma dại vì con nữ yêu đó.



Sinh lay tạ, xin đổi nửa gia tài để được đưa con chó về nhà phụng dưỡng như một ân nhân cứu mạng. Cảm tấm lòng thành của Trịnh Sinh, bác thợ săn căn dặn kỹ lưỡng cách chăm sóc con chó, rồi tặng không cho Trịnh Sinh con chó quý.

Không biết Trịnh Sinh nuôi nấng con chó ấy thế nào, mà đến nay mắt hần giống chó quý hiếm ấy. Nếu còn giống, chắc chắn ở Việt Nam ta hôm nay cũng có người nuôi được giống chó có mắt chiếu yêu ấy, và như thế khi họ dẫn chó đi bộ quanh 36 phố phường Hà Nội, đồng bào ta thế nào cũng thấy được

những con cáo giẫy đành đạch trong các xe hơi bóng loáng của những “đồng chí lãnh đạo”.

Chó thời hiện đại

Đó là chuyện chó bên Tàu ngày xưa, còn chuyện chó bên Tây ngày nay thì thật là tiến bộ. Người ta đã huấn luyện được chó có thể đáp ứng được tới 50 lệnh sai bảo của chủ: bật TV theo kênh chủ muốn, cất đồ ăn vào tủ lạnh, dọn bàn ăn, đưa chén đĩa dơ vào máy rửa, mở đóng cửa, đẩy ghế lăn... và ngay cả đi nhận gói hàng từ siêu thị.

Ở Việt Nam chúng ta đã thấy người mù nhờ chó dẫn dắt đi đường. Ngày nay người ta huấn luyện cho chó giúp người điếc. Sự khéo léo thành thực của chó trong lãnh vực này khiến chúng ta kinh ngạc. Chẳng hạn khi có khách bấm chuông kêu cửa, con chó sẽ nhẹ nhàng ngậm bàn tay chủ hướng về phía cửa. Khi nghe đồng hồ báo thức, chó dùng hai bàn chân trước gõ vào tay chủ. Đặc biệt chó có thể cùng xem TV với chủ, rồi “thuyết minh” bằng dấu hiệu cho chủ hiểu.

Dĩ nhiên muốn có những con chó khôn đến như vậy, phải tốn rất nhiều tiền huấn luyện, có thể lên tới 60,000 quan Pháp mỗi con. Và cũng không phải loại chó nào cũng có khả năng thụ huấn, cũng không phải ai cũng có thể dạy chó làm được những việc như vậy. Điển hình như con chó có tên là Preum's, được giáo sư sinh học trường nông nghiệp Alecon, bà Marie Claude Lebret, đào tạo nó thành phụ tá đắc lực cho bà Sophie. Nhờ chó Preum's, bà Sophie đã có thì giờ rảnh để học xong cử nhân Anh văn, bằng Trung cấp tiếng Hoa và lấy chứng chỉ thương mại.

Làm chó thì dễ

Đầu năm con chó, chúng tôi đã dài dòng kể chuyện con vật cầm tinh trong năm. Con chó có nhiều điểm tốt như vậy, mà người mình vẫn cứ ghép loài chó vào hàng ti tiện. Việc làm xấu, con người không ưa... đều bị khinh bỉ, coi như loài chó. Tục ngữ có câu “*Làm người thì khó, làm chó thì dễ*”. Người càng ở địa vị cao lại càng khó thành nhân, nếu còn có bụng dạ loài chó. Trạng Trình xưa đã có lý khi nói:

*Này những lúc thánh nhân chưa lại,
Chó còn nằm đầu khay cuối thu,
Khuyên ai sớm biết khuôn phù,
Giúp cho thiên hạ Đường Ngu ngõ hầu.*

Kính chúc quý độc giả một năm mới An Khang, Hoan Lạc với niềm vui chung của cả dân tộc. Mong đợi lời sấm ký tiên báo của Bạch Vân cư sĩ sớm thành hiện thực:

“Chó nọ vẫy đuôi mừng thánh chúa”

Chỉ khi nào đất nước có một chính quyền biết thực sự lo cho đồng bào ấm no hạnh phúc, lúc ấy không chỉ chó mới vẫy đuôi mừng, mà nhà nhà đều hân hoan trong cuộc sống.[]



*Tuổi Hợi con lợn ngây ngô,
Phàm ăn, phóng khoáng tiền đồ khó mong.*

12.NĂM HỢI GỢI CHUYÊN HEO

Những người lạc quan, mỗi lần Tết đến lại cho rằng họ tiến thêm được một bước mới gần về đến Quê Hương Vĩnh Cửu. Người bi quan thì than trách là gần đất xa trời. Theo cách tính thời gian của người xưa, năm nay là năm Hợi, năm cuối cùng của chu kỳ 12 con giáp, năm con Heo được lên chức Hành Khiển, năm lịch Á Đông lấy con Lợn làm biểu tượng.

Không gì hợp cho bằng nhân ngày Tết năm Hợi gọi lại một số chuyện heo, để quý độc giả vui Xuân bên chén trà hương sen, hàn huyên đôi chuyện mừng Tết Nguyên Đán.

Con Lợn đầu tiên

Các nhà nghiên cứu khoa học cho biết, heo đã có trên trái đất từ sáu triệu năm trước. Người ta đã biết nuôi heo từ Thời Kỳ Đồ Đá, cách nay khoảng tám ngàn năm. Theo cổ tích Việt Nam, tiền thân của lợn là một vị tiên trên trời, vì ham ăn, lại lười biếng chẳng chịu làm việc gì, nên Ngọc Hoàng đày xuống dương gian làm kiếp gà, bắt phải bới rác kiếm ăn. Vị tiên ấy chê giống gà nhỏ bé, đến con mèo con chó cũng bắt nạt được. Trời

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

thương tình, cho làm kiếp bò. “Bò tuy lớn, nhưng chỉ được ăn cỏ mà còn phải vất vả kéo xe, kéo cây...” nghĩ thế, nên vị tiên ấy lại năn nỉ:

- Xin Ngọc Hoàng cho con cái chức gì không phải làm lưng, mà được com bung nước rót đến tận miệng...

- Vậy Ta cho ngươi làm kiếp Lợn, người ta sẽ đem thức ăn đến tận mõm, chỉ việc ăn no ngủ kỹ, càng ăn lắm ngủ nhiều người ta càng thích, để thân xác béo mẫm ra cho người ta nhờ.

Thế là vị tiên đó hí hửng lạy tạ, xuống trần làm thân con lợn, không để ý đến hậu quả. Tới lúc lợn béo nùng nục, bị người ta lôi ra làm thịt, mới té ngựa ra, đòi xin hoá kiếp. Một tiên ông đến mách bảo “xin người ta thêm hành vào xào nấu với thịt thì người được hoá kiếp”. Từ đó “con lợn ủ ủ mua hành cho tôi” là để mong được hoá thân kiếp khác vậy.

Sao lại gọi lợn là heo?

Paulus Huỳnh Tịnh Của là một học giả người miền Nam, trong Đại Nam Quốc Âm Tự Vị, ông đã giải nghĩa *Lợn* là con *Heo*, là *giống lục súc béo hơn hết*. Đúng như con lợn tự khoe:

*“Nội trong hàng lục súc với nhau,
Ai sánh đặng mình heo béo tốt?”* (LSTC).

Đọc Việt sử, ta thấy người miền Nam phần lớn là những di dân từ miền Trung tràn xuống, tiếng nói của họ nặng, khi phải bảm trình với quan lớn, họ lại phát âm thành “quan lợn”. Quan cho là vô phép nên sai lính lấy hèo phạt, ai bảm “quan lợn” là phải đòn 10 hèo. Nhiều người bị phạt hèo như vậy, nên khi thấy con lợn họ hình dung ngay ra những cây hèo vút vào mõng họ, họ bèn mĩa mai gọi con lợn là “con hèo”. Nhưng khi phát âm tiếng “heo” thì dễ hơn tiếng “hèo”, nên tên heo xuất hiện. Con lợn từ miền Bắc đi xuống miền Nam thành con heo là như thế.

Khi dân chúng không gọi “giống lục súc béo hơn hết” là con lợn nữa, thì các quan lớn cũng yên trí mình không còn đồng nghĩa với loài tham ăn tục uống nữa.

Lợn hay heo cũng chỉ là một loại gia súc được nuôi bằng thức ăn tạp, để cung cấp thịt cho người dùng. Tuy nhiên có nhiều loại lợn: lợn sê, lợn nái, lợn giống, lợn cán, lợn sữa, lợn choai, lợn thầu, lợn ý v.v... Heo thì có heo nhà, heo ruộng, heo bông, heo lang, heo cỏ, heo bò, heo đen, heo nọc, heo hạch, heo nái, heo nua, heo lú, heo mọi... Đó là các loại heo cũi nuôi trong nhà, còn loại heo hoang dã như heo lăn chai, heo rừng hay lợn lòi... là loài hung dữ, nhanh nhẹn, sống ở trên rừng.

Heo với ngày Tết

Đối với người Việt Nam, thịt heo không thể thiếu trong ngày Tết. Ngày xưa, cứ vào ngày 30 Tết là người ta lại nghe tiếng lợn, từ xóm này lan sang xóm khác, kêu vang eng éc khi bị thọc tiết. Người ta đánh đụng lợn với nhau ăn Tết: để làm nhân bánh chưng, để bó giò, để gói nem, để hầm món ninh, để kho tàu, để nấu thịt đông ăn với dưa hành... “Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ” đã thành biểu tượng cho ngày Tết.

Lợn còn là mơ ước giàu sang, là lời cầu chúc trong dịp Tết cho nhau phát tài. Chợ tranh dân gian nổi tiếng của làng Đông Hồ hằng năm được mở từ mùng 6 tháng Chạp cho đến Tết Nguyên Đán để bán tranh Tết. Những bức tranh lợn nhà nào chả dán trên vách trong ngày đầu năm, mong năm mới làm ăn phát đạt: Một con lợn nái và bảy lợn con ủ ủ vây quanh heo mẹ là biểu tượng cho giàu sang sung túc. Hay con lợn cán bụng xệ sát đất, với hai xoáy trên đùi mang hình lưỡng nghi, đang đưa mõm vào chậu thức ăn, hẳn là hàm ẩn ước muốn sự no đủ cho suốt cả năm.

Con lợn quả là có tầm cỡ đối với ngày Tết Nguyên Đán cổ truyền. Người dân Việt Nam dù nghèo hay giàu, ngồi bên mâm

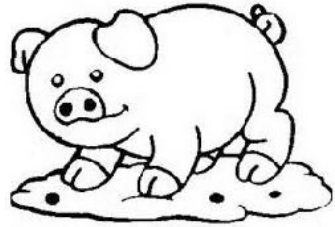
cổ đầu năm bày đầy các món thịt heo, nhìn bức tranh lợn tô điểm thêm màu sắc tươi vui, mơ ước... là đã hưởng được một cái Tết ung dung thoải mái.

Heo với tế Nam Giao

Trước đây, thời nước ta còn các vua trị vì. Cứ mỗi độ Xuân về, triều đình lại tổ chức một lễ tế rất long trọng rất linh đình ở Đàn Nam Giao. Các quan Đại thần đều phải hiện diện, với triều phục đại lễ. Chính vua là chủ tế, thay mặt toàn dân để tế lễ Trời Đất. Trong một sách Cổ văn có nhan đề “Lục súc tranh công” (LSTC), con heo đã tự hào:

*Vua ngự lễ Nam Giao đại hội,
Phải có heo mới gọi tam sinh.*

Tam sinh là ba con vật được giết để làm lễ vật trong lễ tế, đó là trâu, dê và lợn. Số lợn dùng trong lễ tế ở Đàn Nam Giao xưa lên đến hàng trăm con. Trước ngày tế một năm, bộ Lễ phải chọn một số lợn đen tuyền để nuôi làm con sinh cho kỳ tế năm tới. Những con lợn này được nuôi theo chế độ đặc biệt, chuồng phải cất bằng tre mỡ, lợn bằng lá gồi, chung quanh xây tường gạch. Thức ăn cho lợn làm con sinh này phải là ngũ cốc, rau tươi loại tốt. Gần đến ngày lễ, đích thân quan đứng đầu Bộ Lễ lựa hai con lợn đen tuyền, không một sợi lông khác màu, làm con sinh tế Trời Đất. Kế đó là một trăm con lợn đen khác làm con sinh cúng các thần và các tiên đế.



Chiều ngày trước đại tế Nam Giao, các con lợn đã chọn làm con sinh được đưa đến nhà Thần trụ, ở phía Đông-Bắc ngoài Đàn Nam Giao để mổ thịt, chuẩn bị lễ vật cho Chánh lễ sẽ bắt đầu vào giờ Tý (từ 11 giờ đêm), theo ngày Khâm thiên giám đã chọn để tế Nam Giao mỗi năm..

Tam sinh trong tế Nam Giao, ngoài 102 con lợn trên, còn có 102 con dê và 2 con trâu nữa.

Heo với cheo cưới

*Kìa những việc hôn nhơn giá thú,
Không heo ra tính đặng việc chi? (LSTC).*

Hôn nhơn giá thú là sinh hoạt gắn liền với đời sống con người. Ca dao Việt Nam từ rất xa xưa đã có những câu rất dí dỏm, rất tinh tú, đầy nhân bản về việc cưới gả. Trong đó con heo cũng đóng vai trò quan trọng. Chẳng hạn một chàng trai đã “phải lòng” một cô thiếu nữ, nhưng lại vờ vĩnh hứa giúp “đăng ấy” khi “đăng ấy” lấy chồng:

*Giúp em một thúng xôi vò,
Một con lợn béo một vò rượu tăm.*

Nghe vậy, nàng cũng bắt thóp được ý chàng, tuy tim nàng nhẩy tung tung muốn nảy ra khỏi lồng ngực, nhưng cũng trấn tĩnh, ngúng nguẩy ỏn ẻn, khẽ trả lời:

*Anh về thưa với mẹ cha,
Bắt lợn đi cưới, bắt gà đi cheo.*

Nói là bắt gà đi cheo, chứ thật ra chàng trai phải nộp cheo cho làng bằng thủ lợn đấy. Bởi vì:

*Sở lợn lớn hơn đầu mèo,
Làng ăn không hết làng treo cột đình.*

Tục lệ ở Việt Nam xưa là như thế. Nạp cheo để chứng minh cho cả làng biết là chúng tôi thành vợ thành chồng đàng hoàng. Biên nhận nạp cheo là một thứ giấy giá thú. Nếu không có nó thì:

*Có cưới mà chẳng có cheo,
Dẫu rằng có giết mười heo cũng hoài.*

Cưới mà giết mười heo thì chỉ có con nhà phú hộ, còn nhà bình dân thì làm mâm cơm cúng ông bà cũng đủ:

Nhà họ giầu thì đầu heo nọng thịt,

Đôi mình nghèo thì cặp vịt với bông tai.

Tuy vậy, nhưng không phải chuyện thuyên tình nào cũng xuôi chèo mát mái cả. Những lời ong tiếng ve đôi khi cũng làm chia lan rẽ thúi:

Trách ai dạm miệng nói dèm,

Cho heo kia bỏ máng, chē hèm không ăn.

Heo bỏ máng hay máng chán heo. Đàng nào thì phần thiệt cũng về người con gái:

Còn duyên anh cưới ba heo,

Hết duyên anh cưới con mèo cụt đuôi.

Chẳng ai lại chịu cưới bằng con mèo, mà lại là con mèo cụt đuôi! Nhưng có thể làm đám cưới đơn giản với người tử tế, rồi vợ chồng chí thú làm ăn, còn hơn nghe theo bà mối, có đám cưới linh đình mà phải gánh chịu anh chồng chỉ lo ăn với phá, để rồi tự than vãn:

Ai đem chú ỉn sang sông,

Để cho chú ỉn ỉn vòng khoai lang?

Vì thế thiếu nữ nào chẳng muốn mình có được người chồng tâm đầu ý hợp, phải trang vừa lú, chứ mấy ai chịu cái cảnh:

Con gái lấy phải chồng già,

Cũng bằng con lợn cạp tha vào rừng.

Nói là nói vậy, chứ số phận người con gái thời phong kiến xưa, chưa hẳn đã tự chọn cho mình được người bạn đời như ý.

Vì chung:

Mẹ em tham thúng xôi rền (xôi chín dẻo và mềm)

Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng.

Em đã bảo mẹ rằng đừng...

Mẹ em tham thúng bánh chưng,

Tham con lợn nái, em lưng chịu đòn.

Trong văn chương bình dân còn rất nhiều câu nói đến việc hôn nhân, có liên quan đến con lợn, chứng tỏ con heo đã không thể thiếu trong tập tục cưới hỏi ở nước ta. Không những thế, tục

ngũ còn cho các chàng trai cả kinh nghiệm ứng dụng khi đi “coi mắt” để chọn vợ:

Lợn chuồng chái, gái cửa buồng.

Mục tử lái lợn

Trước đây tại miền Nam, những người buôn lợn chở heo bằng xe đạp, họ cho con heo vào một cái rọ đan bằng dây thép lớn, hay rọ tre đan, rồi đặt trên gác-ba-ga ràng lại... Ở miền Bắc thời bao cấp, muốn di chuyển một con lợn, người ta vẫn còn làm phải theo lối cổ truyền: vật ngựa con lợn lên, đặt một khúc tre trên bụng nó, rồi dùng lạt tre trói con lợn vào khúc tre đó như cột đòn bánh tét, sau đó buộc một sợi dây thừng vào hai đầu khúc tre trên bụng lợn, xỏ đòn, rồi hai người khiêng lợn đi. (*xem hình minh họa*).



Hình minh họa từ nguồn ảnh minh họa

Vào thời Đạo Công giáo bị phân biệt đối xử, để đi viếng thăm mục vụ các xứ đạo, Đức cha Đaminh Đinh Đức Trụ, giám mục chính toà địa phận Thái Bình, thường phải giả dạng để qua mặt công an Việt cộng mới đến được các xứ đạo. Khi thì ngài đóng vai ông bố bé con thơ, có bà mẹ lão đẽo theo sau, dắt nhau về thăm quê ngoại. Có lần, ngài cải trang thành người lái lợn: cũng áo nâu sòng, “quần xắn móng lợn”, nón lá bung vành... khệ nệ khiêng một con heo... Qua đồn công an ngài tấp vào nghỉ, đặt heo xuống cạnh đồn, thở hỏn hển, lấy khăn lau mồ hôi nhễ nhãi chảy, lấy nón quạt cho đỡ mệt và xin nước uống, lại còn nói chuyện khôi hài khiến công an không nghi ngờ: Đức cha có dáng dấp nông dân không đạo mạo trắng trẻo như người học thức.

Để phục vụ dân Chúa, người mục tử khôn ngoan không quản ngại đóng vai bác lái lợn, can đảm đi qua hang sói, để đến được với đoàn chiên Chúa đã trao phó cho mình.

Con heo cứu người

Ở Mỹ, ngoài những trại nuôi heo theo công nghiệp, hay những người thích nghề nông trại, sống xa thành phố, nuôi heo theo lối thủ công trong những trại nhỏ, họ huấn luyện mới có người thành phố nuôi heo để làm cảnh, heo đó thuộc loại Mỹ gọi là “pet”. Tại Beaver Falls, tiểu bang Pennsylvania, có một bà độc thân, tên là Jo Altsman sống một thân một mình trong căn nhà riêng, bà nuôi một con heo con để làm bạn. Vào một buổi sáng nọ, bà bị ngất xỉu vì bệnh tim. Lúc bà ngã ra nhà, con heo chạy lại gác đầu lên ngực bà và nức lên như khóc, nước mắt nó dàn dụa. Rồi con heo như nghĩ ra điều gì, nó vội chui qua một lỗ chó, chạy thẳng ra đường, nằm giả chết cho người ta chú ý. Mấy phút sau, có một thanh niên dừng lại ngó, con heo chồm lên, cắn quần anh ta lôi vào cửa nhà. Chàng thanh niên thấy lạ cũng theo vào. Khi bấm chuông gọi cửa, bà già Alstman thều thào giọng nói “gọi 911” (*số điện thoại kêu cấp cứu ở Mỹ*). Biết là gặp trường hợp nguy kịch, chàng thanh niên liền mau mắn gọi xe cấp cứu đến giúp bà lão. Nhờ con heo mà lần đó bà Jo Alstman thoát chết.

Con lợn báo oán

Trên đây là chuyện heo ngày nay ở Mỹ, còn chuyện lợn báo oán là chuyện đời xưa ở bên Tàu. Nói chuyện lợn bên Tàu, nhiều người nghĩ ngay đến Thiên Bồng Nguyên Soái trong Tây Du Ký, vì tội trêu chọc tiên nữ mà bị đày xuống trần, rớt đúng vào một chuồng lợn, nên có thân hình xấu xí như con heo, trở thành Trư Bát Giới.

Nhưng Trư Bát Giới phò Đường Tăng đi thỉnh kinh, nên không có chuyện báo oán. Chuyện heo báo oán ở vào thời Xuân Thu: Tề Tương Công, một hôn quân vô đạo khét tiếng, giết công tử Bành Sinh là người đã hết lòng phò tá mình lên ngôi. Trước khi Bành Sinh chết đã nổi giận quát mắng, vạch tội Tề Hầu và quyết sẽ tác tai tác quái để trả thù.

Một hôm, Tề Tương Công đi săn ở Bối Khâu, thấy một con heo lớn dị thường. Kẻ tả hữu nói: “Công tử Bành Sinh hiện lên đây”. Tề Hầu nói: “Bành Sinh, không được hỗn với ta”, rồi bắn một phát tên. Con heo đứng lên bằng hai chân như người mà khóc. Tề Tương Công sợ quá, té xe, gãy chân và rơi mất giày. Vì chiếc giày ấy mà Liên Xứng tìm được vua Tề, đem về luận tội và giết chết.

Từ heo biết cứu người, đến người chết rồi mà còn hiện thành heo để báo oán, trừ họa cho dân lành. Đúng là:

Heo cũng biết đền ơn báo oán,

Heo cũng biết tiêu họa trừ tai. (LSTC)

Heo với nơi-chôn-nhau

Người Việt chúng ta có truyền thống gắn bó với quê hương, *nơi chôn nhau cắt rốn* của mình. Nhưng ở thời đại xã hội chủ nghĩa thì nơi-chôn-nhau không còn là mảnh đất mình sinh ra nữa.

Chẳng là ở Sài Gòn xưa có bệnh viện phụ sản Từ Dũ, mà có thời “đỉnh cao trí tuệ” lại gọi là xưởng đẻ. Xưởng đẻ này hợp đồng với một trại chăn nuôi quốc doanh, chuyên nuôi lợn, để cung cấp thực phẩm cho heo. Thời trước 1975, chuyện một bệnh viện cung cấp cơm thừa canh cặn cho trại chăn nuôi, hết xe lam này đến xe lam khác, là chuyện thường. Khốn nỗi, chuyện lại bắt đầu có từ thời còn kinh tế bao cấp, gạo thịt bán theo tem phiếu, người ta thường nghe trẻ con hát nhại miền đông đất đỏ là “tổ quốc ơi, ăn khoai mì ngán lắm...” thì làm gì

có com dư cơ chứ. Ấy thế mà hằng ngày trại nuôi heo vẫn mang về hàng tấn thực phẩm từ xương đẽ. Đây lại là một sáng kiến của “đỉnh cao trí tuệ”, họ khuyến khích phá thai, thai già thai non đều phá, để lấy các bào thai bị phá và cả các nhau của trẻ sơ sinh đem cung cấp cho trại heo, khiến nơi-chôn-nhau của nhiều người lại là cái bụng con lợn.

Một bà làm trong trại nuôi lợn đó kể lại, có lần bà đảo vạc thức ăn cho heo, bà thấy một cái đầu trẻ con to bằng cái gáo dừa, tóc lơ thơ mềm mại, mắt lờ đờ đen đục, trồi lên hụp xuống trong vạc cám heo theo độ sôi của lửa. Bà bỏ việc, về ôm rưng tóc đầu mấy tháng giời. Từ đó thấy thịt heo, bà còn rùng mình ghê rợn, không dám ăn một miếng thịt heo nào nữa. Đến nay báo chí vẫn còn đăng, Việt Nam là nước có tỷ lệ phá thai cao nhất vùng, hằng năm có đến ba triệu bào thai bị hủy bỏ làm thức ăn nuôi lợn:

Cám heo nấu lẫn thai nhi,

Xưởng để cung cấp, sá chi nhân quyền !!!

Một chế độ tàn bạo, vi phạm nhân quyền như vậy, đáng phải nguyên rủa là chế độ con heo, như Lã Hậu xưa cắt tai xẻo mũi thú phi Thích Cơ, rồi ném vào chuồng heo và bắt mọi người gọi nàng là con lợn.

Thịt lợn trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tại Hà Nội, dân lao động nghèo đói cả năm không được ăn miếng thịt lợn, thêm thịt lợn quá mà bố con xung khắc. Ngày 24/2/2009, toà án ở Hà Nội xử một người đàn ông giết bố đẻ. Theo bản tin VietnamNet “bị cáo Nguyễn Văn Cường (33 tuổi, ở Mê Linh, Hà Nội) sang nhà bố mình, thấy bố có miếng thịt lợn và ít đậu phụ nên định cầm về. Ông bố không đồng ý đã cự lại khiến hai bố con bắt đầu cãi cọ. Bực tức, Cường bỏ đi uống rượu, rồi sau đó đi tìm bố để gây sự. Thấy bố đang cầm gậy gầy rom ở sân, Cường xông vào giằng gậy đánh nhưng không trúng. Bị tấn công, bố Cường bỏ chạy, còn Cường đuổi theo và dùng

gạch ném liên tiếp vào đầu bố mình. Ông Trọng được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện nhưng đã tử vong một ngày sau đó.”

Sau hơn ba mươi bốn năm hoà bình, “cả nước tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”(!!!), mà dân cả nước vẫn chưa được ăn no mặc ấm, đến nỗi vì một miếng thịt lợn mà con giết bố. Thế mà lãnh đạo cộng sản vẫn cứ dối trá mị dân rằng “chủ nghĩa xã hội ưu việt hơn tư bản gấp vạn lần”. Họ có biết đâu dân sống trong chế độ tư bản lại sợ không dám ăn thịt heo để ngừa bệnh mập phì, cao mỡ trong máu, dễ bị tai biến mạch máu:

*Nơi lây lất sống thềm thịt lợn,
Chỗ sợ lên cân cũ thăn heo.*

Lợn kêu ngày

Tết con lợn mà “nói toạc móng heo” ra như thế sợ làm phỉen quý vị. Để lấy lại niềm vui trong ngày đầu năm, chúng tôi nêu mấy câu thành ngữ mà người xưa đã dùng con heo để nói lên phương châm xử thế.

Về chăn nuôi heo, tiền nhân đã để lại cho chúng ta nhiều kinh nghiệm:

- *Giàu lợn nái, lụn bại gà con.*
- *Lợi nuôi lợn cái, hại nuôi bò trâu.*
- *Lợn đói cả năm không bằng tầm đói một bữa.*

Rồi cách cư xử trong đời sống hằng ngày, cũng có những câu như:

- *Nuôi heo lấy mỡ, nuôi đầy tớ đỡ chân tay.*
- *Mượn đầu heo nấu cháo.*
- *Cám treo heo nhịn đói.*
- *Vì đầu heo gánh gộc chuối.*
- *Lợn chuồng chái, gái cửa buồng.*

Heo cũng được văn chương bình dân nhìn theo con mắt của nhà tướng số:

- *Trông mặt mà bắt hình dong,
Con lợn có béo thì lòng mới ngon.*

- *Mười đồ xưa thạo thiên heo,
Lên làm tổng hoạn dân nghèo nát khu.*

Và lợn còn được Trạng Trình dùng trong sách ký đoán tương lai hậu vận:

- *Lợn kêu tình thế lâm nguy,
Quý vương chết giữa đường đi trên trời.*

Sát thân thành nhân

Trong Lục súc tranh công, sau khi sáu con vật tranh nhau khoe tài, chủ ra phân giải, thì “Heo được câu sát thân thành nhân”, con lợn hoàn thành nhiệm vụ giúp chủ, chỉ khi heo bị mổ thịt dùng làm thực phẩm.

Chuyện ngụ ngôn La Fontaine, bản Việt ngữ của học giả Nguyễn Văn Vĩnh, chúng tôi mạn phép trích kể:

Một chủ trại chở gia súc đi chợ bán, trong xe có:

*Con dê, con cừu, con lợn béo,
Cùng một xe đương kéo qua đường...*

Riêng con lợn biết mình phải đem bán cho lò mổ heo, nên lớn tiếng la ồm tồm than thân trách phận:

*Lợn ý ếc một khi ồm tồm
Ngõ trăm dao nó đuổi theo sau.*

Dê, cừu nhức óc vì tiếng lợn than, mới hạch sách:

*Hỏi có chi mà la thế vậy,
Thử im mồm nằm đấy xem sao?*

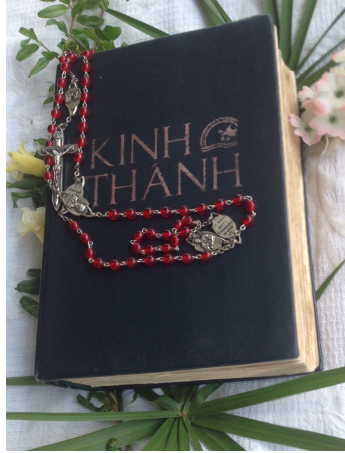
Thấy mấy con vật cãi lợn, chủ lên tiếng “*mắng heo vô cớ kêu gào điếc tai*”, làm heo phải phân bì với dê, với cừu:

*Hai thằng này ngờ có khi.
Gọt lông và sữa vắt đi là cùng,
Có lẽ thế là xong phận họ.
Còn tôi đây thân nợ đã đành:
Chỉ đem nường chả, nấu canh,
Sống mà cái chết vẫn dành một bên.
Cho nên phải khóc rên rầm-rĩ.*

Nghe heo trả lời, ông chủ cũng dăm chiêu suy nghĩ, nhưng vẫn coi đó là chuyện thường tình:

*Ngẫm Heo ta thâm-thúy lạ đường,
Nhưng mà dẫu thét cùng đường.
Chết đành vẫn chết ai thương đâu mà,
Biết cam thân phận mới là.*

Năm Hợi lại đến, con lợn vẫn cứ kêu: “*Chết đành vẫn chết ai thương đâu mà*”. Chỉ khi nào lũ quý đồ mất hết quyền lực, để những nhân tài yêu nước thương dân xuất chính, dân ta mới thấy được cảnh “*con lợn ỉn ỉn ăn no lại nằm*”. Đó là lời cầu chúc, là ước vọng của đồng bào toàn quốc trong ngày đầu năm Con Heo này. Kính chúc quý vị một Tết Nguyên Đán vui vẻ, và năm mới được Chúa ban ơn theo ý nguyện.[]



*Kinh Thánh, Tràng hạt Văn Côi,
Chính đường đưa dẫn chúng tôi về Trời.*

TỔNG KẾT



THỜI GIAN VÀ CUỘC SỐNG

*Hãy ký thác đường đời cho Chúa,
Tin tưởng vào Người, Người sẽ ra tay.*
(Tv 37, 5).

Cám ơn Quý độc giả đã chọn đọc *Năm ta và Kinh Thánh*.
Để kết, chúng tôi xin được suy niệm về *Thời Gian và Cuộc Sống*.

Vũ trụ xoay vần. Nhờ ảnh hưởng của mặt trời, mặt trăng mà con người biết có ngày có đêm. Qua thời gian, dần dần con người nhận ra lúc nắng lúc mưa, khi nóng khi lạnh, có kỳ cây cỏ đơm bông kết trái, có đạo cây cối lại trút lá trơ cành... Những hiện tượng thiên nhiên ấy đều xuất hiện theo một chu kỳ nhất định, biểu hiện bốn mùa trên trái đất, khiến con người nhận ra tứ thời bát tiết... Người ta đã ghi chép và tổng hợp những nhận thức đó để làm ra lịch, nhờ đó dự đoán được những đổi thay về khí hậu, về mùa màng...

Nói đến lịch, tại Việt Nam cho đến đầu thế kỷ thứ 20, vẫn còn tính ngày tháng theo lịch ta (âm lịch). Những ngày trong tháng lịch ta cũng có tên: mười ngày đầu tháng có chữ “mồng” đứng trước: “*Ba chục cùng ở một lòng, Một chục có mồng, hai chục thì không*”. Ngày đầu tiên trong tháng là “mồng một”, ngày thứ 14 gọi là “mười tư”, ngày thứ 15 được gọi “rằm”, từ

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

ngày thứ 21 trở đi dùng chữ “hăm” thay cho hai mươi, như 21 là “hăm một”... Mười hai tháng cũng có một số tháng được gọi không theo thứ tự số đếm: tháng đầu tiên là tháng “giêng”, tháng thứ bốn là “tháng tư”, tháng thứ 11 là tháng “một”, tháng thứ 12 là tháng “chạp”. Thứ tự các năm tính theo mười hai con giáp, chứ không theo số đếm.

Âm lịch được thông dụng trong dân gian, dùng để biết mùa canh tác sao cho đúng thời vụ, để tính các ngày sinh, ngày tử, ngày giỗ kỵ, ngày lễ tết, ghi trên các giấy tờ hộ tịch, v.v..., còn về hành chánh, về lịch sử... thì tính năm theo các triều đại của nhà vua, như năm Nguyên Hoà nguyên niên có dương nhân đến Giao Thủy giảng đạo, hay chiếu chỉ cấm đạo đầu tiên của triều Nguyễn là năm Minh Mạng thập tam niên. Ngày xưa, năm dương lịch không được dùng trong hành chánh, nên các cổ đạo viết truyện các thánh tử vì đạo, khi dùng năm dương lịch (lịch tây) thường phải dài dòng nói rõ:

“Từ Đức Chúa Giêsu ra đời cho đến ông thánh này được phúc tử vì đạo là 1798 năm, ngày hai mươi tám tháng October.”
(Trích truyện ông thánh Đạt thầy cả tử vì đạo, trong Sách Truyện Các Thánh, tháng October. Imprimerie de Nazareth – Hong-kong, 1930, trang 154. Cha Joseph Maria (Bigolet) Kinh viết tại Kẻ Sờ, ngày mồng 1, tháng Novembre).

Cách tính thời gian của tổ tiên chúng ta trước kia, một cách khái quát, là như vậy. Muốn cho thế hệ sau biết đôi nét về sinh hoạt của tiền nhân, chúng tôi đã tìm tòi để công hiến quý vị những chuyện về 12 con giáp. Những bài này chúng tôi cũng đã đăng trên một số nguyệt san, hay đặc san các dịp Tết Nguyên Đán, hoặc phát thanh trên làn sóng của vài đài phát thanh địa phương. Nay chúng tôi thu tập và sửa lại cho thêm hoàn chỉnh, như một kỷ niệm tèo teo giúp thế hệ trẻ sau biết thêm chút xíu về văn hoá Việt Nam khi tìm về nguồn cội.

Tuy các nước trên thế giới đã cùng dùng chung một loại lịch, được gọi là công lịch hay lịch Grégoriô, nhưng vẫn còn nhiều nơi vẫn dùng lịch riêng, như các nước Á châu có âm lịch,

lich Do Thái, các nước Hồi giáo cũng dùng lịch riêng cho tôn giáo, rồi Phật lịch dành cho các Phật tử... Và lại, người ta cũng chưa thoả mãn với cách tính của công lịch hiện hành, nên có những dự tính sẽ có một loại lịch hoàn hảo hơn. Chính vì thế mà Hội thánh công giáo qua Công đồng chung Vatican II đã có ý kiến về việc tu chính niên lịch, Thánh Công đồng Vaticano II tuyên bố:

“Thánh Công Đồng không phản đối những dự định nhằm thiết lập một niên lịch vĩnh viễn cho xã hội dân sự.

Tuy nhiên, trong các hệ thống để lập một niên lịch vĩnh viễn và đem áp dụng cho một xã hội dân sự, Hội thánh chỉ không phản đối những hệ thống nào còn nắm giữ và bảo vệ tuần lễ 7 ngày với ngày Chủ nhật, không thêm một ngày nào khác ngoài tuần, để sự kế tiếp các tuần lễ được nguyên vẹn, đừng kể khi có những lý do rất quan trọng mà Toà thánh sẽ phán quyết.” (Phụ lục của Hiến chế về Phụng Vụ, Sacrosantum Concilium, trong Công Đồng Vatican II, *Senatus Sægòn xuất bản*).

Lịch đã hoà vào sinh hoạt đời sống con người trong mọi lãnh vực. Triều đại của vua chúa, dù loạn lạc hay an bình thịnh trị cũng chỉ xảy ra trong một thời gian lịch sử... Một phạm nhân bị tuyên án tù giam, thì thời gian “ngồi bóc lịch” rồi cũng qua đi. Con đường đời mỗi người từ lúc oa oa tiếng khóc đầu tiên đến khi xuôi tay nhắm mắt lần cuối, ai cũng có được thời gian để vượt qua. Có người được “đẻ trong bọc điều” nơi lầu son gác tía, có kẻ vừa chào đời đã trần truồng trên ổ rom, hay trong nắm lá chuối khô nơi lò gạch hoang phế... nhưng ai cũng được hưởng thời gian lịch sử của chính mình để sống trọn cuộc đời. Cho dù tính năm theo số thứ tự, hay bấm đốt tay tính tuổi theo Tý, Sửu, Dần, Mão... Muốn có được cuộc đời bằng an phẳng lặng, Kinh Thánh đã hướng dẫn: *Hãy ký thác đường đời cho Chúa, tin tưởng vào Người, Người sẽ ra tay* (Tv 37, 5).

Chúng ta phó thác đường đời cho Chúa vì Thiên Chúa là chủ thể của thời gian, Người là Đấng hằng hữu cai quản cả thời

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020

gian vĩnh cửu và thời gian lịch sử, hướng chúng về một đích điểm chung cuối cùng. Thánh Kinh đã xác tín Thiên Chúa “*đã có trước vô cùng, và bây giờ, và hằng có, và đời đời chẳng cùng*”. Người đã thiết lập thời gian vĩnh cửu và “*dựng nên trời đất muôn vật*” theo ý định của Người, cho con người sống trong đó để làm nên thời gian lịch sử của mình. Thánh vịnh 102 đã thú nhận đời sống con người chóng qua như cỏ, còn Chúa là Đấng vĩnh cửu: “*Ngày đời tôi như bóng ngả chiều tà, tôi héo khô như cỏ ngoài đồng. Nhưng Người, lạy Giavê, Người sẽ ngự trị mãi mãi, Danh Người còn đến đời đời*”, (Tv 102, 12-13).

Chính Người phán trong Sách Khải Huyền: ***Ta là Alpha và Ômêga, là Đầu và Cuối, là Khởi Nguyên và Tận Cùng.***

(Kh 22,13). []



Salve Regina. Mater Misericordiae

KÍNH CÁO

Chúng tôi chân thành ghi ơn các vị Dịch giả Thánh Kinh chúng tôi đã mạn phép trích dẫn.

Kính thưa Quý độc giả, mặc dầu chúng tôi đã dùng nhiều bản dịch Việt ngữ Sách Kinh Thánh của các dịch giả khác nhau, nhưng chúng tôi chỉ ghi theo ký hiệu như *các Sách Kinh Thánh của nhóm Phụng vụ các Giờ Kinh*.

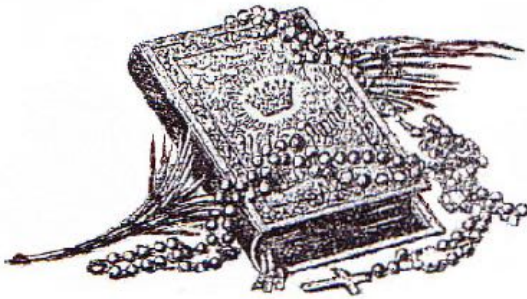
Sách Thánh có nói đến con giáp chúng tôi đã trích dẫn:
(xếp theo vần)

Ac	Ai ca.	Hc	Huấn ca.
Am	A-mốt.	Hs	Hô-sê.
Br	Ba-rúc.	Is	I-sai-a.
Cn	Châm ngôn.	Kb	Kha-ba-cúc.
2Cr	2 Cô-rin-tô	Kg	Khác-gai.
Cv	Công vụ Tông đồ.	Kh	Khải huyền.
Dc	Diễm ca.	Lc	Lu-ca.
Dcr	Da-ca-ri-a.	Lv	Lê-vi.
Ds	Dân số.	Mc	Mac-cô.
Đn	Đa-ni-en.	2Mcb	Mê-ca-bê 2.
Đnl	Đệ-nhị-luật.	Mk	Mi-kha.
Ed	Ê-dê-ki-en.	Mt	Mát-thêu.
Er	Ét-ra.	Nk	Na-khum.
Et	Ét-te.	2Pr	2 Phê-rô.
G	Gióp.	2Sb	Sứ biên niên 2.
Gc	Gia-cô-bê.	1Sm	Sa-mu-en 1.
Gđt	Giu-đi-tha.	St	Sáng thế.
Gn	Giô-na.	Tl	Thủ lãnh.
Gr	Giê-rê-mi-a.	1Tm	Ti-mô-thê.
		Tv	Thánh vịnh.

Xin kính cáo đề quý vị muốn tra lại những câu Kinh Thánh chúng tôi đã trích dẫn, khỏi hiểu lầm.

Hoàng ĐứcTrinh

thuvienconggiaovietnam.net 03.2020



*Tràng hạt cùng với Thánh Kinh,
Đã đưa ta tới Thiên Đình mai sau.*

Kính mời Quý Độc giả
tìm đọc **Bộ Sách Vạn Tuế**
cùng một soạn giả:

***BA NGÀNH VẠN TUẾ** (in ronéo)

Ba Hiền Thánh và hơn 20 Hiền phúc
xứ Kẻ Bái Bồ Ngọc.

***VƯỜN VẠN TUẾ THÁI BÌNH**

19 Hiền Thánh và hơn 510 vị Hiền Phúc
thuộc Giáo phận Thái Bình.

***NGÁT HƯƠNG NƯƠNG VẠN TUẾ**

Các vị Nữ Tử Đạo Việt Nam.

***RỪNG VẠN TUẾ ĐỊA PHẬN DÒNG**

1.288 vị Hiền Thánh và Hiền phúc
thuộc “Địa phận Dòng” (sẽ in).



Địa chỉ liên lạc:

HOÀNG ĐỨC TRINH
2020 Shepherds Glen Ln.
Arlington, TX. 76010.

ĐT: (817) 460-5185

<trichihoang@yahoo.com>



Kính mời Quý Độc giả tìm đọc Bộ Sách Vạn Tuế cùng một soạn giả:

Hoàng Đức Trinh

NGÁT HƯƠNG NƯƠNG VẠN TUẾ

Các vị Nữ Tử Đạo Việt Nam.

BA NGÀNH VẠN TUẾ

Ba Hiền Thánh và hơn 20 Hiền phúc
xứ Kẻ Bái Bồ Ngọc

RỪNG VẠN TUẾ ĐỊA PHẬN DÒNG

1.288 vị Hiền Thánh và Hiền phúc
thuộc “Địa phận Dòng.”

VƯỜN VẠN TUẾ THÁI BÌNH

19 Hiền Thánh và hơn 510 vị Hiền Phúc
thuộc Giáo phận Thái Bình.



Địa chỉ liên lạc:

HOÀNG ĐỨC TRINH

2020 Shepherds Glen Ln.

Arlington, TX. 76010.

Tel. 817-368-2540

<trichihoang@yahoo.com>



Tả Sách
Họ Hoàng Bồ Ngọc
© 2020